

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN NHƯ HIỀN

XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội, 2026

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN NHƯ HIỀN

XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

Mã số: 9380103

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN THỊ THU HÀ

Hà Nội, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những phân tích và kết quả nêu trong luận án chưa được từng ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Như Hiền

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, nghiên cứu sinh xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và trân trọng nhất đến PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà - giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ dẫn nghiên cứu sinh trong suốt quá trình thực hiện Luận án. Sự chỉ bảo tận tình, chu đáo của Cô đã giúp Nghiên cứu sinh vượt qua những khó khăn, thử thách và hoàn thành Luận án một cách tốt nhất.

Nghiên cứu sinh cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến lãnh đạo, giảng viên, nhân viên Khoa Pháp luật Dân sự, Khoa Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Luật Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho Nghiên cứu sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện Luận án. Ngoài ra, Nghiên cứu sinh cũng xin gửi lời cảm ơn các cơ quan, ban ngành hữu quan đã tạo điều kiện cho Nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu, thu thập thông tin.

Ngoài ra, Nghiên cứu sinh không thể không kể đến sự động viên, ủng hộ của gia đình, người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn sát cánh bên Nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Cuối cùng, Nghiên cứu sinh xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô trong Hội đồng đã có những đánh giá, góp ý quý báu giúp Nghiên cứu sinh hoàn thiện Luận án. Nghiên cứu sinh biết rằng, Luận án của Nghiên cứu sinh còn có những hạn chế, thiếu sót. Nghiên cứu sinh rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp để Luận án được hoàn thiện hơn.

Tác giả luận án

Nguyễn Như Hiền

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTDS năm 2015	: Bộ luật TTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)
HĐXX	: Hội đồng xét xử
NCS	: Nghiên cứu sinh
Nghị quyết số 27-NQ/TW	: Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TTDS	: Tổ tụng dân sự
VADS	: Vụ án dân sự
VKS	: Viện kiểm sát

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	10
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ	
ÁN DÂN SỰ	40
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	40
1.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	40
<i>1.1.2. Đặc điểm của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự</i>	<i>52</i>
<i>1.1.3. Ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.....</i>	<i>59</i>
1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án	
dân sự	65
1.3. Nội dung điều chỉnh của pháp luật dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án dân	
sự.....	73
<i>1.3.1. Phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.....</i>	<i>73</i>
<i>1.3.2. Phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự.....</i>	<i>78</i>
<i>1.3.3. Quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự</i>	<i>94</i>
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	99
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM	
VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN	
.....	100
2.1. Thực trạng pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam từ phạm vi xét xử vụ án	
dân sự và thực tiễn thực hiện	100
<i>2.2. Thực trạng pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam về phiên toà phúc thẩm vụ án</i>	
<i>dân sự và thực tiễn thực hiện</i>	<i>105</i>
<i>2.2.1. Thực trạng pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam về những quy định chung về</i>	
<i>phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện.....</i>	<i>105</i>
2.2.2. Thực trạng pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam về thủ tục tiến hành	
phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện	112

2.2.3. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên toà phúc thẩm trực tuyến và thực tiễn thực hiện	139
2.3. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện.....	146
2.3.1. Quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm.....	146
2.3.2. Quyền sửa bản án sơ thẩm.....	147
2.3.3. Quyền huỷ bản án sơ thẩm, huỷ một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.....	150
2.3.4. Quyền huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án	151
2.3.5. Quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm	152
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	167
CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ	168
3.1. Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	168
3.1.1. Phải đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới	168
3.1.2. Đảm bảo khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ.....	173
3.1.3. Đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	175
3.1.4. Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.....	176
3.1.5. Đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam.....	177
3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	179
3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	179

3.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án dân sự	181
3.2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt nam về quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.....	194
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	198
KẾT LUẬN	199
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xã hội phát triển thì quyền dân sự của các chủ thể luôn đứng trước khả năng bị xâm hại hoặc bị phủ nhận. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình các chủ thể sẽ thực hiện các quyền để bảo vệ lợi ích của mình bằng cách tự mình hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện các phương thức bảo vệ quyền dân sự như yêu cầu người có hành vi chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, yêu cầu bồi thường thiệt hại... Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của chủ thể có quyền, đồng thời nhằm bảo đảm trật tự, ổn định xã hội, Nhà nước phải cung cấp cho chủ thể quyền một phương cách, một phương tiện hợp pháp để quyền lợi của họ được công nhận, bảo vệ và để giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, văn minh, phương tiện đó chính là tố quyền. Và khi chủ thể có quyền và lợi ích bị xâm phạm yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, một tiến trình tố tụng, một tiến trình tại Tòa án được khởi động, đó chính là tố tụng dân sự¹(TTDS).

Khi Tòa án giải quyết vụ án dân sự (VADS) theo thủ tục TTDS thì mặc dù bản án, quyết định sơ thẩm dựa trên chứng cứ, căn cứ pháp lý, lập luận nhưng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có thể có sai lầm trong giải quyết vụ án, cần phải để cho Tòa án cấp trên với những Thẩm phán có kinh nghiệm xét xử lại vụ án, sửa chữa sai lầm². Đó là xét xử phúc thẩm VADS. Việc xét xử phúc thẩm VADS làm tăng thêm ý thức trách nhiệm cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và họ sẽ cẩn thận hơn trong việc giải quyết vụ án vì bản án, quyết định sơ thẩm của họ có nguy cơ bị Tòa án cấp trên sửa, huỷ để xét xử lại hoặc huỷ bản án quyết định chưa có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án. Đồng thời, việc xét xử phúc thẩm VADS còn tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện tốt quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án.

¹ Nguyễn Bích Thảo (2022), *Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 24, 25.

² Nguyễn Công Bình (1999), *Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*, Tạp chí Luật học, số 3, tr.4.

Xét xử phúc thẩm VADS được quy định trong văn bản pháp luật ngay từ khi Nhà nước ta mới được thành lập và ngày càng hoàn thiện. Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) năm 2015 mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 nhưng các quy định về xét xử phúc thẩm VADS vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, có nhiều quy định chưa rõ ràng như quyền hạn của HĐXX phúc thẩm; quy định về tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm VADS chưa thực sự phát huy quyền tranh tụng của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; quy định về thay đổi, bổ sung rút kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà phúc thẩm vẫn còn có những cách hiểu khác nhau; quy định về rút đơn khởi kiện, thoả thuận của đương sự tại phiên toà phúc thẩm VADS còn mâu thuẫn với phạm vi xét xử phúc thẩm; phát biểu của VKS tại phiên toà phúc thẩm; cung cấp, thu thập, xem xét, đánh giá chứng cứ mới tại Toà án cấp phúc thẩm vẫn còn có những quan điểm khác nhau, vẫn chưa có những quy định đầy đủ, rõ ràng về xét xử phúc thẩm trực tuyến VADS...

Bên cạnh đó, thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS cho thấy, xét xử phúc thẩm vẫn còn có những sai sót và bị khiếu nại đề yêu cầu xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Theo đó, *“số lượng các loại vụ việc và đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà các Tòa án phải thụ lý, giải quyết ngày càng tăng, với tính chất ngày càng đa dạng, phức tạp”*³. Cụ thể, năm 2021, số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm của Toà án nhân dân tối cao (TANDTC) và Toà án nhân dân (TAND) cấp cao là 11.817 đơn/vụ⁴; Năm 2022 số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm của TANDTC và TAND cấp cao là 10.961 đơn/vụ⁵; Năm 2023, số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm của TANDTC và

³ TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án, Hà Nội*, tr. 20, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

⁴ TANDTC (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các Tòa án, Hà Nội*, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND199131>, truy cập ngày 2/12/2024.

⁵ TANDTC (2023), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Tòa án, Hà Nội*, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tdkt/chitietthongbao?dDocName=TAND284233>, truy cập ngày 2/12/2024.

TAND cấp cao là 11.552 đơn/vụ⁶. Năm 2024, số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm của TANDTC và TAND cấp cao 12.860 đơn/vụ⁷. Năm 2025, số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm của TANDTC, TAND cấp cao (trước ngày 1/7/2025) và TAND cấp tỉnh (từ ngày 1/7/2025 đến 30/9/2025) là 17.087 đơn/vụ⁸. 6 tháng đầu năm 2026, số lượng đơn giám đốc thẩm, tái thẩm của Toà án là 11.111 đơn/vụ⁹. Hơn nữa, bản án, quyết định phúc thẩm vẫn bị Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm hủy, sửa. Theo báo cáo tổng kết của TANDTC, năm 2022, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,61% (do nguyên nhân chủ quan 0,4%); bị sửa là 1,2% (do nguyên nhân chủ quan 0,5%)¹⁰. Năm 2023, Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,59% (do nguyên nhân chủ quan 0,36%); bị sửa là 1,41% (do nguyên nhân chủ quan 0,52%)¹¹. Năm 2024, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,6% (do nguyên nhân chủ quan 0,32%); bị sửa là 1,41% (do nguyên nhân chủ quan 0,38%)¹². 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,24% (do nguyên nhân chủ quan là 0,14%); bị sửa là 3,14% (do nguyên nhân chủ quan là 0,13%)¹³. Có thể thấy, điểm nghẽn trong các quy định của pháp luật cùng với vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS đòi hỏi phải hoàn thiện pháp luật TTDS về vấn đề này.

⁶ TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Toà án, Hà Nội*, tr. 9, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=UCMServer/TAND319504>, truy cập ngày 2/12/2024.

⁷ TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025 của các Toà án, Hà Nội*, tr. 10, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

⁸ TANDTC (2025), *Tổng kết công tác năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của ngành Toà án*, nguồn: <https://congty.vn/tong-ket-cong-tac-nam-2025-va-phuong-huong-nhiem-vu-trong-tam-nam-2026-cua-nganh-toa-an-502487.html>, truy cập ngày 28/12/2025.

⁹ TANDTC (2026), *Báo cáo công tác của các Toà án trong 06 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới*, Hà Nội, tr. 6.

¹⁰ TANDTC (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Toà án* <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND284233>, truy cập ngày 25/06/2024.

¹¹ TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các TAND*, Hà Nội, tr. 5.

¹² TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025 của các Toà án, Hà Nội*, tr. 10, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

¹³ TANDTC (2026), *Báo cáo công tác của các Toà án trong 06 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới*, Hà Nội, tr. 2.

Ngoài ra, nhiệm vụ được Bộ chính trị đặt ra trong Nghị quyết 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới là: *“Xây dựng chế định tổ tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tổ tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”*¹⁴. Sau đó, Nghị quyết 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045: *“Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội để đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao...”; “Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội, quản trị quốc gia hiện đại với bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045...”*¹⁵. Điều này đòi hỏi, các quy định của pháp luật TTDS về xét xử VADS nói chung và xét xử phúc thẩm VADS nói riêng cần được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu đặt ra trong các Nghị quyết của Bộ chính trị.

Định hướng chiến lược phát triển đất nước đòi hỏi cần rà soát tất cả các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS nói riêng đã

¹⁴ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-27-NQ-TW-2022-tiep-tuc-xay-dung-Nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-giai-doan-moi-541092.aspx>, truy cập ngày 2/12/2024.

¹⁵ Ban chấp hành Trung Ương Đảng (2025), *Nghị quyết 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, tr. 2.

thực sự vì con người, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân chưa? Đã đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra trong thời đại mới chưa? Việc xét xử phúc thẩm VADS đã ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Nếu thực sự sự các quy định về pháp luật xét xử phúc thẩm VADS vẫn còn những “điểm nghẽn” dẫn đến bản án, quyết định phúc thẩm chưa khách quan, chưa đúng pháp luật, chưa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, chưa phù hợp với pháp luật tiên bộ thế giới thì cần được sửa đổi, bổ sung.

Trước bối cảnh này, việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS là một đòi hỏi cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, NCS đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “**xét xử phúc thẩm vụ án dân sự**” làm luận án tiến sĩ. NCS nghiên cứu chuyên sâu cả về lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS để từ đó đưa ra các giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

* **Mục đích nghiên cứu đề tài:** Luận án luận giải sâu sắc hơn những vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS làm nền tảng cho việc đánh giá pháp luật thực định và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS dựa trên các lý thuyết, học thuyết và nội dung điều chỉnh của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các yêu cầu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

* **Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài:** Trên cơ sở mục đích nghiên cứu đề tài, luận án thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS như khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của xét xử phúc thẩm VADS, cơ sở khoa học bao gồm các lý thuyết học thuyết về xét xử phúc thẩm VADS, xác định được nội dung của pháp luật điều chỉnh về xét xử phúc thẩm VADS.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, chỉ ra các tồn tại, hạn chế trong các quy định này về xét xử phúc thẩm VADS;

- Phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, chỉ ra các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện và những nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập đó.

- Làm rõ các yêu cầu và đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật TTDS xét xử phúc thẩm VADS.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận, các lý thuyết, học thuyết về xét xử phúc thẩm VADS; thực trạng pháp luật TTDS Việt Nam và thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS trong những năm gần đây.

Về các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam, Luận án tập trung nghiên cứu các quy định của BLTTDS năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2024) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành BLTTDS.

Ngoài ra, luận án nghiên cứu các quy định của pháp luật TTDS của một số quốc gia trên thế giới về xét xử phúc thẩm VADS. Đó là, quy định của một số quốc gia đại diện cho các nước thuộc hệ thống pháp luật thông luật (common law) như Anh, Hoa Kỳ; pháp luật TTDS của một số quốc gia đại diện cho các nước thuộc hệ thống pháp luật Dân sự (civil law) như Pháp, Đức. Bên cạnh đó Luận án cũng có nghiên cứu pháp luật TTDS của một số quốc gia khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên Bang Nga, Trung Quốc... để có sự đối sánh với pháp luật Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS. Trên cơ sở kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới rút ra bài học cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

Phạm vi nghiên cứu: Xét xử phúc thẩm VADS là vấn đề lớn, được hiểu trên nhiều phương diện khác nhau và có nhiều nội hàm khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Do đó, để đảm bảo giá trị khoa học pháp lý phù hợp với phạm vi nghiên cứu, Luận án chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Về nội dung: xét xử phúc thẩm VADS gồm rất nhiều các nội dung như: các công việc được thực hiện sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm VADS; phạm vi xét xử phúc thẩm VADS; phiên toà phúc thẩm VADS; quyền hạn

của HĐXX phúc thẩm VADS; bản án, quyết định phúc thẩm VADS. Tuy nhiên, trong phạm vi của luận án, NCS tập trung nghiên cứu các nội dung sau: *phạm vi xét xử phúc thẩm VADS; phiên toà phúc thẩm VADS; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS*. Hơn nữa, các vấn đề phạm vi xét xử phúc thẩm VADS; phiên toà phúc thẩm VADS; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS cũng chỉ nghiên cứu đối với các VADS được giải quyết theo thủ tục thông thường.

- Về không gian: Luận án nghiên cứu xét xử phúc thẩm VADS trên lãnh thổ Việt Nam, có tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới.

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu thực tiễn xét xử các VADS từ năm 2015 đến nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

* **Phương pháp luận:** Khi nghiên cứu về xét xử phúc thẩm VADS, luận án đã sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Đây là phương pháp được áp dụng xuyên suốt toàn bộ quá trình nghiên cứu của Luận án để đưa ra những nhận định, kết luận khoa học bảo đảm tính khách quan, trung thực.

*** Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp:* luận án sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để tìm hiểu và làm rõ các vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS. Phương pháp phân tích được sử dụng để tìm hiểu sâu sắc hơn nữa các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng về xét xử phúc thẩm VADS ở Việt Nam. Các luận điểm đưa ra từ việc phân tích đều dựa trên các lập luận, căn cứ pháp lý, tài liệu, số liệu, bảng biểu, biểu đồ, vụ việc cụ thể về xét xử phúc thẩm VADS. Đặc biệt, phương pháp phân tích luật viết được sử dụng phần lớn tại Chương 2 và Chương 3 của Luận án để hiểu rõ mục đích, giá trị đích thực của các quy định pháp luật hiện nay về xét xử phúc thẩm VADS, phát hiện ra những lỗ hổng, chưa được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh, để từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động này.

Phương pháp phân tích được sử dụng nhằm để tìm hiểu và làm rõ các quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử phúc thẩm VADS ở Việt Nam. Đối với phương pháp tổng hợp được sử dụng chủ yếu trong việc rút ra những nhận định, ý kiến đánh giá sau quá trình phân tích ở từng ý, từng tiểu mục, đặc biệt được sử dụng để kết luận các chương và kết luận chung của Luận án.

- *Phương pháp so sánh*: phương pháp này được sử dụng nhằm đối chiếu các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS hiện hành với quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS trong các giai đoạn trước đây; giữa quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS Việt Nam với quy định pháp luật xét xử phúc thẩm VADS của một số quốc gia trên thế giới nhằm rút ra các giá trị tiên bộ cần học hỏi kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật ở nước ta.

- *Phương pháp lịch sử cụ thể*: phương pháp này được sử dụng để làm rõ về quá trình hình thành và phát triển của pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

- *Phương pháp thống kê và vụ việc điển hình*: Luận án sử dụng phương pháp thống kê trong phần thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS để làm rõ những kết quả đạt được cũng như những vướng mắc, bất cập về xét xử phúc thẩm VADS ở Việt Nam hiện nay.

5. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Thứ nhất, luận án đã xây dựng được khái niệm khoa học về xét xử phúc thẩm VADS dưới các góc độ khác nhau. Các đặc điểm riêng biệt của phúc thẩm VADS được phân tích sâu sắc trên cơ sở so sánh với xét xử sơ thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự.

Thứ hai, luận án đã khái quát các học thuyết, lý thuyết làm cơ sở khoa học của xét xử phúc thẩm VADS, đó là: học thuyết tiếp cận công lý, lý thuyết về xét xử công bằng, học thuyết tự do ý chí. Trên cơ sở nghiên cứu các lý thuyết, luận cứ khoa học về xét xử phúc thẩm VADS cũng như thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS ở Việt Nam, luận án đã góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống lý luận khoa học về xét xử phúc thẩm VADS bao gồm phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm. Những vấn đề lý luận này là nền tảng để đánh giá thực trạng pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS cũng như làm định hướng cho việc kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

Thứ ba, Luận án phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS và thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS trong những năm gần đây. Từ đó, luận án đã chỉ rõ những tồn tại, hạn chế trong các quy định của pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS, những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS.

Thứ tư, luận án đã phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS bằng hình thức trực tuyến; kết quả tổ chức xét xử trực tuyến trong hệ thống TAND; những khó khăn trong thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS trực tuyến và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử trực tuyến VADS để đảm bảo yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng Tòa án điện tử trong những năm tới.

Thứ năm, luận án đã xác định được những yêu cầu hoàn thiện pháp luật và đưa ra được các kiến nghị hoàn thiện pháp luật cụ thể về xét xử phúc thẩm VADS. Các kiến nghị có tính khả thi cao trong nghiên cứu sửa đổi BLTTDS và có giá trị tham khảo để hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong thực tiễn xét xử./.

TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Khái quát một số công trình tiêu biểu liên quan đến đề tài xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

1.1. Các công trình tiêu biểu Việt Nam liên quan đến xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

1.1.1. Luận án, luận văn

- “*Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2011.

- Luận văn thạc sĩ luật học: “*Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án dân sự*”, của tác giả Nguyễn Ngọc Nam, Trường Đại học luật Hà Nội, năm 2015.

1.1.2. Giáo trình, sách tham khảo

- Sách chuyên khảo “*Luật dân sự tố tụng*”, của giáo sư Nguyễn Huy Đẩu, Xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Tư pháp, năm 1961.

- Giáo trình “*Luật TTDS Việt Nam - Nghiên cứu so sánh*”, của tác giả Tổng Công Cường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2007.

- Sách “*Thuật ngữ pháp lý phổ thông*”, Nhà xuất bản Pháp lý, năm 1978.

- Sách chuyên khảo “*Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong giải quyết VADS tại TAND*”, Nguyễn Thị Thu Hà (chủ biên), Nhà xuất bản Lao động, năm 2017.

- Giáo trình “*Luật TTDS ở Việt Nam*”, Học viện Tư pháp, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2014.

- Giáo trình “*Luật TTDS ở Việt Nam*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2023.

- Sách chuyên khảo “*Tiến tới xây dựng BLTTDS của thời kỳ đổi mới*” của tác giả Phan Hữu Thư, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2004.

- Sách chuyên khảo: “*Luật tư trước thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*” của các tác giả Ngô Huy Cương, Nguyễn Thị Quế Anh, Trần Kiên, Đỗ Giang Nam, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, năm 2023.

- Sách chuyên khảo: “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*” do TS Nguyễn Bích Thảo làm chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, năm 2022.

1.1.3. Bài viết tạp chí

- “*Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*”, của tác giả Nguyễn Công Bình đăng trên Tạp chí Luật học, số 3 năm 1999.

- “*Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo quy định của BLTTDS*”, của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9 năm 2010. - *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa dân sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phien-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/12/2022 của tác giả Nguyễn Tất Duẩn năm 2022.

- *Nguyên tắc hai cấp xét xử, tác động của nguyên tắc tới hệ thống tòa án và góp ý quy định tương ứng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992*, của tác giả Tô Văn Hoà, Tạp chí Luật học, năm 2013.

- *Thực hiện chế độ hai cấp xét xử - cơ chế bảo vệ quyền con người trong TTDS*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 04 của tác giả Nguyễn Quang Hiền năm 2010.

- *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7 của tác giả Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang năm 2020.

- *Phạm vi xét xử phúc thẩm VADS và thực tiễn xét xử tại Tòa án*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-va-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-an6551.html>, truy cập 10/12/2022 của tác giả Hà Hoa Kỳ Toàn và Thái Thị Hoa Kỳ năm 2022..

- *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa dân sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phien-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/12/2022 của tác giả Nguyễn Tất Duẩn năm 2022.

- *Bàn về quyền của bị đơn đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn*, Tạp chí TAND, số 13 của tác giả Phạm Thị Thuý năm 2017.

- "*Kinh nghiệm của một số quốc gia về tổ chức phiên tòa trực tuyến*" của tác giả Thanh Tùng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-ve-to-chuc-phiien-toa-truc-tuyen5495.html>.

- "*Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử* https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYUwGKXpIplbFRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3 truy cập ngày 01/1/2026.

1.1.4. Kỹ yếu hội thảo

- Kỹ yếu Dự án VIE/95/017 - tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, "*Về pháp luật TTDS*", TANDTC, Hà Nội, năm 2000.

1.2. Các công trình tiêu biểu ở nước ngoài liên quan đến xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

- *The Structure and Role of Courts of Appeal in Civil Law Systems* (Cấu trúc và vai trò của Toà phúc thẩm trong hệ thống pháp luật dân sự) của Nina Nichols Pugh năm 1975.

- *The Fabric of English Civil Justice* (Cấu trúc tư pháp dân sự Anh Quốc), Steven & Son Press, của tác giả Jack LH. Jacob năm 1987.

- *On Civil Procedure* (Về Luật TTDS), Cambridge University Press, của tác giả JA Jolowice năm 2000.

- *Civil Appeal Procedures Worldwide* (Thủ tục phúc thẩm dân sự trên thế giới), Graham & Trotman Press, do Charles Platto chủ biên năm 1992.

- *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Hoa Kỳ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia của tác giả Alan.B Morrison năm 2007.

- "*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*", NXB Hồng Đức của Jay M. Feinman năm 2014.

- *Civil litigation in comparative context* (Thủ tục TTDS so sánh), West Academic Publishing, của các tác giả Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, năm 2017

- *The right to Appeal* (Quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm), Case Western University School of Law, cassandra.robertson@case.edu, của tác giả Cassandra Burke Robertson, năm 2013.

- *The Civil Law Tradition (Truyền thống pháp luật dân sự)*, Stanford University Press, Stanford, California, của John Henry Merryman & Rogelio Perez - Perdomo, tái bản lần thứ 4, năm 2018.

- “Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России”, Учебник, Москва (Luật TTDS của Nga) của các tác giả А.а. Мохов, И.В. Воронцова, С.Ю. Семенова, năm 2017.

2. Đánh giá kết quả nghiên cứu

2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến lý luận về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

2.1.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Về khái niệm xét xử phúc thẩm VADS, trong quá trình nghiên cứu, NCS thấy rằng đa phần các công trình khoa học chỉ tập trung nghiên cứu về khái niệm phúc thẩm VADS, khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, rất ít những công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống về xét xử phúc thẩm VADS. Ngay cả các tác giả nước ngoài như tác giả Serge Guinchard and Frédérique Ferrand của Pháp trong cuốn *Procédure civile Droit interne et droit communautaire*¹⁶, các tác giả А.а. Мохов, И.В. Воронцова, С.Ю. Семенова trong Giáo trình “Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России”¹⁷ (Luật TTDS của Nga) hoặc trong cuốn “*Halsbury’s Laws of England*”¹⁸

¹⁶ Serge Guinchard, Frédérique Ferrand (2006), *Procédure civile Droit interne et droit communautaire*, édition Dalloz.

¹⁷ А.а. Мохов, И.В. Воронцова (2017), С.Ю. Семенова trong giáo trình Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России, Учебник, Москва, ООО “ЮРИДИЧЕСКАЯ ФИРМА КОНТРАКТ”.

(Luận điểm về luật pháp của Anh) cũng chỉ đề cập đến khái niệm phúc thẩm hoặc khái niệm kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm chứ cũng không đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS.

Ở Việt Nam, trong cuốn “*Thuật ngữ pháp lý phổ thông*”¹⁹ hay trong luận văn “*Chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS*”²⁰ của tác giả Nguyễn Ngọc Nam đều cho rằng xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, theo các tác giả này thì xét xử phúc thẩm chính là phúc thẩm VADS.

Ngoài ra, theo Từ điển Giải thích thuật ngữ luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội²¹ hay trong Từ điển Giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng²² đều xác định xét xử phúc thẩm là xét lại bản án hay quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật, bản án và quyết định của Tòa phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay khi tuyên án. Hai khái niệm này đã nhầm lẫn khi xác định tính chất của xét xử phúc thẩm giống với tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm.

Qua các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và ở Việt Nam thì cần luận giải sự khác biệt giữa xét xử phúc thẩm VADS và phúc thẩm VADS để từ đó đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS. NCS cho rằng xét xử phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động phúc thẩm VADS. Phúc thẩm VADS được bắt đầu từ khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án, quyết định phúc thẩm VADS và bao hàm các nội dung: kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS; xét xử phúc thẩm VADS. Còn xét xử phúc thẩm VADS được xác định từ khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án, quyết định phúc thẩm VADS, bao hàm các nội dung: phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên tòa phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

¹⁸ *Halsbury's Laws of England* (1991), 4th edition, Volume 37, Lexis Nexis Butterworths, UK.

¹⁹ *Thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1978), NXB Pháp lý, tr. 238

²⁰ Nguyễn Ngọc Nam (2015), *Chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 7.

²¹ Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.209.

²² Nguyễn Duy Lâm (2004), *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.482.

2.1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến đặc điểm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Qua nghiên cứu các tài liệu thì trong các công trình khoa học ở nước ngoài đều chủ yếu đề cập đến các đặc điểm của phúc thẩm VADS như tính chất, đối tượng của phúc thẩm, căn cứ làm phát sinh phúc thẩm và mục đích của phúc thẩm. Giáo sư *Micheal Browde* cho rằng, ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì “tính chất phúc thẩm của vụ kiện là tòa phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ kiện đúng như đã diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm”²³. Theo tác giả *Julian M. Wilson and Sarah Christiansen* thì ở Anh, đã từng có nhiều tranh luận mang tính học thuật về chức năng của Tòa án cấp phúc thẩm và cơ sở để kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Các nhà bình luận và các thẩm phán đều có ý kiến khác nhau về việc liệu bản chất của phúc thẩm là xem xét lại quyết định của Tòa án cấp dưới hay xét xử lại vụ án... Tuy nhiên, gần đây các học giả cho rằng ý tưởng cho rằng thủ tục tố tụng phúc thẩm là xét xử lại vụ án là một quan niệm sai lầm, mặc dù có thể đưa ra chứng cứ mới trong đơn kháng cáo nhưng điều này là rất hiếm²⁴. Tác giả *John Henry Merryman & Rogelio Perez - Perdomo* cho rằng, ở các nước theo truyền thống luật dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền “xem xét lại những sự kiện thực tế cũng như những vấn đề lập pháp”²⁵.

Về căn cứ làm phát sinh thủ tục phúc thẩm thì các tác giả *J.A. Jolowwicz*²⁶, *Jack. I.H. Jacob*²⁷, *Alan B. Morrison*²⁸ đều cho rằng ở các nước theo truyền thống luật án lệ Anh, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ... thì căn cứ phát sinh phúc thẩm là dựa trên kháng cáo của đương sự, những người có lợi ích liên quan đến vụ án đã được giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm. Ngược lại, ở các nước theo truyền thống luật dân sự như Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga... theo như nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà trong luận án “*Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*” thì với mục đích là để

²³ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỳ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 25.

²⁴ Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 143, 144.

²⁵ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

²⁶ J.A. Jolowwicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 276.

²⁷ Jack LH. Jacob (1987), *The Fabric of English Civil Justice*, Steven & Son Press, page. 210.

²⁸ Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 111.

đại diện cho lợi ích chung và bảo vệ trật tự công nên VKS có thể tham gia tố tụng với tư cách là một bên đương sự hoặc với tư cách là người giám sát. Khi VKS tham gia tố tụng với tư cách là một bên đương sự (VKS khởi kiện VADS) thì VKS có quyền kháng cáo phúc thẩm bởi lúc này địa vị tố tụng của VKS giống như các bên đương sự. Còn trong trường hợp tham gia tố tụng với tư cách người giám sát thì về nguyên tắc VKS không thể kháng cáo phúc thẩm, do không có tư cách của các bên trong vụ kiện. Tuy nhiên, VKS có thể kháng cáo phúc thẩm nếu có văn bản pháp luật quy định cho phép VKS thực hiện quyền này hoặc đối với các vụ kiện liên quan đến trật tự công²⁹.

Về mục đích của phúc thẩm thì tác giả *Jack. I.H. Jacob* trong cuốn “*The Fabric of English Civil Justice*” (Cấu trúc tư pháp dân sự Anh Quốc) khẳng định việc phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ và của Anh là sửa đổi những sai lầm của Toà án cấp sơ thẩm, đưa ra kết quả chính xác và công bằng theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của đương sự, buộc các thẩm phán ở Toà án cấp sơ thẩm phải thận trọng hơn trong việc ra phán quyết. Trong hệ thống pháp luật án lệ và ở Anh thì việc áp dụng án lệ để giải quyết vụ án là rất quan trọng nên việc xét xử phúc thẩm còn là để Toà phúc thẩm giải thích và làm rõ luật, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất đáp ứng các thay đổi của xã hội³⁰. Còn trong cuốn “*Civil litigation in comparative context*” (Thủ tục TTDS so sánh) thì khẳng định ở tất cả các hệ thống pháp luật dân sự hay hệ thống pháp luật án lệ thì việc xét xử phúc thẩm nhằm đảm bảo cả mục đích công và lợi ích tư, theo đó, lợi ích tư là bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia tố tụng, còn mục đích công là làm rõ và phát triển luật, thúc đẩy niềm tin của công chúng vào thực thi công lý³¹.

Có thể thấy, phúc thẩm VADS ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có những điểm khác biệt so với các nước theo truyền thống pháp luật án lệ về tính chất, đối tượng của xét xử phúc thẩm, căn cứ làm phát sinh xét xử phúc thẩm. Xét

²⁹ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 31, 32.

³⁰ Jack L.H. Jacob (1987), *The Fabric of English Civil Justice*, Steven & Son Press, page. 212.

³¹ Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing, page. 431.

xử phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động của phúc thẩm VADS nên xét xử phúc thẩm VADS sẽ mang đầy đủ những đặc điểm của phúc thẩm VADS. Do đó, đặc điểm chung của xét xử phúc thẩm VADS cũng sẽ khác nhau ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự và các nước theo truyền thống pháp luật án lệ về tính chất, đối tượng của xét xử phúc thẩm, căn cứ làm phát sinh xét xử phúc thẩm.

Ở Việt Nam, Tác giả *Tổng Công Cường* trong cuốn “*Luật TTDS Việt Nam - nghiên cứu so sánh*” cũng chỉ ra mục đích của việc xét xử phúc thẩm của Việt Nam là không chỉ nhằm bảo vệ các lợi ích tư của các đương sự mà còn nhằm bảo vệ lợi ích công tức là trật tự pháp luật, tính thống nhất của hệ thống pháp luật³².

Như vậy, có thể thấy rằng, các công trình khoa học ở trên chủ yếu đề cập đến đặc điểm của phúc thẩm VADS. Chưa có công trình nào đề cập đến những đặc trưng riêng biệt của xét xử phúc thẩm VADS cũng như chỉ ra được những điểm khác nhau cơ bản giữa xét xử phúc thẩm VADS với xét xử sơ thẩm VADS, và giữa xét xử phúc thẩm VADS với thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, NCS cho rằng để làm rõ đặc điểm của xét xử phúc thẩm còn phải làm rõ điểm đặc thù giữa xét xử phúc thẩm VADS với việc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.

2.1.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trong cuốn “*Giáo trình Luật TTDS Việt Nam*” của *Trường Đại học Luật Hà Nội* cho rằng, việc phúc thẩm bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật số ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục những sai lầm có thể có trong những bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án, bảo đảm bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cũng như các lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước. Thông qua phúc thẩm, Tòa án cấp trên có thể kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới, qua đó có thể rút kinh nghiệm, hướng dẫn công tác xét xử, bảo đảm việc áp dụng sửa chữa những pháp luật thống nhất trong hoạt động xét xử tại các Tòa án³³.

³² Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – nghiên cứu so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr. 361.

³³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật TTDS Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tr.308.

Trong Luận án “*Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà nghiên cứu ý nghĩa của phúc thẩm dưới nhiều phương diện khác nhau. Về phương diện chính trị thì phúc thẩm trong TTDS góp phần đáp ứng những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền. Về phương diện xã hội, phúc thẩm trong TTDS được thực hiện tốt sẽ góp phần bảo đảm công bằng xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, đảm bảo uy tín của các cơ quan tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng. Về phương diện pháp lý, phúc thẩm là biện pháp tố tụng bảo đảm cho việc giải quyết VADS đúng pháp luật, bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án đã tuyên là có căn cứ và hợp pháp³⁴.

Nghiên cứu sinh cho rằng ý nghĩa của xét xử phúc thẩm cũng mang đầy đủ ý nghĩa của phúc thẩm VADS như cách tiếp cận của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà. Định hướng viết về ý nghĩa của xét xử phúc thẩm VADS trong công trình này sẽ đi theo cách khai thác này.

2.1.4. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trong bài viết “*Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*” của tác giả Nguyễn Công Bình³⁵ và trong cuốn “*Tính độc lập của Tòa án*” của tác giả Tô Văn Hoà³⁶ đều cho rằng một trong những cơ sở của xét xử phúc thẩm là dựa trên nguyên tắc hai cấp xét xử. Tuy nhiên, cơ sở khoa học của việc quy định về xét xử phúc thẩm còn dựa trên các nguyên lý, học thuyết khác nữa. Do đó, NCS tiếp tục nghiên cứu các cơ sở khoa học cho việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

2.1.5. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến nội dung điều chỉnh của pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Xét xử phúc thẩm được xác định từ khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bao hàm các nội dung như: phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

³⁴ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 38 - 43.

³⁵ Nguyễn Công Bình (1999), *Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*, Tạp chí Luật học, số 3, tr.4.

³⁶ Tô Văn Hoà (2013), *Nguyên tắc hai cấp xét xử, tác động của nguyên tắc tới hệ thống toà án và góp ý quy định tương ứng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992*, Tạp chí Luật học, tr.12.

*** Về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS**

Theo tác giả *John Henry Merryman và Rogelio Perez - Perdomo* trong cuốn “*The civil Law tradition*” (Truyền thống pháp luật dân sự) thì ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, thủ tục phúc thẩm không giống với ở Hoa Kỳ, nơi chủ yếu được coi là phương thức sửa chữa những sai lầm về luật của Toà án cấp sơ thẩm. Phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự xem xét lại các vấn đề thực tế và như pháp lý. Mặc dù xu hướng phổ biến là dựa vào hồ sơ xét xử làm cơ sở thực tế để xem xét lại vụ án, nhưng ở nhiều nền tài phán, các bên có quyền đưa ra bằng chứng mới ở cấp phúc thẩm³⁷. Như vậy, phạm vi xét xử phúc thẩm VADS ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự bị giới hạn trong phạm vi đã giải quyết của Toà án sơ thẩm và những vấn đề các đương sự kháng cáo. Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu mới nhưng hoàn toàn cho phép xuất trình các chứng cứ mới, điều mà Toà án ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ hầu như không chấp nhận.

Theo *GS Micheal Browde* thì các nước theo truyền thống án lệ như ở Hoa Kỳ Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét vụ án trên cơ sở hồ sơ vụ án đã được giải quyết ở Toà cấp sơ thẩm và có nghĩa không bao giờ có chứng cứ mới. Nếu trong giai đoạn phúc thẩm có một chứng cứ mới liên quan đến vụ án được trình lên Toà án cấp phúc thẩm thì có nghĩa toàn bộ vụ án được gửi lại Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết³⁸.

Ở Việt Nam, về phạm vi xét xử phúc thẩm, tác giả Phan Hữu Thư cho rằng, việc xây dựng pháp luật điều chỉnh về phạm vi xét xử nên đi theo hướng tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, bởi thực tế, nếu như ở cấp sơ thẩm Toà án chỉ xem xét những gì mà đương sự yêu cầu thì ở cấp phúc thẩm Toà án cũng chỉ giải quyết những vấn đề có đơn kháng cáo, kháng nghị. Không nên đặt vấn đề xem xét những vấn đề mà đương sự không đòi hỏi, điều đó không những vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự mà còn vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử³⁹.

³⁷ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition* Stanford University Press, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

³⁸ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỳ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 8.

³⁹ Phan Hữu Thư (2004), *Tiến tới xây dựng Bộ luật TTDS của thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản tư pháp, tr.325, 326.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng, xuất phát từ tính chất của phúc thẩm mà phạm vi xét xử phúc thẩm bị giới hạn trong những vấn đề sau: (i) *Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị và không xét xử những yêu cầu mới*, (ii) *cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị*⁴⁰.

Như vậy, các nghiên cứu đều cho thấy rằng, phạm vi xét xử phúc thẩm là giới hạn những vấn đề của VADS mà Toà cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Quan điểm khoa học này của các nhà nghiên cứu sẽ được NCS tiếp thu và tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện quan điểm lý luận về vấn đề này.

*** Về phiên toà phúc thẩm VADS**

Các nhà khoa học trên thế giới đều chỉ rõ phiên toà phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ được thực hiện khác với các nước theo truyền thống pháp luật dân sự.

Theo tác giả *John Henry Maryman* và *Rogelio Perez - Perdomo* trong cuốn “*The civil law tradition*” (Truyền thống pháp luật dân sự) thì ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, phiên tòa phúc thẩm dự kiến sẽ xem xét tất cả các bằng chứng và đưa ra quyết định độc lập về các sự kiện và giá trị chứng minh của chúng. Tất cả các chứng cứ, yêu cầu của đương sự, vấn đề sự kiện và pháp lý, lý lẽ đều sẽ được xem xét lại ở phiên toà phúc thẩm⁴¹. Cụ thể hơn, tác giả *Jeantet & Associés, Paris* xác định phiên toà phúc thẩm được tiến hành tương tự như phiên toà sơ thẩm, người được đương sự uỷ quyền gửi bản biện hộ bằng văn bản cho thân chủ của mình mặc dù trên thực tế các luật sư là người soạn thảo văn bản đó, các bên đương sự phải tự xuất trình các chứng cứ làm cơ sở cho yêu cầu của mình, Toà án có thể chỉ định một chuyên gia. Người làm chứng có thể gửi bản tự khai có tuyên thệ cho Toà án. Tại phiên toà phúc thẩm, luật sư của nguyên đơn trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trước, luật sư của bị đơn trình bày sau. Sau khi các luật

⁴⁰ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội.

⁴¹ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

sự trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi của các bên, luật sư sẽ gửi toàn bộ hồ sơ bảo vệ trong đó có các lập luận (trình bày ngắn gọn bằng văn bản), tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của thân chủ. Kết thúc phiên toà, Thẩm phán chủ tọa phiên toà sẽ ấn định ngày ra phán quyết để các Thẩm phán tiến hành thảo luận. Phán quyết được tiến hành bí mật, theo nguyên tắc đa số⁴².

Ngoài ra, tác giả *John Henry Merryman và Rogelio Perez - Perdomo* nhấn mạnh bồi thẩm đoàn không tham gia phiên toà phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, bởi việc sử dụng bồi thẩm đoàn rõ ràng ngăn cản việc xem xét các vấn đề thực tế của Tòa án phúc thẩm. Nếu Tòa phúc thẩm có thể quyết định một cách độc lập các vấn đề thực tế, vai trò của bồi thẩm đoàn trên thực tế sẽ bị vô hiệu hóa. Tòa án cấp phúc thẩm tôn trọng quyết định về sự kiện của bồi thẩm đoàn ở cấp sơ thẩm, bởi vì tại phiên toà sơ thẩm, bồi thẩm đoàn có quyền biểu quyết về sự kiện của vụ án nhưng không đòi hỏi phải giải thích lí do cho những quyết định đó, và thủ tục biểu quyết của bồi thẩm đoàn không nhất thiết phải ghi thành văn bản⁴³.

Ở Việt Nam, các tác giả Nguyễn Thị Thu Trà⁴⁴ và tác giả Lê Thị Minh Nguyệt⁴⁵ đều cho rằng phiên toà phúc thẩm VADS sẽ là phiên họp xét xử lại VADS trên cơ sở trên cơ sở hồ sơ vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, cùng với các chứng cứ, tài liệu được bổ sung ở giai đoạn phúc thẩm, HĐXX căn cứ vào kết quả tranh tụng, đánh giá các chứng cứ, tài liệu của vụ án và ra phán quyết về việc giải quyết vụ án.

Về phiên toà phúc thẩm trực tuyến, tác giả Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi khi nghiên cứu về xét xử trực tuyến của Trung Quốc đã phân tích phạm vi các VADS được xét xử trực tuyến, cách thức tham gia tố tụng trực tuyến và các nguyên tắc cần phải tuân thủ khi xét xử trực tuyến. Bên cạnh đó, các tác giả cũng phân tích, luận giải quá trình chuyển đổi từ xét xử trực tiếp xét xử trực tuyến tại Mỹ. Bắt đầu từ tháng 3 năm 2020, các Tòa án ở mọi cấp, từ các

⁴² Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 163.

⁴³ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

⁴⁴ Nguyễn Thị Thu Trà (2018), *Phiên toà phúc thẩm dân sự và thực tiễn áp dụng tại TAND tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Tr. 9.

⁴⁵ Lê Thị Minh Nguyệt (2017), *Phiên toà phúc thẩm VADS theo quy định của BLTTDS hiện hành*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 8.

Tòa án thành phố nhỏ đến Tòa án tối cao Hoa Kỳ, đã tiến hành xét xử trực tuyến (*Virtual hearings*) tại các phiên tòa ảo (*Virtual Court*). Tại 38 tiểu bang, cũng như Đặc khu Columbia và Puerto Rico, các Tòa án đã bắt buộc hoặc khuyến khích việc sử dụng các phiên điều trần ảo khi thích hợp. Hoạt động của Tòa án chủ yếu được điều chỉnh trên hai khía cạnh: chuyển từ xét xử trực tiếp sang xét xử trực tuyến và số hóa một số thủ tục tố tụng mà các đương sự phải hoàn thành trước một phiên điều trần (chẳng hạn như chuẩn bị và cung cấp tài liệu tòa án). Đặc biệt, công cụ nộp hồ sơ điện tử cho phép đương sự nộp hồ sơ trực tuyến, hệ thống công chứng điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh các hồ sơ điện tử⁴⁶.

Trong cuốn sách: “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*” do TS Nguyễn Bích Thảo làm chủ biên, cũng phân tích về quy tắc tranh tụng trực tuyến của TANDTC Trung Quốc năm 2021. Theo đó, các Tòa án phải tuân thủ 5 nguyên tắc: nguyên tắc công bằng và hiệu quả; hợp pháp và tự nguyện; bảo vệ quyền của các đương sự; thuận tiện và có lợi cho người dân; an toàn và tin cậy⁴⁷. Ngoài ra, các tác giả cũng phân tích việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xét xử trực tuyến thông qua các phiên tòa trực tuyến ở Mỹ. Theo đó, các tác giả có phân tích thuận lợi và khó khăn khi tổ chức các phiên tòa trực tuyến và đưa ra một số giải pháp giải quyết khó khăn trong việc tổ chức các phiên tòa trực tuyến⁴⁸.

Về xét xử trực tuyến ở các quốc gia Châu Âu thì tác giả Thanh Tùng khi nghiên cứu về kinh nghiệm của các nước như Đức, Áo đều đề cập đến phạm vi các vụ án được xét xử trực tuyến, nền tảng công nghệ được sử dụng trong việc xét xử trực tuyến (Nền tảng công nghệ chính được Tòa án ở Đức sử dụng là CISCO Webex, Nền tảng công nghệ chính được Tòa án ở Áo sử dụng là Zoom)⁴⁹.

⁴⁶ Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi, “*Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*”, *Tạp trí Tòa án nhân dân điện tử* https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYUwGKXpIplbfRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3 truy cập ngày 01/1/2026.

⁴⁷ Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên), 2022, “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 233, 234, 304, 305.

⁴⁸ Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên), 2022, “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 304, 305.

⁴⁹ Thanh Tùng “*Kinh nghiệm của một số quốc gia về tổ chức phiên tòa trực tuyến*”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, link: <https://tapchitoaan.vn/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-ve-to-chuc-phen-toa-truc-tuyen5495.html>.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học về phiên toà phúc thẩm VADS, NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu và làm sâu sắc hơn nội dung điều chỉnh của pháp luật về phiên toà phúc thẩm trực tiếp và phiên toà xét xử trực tuyến để đảm bảo phán quyết của HĐXX phúc thẩm VADS đúng pháp luật, có căn cứ và hợp pháp.

*** Về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS**

Các nhà khoa học ở nước ngoài đều chỉ rõ quyền hạn của Toà án cấp phúc thẩm được quy định khác nhau ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ và các nước theo truyền thống pháp luật dân sự.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, ví dụ như theo pháp luật TTDS của Hoa Kỳ, tác giả *Jay M. Feinman* trong cuốn “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*” phân tích nếu vấn đề được đưa ra trước Toà án cấp phúc thẩm là về việc áp dụng pháp luật thì Toà án cấp phúc thẩm có quyền sử dụng phán quyết của mình để đưa ra kết quả đúng. Nếu vấn đề liên quan đến sự việc thì Toà phúc thẩm sẽ thận trọng hơn. Họ chỉ xem một phần hồ sơ tố tụng ở Toà án cấp dưới và các lập luận của luật sư của các bên. Họ không nghe người làm chứng hoặc xem xét toàn bộ chứng cứ, vì vậy họ ở vị thế kém hơn khi đánh giá. Do đó, Toà phúc thẩm sẽ tôn trọng phán quyết thực tế, đặc biệt nếu phán quyết đó được bồi thẩm đoàn đưa ra chứ không phải theo đề nghị của thẩm phán Toà sơ thẩm⁵⁰.

Tác giả Tổng Công Cường khi nghiên cứu về phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự đã chỉ ra rằng, do Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS và xem xét cả vấn đề sự kiện và luật pháp nên HĐXX phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có quyền “thay đổi, bổ sung, chấp nhận hay hủy bỏ các nội dung về mặt sự kiện và pháp lý trong bản án sơ thẩm”⁵¹.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà đưa ra quan điểm, quyền hạn của Toà án cấp phúc thẩm là tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định cho toà án cấp phúc thẩm được quyết định các vấn đề về nội dung của VADS khi xem xét giải quyết vụ án đó. Xuất phát từ tính chất của phúc thẩm nên Toà án cấp phúc thẩm có quyền giữ nguyên bản

⁵⁰ *Jay M. Feinman* (2014), “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*”, NXB Hồng Đức, tr. 228.

⁵¹ Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – nghiên cứu so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr. 358.

án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; Quyền sửa đổi bản án sơ thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm và ra bản án mới; quyền hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại; quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và công nhận bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật⁵².

Như vậy, các tác giả đều có chung quan điểm, nếu HĐXX sơ thẩm có quyền ra bản án giải quyết về mọi vấn đề của vụ án trên cơ sở yêu cầu của các đương sự, có quyền ra quyết định chấp nhận một phần hay toàn bộ yêu cầu hoặc bác yêu cầu của đương sự thì HĐXX phúc thẩm không phải lúc nào cũng xem xét và quyết định về mọi vấn đề của vụ án mà chỉ xem xét và quyết định về những phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc những phần có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, các căn cứ để ra các quyết định này cần được tiếp tục nghiên cứu để đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật.

2.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam hiện hành về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

2.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Tác giả Tưởng Duy Lượng cho rằng, quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm hiện nay có nhiều vướng mắc, bất cập. Nếu đương sự chỉ kháng cáo một phần về nội dung, không kháng cáo về quá trình tố tụng trước khi mở phiên tòa, hoặc tố tụng tại phiên tòa thì HĐXX có quyền xem xét, phán quyết về vấn đề tố tụng hay không? Trường hợp được xem xét thì đối với những phần không có kháng cáo, kháng nghị có thể bị cấp phúc thẩm hủy bỏ khi thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng⁵³. Trong thực tiễn có những trường hợp do không nắm vững phạm vi xét xử phúc thẩm, hoặc không nghiên cứu kỹ hồ sơ, đơn chống án, quyết định kháng nghị

⁵² Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 73.

⁵³ Tưởng Duy Lượng (2014), *Phát luật TTDS và thực tiễn xét xử*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.437.

dẫn đến việc đưa ra xét xử cả phần chưa được cấp sơ thẩm giải quyết, bỏ sót đơn chống án, bỏ sót nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc xem xét cả phần không có kháng cáo, kháng nghị không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị⁵⁴.

Tác giả Hà Viết Toàn và Thái Thị Mỹ Nga cho rằng quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm còn gây ra nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn. Các tác giả đã minh chứng bằng một vụ án cụ thể và vấn đề cần giải quyết là: HĐXX phúc thẩm VADS có quyền xem xét những phần bản án sơ thẩm không nằm trong kháng cáo, kháng nghị không? ⁵⁵.

Qua quá trình nghiên cứu, có thể thấy còn có những quan điểm khác nhau về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS. Trong luận án này, NCS cần tập trung đánh giá, phân tích rõ về thực trạng pháp luật TTDS hiện hành về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS và đưa ra quan điểm của NCS về vấn đề này dựa trên cơ sở khoa học.

2.2.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự

Tác giả Nguyễn Đức Duẩn cho rằng quy định về việc tạm ngừng phiên toà phúc thẩm dân sự hiện nay còn nhiều vướng mắc, bất cập. Cụ thể, việc hoãn phiên tòa chỉ được xem xét, quyết định trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, còn tạm ngừng phiên tòa là trong phần tranh tụng tại phiên tòa và khi hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa thì vụ việc xét xử được tiếp tục. Ngoài ra, BLTTDS cũng không có quy định việc HĐXX có quyền ra quyết định hoãn phiên tòa sau khi tạm ngừng nếu đương sự vắng mặt. Do đó, nếu HĐXX quyết định hoãn phiên tòa sau khi tạm ngừng và triệu tập họp lệ lần thứ 3 mà người kháng cáo vẫn vắng mặt thì bắt buộc phải căn cứ vào khoản 2 Điều 312 BLTTDS để đình chỉ xét xử phúc thẩm. Điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo.⁵⁶

⁵⁴ Tường Duy Lượng (2014), *Pháp luật TTDS và thực tiễn xét xử*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.434.

⁵⁵ Hà Viết Toàn và Thái Thị Mỹ Nga (2022), *Phạm vi xét xử phúc thẩm VADS và thực tiễn xét xử tại Tòa án*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-va-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-an6551.html>, truy cập 10/12/2022.

⁵⁶ Nguyễn Tất Duẩn (2022), *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa dân sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phiên-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/12/2022.

Tác giả Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang cho rằng quy định về trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm hiện nay có nhiều bất cập. Tác giả chỉ ra 3 bất cập trong quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015⁵⁷. Đó là, (i) việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn tại tòa án cấp phúc thẩm có cần phải hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập hay không còn chưa thống nhất; (ii) nguyên đơn rút đơn mà không hỏi được ý kiến của bị đơn thì giải quyết như thế nào? (iii) việc xem xét kháng cáo, kháng nghị khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện.

Tác giả Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn khi phân tích xét xử trực tuyến cho rằng, Nghị quyết số 33/2021/QH15 chưa có hướng dẫn thế nào là “*những vụ án có tính tiết, tính chất đơn giản, rõ ràng; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng* (trừ các trường hợp theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15) để quyết định mở phiên tòa trực tuyến. Ngoài ra, sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính, các Tòa án đã tạo nên địa bàn rộng, khoảng cách địa lý xa đòi hỏi việc tổ chức phiên tòa trực tuyến phải được tổ chức nhiều hơn, thường xuyên hơn nên quy định như trên chỉ phù hợp với giai đoạn ban đầu khi thử nghiệm tổ chức phiên tòa trực tuyến nhưng lại gây ra hạn chế, giới hạn trong giai đoạn hiện nay nhất là vụ án có nhiều người dân ở vùng sâu, vùng xa...⁵⁸

NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu những vướng mắc, bất cập trong các quy định về phiên tòa phúc thẩm VADS.

2.2.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm vụ án dân sự

Phán quyết của HĐXX phúc thẩm có mối liên hệ mật thiết đến hiệu lực của bản án, quyết định sơ thẩm. Vì vậy việc làm rõ thực trạng các quy định của pháp luật về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS là điều rất quan trọng.

⁵⁷ Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang (2020), *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7, tr.19,20.

⁵⁸ Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn (2025), *Một số vấn đề về xét xử trực tuyến trong giai đoạn hiện nay*, nguồn: <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-xet-xu-truc-tuyen-trong-giai-doan-hien-nay13923.html>, truy cập ngày 1/1/2026.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng quy định về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm hiện nay còn tồn tại nhiều hạn chế. Cụ thể, về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở phúc thẩm: hiện nay pháp luật chỉ quy định nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở Tòa án cấp phúc thẩm thì cần phải hỏi ý kiến của bị đơn. Điều này được hiểu là nếu vụ án có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập thì phần bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu độc lập của họ cũng bị hủy. Quy định này đã vi phạm đến quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cũng như nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự. Về quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án: hiện nay pháp luật có quy định một trong những căn cứ hủy đó là có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng. Tuy nhiên pháp luật TTDS không có quy định cụ thể các trường hợp sai sót bị coi là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng dẫn đến việc đánh giá trường hợp nào là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng hoàn toàn dựa trên ý chí chủ quan của HĐXX. Về quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án: hiện nay pháp luật TTDS và các văn bản hướng dẫn không quy định về hậu quả pháp lý đối với bản án sơ thẩm trong trường hợp này.

Qua quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh thấy rằng có rất ít các công trình khoa học có nghiên cứu về quy định của pháp luật liên quan đến quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Trong luận án này, tác giả cần tập trung đánh giá, phân tích rõ về thực trạng pháp luật TTDS hiện hành về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

2.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu các của những công trình khoa học liên quan đến yêu cầu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

2.3.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh nhận thấy có rất ít những công trình có đề cập đến yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS. Duy nhất có công trình “Phúc thẩm trong TTDS” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà có nghiên cứu liên quan đến nội dung này.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà đưa ra một số yêu cầu hoàn thiện pháp luật về phúc thẩm trong TTDS. Thứ nhất, tác giả cho rằng cần khắc phục những hạn chế, bất cập của các quy định pháp luật TTDS hiện hành về phúc thẩm, đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật TTDS. Thứ hai, đáp ứng được yêu cầu của việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và của quá trình hội nhập quốc tế. Thứ ba là thể chế hoá qua điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp. Thứ tư là đáp ứng được yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Thứ năm là đảm bảo kế thừa pháp luật truyền thống của Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc những quy định của pháp luật tố tụng dân sự nước ngoài phù hợp với thực tiễn Việt Nam.⁵⁹

Nghiên cứu sinh cho rằng, xét xử phúc thẩm VADS là một nội dung của phúc thẩm dân sự vì vậy đề tài có thể tham khảo một số phân tích của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, đồng thời có những phân tích mới để hoàn thiện các qui định về xét xử phúc thẩm VADS trong thời đại mới cho phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

2.3.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Thứ nhất, kiến nghị các quy định liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật về phạm vi xét xử phúc thẩm

Về việc hoàn thiện quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, tác giả Phan Hữu Thư cho rằng: phạm vi xét xử phúc thẩm liên quan đến quyền tự định đoạt của đương sự. Nếu như ở cấp sơ thẩm Tòa án chỉ xem xét những gì mà đương sự yêu cầu thì ở cấp phúc thẩm Tòa án cũng chỉ giải quyết những vấn đề có đơn kháng cáo, kháng nghị. Không nên đặt vấn đề xem xét những vấn đề mà đương sự không đòi hỏi, điều đó không những vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự mà còn vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử⁶⁰.

Nghiên cứu về xét xử phúc thẩm, tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng cần bổ sung quy định về quyền chống án của người có quyền và lợi ích liên quan không được triệu tập với tư cách là đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự ở Tòa án cấp sơ thẩm nếu bản án, quyết định sơ thẩm xâm phạm đến quyền lợi của họ.⁶¹

⁵⁹ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.135.

⁶⁰ Phan Hữu Thư (2004), *Tiến tới xây dựng BLTTDS của thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản tư pháp, tr.325, 326.

⁶¹ Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong giải quyết VADS tại Tòa án nhân dân*, Nhà xuất bản lao động, tr.267.

Thứ hai, kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến phiên tòa phúc thẩm VADS

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà khi nghiên cứu về phiên tòa phúc thẩm VADS cho rằng nên sửa đổi quy định về sự tham gia phiên tòa phúc thẩm của Viện kiểm sát. Để quyền tự định đoạt của các đương sự được tôn trọng, trách nhiệm chứng minh của đương sự được đề cao cũng như để đảm bảo tính độc lập xét xử của Tòa án nên cần thiết phải hạn chế tối đa sự can thiệp của các cơ quan công quyền vào quá trình giải quyết VADS. Theo đó, kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa phúc thẩm trong trường hợp các VADS liên quan đến lợi ích công cộng, lợi ích của người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, người bị Tòa án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự⁶².

Bên cạnh đó, tác giả cho rằng cần sửa đổi các quy định về thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, cần xác định hai điều kiện để việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị được chấp nhận như sau: một là, người kháng cáo chỉ được thay đổi, bổ sung kháng cáo, viện kiểm sát chỉ được thay đổi, bổ sung kháng nghị về phần của bản án, quyết định sơ thẩm - không được thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị về những vấn đề mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết; hai là, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phải đảm bảo đương sự có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phải có điều kiện để chuẩn bị việc phản bác lại yêu cầu kháng cáo, kháng nghị đã sửa đổi, bổ sung⁶³.

Tác giả Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang đưa ra ba kiến nghị để hoàn thiện các quy định về trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm⁶⁴.

Kiến nghị thứ nhất là, đối với trường hợp vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trong trường hợp vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện cũng phải hỏi chủ thể này để việc giải quyết vụ án được triệt để.

⁶² Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 180.

⁶³ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 172.

⁶⁴ Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang (2020), *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7, tr.21.

Kiến nghị thứ hai, đối với trường hợp không hỏi được ý kiến của bị đơn. Để bảo đảm cho việc xét xử phúc thẩm đúng thời hạn, nếu không hỏi được ý kiến của bị đơn (như bị đơn đã thay đổi nơi cư trú so với khi giải quyết tại cấp sơ thẩm không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ thì xem như cố tình giấu địa chỉ hoặc trường hợp bị đơn không hợp tác với Tòa án, cố tình không để Tòa án lấy ý kiến, đã được triệu tập hợp lệ...) thì cần quy định theo hướng Tòa án sẽ ra thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn có yêu cầu được rút đơn khởi kiện. Hết thời gian được nêu trong thông báo, nếu bị đơn không có ý kiến phản hồi thì xem như đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị thứ ba, về việc xem xét kháng cáo, kháng nghị khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Theo đó, một khi nguyên đơn tự nguyện rút đơn khởi kiện và được bị đơn (bên đối lập quyền lợi trực tiếp với bên nguyên đơn) đồng ý thì việc kháng cáo, kháng nghị cần phải kết thúc theo cho dù các đương sự hay Viện kiểm sát có đồng ý rút kháng cáo, kháng nghị hay không bởi nguyên đơn đã thực hiện quyền tự định đoạt của mình.

Tác giả Phạm Thị Thuý kiến nghị cần có văn bản hướng dẫn về trường hợp bị đơn thay đổi ý kiến về việc cho phép nguyên đơn được rút đơn khởi kiện. Ý kiến đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn không? Chẳng hạn, trước khi mở phiên tòa (sơ thẩm, phúc thẩm), bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Nhưng sau đó, tại phiên tòa, bị đơn đưa ra ý kiến đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Theo tác giả, văn bản hướng dẫn nên quy định theo hướng: Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi ý kiến đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn (trước phiên tòa, bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn) thì trường hợp này, HĐXX phải hỏi nguyên đơn còn muốn tiếp tục rút đơn khởi kiện hay không. Nếu nguyên đơn vẫn muốn rút đơn khởi kiện thì HĐXX giải quyết như đối với trường hợp bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn mà pháp luật

TTDS đã quy định. Trường hợp, trước khi mở phiên tòa, bị đơn đã có văn bản đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, nhưng sau đó, bị đơn muốn thay đổi ý kiến theo hướng không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì không chấp nhận việc thay đổi ý kiến này⁶⁵.

Tác giả Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn kiến nghị TANDTC cần có hướng dẫn cho phép mở rộng phạm vi các vụ án được xét xử trực tuyến cả đối với vụ án phức tạp nếu xét thấy việc xét xử trực tuyến vẫn đáp ứng được chất lượng cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của người dân khi tham gia tố tụng⁶⁶.

Thứ ba, kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quyền hạn của HĐXX phúc thẩm

Nghiên cứu chuyên sâu về phúc thẩm trong TTDS, tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng nên có những sửa đổi toàn diện liên quan đến các quy định về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS⁶⁷. Cụ thể, về quy định đình chỉ xét xử phúc thẩm tác giả kiến nghị việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trong trường hợp các chủ thể đã rút kháng cáo kháng nghị nếu phần kháng cáo kháng nghị đã rút không trùng với những phần đang bị kháng cáo kháng nghị khác và phần đã rút độc lập, không liên quan đến những phần đang bị kháng cáo kháng nghị khác; về quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm cần bổ sung quy định HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng giải quyết đúng các quy định của pháp luật; về quyền sửa bản án sơ thẩm nên bổ sung rõ các trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm đó là trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, và trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xác định được những tình tiết có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét và chứng cứ bổ sung; về quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án

⁶⁵ Phạm Thị Thuý (2017), *Bàn về quyền của bị đơn đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn*, Tạp chí TAND, số 13, tr.45.

⁶⁶ Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn (2025), *Một số vấn đề về xét xử trực tuyến trong giai đoạn hiện nay*, nguồn: <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-xet-xu-truc-tuyen-trong-giai-doan-hien-nay13923.html>, truy cập ngày 1/1/2026.

⁶⁷ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 173 – 176.

cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án⁶⁸. Trường hợp có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng cần quy định rõ hai trường hợp như sau: trường hợp kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; và trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật TTDS dẫn đến việc Tòa án ra bản án sơ thẩm không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Như vậy, có thể thấy, các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm trong VADS trong các công trình nghiên cứu thời gian qua có giá trị khoa học, là những gợi mở đối với NCS trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

3. Các lý thuyết nghiên cứu được sử dụng trong luận án

- Lý thuyết, học thuyết về tiếp cận công lý

Công lý là khái niệm rất rộng được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong lĩnh vực luật học, công lý được hiểu là sự công bằng trong việc bảo vệ các quyền và trừng phạt các hành vi vi phạm. Với ý nghĩa là sự công bằng trong việc giải quyết xung đột, tranh chấp, vi phạm trong xã hội, công lý thường được tiếp cận dưới hai góc độ: nội dung và hình thức/thủ tục. Công lý, tiếp cận từ góc độ nội dung, được gọi là “substantive justice” hay “distribute justice”, có nghĩa là sự phân phối công bằng các lợi ích, giải quyết thỏa đáng quyền lợi của các bên có liên quan. Công lý, tiếp cận từ góc độ hình thức/thủ tục, được gọi là “procedural justice”, có nghĩa là một quy trình giải quyết công bằng⁶⁹. Những năm gần đây, khái niệm công lý được tiếp cận theo hướng mở rộng hơn. Theo học giả người Anh Richard Susskind, công lý cần được tiếp cận một cách đầy đủ, toàn diện từ 7 góc độ: công lý nội dung (substantive justice); công lý thủ tục (procedural justice), công lý mở (open justice), công lý bình đẳng và có thể tiếp cận cho tất cả mọi người (distributive justice), công lý tương xứng (proportionate justice), công lý có thể thực thi (enforceable justice) và công lý bền vững (sustainable justice). *Thứ nhất*, công lý

⁶⁸ Nguyễn Thị Thu Hà (2010), *Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo quy định của Bộ luật TTDS*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9, tr. 50.

⁶⁹ Viện chính sách công và pháp luật (2018), *Kỷ yếu Hội thảo Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn*, Hà Nội, tr. 125.

nội dung đòi hỏi kết quả giải quyết công bằng, khách quan, đúng pháp luật. *Thứ hai*, công lý thủ tục yêu cầu quá trình để đưa ra phán quyết cũng phải bảo đảm công bằng, các bên đương sự có quyền được trình bày các chứng cứ, lập luận và được lắng nghe bởi người phán xử hoàn toàn độc lập, khách quan, vô tư. *Thứ ba*, công lý mở không những đòi hỏi quá trình ra phán quyết phải công khai, minh bạch, các bên được thông báo đầy đủ về quá trình tố tụng, mà còn yêu cầu mọi hoạt động của Tòa án phải công khai, chịu sự giám sát của công chúng, các thông tin về quy trình, các bước tố tụng, về hoạt động của Tòa án như lịch xét xử, bản án, quyết định của Tòa án, dữ liệu thống kê... được đăng tải công khai để công chúng có thể tiếp cận. *Thứ tư*, công lý bình đẳng là bảo đảm cho mọi người tiếp cận pháp luật, tiếp cận Tòa án của mọi cá nhân, tổ chức, không phân biệt tình trạng kinh tế, địa vị xã hội, bảo đảm cho các nhóm người yếu thế, bị thiệt thòi, đương sự không có luật sư bảo vệ, hạn chế về hiểu biết pháp luật và trình độ công nghệ đều có thể tiếp cận công lý. *Thứ năm*, công lý tương xứng đòi hỏi chi phí, thời gian, mức độ phức tạp và cả mức độ tranh tụng đối kháng trong một vụ án phải tương xứng với tính chất, đặc điểm quy mô của vụ án đó. *Thứ sáu*, công lý có thể thực thi đòi hỏi phán quyết của Tòa án phải có hiệu lực pháp lý, bắt buộc phải được thi hành một cách nghiêm túc và kịp thời và có thể được cưỡng chế thi hành bởi quyền lực Nhà nước. *Thứ bảy*, công lý bền vững đòi hỏi hệ thống Tòa án phải ổn định, an toàn, đáng tin cậy, được trang bị nguồn lực đầy đủ, hiện đại và đáp ứng được yêu cầu của một xã hội biến đổi nhanh chóng theo tốc độ phát triển của công nghệ⁷⁰.

Học thuyết tiếp cận công lý là một sở sở pháp lý quan trọng hình thành nên các quy định về xét xử phúc thẩm dân sự. Theo đó, (i) nếu đương sự cho rằng bản án, quyết định sơ thẩm chưa hợp tình, hợp lý, chưa bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì họ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phán quyết đó trừ trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay; (ii) xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện bởi một Tòa án độc lập, khách

⁷⁰ Richard Susskind (2019), *Online Courts and the the Future of Justice*, Oxford University Press, tr. 75 - 84, trích dẫn từ nguồn: Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên) (2022), *Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, tr. 40 – 43.

quan, đảm bảo các bên đương sự được trình bày tất cả yêu cầu, chứng cứ, lập luận của mình; (iii) xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật, các bên đương sự phải được thông báo đầy đủ để tham gia phiên toà xét xử VADS; (iv) các bên đương sự là những người yếu thế cần được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi họ không biết tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án; (v) HĐXX phúc thẩm đảm bảo thời gian tranh tụng hợp lý cho các bên đương sự để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án; (vi) bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án; (vii) thẩm phán xét xử phúc thẩm là người có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao và thành thạo kỹ năng xét xử phúc thẩm VADS.

- Lý thuyết, học thuyết về xét xử công bằng

Quyền được xét xử công bằng là một trong các quyền cơ bản, cốt lõi của con người được ghi nhận trong văn bản pháp luật quốc tế. Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định: “Mọi người đều có quyền trình bày sự việc của mình một cách vô tư và công khai với sự bình đẳng hoàn toàn trước một Tòa án độc lập và không thiên vị để Tòa án này quyết định các quyền hay nghĩa vụ của họ...”(Điều 10)⁷¹. Sau đó, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 tiếp tục khẳng định về quyền được xét xử công bằng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự dân sự, theo đó “tất cả mọi người đều bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán. Bất kỳ người nào đều có quyền đòi hỏi việc xét xử công bằng và công khai do một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp lý để... xác định về quyền và nghĩa vụ trong TTDS” (Điều 14)⁷².

Học giả Stefan Trechel khẳng định rằng, “*quyền xét xử công bằng bao hàm một thủ tục công bằng. Công bằng đi liền với sự độc lập của Tòa án*”⁽⁷³⁾. Còn tác giả Richard Clayton thì cho rằng, “*quyền được xét xử công bằng bao gồm nhiều yếu tố*

⁷¹ Viện thông tin khoa học xã hội, *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội, 1998, tr. 148.

⁷² Viện thông tin khoa học xã hội, *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội, 1998, tr. 256.

⁽⁷³⁾ GS. TSKH Đào Trí Úc, “Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự theo tinh thần đổi mới của Hiến Pháp năm 2013”, *Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến Pháp năm 2013*, Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội (PGS.TS Trịnh Quốc Toàn - PGS.TS Vũ Công Giao đồng chủ biên), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr. 147, 148, Trích từ nguồn: Nguyễn Thị Thu Hà 2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.

tập trung chủ yếu vào những dấu hiệu: phiên tòa độc lập và công bằng, bản án phải là kết quả dựa trên sự xem xét công khai với những lý lẽ thuyết phục”⁽⁷⁴⁾. Hoặc theo các tác giả Leo Zwaak, Sim Utrecht, Hatice Senem Ozyavuz, Angelika Kleewein, Catrin Pekari và Klaus Kapuy của Trường Đại học Graz, Áo thì “quyền được xét xử công bằng liên quan đến thi hành công lý trong lĩnh vực dân sự và hình sự. Việc thi hành công lý phù hợp gồm hai khía cạnh: mang tính thể chế (chẳng hạn như sự độc lập và không thiên vị của Tòa án) và mang tính thủ tục (chẳng hạn như sự công bằng trong xét xử). Nguyên tắc xét xử công bằng duy trì một loạt các quyền cá nhân đảm bảo cho việc thi hành công lý thích hợp từ lúc nghi ngờ đến khi thực thi bản án”⁽⁷⁵⁾.

Các lý thuyết về xét xử công bằng đòi hỏi sau khi xét xử sơ thẩm thì bản án, quyết định sơ thẩm mặc dù được HĐXX giải quyết theo một trình tự, thủ tục chắc chắn, dựa trên các chứng cứ, căn cứ pháp lý nhưng vẫn có thể có sai lầm nên cần phải có cấp Tòa án cao hơn xét xử lại VADS – đó là xét xử phúc thẩm VADS. Tuy nhiên, xét xử phải có điểm dừng để đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các bên đương sự cũng như đảm bảo nền tư pháp chuyên nghiệp hiện đại. Theo đó, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra phán quyết nhưng những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc giải quyết vụ án cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, không dựa trên các chứng cứ và quy định của pháp luật thì vụ án được xét xử lại ở Tòa án cấp phúc thẩm. Đồng thời, để việc xét xử phúc thẩm đảm bảo công bằng thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ án được xét xử ở Tòa án cấp phúc thẩm còn phải được đảm bảo những vấn đề sau: (i) bảo đảm quyền được thông báo hợp lý; (ii) đảm bảo quyền tham gia phiên tòa; (iii) đảm bảo quyền được xét xử bằng lời và công khai; (iv) đảm bảo quyền được lắng nghe và tranh tụng; (v) đảm bảo quyền được xét xử bởi một Tòa án vô tư, không thiên vị; (vi) bảo đảm quyền được xét xử chỉ căn cứ trên hồ sơ, chứng cứ của vụ án; (vii) bảo đảm quyền được có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; (viii) bảo đảm quyền được xét xử trong một

⁽⁷⁴⁾. Trích từ nguồn: Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.

⁽⁷⁵⁾. Wolfgang Benedek (Chủ biên), *Tìm hiểu về quyền con người* (Tài liệu hướng dẫn về giáo dục quyền con người), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2008, tr. 178.

thời gian hợp lý; (vii) bảo đảm quyền không bị xem xét lại bản án chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Tất cả những quy định về vấn đề này là cơ sở quan trọng để việc xét xử phúc thẩm được công bằng, minh bạch.

- Học thuyết về tự do ý chí

Trong triết học của Hegel -Nhà triết học lớn nhất của Đức, ông là người phát triển phương pháp luận biện chứng là một trong những yếu tố quan trọng của triết học Marx-Lenin sau này đã cho rằng, tự do ý chí của cá thể không thể thoát ly khỏi tiến trình chung của sự phát triển xã hội (lịch sử toàn thế giới). Khái niệm ý chí tự do là khái niệm cơ bản trong toàn bộ triết học pháp quyền của Hegel và được ông coi là cơ sở, xuất phát điểm của pháp luật. Hegel đã viết: “Cơ sở của pháp luật là cái tinh thần nói chung, còn vị trí gần nhất và xuất phát điểm của nó là ý chí tự do, vì tự do tạo thành thực thể và tính quy định của ý chí, còn hệ thống pháp luật là vương quốc của tự do đã được thực hiện, là thế giới của tinh thần do bản thân tinh thần tạo ra như một thế giới tự nhiên thứ hai”⁷⁶.

Nội dung của thuyết này xuất phát từ quan điểm cho rằng, ý chí của con người là tối thượng và tự chủ. Chỉ các hành vi xuất phát từ ý chí tự chủ của một người mới có hiệu lực ràng buộc đối với người đó. Một người chỉ bị ràng buộc khi người đó muốn như vậy và ràng buộc theo cách mà người đó muốn⁷⁷. Như vậy, về triết học, học thuyết tự do ý chí dựa trên nền tảng của sự tự do cá nhân, cá nhân không thể bị ai đó ép buộc phải làm hay không làm một việc gì đó trái với ý chí của mình. Học thuyết này cho rằng pháp luật thể hiện ý chí chung của các cá nhân trong xã hội, nên các quy định của pháp luật có giá trị thúc buộc chung mà các cá nhân đã gián tiếp ưng thuận. Tuy nhiên, không nên hiểu tự do ý chí theo hướng “muốn làm gì thì làm” mà nó phải được thực hiện trong những giới hạn nhất định. Tự do ý chí phải được đặt trong mối quan hệ hài hoà, cân bằng với lợi ích của cá nhân khác, của xã hội và của Nhà nước.

⁷⁶ Phạm Thu Hằng (2022), *Nguyên tắc tự do ý chí trong Bộ luật dân sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.7.

⁷⁷ Corinne Renault (2002), *Đại cương về pháp luật hợp đồng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.10.

Trong hệ thống pháp luật dân sự, học thuyết về tự do ý được vận dụng trong việc xây dựng pháp luật nội dung và cả pháp luật về thủ tục. Với vị trí là luật hình thức, khi ban hành, luật TTDS cần xây dựng các quy phạm pháp luật phù hợp với bản chất cốt lõi của luật dân sự để đảm bảo sự hợp lý và tương thích trong toàn bộ hệ thống pháp luật dân sự. Để làm được điều đó thì những đặc trưng của lĩnh vực luật tư cần phải được kế thừa và chuyển hóa một cách phù hợp trong pháp luật TTDS⁷⁸. Theo đó, pháp luật TTDS luôn tôn trọng ý chí của đương sự trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Thể hiện điều này, pháp luật đã trao cho đương sự quyền tự định đoạt để đương sự có thể bảo vệ các quyền lợi hợp pháp mà mình đã tham gia cam kết, thỏa thuận trong quan hệ dân sự. Như vậy, quyền tự định đoạt trong TTDS luôn gắn liền với quyền tự định đoạt trong pháp luật nội dung.

Quyền tự định đoạt của đương sự đã được ghi nhận thành một nguyên tắc đặc trưng trong pháp luật tố tụng của nhiều quốc gia trên thế giới. Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự chi phối đến việc xét xử phúc thẩm VADS. Theo đó, (i) Thứ nhất, đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; thỏa thuận với nhau; rút yêu cầu; (ii) Thứ hai, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại những phần của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và những phần có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. (iii) Thứ ba, quyền tự định đoạt của đương sự xuất phát từ ý chí tự nguyện và thiện chí, không vi phạm điều cấm luật và không trái đạo đức xã hội thì sẽ được Tòa án công nhận và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, quyền tự do ý chí của đương sự phải đặt trong mối quan hệ với việc kháng nghị, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của VKS. Việc VKS kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có mâu thuẫn với quyền tự định đoạt của đương sự không khi mà đương sự không kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm. Có thể thấy, trong một số trường hợp đương sự chấp nhận bản án sơ thẩm, pháp luật quy định VKS vẫn có quyền kháng nghị dù không liên quan đến lợi ích công, không có người yếu thế. Bởi vì, “*lý do thứ nhất* là nhu cầu cân đối giữa lợi ích của cá nhân

⁷⁸ Bùi Thị Huyền (chủ biên) (2016), *Sự tương thích và mâu thuẫn giữa pháp luật TTDS với pháp luật dân sự*, Đề tài khoa học cấp Trường – Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.7.

thông qua ý muốn của họ với lợi ích chung của cộng đồng, bởi (i) một mặt con người cần được tự do để phát triển đầy đủ và toàn diện, đúng với mục đích sống của mình; (2) mặt khác cộng đồng cần phải được duy trì và phát triển để trở thành cái nôi nuôi dưỡng thực sự cho các ước vọng chung của con người và mỗi cá nhân. *Lý do thứ hai* là nhu cầu bảo vệ những người yếu thế trong xã hội hay trong một giao dịch cụ thể. *Lý do thứ ba* là nhu cầu phát triển kinh tế có trật tự và định hướng theo sự lựa chọn chung...”⁷⁹. Và *lý do thứ tư*, trong một số trường hợp bản thân đương sự do hiểu biết, nhận thức hạn chế nên họ không biết quyết định của bản án sơ thẩm đã không thực sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ lẽ ra phải được bảo vệ theo quy định pháp luật. Do đó, trong xét xử phúc thẩm VADS, mặc dù tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nhưng để bảo vệ lợi ích của những người yếu thế trong xã hội, bảo vệ trật tự công và lợi ích công thì VKS cần phải kháng nghị khi mà các đương sự trong VADS đó không kháng cáo. Bởi, “*việc ngăn chặn các vi phạm trật tự công cộng là cần thiết để bảo vệ các quyền hiến định*”⁸⁰.

4. Định hướng nghiên cứu của luận án

Luận án có 6 câu hỏi nghiên cứu:

Câu hỏi nghiên cứu 1. Khái niệm, đặc điểm của xét xử phúc thẩm VADS? Ý nghĩa xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm của xét xử phúc thẩm chưa có nhiều công trình khoa học đề cập đến. Một số công trình khoa học đồng nhất giữa xét xử phúc thẩm VADS và phúc thẩm VADS. Chưa có công trình khoa học nào chỉ ra xét xử phúc thẩm VADS có đặc trưng riêng biệt nào? Xét xử phúc thẩm VADS có những đặc điểm khác biệt gì so với xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính cũng như khác biệt với xét xử sơ thẩm VADS, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự.

⁷⁹ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 28,29.

⁸⁰ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 29.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 2: Hiện nay có một số công trình khoa học nghiên cứu cơ sở khoa học của xây dựng pháp luật về phúc thẩm VADS cũng như xét xử phúc thẩm VADS. Tuy nhiên, chưa có công trình nào phân tích, luận giải sâu sắc về cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 3: Hiện có công trình trong nước và nước ngoài nghiên cứu, luận giải những nội dung lý luận nền tảng của xét xử phúc thẩm VADS. Đây sẽ là lý luận căn bản được NCS tiếp thu, kế thừa để luận giải những nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

Câu hỏi nghiên cứu 4: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 4: Quy định pháp luật Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS còn nhiều hạn chế, bất cập và vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn thực hiện quy định này.

Câu hỏi nghiên cứu 5: Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 5: Pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới; vẫn còn những hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành và chưa đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong thực tiễn thực hiện cũng như chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu hỏi nghiên cứu 6: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 6: Quy định pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS phải được hoàn thiện đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo phán quyết của HĐXX phúc thẩm đúng pháp luật, có căn cứ và hợp pháp.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

1.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Con người vốn không hoàn hảo và loài người vốn bất toàn. Do vậy, từ xưa tới nay, dù ở Đông phương hay Tây phương thì trật tự xã hội được duy trì là nhờ vào luân lý và luật pháp. Xét theo lẽ thường thì luân lý và luật pháp quốc gia được hình thành trên nền tảng của những triết lý nhân bản, hướng tới việc duy trì trật tự xã hội và phụng sự cho cuộc sống của con người được tốt đẹp hơn⁸¹. Để duy trì được trật tự xã hội thì các Nhà nước từ lịch sử đến hiện tại luôn phải quan tâm và chú trọng đến cơ chế xét xử nhằm phân xử quyền lợi tranh chấp.

Việc xét xử là một trong những phương thức thực hiện quyền lực Nhà nước đã tồn tại từ xa xưa, từ thời kỳ Nhà nước Ai Cập, Babilon cổ đại đến thời kỳ La Mã, Hy Lạp cổ đại, rồi qua thời kỳ trung cổ phục hưng. Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến, hoạt động xét xử cũng như hoạt động lập pháp và hành pháp đều tập trung vào giai cấp chủ nô và phong kiến mà đại diện là nhà vua, người có quyền lực cao nhất⁸². Khi nguyên tắc tập quyền được áp dụng một cách triệt để, nhà vua trực tiếp xét xử các tranh chấp trong nhân dân, trực tiếp trừng phạt những hành vi vi phạm pháp luật. Cùng với sự phát triển của xã hội, do nhu cầu phân công giải quyết các công việc của đất nước, nhà vua đã chuyển một phần quyền tư pháp cho quan lại từ trung ương xuống địa phương thực hiện. Tuy nhiên, các quan lại đó đồng thời cũng là những quan lại hành chính, quyền tư pháp chưa tách khỏi quyền hành pháp, cơ quan tư pháp chưa tách khỏi cơ quan hành chính⁸³. Ở giai đoạn này, Tòa án chưa tổ chức thành một hệ thống và chưa trở thành lĩnh vực hoạt động độc lập trong bộ máy Nhà nước.

⁸¹ Trần Anh Tuấn, *Pháp luật TTDS Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/81/414> ngày truy cập 25/04/2023.

⁸² Uông Chu Lưu: *Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân*, Chương trình Khoa học xã hội cấp Nhà nước (2001-2005), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài KX.04.06, Hà Nội, trích trong: Bùi Thị Huyền (2013), *Phiên tòa sơ thẩm dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.8.

⁸³ Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 607.

Chính thể quân chủ tuyệt đối đã tỏ ra không phù hợp với xu hướng phát triển xã hội từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời. Với mục đích giới hạn quyền lực vô định của Nhà vua, các học giả thời kỳ đó đã xây dựng nên học thuyết phân quyền, đại biểu là John Locke, Charles Luis Montesquieu. Nội dung của các học thuyết này, về căn bản, là phân định độc lập và trao cho các cơ quan khác nhau thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp và các nhánh quyền lực kìm chế, kiểm soát lẫn nhau⁸⁴.

Trong xã hội hiện đại, các Nhà nước đều thừa nhận sự tách biệt của quyền tư pháp khỏi quyền lập pháp và quyền hành pháp; đồng thời thiết lập một hệ thống cơ quan độc lập thực hiện quyền tư pháp, được gọi là Tòa án. Quyền tư pháp là một trong ba nhánh quyền lực. Xét xử trở thành một chức năng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, một hoạt động quyền lực Nhà nước đặc thù. Hoạt động xét xử của Tòa án được tiến hành bằng thủ tục công khai, minh bạch, thuận tiện và dân chủ. Bản thân thủ tục tư pháp là một thủ tục dân chủ để mọi người dân có thể bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Các bên đều có thể biết về các thủ tục đó⁸⁵. Thuật ngữ Tòa án trong tiếng Latinh là Forum, nghĩa là nơi công đường, nơi hoạt động của cộng đồng. Theo nghĩa đó, từ khi có Nhà nước, có hoạt động xét xử, thì đã có Tòa án⁸⁶. Ở hầu hết các quốc gia hiện nay, Toà án được ghi nhận là cơ quan là cơ quan xét xử của Nhà nước. Toà án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử và nhân danh Nhà nước để ra bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích của Nhà nước. Có thể nói hoạt động xét xử là “hoạt động nhân danh quyền lực Nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra quyết định về tính hợp pháp và tính đúng đắn của hành vi pháp luật hay quyết định pháp luật khi có sự tranh chấp và mâu thuẫn giữa các bên có lợi ích khác nhau”⁸⁷. Các quốc gia khác nhau sẽ xây dựng hoặc vận dụng các nguyên tắc xét xử khác nhau tùy thuộc vào truyền thống pháp lý, văn hoá, xã hội riêng biệt của mỗi nước.

⁸⁴ Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 608.

⁸⁵ Đặng Quốc Sứ, *Xét xử kịp thời, công bằng, công khai là nguyên tắc bảo đảm quyền con người, trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Cà Mau*, link: <http://pbgdpl.camau.gov.vn/xet-xu-kip-thoi-cong-bang-cong-khai-la-nguyen-tac-bao-dam-quyen-con-nguoi.3862>, truy cập 25/11/2023

⁸⁶ Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 608.

⁸⁷ Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp quyền của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 246.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đồng thời khắc phục những sai lầm có thể có trong các bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thì “số đông các nước đều áp dụng nguyên tắc hai cấp xét xử” là sơ thẩm và phúc thẩm⁸⁸.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, nguyên tắc xét xử phúc thẩm xuất hiện từ thời Đế quốc La mã và phát triển thành một thông lệ lâu đời với các thủ tục phức tạp dưới thời Justinian (Đế quốc Đông La mã), các hệ thống pháp luật theo truyền thống La Mã hoặc các hệ thống pháp luật dân sự như ngày nay. Thực tiễn xét xử phúc thẩm cũng rất khác nhau ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự do có sự khác nhau về quan điểm chính trị, pháp lý, từ các quy định trong Hiến pháp cũng như phong tục tập quán⁸⁹.

Tác giả *John Henry Merryman* và *Rogelio Perez – Perdomo* khi nghiên cứu về pháp luật TTDS của một số nước châu Âu, châu Hoa Kỳ La Tinh và Đông Á cho rằng, thủ tục phúc thẩm trong TTDS ở các nước này khác với thủ tục phúc thẩm tại Hoa Kỳ, nơi nó chủ yếu được coi là phương pháp sửa chữa những sai lầm về pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, quyền phúc thẩm bao gồm quyền xem xét lại các vấn đề sự kiện thực tế cũng như những vấn đề luật pháp⁹⁰. Bởi vì, khi phán quyết được đưa ra ở một cấp Tòa án, kháng cáo thường được đưa lên Tòa án cấp cao hơn. Các tòa phúc thẩm cho phép xem xét lại các quyết định ban đầu và tránh sai sót do lỗi của con người gây ra⁹¹. Chẳng hạn như ở Cộng hoà Pháp thì chức năng của Tòa phúc thẩm là tổ chức một phiên xét xử phúc thẩm đối với các quyết định tư pháp của Tòa án cấp sơ thẩm. Đây là một phiên xét xử mới, trong đó toàn bộ hồ sơ được đưa ra trước Tòa án để xem xét lại, cả vấn đề về sự kiện và pháp luật. Các chứng cứ mới có thể được đưa ra ở Tòa án cấp phúc thẩm. Người Pháp gọi Tòa án cấp phúc thẩm là “thẩm quyền xét xử kép” (double degré de juridiction). Điều này có nghĩa phúc thẩm là quyền được xét xử lần thứ hai trước một thẩm phán khác chứ không chỉ là việc xem xét các sai sót cụ thể⁹².

⁸⁸ Bùi Thị Huyền (2011), *Phiên toà sơ thẩm dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 10.

⁸⁹ Nina Nichols Pugh (1975), *The Structure and Role of Courts of Appeal in Civil Law Systems*, 35 La. L. Rev, page. 1163, <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol35/iss5/11>, truy cập ngày 13/8/2023

⁹⁰ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition*, Stanford University Press, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

⁹¹ Nina Nichols Pugh (1975), *The Structure and Role of Courts of Appeal in Civil Law Systems*, 35 La. L. Rev, page. 1163, <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol35/iss5/11>, truy cập ngày 13/8/2023.

⁹² Nina Nichols Pugh (1975), *The Structure and Role of Courts of Appeal in Civil Law Systems*, 35 La. L. Rev, page. 1165, <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol35/iss5/11>, truy cập ngày 13/8/2023.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ như Anh, Hoa Kỳ... phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay trừ trường hợp có lệnh hoãn thi hành án. Do đó, kháng cáo lên Toà án cấp cao hơn phải trên cơ sở quy định của pháp luật nhưng không có nghĩa thẩm quyền xét xử kép (*double degré de juridiction*) được thừa nhận. Điều này có nghĩa là phúc thẩm là để xem xét lại nhưng không phải là “*sơ thẩm lần thứ hai*”⁹³. Toà án cấp phúc thẩm xem xét vụ án dựa trên nguyên tắc “*hồ sơ kín*” tức là chỉ xem xét vụ án trên cơ sở hồ sơ xử sơ thẩm bởi tất cả các yêu cầu, chứng cứ, lời biện hộ đều được đưa ra ở giai đoạn sơ thẩm⁹⁴. Và như vậy, ở giai đoạn phúc thẩm sẽ không có việc xuất trình chứng cứ mới. Tuy nhiên, chứng cứ mới có thể được chấp nhận nhưng rất là hạn chế trừ khi có lý do đặc biệt. Án lệ của Anh đã đặt ra ba điều kiện để Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận chứng cứ mới: (i) đương sự phải chứng minh được chứng cứ không thể thu thập được trước đó; (ii) chứng cứ mới có ảnh hưởng quan trọng và mang tính quyết định đến phán quyết của Toà án; (iii) chứng cứ đáng tin cậy⁹⁵.

Hoàn toàn khác biệt với các hệ thống pháp luật trên thế giới, pháp luật Hồi giáo không thừa nhận quyền phúc thẩm, và vì vậy, không tồn tại Tòa án cấp phúc thẩm.” Nguyên nhân chính của quan niệm trên đây là do người Hồi giáo cho rằng pháp luật của họ là kinh thánh, là những lời răn dạy của Thánh Ala nên không thể có pháp luật sai; những thẩm phán là những người áp dụng pháp luật nhưng đồng thời cũng là những vị lãnh đạo tôn giáo luôn làm theo đúng thánh ý và do vậy, cũng không thể có sai lầm. Mặt khác, do không có cơ quan lập pháp độc lập, pháp luật chủ yếu là kinh thánh hoặc được giải thích, truyền đạt chủ yếu từ những người lãnh đạo tôn giáo và truyền đạo. Chính những vị lãnh đạo truyền giáo này lại được bổ nhiệm các chức vụ trong bộ máy Nhà nước nên họ đồng thời vừa là nhà lãnh đạo tôn giáo, vừa là người quản lý, lại vừa là thẩm phán, Do đó, những quan điểm của họ thường thống nhất với nhau và thống nhất với pháp luật (cũng có nghĩa là các tín điều tôn giáo)⁹⁶.

⁹³ J.A. Jolowicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 276.

⁹⁴ Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing, page 432.

⁹⁵ J.A. Jolowicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 277.

⁹⁶ Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – Nghiên cứu so sánh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, tr. 359.

Từ những phân tích trên có thể thấy, ở mỗi quốc gia khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, tập quán, truyền thống lập pháp mà phúc thẩm VADS có những điểm khác nhau, đó là:

- Ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, các đương sự, VKS (Viện công tố) (ở một số nước) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại VADS theo thủ tục phúc thẩm. Với tính chất của phúc thẩm VADS là xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm có quyền xét xử lại nội dung vụ án để kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm. Hay nói cách khác Tòa án cấp phúc thẩm có quyền xem xét lại vụ án về vấn đề sự kiện và luật pháp. Các đương sự được phép xuất trình chứng cứ mới và Tòa án cấp phúc thẩm có quyền ra một bản án mới.

- Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, tính chất của phúc thẩm VADS là xét lại bản án, quyết định sơ thẩm về vấn đề áp dụng pháp luật trên cơ sở kháng cáo của đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ án về vấn đề áp dụng pháp luật mà không xem xét lại vấn đề sự kiện thực tế. Tòa án cấp phúc thẩm rất ít khi chấp nhận hoặc không chấp nhận và xem xét các chứng cứ mới mà chỉ xem xét dựa trên hồ sơ vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm không có quyền ra một bản án mới để thay thế cho bản án của Tòa án cấp dưới.

Ở Việt Nam, nguyên tắc xét xử vụ án theo nhiều cấp được thực hiện khác nhau ở từng giai đoạn lịch sử. Nhưng, hiện nay theo quy định tại Điều 17 của BLTTDS năm 2015, chúng ta áp dụng nguyên tắc bảo đảm hai cấp xét xử. Theo đó, các bản án, quyết định sơ thẩm giải quyết VADS sau khi tuyên chưa có hiệu lực pháp luật (trừ trường hợp pháp luật quy định bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay) và còn một thời hạn để các đương sự có thể kháng cáo, VKS có thể kháng nghị. Nếu có kháng cáo hoặc kháng nghị thì bản án, quyết định sơ thẩm đó sẽ được Tòa án cấp trên tiến hành xét xử lại. Thủ tục xét xử lại này được gọi là thủ tục xét xử phúc thẩm dân sự.

Vậy, xét xử phúc thẩm VADS được hiểu như thế nào?

Đa phần các công trình khoa học chỉ tập trung nghiên cứu về khái niệm phúc thẩm VADS, khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, rất ít những công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống về xét xử phúc thẩm VADS. Ngay cả các tác giả nước ngoài như tác giả Serge Guinchard and Frédérique Ferrand của Pháp trong cuốn *Procédure civile Droit interne et droit communautaire* (Luật TTDS - Luật quốc nội và cộng đồng), các tác giả А.а. Мохов, И.В. Воронцова, С.Ю. Семенова trong Giáo trình Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России (Luật TTDS Nga) hoặc trong cuốn *Luận điểm về luật pháp của Anh* cũng chỉ đề cập đến khái niệm phúc thẩm hoặc khái niệm kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm chứ cũng không đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS.

Ở Việt Nam, theo *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, “*xét xử phúc thẩm được hiểu là việc Tòa án cấp trên xét xử lại một vụ án do cấp dưới đã xử sơ thẩm mà có chống án*”⁹⁷. Khái niệm này chưa hợp lý vì mới chỉ xác định được thẩm quyền xét xử phúc thẩm thuộc về Tòa án cấp trên của Tòa án đã xét xử sơ thẩm và tính chất của xét xử phúc thẩm là xét xử lại vụ án, nhưng chưa nêu rõ được căn cứ của xét xử phúc thẩm cũng như quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

Trong cuốn “*Thuật ngữ pháp lý phổ thông*” có đưa ra khái niệm: “*Xét xử phúc thẩm là một biện pháp của Tòa án cấp trên kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án và quyết định của Tòa án cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị*”⁹⁸. Theo khái niệm này thì xét xử phúc thẩm là một biện pháp để kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới chứ không quy định rõ là sau khi kiểm tra phát hiện các bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới có sai sót thì Tòa án cấp trên có quyền ra các quyết định để khắc phục các sai lầm đó không? Khái niệm này mới chỉ nêu được đối tượng của xét xử phúc thẩm là các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật và mục đích của xét xử phúc thẩm là kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm mà chưa nêu được tính chất của xét xử phúc thẩm⁹⁹. Ngoài ra, khái niệm này đang đồng nhất xét xử phúc thẩm VADS và phúc thẩm VADS.

⁹⁷ Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.790.

⁹⁸ *Thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1978), Nxb Pháp lý, Hà Nội, tr. 238

⁹⁹ Học viện tư pháp (2014), *Giáo trình Luật TTDS ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.320.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, khái niệm xét xử phúc thẩm VADS được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau như một hoạt động tố tụng, hay một thủ tục tố tụng, một cấp xét xử hay hệ thống các quy định của pháp luật TTDS.

Dưới góc độ là hoạt động tố tụng, hoạt động xét xử phúc thẩm VADS được bắt đầu và kết thúc ở thời điểm nào của quá trình tố tụng và bao gồm những hoạt động tố tụng nào?

Đa phần các nhà khoa học ở các nước trên thế giới không đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS nhưng lại trình bày *xét xử phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động của phúc thẩm VADS*.

Tác giả J.A. Jolowwicz trong cuốn sách “*On civil procedure*” (Về luật TTDS) cho rằng: tương tự như thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm được chia thành giai đoạn chuẩn bị xét xử và xét xử (hearing)¹⁰⁰. Chẳng hạn, theo thủ tục tố tụng của Anh thì tương tự như thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm được chia thành giai đoạn chuẩn bị xét xử và xét xử (hearing)¹⁰¹. Để phục vụ cho việc xét xử phúc thẩm thì Toà án cấp phúc thẩm sẽ được cung cấp một khối lượng lớn các tài liệu, chứng cứ. Đó là, thông báo của bên kháng cáo, bên bị kháng cáo, các văn bản tố tụng, bản án, quyết định của Toà án cấp dưới, tất cả các tài liệu đã được trình lên Toà án trước đó, bản sao lời khai bằng miệng tại phiên toà. Thông thường, tại phiên xét xử phúc thẩm VADS thì các lập luận cho việc kháng cáo sẽ được trình bày miệng và các luật sư sẽ tranh luận với HĐXX phúc thẩm về việc áp dụng pháp luật. Sau đó, HĐXX sẽ ra phán quyết ngay tại phiên toà phúc thẩm VADS. Tuy nhiên, trong trường hợp khó khăn chưa thể ra phán quyết ngay được thì HĐXX có thể “bảo lưu phán quyết” tức là có khoảng thời gian để quyết định. Bởi vì, phán quyết của HĐXX phúc thẩm rất quan trọng cho việc làm rõ luật¹⁰².

Ở Hoa Kỳ, theo Giáo sư *Micheal Browde*, sau khi các bên đương kháng cáo, các bên phải nộp cho Toà án cấp phúc thẩm toàn bộ chứng cứ đã trình cho Toà án cấp sơ thẩm, nộp văn bản thể hiện quan điểm về việc áp dụng pháp luật của Toà án

¹⁰⁰ J.A. Jolowwicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 272, 273.

¹⁰¹ J.A. Jolowwicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 272, 273.

¹⁰² J.A. Jolowwicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 278, 279.

cấp sơ thẩm. Lý do của đương sự có thể là Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích và áp dụng sai điều luật, hoặc các đương sự cho rằng điều luật mà nguyên đơn hoặc bị đơn hoặc Tòa án viện dẫn là sai. Sau đó, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ triệu tập đương sự và cho hai bên đương sự thông qua luật sư trực tiếp tranh luận, bằng lời nói và qua các văn bản trước một hội đồng gồm ba thẩm phán. Tại phiên toà xét xử phúc thẩm VADS, luật sư của các bên trình bày về việc áp dụng pháp luật trong việc ra phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, HĐXX sẽ nêu các câu hỏi liên quan đến vụ án. Bản chất của phiên toà phúc thẩm là sự tranh luận về áp dụng pháp luật giữa luật sư của các bên với Tòa án (cụ thể là HĐXX). Sau khi kết thúc tranh luận thì các thẩm phán tiến hành nghị án và công bố bản án phúc thẩm. Nội dung của bản án có thể là quyết định, phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, hoặc phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ, trái pháp luật. Lúc đó, hồ sơ vụ kiện sẽ được chuyển lại cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại¹⁰³.

Như vậy, ở các nước thuộc hệ thống pháp luật án lệ, việc xét xử phúc thẩm VADS được xác định là một trong các hoạt động của phúc thẩm VADS và được thực hiện khi mà các bên đã trình cho Tòa án cấp phúc thẩm toàn bộ các chứng cứ của vụ kiện như đã xuất trình ở Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như văn bản thể hiện quan điểm của các bên về việc áp dụng pháp luật trong việc ra phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. Việc xét xử phúc thẩm VADS sẽ kết thúc khi HĐXX ra phán quyết về việc giải quyết vụ án.

Trong cuốn Giáo trình Luật TTDS Liên Bang Nga thì các tác giả *A.a. Мохов, и.в. воронцова, с.Ю. сеМёнова* cũng trình bày phúc thẩm VADS bao gồm: kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm, xét xử theo thủ tục phúc thẩm và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm. Sau khi kháng cáo của người kháng cáo, đề nghị của VKS được chấp nhận, các bên đương sự trình cho Tòa án cấp sơ thẩm văn bản phản bác kháng cáo, đề nghị của VKS kèm theo tất cả các tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc phản bác (bao gồm cả tài liệu, chứng cứ mới với điều kiện nhất định). Tòa án cấp sơ thẩm sẽ gửi bản sao đơn kháng cáo, văn bản phản bác kháng cáo, đề nghị của VKS và tài

¹⁰³ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỷ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 25, 26.

liệu, chứng cứ cho các bên. Khi hết thời hạn kháng cáo, Toà án cấp sơ thẩm sẽ gửi toàn bộ hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, văn bản phản bác kháng cáo, đề nghị của VKS và tài liệu, chứng cứ cho Toà án cấp phúc thẩm. Và việc xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện sau khi Toà án cấp phúc thẩm nhận được toàn bộ tài liệu mà Toà án cấp sơ thẩm chuyển lên. Thủ tục xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện như phiên toà sơ thẩm với những những đặc thù riêng của phúc thẩm VADS¹⁰⁴.

Như vậy, xét xử phúc thẩm VADS không hoàn toàn đồng nhất với phúc thẩm VADS hoặc phiên toà phúc thẩm VADS.

Xét xử phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động của phúc thẩm VADS. Phúc thẩm VADS được bắt đầu từ khi có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm dân sự và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án phúc thẩm. Phúc thẩm VADS bao gồm các hoạt động: kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm dân sự, chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS và xét xử phúc thẩm VADS. Xét xử phúc thẩm VADS được bắt đầu từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án, quyết định phúc thẩm. Xét xử phúc thẩm VADS bao gồm các hoạt động: các công việc được tiến hành để mở phiên toà xét xử phúc thẩm VADS, phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm và bản án, quyết định phúc thẩm VADS. Còn phiên toà phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động xét xử phúc thẩm VADS bao gồm các vấn đề như: HĐXX, người tham gia tố tụng; nguyên tắc tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS, thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS dưới góc độ là hoạt động tố tụng như sau:

Xét xử phúc thẩm VADS là hoạt động tố tụng của Toà án cấp phúc thẩm được thực hiện từ thời điểm Toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi Toà án ra bản án, quyết định phúc thẩm, theo đó Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên

¹⁰⁴ А.а. Мохов, и.в. воронцова, с.Ю. сеМёнова (2017), Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) россии, tr. 233, 238, 239.

quan đến kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục TTDS nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng và bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Dưới góc độ là thủ tục tố tụng: *“thủ tục chỉ định thể thức phải làm để đạt được một kết quả nhất định”*¹⁰⁵. Do đó, thủ tục tố tụng là cách thức, trình tự mà pháp luật quy định để Tòa án giải quyết một vụ án. Căn cứ vào các vụ án có tính chất khác nhau mà pháp luật quy định các thủ tục tố tụng khác nhau, đó là thủ tục TTDS, thủ tục tố tụng hành chính và thủ tục tố tụng hình sự.

*“Thủ tục TTDS là cách thức, trình tự để Tòa án giải quyết một vụ án dân sự tại bất kỳ Tòa án thường nào”*¹⁰⁶. Thủ tục này tương ứng với tính chất của thủ tục xét xử. Do đó, có thủ tục xét xử sơ thẩm VADS, thủ tục xét xử phúc thẩm VADS, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng, thủ tục xét xử phúc thẩm VADS chính là thủ tục tố tụng tại phiên toà phúc thẩm VADS. Ý kiến khác lại cho rằng, thủ tục xét xử phúc thẩm VADS không chỉ bao gồm thủ tục tố tụng tại phiên toà phúc thẩm VADS mà bao gồm cả thủ tục được thực hiện trước và sau khi kết thúc phiên toà phúc thẩm VADS.

Về nguyên tắc, khi Tòa án cấp phúc thẩm sau khi tiến hành các hoạt động chuẩn bị xét xử phúc thẩm và không có căn cứ ra quyết định ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Kể từ thời điểm này Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành các thủ tục để mở phiên toà phúc thẩm VADS như gửi hồ sơ vụ án cho VKS nghiên cứu, xem xét, nghiên cứu lại toàn bộ hồ sơ vụ án (xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp? xác định các vấn đề về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng không? nghiên cứu lại nội dung của vụ án; xác định các chứng cứ để giải quyết vụ án đã đầy đủ và được cung cấp, thu thập có theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định không?, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng có đúng không?), xử lý các tình huống xảy ra như

¹⁰⁵ Nguyễn Huy Đầu (1962), *Luật Dân sự - Tố tụng Việt Nam*, Xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Tư pháp, Sài Gòn, tr. 4.

¹⁰⁶ J.A. Jolowicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, tr. 11.

đương sự thoả thuận được với nhau, xuất hiện các căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ xét xử phúc thẩm, đình chỉ giải quyết VADS, có yêu cầu của đương sự về việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, yêu cầu hoãn phiên toà.... Nếu vụ án đã đủ cơ sở để mở phiên toà phúc thẩm thì HĐXX sẽ tiến hành thủ tục xét xử tại phiên toà (bắt đầu phiên toà, tranh tụng, nghị án và tuyên án). Kết thúc phiên toà phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm VADS căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm, các quy định của pháp luật ra bản án, quyết định phúc thẩm để giữ nguyên, sửa, huỷ bản án, quyết định sơ thẩm hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ xét xử phúc thẩm VADS.

Thủ tục xét xử phúc thẩm có những điểm khác biệt so với thủ tục xét xử sơ thẩm, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Nếu thủ tục xét xử sơ thẩm là thủ tục xét xử lần đầu VADS thì thủ tục xét xử phúc thẩm VADS là thủ tục xét xử lại VADS mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Do là lần xét xử thứ hai nên thủ tục xét xử tại phiên toà phúc thẩm VADS có điểm tương đồng với thủ tục xét xử tại phiên toà sơ thẩm VADS (đều gồm các bước: bắt đầu phiên toà, tranh tụng, nghị án và tuyên án). Tuy nhiên, việc xét xử phúc thẩm VADS chỉ trong phạm vi nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với phần của bản án, quyết định sơ thẩm và những nội dung có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Khi xét xử sơ thẩm VADS, Toà án cấp sơ thẩm triệu tập tất cả các đương sự, những người tham gia tố tụng để giải quyết yêu cầu của các đương sự và thủ tục tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm tập trung vào giải quyết yêu cầu của đương sự. Khi xét xử phúc thẩm VADS thì Toà án cấp phúc thẩm chỉ triệu tập những người có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và việc tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm chỉ xoay quanh việc giải quyết nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm VADS. Kết thúc tranh tụng, HĐXX phúc thẩm căn cứ vào kết quả tranh tụng và quy định của pháp luật để ra phán quyết giữ nguyên, sửa, huỷ bản án, quyết định sơ thẩm hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ xét xử phúc thẩm VADS.

Thủ tục xét xử phúc thẩm VADS cũng có những điểm khác biệt so với thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là thủ tục tố tụng đặc biệt, xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi phát hiện ra sai lầm, vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án. Do đó, thủ tục giám đốc thẩm không cần triệu tập các đương sự, phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm không mở công khai. Phạm vi giám đốc thẩm, tái thẩm không chỉ trong phạm vi của kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà còn cả về những phần không bị kháng nghị hoặc không liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị, nếu phần quyết định đó xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người thứ ba không phải là đương sự trong vụ án. Nếu thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm không xét xử lại nội dung vụ án thì thủ tục xét xử phúc thẩm có quyền xét xử lại nội dung vụ án. Do đó, HĐXX phúc thẩm VADS có quyền sửa bản án, quyết định sơ thẩm. Còn hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm thì không có quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật¹⁰⁷.

Dưới góc độ là một thủ tục tố tụng thì thủ tục xét xử phúc thẩm là trình tự, cách thức để Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng và bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Dưới góc độ là hệ thống các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS: về lý luận, “hệ thống quy phạm pháp luật nói chung là tổng thể các quy định pháp luật, có sự liên kết, gắn bó thống nhất nội tại với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, được phân định thành các bộ phận như quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật...”¹⁰⁸. Vì vậy, dưới góc độ nghiên cứu này thì xét xử phúc thẩm VADS là tổng thể các quy định pháp luật có sự liên kết thống nhất điều chỉnh

¹⁰⁷ Mặc dù pháp luật TTDS Việt Nam quy định HĐXX giám đốc thẩm có quyền sửa bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng dưới góc độ lý luận và tính chất của thủ tục giám đốc thẩm thì HĐXX giám đốc thẩm không có quyền sửa bản án.

¹⁰⁸ Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 334.

hành vi giữa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Toà án xét xử phúc thẩm VADS. Các quy định pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS bao gồm những quy phạm điều chỉnh các quan hệ phát sinh từ thời điểm Toà án cấp phúc thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án, quyết định về việc giải quyết vụ án. Theo đó, hệ thống quy định pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS bao gồm: các công việc được thực hiện sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm VADS; phạm vi xét xử phúc thẩm VADS; phiên toà phúc thẩm VADS; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS; bản án, quyết định phúc thẩm VADS...

Tuy nhiên, trong phạm vi của luận án, NCS tập trung nghiên cứu các nội dung sau: phạm vi xét xử phúc thẩm VADS; phiên toà phúc thẩm VADS; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

Như vậy, dưới góc độ là một hệ thống quy phạm pháp luật, có thể đưa ra khái niệm về hệ thống quy phạm pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS như sau:

Hệ thống quy phạm pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS là tổng thể các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng.

1.1.2. Đặc điểm của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Xét xử phúc thẩm VADS có những đặc điểm chung của phúc thẩm VADS, đó là: (i) cơ sở để tiến hành xét xử phúc thẩm VADS dựa trên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ đối với một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; (ii) đối tượng của xét xử phúc thẩm là VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật trên cơ sở có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; (iii) chủ thể có quyền tiến hành xét xử phúc thẩm VADS là Toà án cấp phúc thẩm (cụ thể là các thẩm phán); (iv) mục đích của xét xử phúc thẩm VADS là khắc phục những sai lầm, thiếu sót trong bản án, quyết định sơ thẩm qua đó bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng cũng như đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Xét xử phúc thẩm VADS có những đặc điểm riêng phân biệt với xét xử sơ thẩm VADS và xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự, đó là:

- *Xét xử phúc thẩm là xét xử lại VADS trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị đối với phần bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật hoặc có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị*

Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì xét xử phúc thẩm VADS không phải là xét xử lại VADS mà là xét lại bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở kháng cáo của đương sự. Giáo sư *Micheal Browde* cho rằng, ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì “tòa phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ kiện đúng như đã diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm”¹⁰⁹. Theo tác giả *Julian M. Wilson and Sarah Christiansen* thì ở Anh, đã từng có nhiều tranh luận mang tính học thuật về chức năng của Tòa án cấp phúc thẩm và cơ sở để kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Các nhà bình luận và các thẩm phán đều có ý kiến khác nhau về việc liệu bản chất của phúc thẩm là xem xét lại quyết định của Tòa án cấp dưới hay xét xử lại vụ án... Tuy nhiên, gần đây các học giả cho rằng ý tưởng cho rằng thủ tục tố tụng phúc thẩm là xét xử lại vụ án là một quan niệm sai lầm, mặc dù có thể đưa ra chứng cứ mới trong đơn kháng cáo nhưng điều này là rất hiếm¹¹⁰. Sở dĩ các nước theo truyền thống án lệ cho rằng xét xử phúc thẩm VADS là xét lại bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm chứ không phải xét xử lại vụ án vì bản án, quyết định sơ thẩm được đưa ra dựa trên một quy trình xét xử sơ thẩm khách quan, minh bạch với việc tranh tụng bình đẳng, công khai các chứng cứ tài liệu, căn cứ pháp lý. Vì vậy, Tòa án cấp trên sẽ không xét xử lại lần thứ hai mà chỉ xem xét lại bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo.

¹⁰⁹ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỷ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 25.

¹¹⁰ Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 143, 144.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, xét xử phúc thẩm VADS dựa trên nguyên tắc hai cấp xét xử, theo đó xét xử phúc thẩm VADS là việc xét xử lại VADS trên cơ sở kháng cáo của đương sự đối với các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Tác giả *John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo* cho rằng, ở các nước theo truyền thống luật dân sự, Toà án cấp phúc thẩm có quyền “xem xét lại những sự kiện thực tế cũng như những vấn đề lập pháp”¹¹¹. Với quan niệm rằng thẩm phán mặc dù được đào tạo chuyên môn về luật pháp, có kinh nghiệm xét xử và được sự hỗ trợ những kinh nghiệm thực tế cuộc sống của hội thẩm hay phụ thẩm khi xét xử nhưng dầu sao vẫn là những con người bình thường, tức là cũng có thể mắc những sai lầm do trình độ, nhận thức hoặc cảm tính cá nhân. Để khắc phục những sai sót có thể xảy ra đó, pháp luật tạo điều kiện cho các đương sự sau khi xét xử lần đầu (sơ thẩm) có cơ hội yêu cầu tòa áp cấp trên xét xử lại một lần nữa (phúc thẩm). Tuy nhiên, Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo.

Ở Việt Nam, do chịu nhiều ảnh hưởng của truyền thống pháp luật dân sự nên xét xử phúc thẩm VADS được xác định là việc Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS khi bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Bản chất của xét xử phúc thẩm không phải là một thủ tục xét xử mới đối với một vụ án, mà đó là cấp xét xử thứ hai, được tiến hành sau thủ tục sơ thẩm nhằm bảo đảm tính thận trọng cho các phán quyết nhân danh Nhà nước. Khi xét xử phúc VADS thì Toà án cấp phúc thẩm cũng chỉ xem xét những phần của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị. Điều này có nghĩa là, để tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, quyền kháng nghị của VKS thì kháng cáo, kháng nghị đối với phần nào của bản án, quyết định sơ thẩm thì phần đó sẽ bị xem xét lại hoặc khi xem xét kháng cáo, kháng nghị có liên quan những phần của bản án, quyết định sơ thẩm thì Toà án cấp phúc thẩm cũng giải quyết luôn.

¹¹¹ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

Có thể thấy, do cùng là các cấp xét xử nên xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm VADS đều được xác định là việc xem xét, đánh giá và đưa ra phán quyết để giải quyết về nội dung quyền lợi giữa các bên tranh chấp. Song, do xét xử phúc thẩm VADS là xét xử lại nên so với xét xử sơ thẩm là việc xét xử vụ án lần đầu cũng có điểm khác biệt. Ở phúc thẩm, Toà án có quyền kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm. Với những vấn đề mà Toà án cấp sơ thẩm đã làm tốt thì Toà án cấp phúc thẩm không cần làm lại. Chẳng hạn, nếu xét thấy việc chứng minh và thu thập chứng cứ của Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ và đúng thì Toà án cấp phúc thẩm không cần thu thập chứng cứ bổ sung mà chỉ tập trung đánh giá Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng pháp luật nội dung, pháp luật tố tụng khi ra bản án, quyết định hay chưa. Với bản chất là cấp xét xử thứ hai, HĐXX phúc thẩm không xem xét lại những vấn đề mới phát sinh tại Toà án cấp phúc thẩm mà chưa được Toà án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Bên cạnh đó, khi xét xử, Toà án cấp phúc thẩm cũng chỉ xem xét lại phần bản án, quyết định sơ thẩm trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị và những phần bản án, sơ thẩm có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Xét xử phúc thẩm VADS có nhiều điểm khác biệt so với xét lại bản án, quyết định của Toà án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Giám đốc thẩm, tái thẩm là việc xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi phát hiện ra có sai lầm, vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có tình tiết mới trên cơ sở kháng nghị của người có thẩm quyền. Việc xét lại bản án, quyết định của Toà án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm không phải là thủ tục tố tụng đương nhiên tiếp theo của trình tự TTDS. Xét trên phương diện lí luận thì việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là hệ quả của hoạt động kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc xét xử (giám đốc việc xét xử), kiểm sát việc xét xử của Toà án cấp trên, VKS cấp trên đối với Toà án cấp dưới. Khi thực hiện nhiệm vụ giám đốc việc xét xử, kiểm sát việc xét xử nếu thấy bản án, quyết định của Toà án cấp dưới có sai lầm, vi phạm pháp luật thì những người có thẩm quyền phải có quyền kháng nghị bản án, quyết định yêu cầu xét lại để đảm bảo

tính chính xác của một phán quyết do cơ quan có thẩm quyền đưa ra¹¹². Với tính chất như vậy, khi giám đốc thẩm, tái thẩm xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Toà án chỉ xem xét trên cơ sở chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên vấn đề bổ sung, xem xét chứng cứ mới không được đặt ra, đồng thời Toà án sẽ không xét xử lại về nội dung vụ án. Còn đối với xét xử phúc thẩm, xét xử lại vụ án về mặt nội dung ở cấp phúc thẩm là đi sâu xác định lại thực chất của vụ án. Trên cơ sở đánh giá lại những chứng cứ mới, cấp phúc thẩm có thể có được những quyết định về những vấn đề về nội dung vụ án và những quyết định khác có liên quan, những quyết định này có thể giống hoặc khác so với quyết định của tòa án cấp sơ thẩm¹¹³.

- Xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai với sự tham gia của các chủ thể kháng cáo, kháng nghị, những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm

Phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai nên việc xét xử phúc thẩm VADS phải được tiến hành công khai với sự tham gia tố tụng của các chủ thể kháng cáo, kháng nghị, các chủ thể có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị trừ trường hợp đặc biệt cần giữ gìn bí mật Nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ trẻ chưa thành niên, giữ gìn bí mật nghề nghiệp, bí mật cá nhân, gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng thì Tòa án có thể xét xử kín. Sự có mặt của tất cả những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị là cơ hội để những chủ thể này bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước khi Tòa án ra bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay. Do đó, khi xét xử phúc thẩm những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phải được quyền tham gia và tranh tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nếu họ vắng mặt thì việc xét xử phúc thẩm phải bị hoãn. Tuy nhiên, trong một số trường hợp họ vắng mặt trong phiên toà phúc thẩm VADS thì phiên toà vẫn được tiến hành bình thường, nếu họ yêu cầu xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện tham gia phiên toà hoặc HĐXX nhận thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

¹¹² Nguyễn Bình (2004), *Chế định giám đốc thẩm dân sự*, Tạp chí Luật học, số 4, tr.14.

¹¹³ Phan Thanh Mai (2000), *Bàn về tính chất của phúc thẩm*, Tạp chí Luật học, số 1, tr.42.

Xét xử phúc thẩm VADS cũng như xét xử sơ thẩm VADS là đều được tiến hành công khai, đều triệu tập người tham gia tố tụng nhưng xét xử phúc thẩm VADS chỉ liên quan đến những người kháng cáo, kháng nghị và những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Còn việc xét xử sơ thẩm VADS liên quan đến tất cả những chủ thể có tranh chấp và những người có liên quan đến VADS.

Xét xử phúc thẩm VADS khác với xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự. Đó là, xét xử phúc thẩm VADS được tiến hành công khai. Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm chỉ triệu tập người tham gia tố tụng trong trường hợp cần thiết, đa số phiên tòa không có người tham gia tố tụng; trường hợp có triệu tập người tham gia tố tụng thì sự có mặt hay vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc mở phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Khi tiến hành xét xử phúc thẩm VADS, HĐXX có thể ra phán quyết mới về nội dung vụ án để sửa chữa, khắc phục những sai sót trong bản án sơ thẩm

Do tính chất của phúc thẩm VADS khác nhau ở các quốc gia theo truyền thống pháp luật án lệ hay các quốc gia theo truyền thống pháp luật dân sự nên quyền quyết định của HĐXX phúc thẩm ở các quốc gia này cũng khác nhau.

Ở các quốc gia theo truyền thống pháp luật án lệ thì Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án, quyết định sơ thẩm dưới góc độ áp dụng pháp luật và chỉ sửa chữa, khắc phục sai sót trong việc áp dụng pháp luật trong bản án sơ thẩm, HĐXX phúc thẩm không ra phán quyết mới. Chẳng hạn, theo thủ tục tố tụng của Hoa Kỳ thì phúc thẩm không xét xử lại VADS và không thu thập thêm chứng cứ. Vai trò của Tòa án cấp phúc thẩm là xem xét việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Các bên đương sự có quyền được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử công bằng và ra phán quyết đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm có nhiệm vụ đảm bảo rằng quá trình xét xử ở Tòa án cấp sơ thẩm diễn ra công bằng và pháp luật được áp dụng đúng đắn, ngoài trừ những trường hợp bất thường, còn về nguyên tắc Tòa án cấp phúc thẩm không được nghi ngờ về phán quyết của thẩm phán hay bồi thẩm đoàn¹¹⁴.

¹¹⁴ Joseph W. Glannon, Andrew M. Perlman, Peter Raven-Hansen (2021), *Civil Procedure*, Fourth Edition, Aspen publishing, The United State of America, page. 22-23.

Ví dụ: đơn kháng cáo khẳng định thẩm phán sơ thẩm đã từ chối quyền tiếp cận thông tin quan trọng không đúng khiến nguyên đơn không thể chứng minh một trong các yếu tố trong yêu cầu của mình. Nếu điều này đúng, nguyên đơn đã không có cơ hội đầy đủ để chứng minh vụ án của mình và Toà án cấp phúc thẩm sẽ trả lại hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm để Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại. Hoặc giả sử thẩm phán hướng dẫn bồi thẩm đoàn không đúng và điều này ảnh hưởng đến phán quyết của bồi thẩm đoàn. Hay nói cách khác, bồi thẩm đoàn đã đánh giá chứng cứ theo quy tắc pháp lý không đúng. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm sẽ sửa lỗi bằng cách trả lại vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại với hướng dẫn phù hợp¹¹⁵.

Ở các quốc gia theo truyền thống pháp luật dân sự thì Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS cả về vấn đề sự kiện và áp dụng pháp luật trên cơ sở kháng cáo của các chủ thể. HĐXX phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có quyền “thay đổi, bổ sung, chấp nhận hay hủy bỏ các nội dung về mặt sự kiện và pháp lý trong bản án sơ thẩm”¹¹⁶.

Chẳng hạn, theo pháp luật TTDS Liên bang Nga, Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo đó, Toà án cấp phúc thẩm: (i) kiểm tra tính hợp pháp của bản án, tức là kiểm tra xem bản án có căn cứ vào các quy định pháp luật nội dung và pháp luật luật tố tụng không?; (ii) kiểm tra tính hợp lệ của bản án, tức là kiểm tra tính tính đúng đắn và đầy đủ của việc xác định các tình tiết thực tế của vụ án và và việc kết luận của Toà án cấp sơ thẩm có phù hợp với các tình tiết đó không. Toà án cấp phúc thẩm không có quyền trả lại vụ án để xét xử lại tại Toà án sơ thẩm, trong trường hợp hủy bỏ bản án thì Toà án cấp phúc thẩm có nghĩa vụ phải đưa ra phán quyết hoặc quyết định mới¹¹⁷.

Ở Việt Nam, với nguyên tắc hai cấp xét xử thì tính chất của phúc thẩm VADS là xét xử lại VADS cả về sự kiện pháp lý và áp dụng pháp luật. HĐXX phúc thẩm VADS cũng có quyền xem xét lại vấn đề áp dụng pháp luật và sự kiện trong vụ án và tùy từng trường hợp có thể giữ nguyên, sửa, huỷ bản án sơ thẩm.

¹¹⁵ Joseph W. Glannon, Andrew M. Perlman, Peter Raven-Hansen (2021), *Civil Procedure*, Fourth Edition, Aspen publishing, The United State of America, page. 1144.

¹¹⁶ Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – nghiên cứu so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, tr. 358.

¹¹⁷ РОССИЙСКИЙ ГОСУДАРСТВЕННЫЙ УНИВЕРСИТЕТ ПРАВОСУДИЯ, *Гражданский процесс Учебник*, Москва, Tr. 226

Như vậy, có thể thấy, tùy từng quốc gia mà HĐXX phúc thẩm có thể ra phán quyết về việc chấp nhận, thay đổi, huỷ bỏ hay ra bản án mới để khắc phục sửa chữa những sai sót về việc áp dụng pháp luật và sự kiện trong quá trình Toà án cấp sơ giải quyết vụ án hoặc chỉ về việc áp dụng pháp luật.

Điều này hoàn toàn khác biệt với xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Theo đó, HĐXX giám đốc thẩm chỉ xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật về việc áp dụng pháp luật và chỉ sửa chữa, khắc phục những sai sót trong việc áp dụng pháp luật. HĐXX tái thẩm xác định có hay không có tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để giữ nguyên hay huỷ bản án đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại.

1.1.3. Ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

1.1.3.1. Về phương diện pháp lý

Về ý nghĩa của xét xử phúc thẩm thì tác giả *Jack. I.H. Jacob* trong cuốn “*The Fabric of English Civil Justice*” khẳng định: trong hệ thống pháp luật án lệ và ở Anh thì việc áp dụng án lệ để giải quyết vụ án là rất quan trọng nên việc xét xử phúc thẩm còn là để toà phúc thẩm giải thích và làm rõ luật, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất đáp ứng các thay đổi của xã hội¹¹⁸. Còn trong cuốn *Civil litigation in comparative context*, tác giả *Adrian Zuckerman* thì khẳng định ở tất cả các hệ thống pháp luật dân sự hay hệ thống pháp luật án lệ thì việc xét xử phúc thẩm nhằm đảm bảo cả mục đích công và lợi ích tư, theo đó, lợi ích tư là bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia tố tụng, còn mục đích công là làm rõ và phát triển luật, thúc đẩy niềm tin của công chúng vào thực thi công lý¹¹⁹.

Ở Việt Nam, xét xử phúc thẩm VADS có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục những sai lầm có thể có trong những bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Toà án, bảo đảm bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ

¹¹⁸ Jack L.H. Jacob (1987), *The Fabric of English Civil Justice*, Steven & Son Press, page. 212.

¹¹⁹ Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing, page. 431.

chức cũng như các lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước¹²⁰. Qua quá trình xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm khi kiểm tra tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm có khả năng phát hiện ra những sai lầm, thiếu sót trong việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, thông qua đó bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Đối với tất cả các vụ án sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, những người tham gia tố tụng được pháp luật quy định có quyền kháng cáo, VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên có quyền kháng nghị. Nội dung của kháng cáo, kháng nghị là căn cứ để Tòa án cấp trên xét xử lại. Bên cạnh ý nghĩa bảo đảm quyền con người trong TTDS xét xử phúc thẩm còn có ý nghĩa trong việc áp dụng đúng đắn và thống nhất pháp luật. Thông qua việc kiểm tra, phát hiện và sửa chữa những sai lầm của Tòa án xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm giải thích và vận dụng đúng pháp luật, đồng thời, rút kinh nghiệm, hướng dẫn công tác xét xử, tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất tại các Tòa án.

Hơn nữa, việc quy định một VADS có thể được xét xử ở hai cấp xét xử khác nhau là phù hợp quy luật của nhận thức nhằm đảm bảo tính đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử. Quy định nguyên tắc hai cấp xét xử thể hiện thái độ thận trọng của Nhà nước trong việc đưa ra phán xét quyết định về tài sản và nhân thân, về số phận pháp lý, quyền lợi và tài sản, danh dự của đương sự. Việc xét xử phải nhằm đến mục đích cao nhất là bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, đưa ra các phán quyết chấm dứt các tranh chấp dân sự. Do vậy sẽ là không công bằng nếu như tước bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án một lần nữa tại một phiên tòa xét xử khác, nếu như chưa thể có các điều kiện khẳng định hay bảo đảm rằng, phán quyết của lần xét xử đầu tiên là hoàn toàn chính xác.

Xét xử phúc thẩm VADS là một trong những nội dung quan trọng của nguyên tắc hai cấp xét xử, đảm bảo việc xét xử của Tòa án được công bằng, đúng quy định pháp luật. Việc quy định nguyên tắc là cơ sở pháp lý cho các đương sự là người có

¹²⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật TTDS Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, tr.308.

quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến vụ án có thể kháng cáo, VKS có thể kháng nghị bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án để xét xử lại ở cấp phúc thẩm, giúp kịp thời sửa chữa sai lầm hoặc vi phạm trong áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm, đồng thời nhờ đó mà chất lượng xét xử tại các cấp xét xử được nâng cao. Một VADS có thể được xét xử ở hai cấp cũng như quy định về việc bản án, quyết định sơ thẩm có thể bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa, hủy sẽ kịp thời sửa chữa được những sai lầm hoặc các vi phạm pháp luật mà cấp sơ thẩm đã mắc phải, góp phần nâng cao trách nhiệm của HĐXX sơ thẩm, giúp họ có thái độ thận trọng và có trách nhiệm hơn trước khi đưa ra phán quyết của mình.

Trong thực tiễn xét xử các vụ án, các Thẩm phán mặc dù công tâm có trình độ pháp luật tuy nhiên khi tiến hành xét xử thì khó tránh khỏi sai sót. Do đó, xét xử phúc thẩm giúp hạn chế những bản án có sai sót trong áp dụng pháp luật. Đây cũng là điều kiện để Tòa án cấp trên giám sát hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới, khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới bảo đảm cho quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

Xét xử phúc thẩm VADS có ý nghĩa trong việc bảo vệ và hoàn thiện pháp luật. Hoạt động xét xử được tiến hành trên cơ sở pháp luật, không thể vượt quá giới hạn phạm vi luật định. Do đó, thông qua hoạt động xét xử, mục đích, ý nghĩa của quy phạm pháp luật được bảo đảm thực hiện. Khi có hành vi vi phạm các quy phạm pháp luật, hoạt động xét xử có ý nghĩa khôi phục giá trị của các quy phạm pháp luật đó. Ngoài ra, hoạt động xét xử còn bảo vệ pháp luật bằng việc góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thông qua thực tiễn xét xử, có thể thấy được hiệu quả của pháp luật, trên cơ sở đó có những hướng hoàn thiện pháp luật¹²¹.

Xét xử phúc thẩm VADS góp phần giải thích pháp luật và mang tính sáng tạo cao. Đánh giá tổng quát về mối quan hệ giữa hoạt động lập pháp và tư pháp có thể thấy, hoạt động lập pháp được tiến hành trên cơ sở những quan hệ xã hội tương đối ổn định, nhưng khi áp dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống thì phát sinh những quan hệ xã hội cụ thể với những biểu hiện đa dạng, phong phú. Khi đó, Tòa án phải

¹²¹ Nguyễn Đăng Dung – Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 607.

tiến hành giải thích luật trong các trường hợp cụ thể. Các quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, khi áp dụng vào sự kiện pháp lý thực tiễn có thể có nhiều cách hiểu khác nhau theo đánh giá chủ quan của mỗi cá nhân. Những người tiến hành hoạt động xét xử cần phải lựa chọn những phương án giải thích tối ưu. Hơn nữa, luật không thể dự được mọi tình huống xảy ra trong xã hội, khi đó có tình trạng “lỗ hổng” pháp luật¹²². Trong trường hợp này, thông qua hoạt động xét xử, Tòa án có thể đưa ra những lý lẽ, lập luận dựa trên các nguyên tắc cơ bản của luật nhằm giải quyết VADS thấu tình, đạt lý. Những lập luận, đánh giá của Tòa án có thể là nguồn án lệ. Nhìn chung, ở những quốc gia theo truyền thống thông luật hay truyền thống luật dân sự, việc giải thích pháp luật đều được trao cho Tòa án. Thông thường, các Thẩm phán giải thích pháp luật thông qua những vụ việc cụ thể được giải quyết tại Tòa án. Giải thích pháp luật là nghĩa vụ, là một phần công việc hàng ngày của Thẩm phán ở các quốc gia này. Tác giả Tocqueville, trong cuốn “Nền dân trị Hoa Kỳ” đã nêu một trong ba đặc tính của quyền lực tư pháp là “phán quyết về những trường hợp riêng rẽ chứ không phát ngôn về các nguyên tắc chung¹²³. Và Peter J. Messitte, một thẩm phán liên bang Hoa Kỳ nói: “... các Thẩm phán thường có vai trò giải thích luật... thường quyết định các vụ kiện trên cơ sở hẹp nhất có thể ... chỉ có thể cần thiết vừa đủ để quyết định vụ án”¹²⁴.

Như vậy, Thẩm phán có nghĩa vụ phải giải thích pháp luật trong hoạt động xét xử của mình. Cần phải nói thêm rằng, ở Việt Nam, nhận định của thẩm phán đối với quy định pháp luật hoàn toàn khác về tính chất với giải thích pháp luật của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nếu giải thích pháp luật của Ủy ban thường vụ Quốc hội là có tính bắt buộc chung thì nhận định của Thẩm phán chỉ có hiệu lực trong vụ án cụ thể đó, trường hợp nhận định này là án lệ thì cũng chỉ được áp dụng cho những vụ án tương tự xảy ra trong tương lai.

¹²² Nguyễn Đăng Dung – Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 608.

¹²³ Tocqueville (2007), *Nền dân trị Mỹ tập 1*, Nxb Tri thức, Hà Nội, tr. 232.

¹²⁴ Phương thức hoạt động của Tòa án Hoa Kỳ (2007), Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, tr.46.

1.1.3.2. Về phương diện chính trị, xã hội

Xét xử phúc thẩm VADS góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân, thể hiện thái độ thận trọng của Nhà nước trong việc đưa ra phán quyết phải thận trọng, khách quan, chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật để đưa ra phán xét quyết định cuối cùng. Xét xử là một chức năng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, một hoạt động quyền lực Nhà nước đặc thù. Hoạt động xét xử của Tòa án được tiến hành bằng thủ tục công khai, minh bạch, thuận tiện và dân chủ. Bản thân thủ tục tư pháp là một thủ tục dân chủ để mọi người dân có thể bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Xét xử phúc thẩm là cơ hội để Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án nhằm bảo đảm tính đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử. Điều đó thể hiện thái độ thận trọng của Nhà nước trong việc phán xét số phận pháp lý, các quyền lợi về tài sản và nhân thân của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Thông qua hoạt động xét xử phúc thẩm, Toà án cấp phúc thẩm góp phần bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức pháp luật, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Toà án, nâng cao uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Toà án nói riêng. Bởi lẽ, việc xét xử phải nhằm mục đích bảo vệ được quyền lợi dân sự hợp pháp của mọi con người. Do vậy, sẽ không công bằng nếu tước bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự một lần nữa tại một cấp xét xử cao hơn, nếu như chưa thể có các điều kiện thực tế để khẳng định hay bảo đảm rằng, phán quyết của cấp xét xử thứ nhất là hoàn toàn chính xác. Khi biết được kết quả xét xử phúc thẩm, thấy được sự đánh giá về tính đúng đắn hay không đúng đắn của xét xử sơ thẩm, người dân mới thực hiện được triệt để quyền giám sát hoạt động xét xử của Toà án các cấp. Thông qua xét xử phúc thẩm công khai của Tòa án, công chúng có thể nhận thấy rất rõ mức độ bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoạt động xét xử cũng tác động trực tiếp lên ý thức và hành vi của những người tham dự phiên tòa và những người biết về vụ án thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về công lý, sự công bằng trong phán quyết của Tòa án.

Xét xử phúc thẩm VADS còn góp phần đáp ứng những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Trong xã hội hiện đại, muốn thực hành dân chủ, phát huy vai trò chủ thể nhân dân và xây dựng hệ thống chính trị dân chủ thì phải xây dựng Nhà nước pháp quyền. Đó là phương thức chung mà thông qua đó công dân đạt tới xã hội dân chủ và khẳng định quyền làm chủ của mình một cách thực chất. Vì thế, Nhà nước pháp quyền được nhìn nhận như “một phương thức thực hiện quyền lực, một cách thức tổ chức nền dân chủ, cách thức tổ chức Nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ. Điều đó có nghĩa là Nhà nước pháp quyền gắn liền với một nền dân chủ, tuy không phải là một kiểu Nhà nước được xác định theo lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, nhưng không thể xuất hiện trong một xã hội không có dân chủ¹²⁵. Khi nói đến Nhà nước pháp quyền là phải đề cập đến hai mặt cơ bản là bảo đảm dân chủ và tổ chức quyền lực Nhà nước mà trong đó vai trò của pháp luật được đề cao. Để đáp ứng đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền thì phải giải quyết các vấn đề quan trọng: phải tạo được ý thức coi trọng pháp luật; vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Trong Nhà nước pháp quyền, việc bảo vệ quyền và lợi ích của công dân là công việc được đặt lên hàng đầu. Quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân là một nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền¹²⁶. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền đặt ra các đòi hỏi là cơ quan tư pháp phải liêm chính, độc lập trong xét xử; phải bảo đảm quyền tiếp cận công lý; hệ thống pháp luật phải dân chủ, văn minh, tiến bộ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán. Thông qua hoạt động xét xử, bằng các quyết định, bản án nghiêm minh, công bằng, Tòa án tác động đến việc xác lập các chuẩn mực mới trong quan hệ xã hội, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân trong hoạt động tư pháp, tạo dựng niềm tin vào nền công lý, vào bộ máy Nhà nước.

¹²⁵ Trương Hồ Hải – Đặng Viết Đạt, link: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/xay-dung-va-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-giai-doan-moi, truy cập 10/11/2023.

¹²⁶ Nguyễn Thị Hà (2017), *Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính*, Luận án tiến sĩ Trường Đại học luật Hà Nội, tr. 44.

1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Thứ nhất, xét xử phúc thẩm VADS được xây dựng dựa trên các lý thuyết về tiếp cận công lý

Công lý được thiết lập là để “phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ những kẻ gian ác không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp người yếu”¹²⁷. Theo Từ điển Luật học (1999), “Công lý có nghĩa là lẽ phải, lẽ công bằng, phù hợp với pháp luật đương thời, không thiên lệch, không tư vị. Chế độ nào cũng coi Tòa án là tượng trưng cho công lý, là cơ quan công lý của chế độ ấy”¹²⁸. “Tiếp cận” được hiểu là “có thể tới được” về mặt chức năng của một hoặc toàn bộ hệ thống nào đó. Như vậy, “tiếp cận công lý” có thể hiểu một cách chung nhất là “đạt được”, “giành được”, “chạm được” đến lẽ phải, sự đúng đắn, lẽ công bằng.

Tiếp cận công lý là một khái niệm có nhiều cách hiểu và tiếp cận khác nhau. Theo nghĩa hẹp, tiếp cận công lý, chủ yếu giới hạn trong các hoạt động tố tụng thuộc hệ thống tư pháp. Theo đó, tiếp cận công lý, có thể hiểu là quyền tiếp cận các cơ chế về thủ tục và nội dung trong xã hội nhằm đảm bảo để mọi công dân đều có cơ hội được tiếp cận, tìm kiếm sự khắc phục, bồi thường từ hệ thống tư pháp khi các quyền pháp lý của họ bị vi phạm. Đây là cách tiếp cận truyền thống đối với quyền tiếp cận công lý, được Hiến pháp và pháp luật của nhiều quốc gia ghi nhận. Với nghĩa là một quyền, tiếp cận công lý được quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia, gắn với các đòi hỏi của cá nhân về các biện pháp khắc phục tư pháp khi có sự vi phạm quyền trong thẩm quyền pháp lý của quốc gia đó¹²⁹. Với góc độ này, quyền được tiếp cận công lý còn được thể hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau như “quyền được tiếp cận Tòa án”, “tổ quyền”, hay như pháp luật Việt Nam sử dụng tên gọi là “quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp”.

¹²⁷ Nguyễn Xuân Tùng, *Tổng quan các tư tưởng, học thuyết về công lý trên thế giới và quan niệm về công lý trong Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2013)*, Trang thông tin Bộ tư pháp, link: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1650>, truy cập 15/11/2023.

¹²⁸ Từ điển Luật học (1999), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.100.

¹²⁹ Nguyễn Thị Thanh Hải (2019), *Pháp luật quốc tế về quyền tiếp cận công lý và thực tiễn ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam, tr. 69, 70.

Theo nghĩa rộng, tiếp cận công lý không chỉ giới hạn ở quyền tiếp cận với Tòa án và các cơ quan tư pháp khi có vi phạm xảy ra, mà nội hàm của khái niệm này bao gồm cả việc tiếp cận đến các trật tự chính trị và việc hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia¹³⁰. Quyền tiếp cận công lý là quyền của người dân được hưởng thụ/sử dụng những thiết chế trong hệ thống pháp luật để qua đó, tìm kiếm sự công bằng của các bên trong việc giải quyết các tranh chấp. Nói cách khác, quyền tiếp cận công lý là nghĩa vụ của Nhà nước cung cấp các dịch vụ, các thiết chế pháp luật để đảm bảo sự bình đẳng của các nhóm xã hội trong việc hưởng thụ/sử dụng chúng để tìm lại sự công bằng trong các tranh chấp¹³¹. Ở góc độ này, ngoài việc tiếp cận Tòa án, tiếp cận công lý còn được hiểu là quyền tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý. Trợ giúp pháp lý thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, trách nhiệm của xã hội đối với các thành viên trong cộng đồng, nhất là nhóm các đối tượng không có khả năng tự mình thực hiện hoặc không có điều kiện tiếp cận với pháp luật.

Công lý thường được tiếp cận dưới hai góc độ: nội dung và hình thức/thủ tục. Công lý, tiếp cận từ góc độ nội dung, được gọi là “substantive justice” hay “distribute justice”, có nghĩa là sự phân phối công bằng các lợi ích, giải quyết thỏa đáng quyền lợi của các bên có liên quan. Công lý, tiếp cận từ góc độ hình thức/thủ tục, được gọi là “procedural justice”, có nghĩa là một quy trình giải quyết công bằng¹³². Những năm gần đây, khái niệm công lý được tiếp cận theo hướng mở rộng hơn. Theo học giả người Anh Richard Susskind, công lý cần được tiếp cận một cách đầy đủ, toàn diện từ 7 góc độ: công lý nội dung (substantive justice); công lý thủ tục (procedural justice), công lý mở (open justice), công lý bình đẳng và có thể tiếp cận cho tất cả mọi người (distributive justice), công lý tương xứng (proportionate justice), công lý có thể thực thi (enforceable justice) và công lý bền vững (sustainable justice). Thứ nhất, công lý

¹³⁰ Nguyễn Thị Thanh Hải (2019), *Pháp luật quốc tế về quyền tiếp cận công lý và thực tiễn ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam, tr.70.

¹³¹ Nguyễn Thế Anh (2015), *Quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.20.

¹³² Viện chính sách công và pháp luật (2018), *Kỷ yếu Hội thảo Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn*, Hà Nội, tr. 125.

nội dung đòi hỏi kết quả giải quyết công bằng, khách quan, đúng pháp luật. *Thứ hai*, công lý thủ tục yêu cầu quá trình để đưa ra phán quyết cũng phải bảo đảm công bằng, các bên đương sự có quyền được trình bày các chứng cứ, lập luận và được lắng nghe bởi người phán xử hoàn toàn độc lập, khách quan, vô tư. *Thứ ba*, công lý mở không những đòi hỏi quá trình ra phán quyết phải công khai, minh bạch, các bên được thông báo đầy đủ về quá trình tố tụng, mà còn yêu cầu mọi hoạt động của Tòa án phải công khai, chịu sự giám sát của công chúng, các thông tin về quy trình, các bước tố tụng, về hoạt động của Tòa án như lịch xét xử, bản án, quyết định của Tòa án, dữ liệu thống kê... được đăng tải công khai để công chúng có thể tiếp cận. *Thứ tư*, công lý bình đẳng là bảo đảm cho mọi người tiếp cận pháp luật, tiếp cận Tòa án của mọi cá nhân, tổ chức, không phân biệt tình trạng kinh tế, địa vị xã hội, bảo đảm cho các nhóm người yếu thế, bị thiệt thòi, đương sự không có luật sự bảo vệ, hạn chế về hiểu biết pháp luật và trình độ công nghệ đều có thể tiếp cận công lý. *Thứ năm*, công lý tương xứng đòi hỏi chi phí, thời gian, mức độ phức tạp và cả mức độ tranh tụng đối kháng trong một vụ án phải tương xứng với tính chất, đặc điểm quy mô của vụ án đó. *Thứ sáu*, công lý có thể thực thi đòi hỏi phán quyết của Tòa án phải có hiệu lực pháp lý, bắt buộc phải được thi hành một cách nghiêm túc và kịp thời và có thể được cưỡng chế thi hành bởi quyền lực Nhà nước. *Thứ bảy*, công lý bền vững đòi hỏi hệ thống Tòa án phải ổn định, an toàn, đáng tin cậy, được trang bị nguồn lực đầy đủ, hiện đại và đáp ứng được yêu cầu của một xã hội biến đổi nhanh chóng theo tốc độ phát triển của công nghệ¹³³.

Học thuyết tiếp cận công lý là một sở sở pháp lý quan trọng hình thành nên các quy định về xét xử phúc thẩm VADS. Theo đó, (i) nếu đương sự cho rằng bản án, quyết định sơ thẩm chưa hợp tình, hợp lý, chưa bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì họ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phán quyết đó trừ trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay; (ii) xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện bởi một Tòa án độc lập, khách

¹³³ Richard Susskind (2019), *Online Courts and the the Future of Justice*, Oxford University Press, tr. 75 - 84, trích dẫn từ nguồn: Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên) (2022), *Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, tr. 40 – 43.

quan, đảm bảo các bên đương sự được trình bày tất cả yêu cầu, chứng cứ, lập luận của mình; (iii) xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật, các bên đương sự phải được thông báo đầy đủ để tham gia phiên tòa xét xử VADS; (iv) các bên đương sự là những người yếu thế cần được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi họ không biết tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án; (v) HĐXX phúc thẩm đảm bảo thời gian tranh tụng hợp lý cho các bên đương sự để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án; (vi) bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án; (vii) thẩm phán xét xử phúc thẩm là người có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao và thành thạo kỹ năng xét xử phúc thẩm VADS.

Thứ hai, xét xử phúc thẩm VADS được xây dựng dựa trên lý thuyết về xét xử công bằng

Tại Hội nghị học tập của ngành cán bộ Tư pháp năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh, ân cần nhắc nhở: *“Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch. Như thế cũng chưa đủ. Không chỉ giới hạn hoạt động của mình trong khung Tòa án mà phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân...”*. Xét xử công bằng (*right fair-trial*) là thuật ngữ dựa trên ý tưởng “đúng quy trình” (*due process*) của hệ thống pháp luật Anglo - Saxon. Xét xử công bằng được nghiên cứu trong nhiều tài liệu khoa học và được thể hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau như nguyên tắc xét xử công bằng, quy trình tố tụng chuẩn, nguyên tắc thủ tục công bằng, phương thức đúng đắn về thủ tục¹³⁴... Dù được dịch theo cách nào thì nội dung của nó đều là tiêu chuẩn (chuẩn mực) đặt ra đối với thủ tục tố tụng mà pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật phải quy định bằng việc cụ thể hóa và tuân thủ khi thực hiện các hoạt động TTDS. Nếu xây dựng được và thực hiện đúng thủ tục công bằng sẽ đảm bảo được quyền xét xử công bằng và rộng hơn là quyền con người trong TTDS và cuối cùng đảm bảo được mục đích của TTDS là bảo vệ được các quyền lợi dân sự hợp pháp.

¹³⁴ Đinh Thế Hưng, *Về thủ tục công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam*, bài viết đăng trên tạp chí TAND điện tử, link: <https://www.tapchitoaan.vn/ve-to-tung-cong-bang-trong-to-tung-hinh-su-viet-nam>, truy cập ngày 20/11/2024.

Xét xử công bằng (right to a fair trial) là quyền con người cơ bản và có tính phổ quát cao, tồn tại trong cả vụ án hình sự và VADS hoặc vụ án hành chính (các lĩnh vực phi hình sự)¹³⁵. Xét xử công bằng là một trong các quyền cơ bản, cốt lõi của con người được ghi nhận trong văn bản pháp luật quốc tế. Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định: “Mọi người đều có quyền trình bày sự việc của mình một cách vô tư và công khai với sự bình đẳng hoàn toàn trước một Tòa án độc lập và không thiên vị để Tòa án này quyết định các quyền hay nghĩa vụ của họ...” (Điều 10)¹³⁶. Sau đó, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 tiếp tục khẳng định về quyền được xét xử công bằng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự dân sự, theo đó “tất cả mọi người đều bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán. Bất kỳ người nào đều có quyền đòi hỏi việc xét xử công bằng và công khai do một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp lý để... xác định về quyền và nghĩa vụ trong TTDS” (Điều 14)¹³⁷.

Học giả Stefan Trechel khẳng định rằng, “*quyền xét xử công bằng bao hàm một thủ tục công bằng. Công bằng đi liền với sự độc lập của Tòa án*”⁽¹³⁸⁾. Còn tác giả Richard Clayton thì cho rằng, “*quyền được xét xử công bằng bao gồm nhiều yếu tố tập trung chủ yếu vào những dấu hiệu: phiên tòa độc lập và công bằng, bản án phải là kết quả dựa trên sự xem xét công khai với những lý lẽ thuyết phục*”¹³⁹. Hoặc theo các tác giả Leo Zwaak, Sim Utrecht, Hatice Senem Ozyavuz, Angelika Klewein, Catrin Pekari và Klaus Kapuy của Trường Đại học Graz, Áo thì “*quyền được xét xử công bằng liên quan đến thi hành công lý trong lĩnh vực dân sự và hình sự. Việc thi hành công lý phù hợp gồm hai khía cạnh: mang tính thể chế (chẳng hạn*

¹³⁵ Nguyễn Thị Lan Anh – Lê Xuân Lục, *Quyền được xét xử công bằng nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế và pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, bài viết được đăng trên cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao, link: <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/quyen-duoc-xet-xu-cong-bang-nhin-tu-goc-do-phap-lu-d10-t10955.html>, truy cập ngày 20/11/2023

¹³⁶ Viện thông tin khoa học xã hội (1998), *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội, tr. 148.

¹³⁷ Viện thông tin khoa học xã hội (1998), *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội, tr. 256.

¹³⁸ GS. TSKH Đào Trí Úc, “Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự theo tinh thần đổi mới của Hiến Pháp năm 2013”, *Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến Pháp năm 2013*, Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội (PGS.TS Trịnh Quốc Toàn - PGS.TS Vũ Công Giao đồng chủ biên), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr. 147, 148, Trích từ nguồn: Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.

¹³⁹ Trích từ nguồn: Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.

như sự độc lập và không thiên vị của Tòa án) và mang tính thủ tục (chẳng hạn như sự công bằng trong xét xử). Nguyên tắc xét xử công bằng duy trì một loạt các quyền cá nhân đảm bảo cho việc thi hành công lý thích hợp từ lúc nghi ngờ đến khi thực thi bản án”¹⁴⁰.

Xét xử công bằng đặt ra các quy trình, thủ tục tố tụng được thiết kế và vận hành theo hướng đạt được tính công bằng tối đa trong tất cả các giai đoạn của hoạt động TTDS, bảo đảm cho các chủ thể tố tụng những cơ hội giống nhau trong việc hướng đến kết quả mong muốn trong hoạt động tố tụng. Điều này đòi hỏi trình tự tố tụng phải được xây dựng đảm bảo các yếu tố khoa học, công khai, hợp lý, chặt chẽ, đúng trình tự, đặc biệt là tính hợp pháp của thủ tục. Các lý thuyết về xét xử công bằng đặt đã hình thành nên các quy định về xét xử phúc thẩm. Theo đó, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra phán quyết nhưng những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc giải quyết vụ án cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, không dựa trên các chứng cứ và quy định của pháp luật thì vụ án được xét xử lại ở Tòa án cấp cao hơn. Đồng thời, để việc xét xử phúc thẩm đảm bảo công bằng thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ án được xét xử ở Tòa án cấp phúc thẩm còn phải được đảm bảo những vấn đề sau: (i) bảo đảm quyền được thông báo hợp lý; (ii) đảm bảo quyền tham gia phiên tòa; (iii) đảm bảo quyền được xét xử bằng lời và công khai; (iv) đảm bảo quyền được lắng nghe và tranh tụng; (v) đảm bảo quyền được xét xử bởi một Tòa án vô tư, không thiên vị; (vi) bảo đảm quyền được xét xử chỉ căn cứ trên hồ sơ, chứng cứ của vụ án; (vii) bảo đảm quyền được có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; (viii) bảo đảm quyền được xét xử trong một thời gian hợp lý; (ix) bảo đảm quyền không bị xem xét lại bản án chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Tất cả những quy định về vấn đề này là cơ sở quan trọng để việc xét xử phúc thẩm được công bằng, minh bạch.

Thứ ba, xét xử phúc thẩm VADS được xây dựng dựa trên học thuyết về tự do ý chí

Từ xưa tới nay, con người chúng ta luôn hướng đến sự tự do, quan điểm tự do vận động không ngừng và phát triển qua từng thời kỳ với tư cách là một phạm trù

¹⁴⁰ Wolfgang Benedek (Chủ biên), *Tìm hiểu về quyền con người* (Tài liệu hướng dẫn về giáo dục quyền con người), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2008, tr. 178.

của triết học. Tự do ý chí có cốt lõi từ hoạt động tinh thần của mỗi cá nhân, khả năng cá nhân đó quyết định một vấn đề khi đứng trước nhiều sự lựa chọn khác nhau. Sự lựa chọn đó không bị áp lực hay bị sự bắt buộc họ theo một hướng nào. Quyền cá nhân được khẳng định ý chí của mình chính là tự do ý chí¹⁴¹.

Trong triết học của Hegel -Nhà triết học lớn nhất của Đức, ông là người phát triển phương pháp luận biện chứng là một trong những yếu tố quan trọng của triết học Marx-Lenin sau này đã cho rằng, tự do ý chí của cá thể không thể thoát ly khỏi tiến trình chung của sự phát triển xã hội (lịch sử toàn thế giới). Khái niệm ý chí tự do là khái niệm cơ bản trong toàn bộ triết học pháp quyền của Hegel và được ông coi là cơ sở, xuất phát điểm của pháp luật. Hegel đã viết: “Cơ sở của pháp luật là cái tinh thần nói chung, còn vị trí gần nhất và xuất phát điểm của nó là ý chí tự do, vì tự do tạo thành thực thể và tính quy định của ý chí, còn hệ thống pháp luật là vương quốc của tự do đã được thực hiện, là thế giới của tinh thần do bản thân tinh thần tạo ra như một thế giới tự nhiên thứ hai”¹⁴².

Nội dung của thuyết này xuất phát từ quan điểm cho rằng, ý chí của con người là tối thượng và tự chủ. Chỉ các hành vi xuất phát từ ý chí tự chủ của một người mới có hiệu lực ràng buộc đối với người đó. Một người chỉ bị ràng buộc khi người đó muốn như vậy và ràng buộc theo cách mà người đó muốn¹⁴³. Như vậy, về triết học, học thuyết tự do ý chí dựa trên nền tảng của sự tự do cá nhân, cá nhân không thể bị ai đó ép buộc phải làm hay không làm một việc gì đó trái với ý chí của mình. Học thuyết này cho rằng pháp luật thể hiện ý chí chung của các cá nhân trong xã hội, nên các quy định của pháp luật có giá trị thúc buộc chung mà các cá nhân đã gián tiếp ưng thuận. Tuy nhiên, không nên hiểu tự do ý chí theo hướng “muốn làm gì thì làm” mà nó phải được thực hiện trong những giới hạn nhất định. Tự do ý chí phải được đặt trong mối quan hệ hài hoà, cân bằng với lợi ích của chủ thể khác, của xã hội và của Nhà nước.

¹⁴¹ Phạm Thu Hằng (2022), *Nguyên tắc tự do ý chí trong Bộ luật dân sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.6.

¹⁴² Phạm Thu Hằng (2022), *Nguyên tắc tự do ý chí trong Bộ luật dân sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.7.

¹⁴³ Corinne Renault (2002), *Đại cương về pháp luật hợp đồng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.10.

Trong hệ thống pháp luật dân sự, học thuyết về tự do ý được vận dụng trong việc xây dựng pháp luật nội dung và cả pháp luật về thủ tục. Với vị trí là luật hình thức, khi ban hành, luật TTDS cần xây dựng các quy phạm pháp luật phù hợp với bản chất cốt lõi của luật dân sự để đảm bảo sự hợp lý và tương thích trong toàn bộ hệ thống pháp luật dân sự. Để làm được điều đó thì những đặc trưng của lĩnh vực luật tư cần phải được kế thừa và chuyển hóa một cách phù hợp trong pháp luật TTDS¹⁴⁴. Theo đó, pháp luật TTDS luôn tôn trọng ý chí của đương sự trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Thể hiện điều này, pháp luật đã trao cho đương sự quyền tự định đoạt để đương sự có thể bảo vệ các quyền lợi hợp pháp mà mình đã tham gia cam kết, thỏa thuận trong quan hệ dân sự. Như vậy, quyền tự định đoạt trong TTDS luôn gắn liền với quyền tự định đoạt trong pháp luật nội dung.

Quyền tự định đoạt của đương sự đã được ghi nhận thành một nguyên tắc đặc trưng trong pháp luật tố tụng của nhiều quốc gia trên thế giới. Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự chi phối đến việc xét xử phúc thẩm VADS. Theo đó, (i) Thứ nhất, đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; thỏa thuận với nhau; rút yêu cầu; (ii) Thứ hai, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại những phần của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và những phần có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. (iii) Thứ ba, quyền tự định đoạt của đương sự xuất phát từ ý chí tự nguyện và thiện chí, không vi phạm điều cấm luật và không trái đạo đức xã hội thì sẽ được Tòa án công nhận và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, quyền tự do ý chí của đương sự phải đặt trong mối quan hệ với việc kháng nghị, phát biểu quan điểm về việc giải quyết VADS của VKS. Việc VKS kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có mâu thuẫn với quyền tự định đoạt của đương sự không khi mà đương sự không kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm. Có thể thấy, trong một số trường hợp cần thiết phải hạn chế bớt tự do ý chí của đương sự. Bởi vì, “*lý do thứ nhất* là nhu cầu cân đối giữa lợi ích của cá nhân thông qua ý muốn

¹⁴⁴ Bùi Thị Huyền (chủ biên) (2016), *Sự tương thích và mâu thuẫn giữa pháp luật TTDS với pháp luật dân sự, Đề tài khoa học cấp Trường – Trường Đại học Luật Hà Nội*, tr.7.

của họ với lợi ích chung của cộng đồng, bởi (i) một mặt con người cần được tự do để phát triển đầy đủ và toàn diện, đúng với mục đích sống của mình; (2) mặt khác cộng đồng cần phải được duy trì và phát triển để trở thành cái nôi nuôi dưỡng thực sự cho các ước vọng chung của con người và mỗi cá nhân. *Lý do thứ hai* là nhu cầu bảo vệ những người yếu thế trong xã hội hay trong một giao dịch cụ thể. *Lý do thứ ba* là nhu cầu phát triển kinh tế có trật tự và định hướng theo sự lựa chọn chung...”¹⁴⁵. Do đó, trong xét xử phúc thẩm VADS, mặc dù tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nhưng để bảo vệ lợi ích của những người yếu thế trong xã hội, bảo vệ trật tự công và lợi ích công thì VKS cần phải kháng nghị khi mà các đương sự trong VADS đó không kháng cáo. Bởi, “*việc ngăn chặn các vi phạm trật tự công cộng là cần thiết để bảo vệ các quyền hiến định*”¹⁴⁶.

1.3. Nội dung điều chỉnh của pháp luật dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Xét xử phúc thẩm được xác định từ khi Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, bao hàm các nội dung như: công việc tiến hành sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm VADS, phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm, bản án, quyết định phúc thẩm. Tuy nhiên, như đã trình bày thì trong phạm vi luận án, tác giả luận giải các nội dung của xét xử phúc thẩm bao gồm: phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

1.3.1. Phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Theo tác giả *John Henry Maryman* và *Rogelio Perez – Perdomo* trong cuốn “*The civil Law tradition*” thì ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, thủ tục phúc thẩm không giống với ở Hoa Kỳ, nơi chủ yếu được coi là phương thức sửa chữa những sai lầm về luật của Toà án cấp sơ thẩm. Phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự xem xét lại các vấn đề thực tế cũng như pháp lý. Mặc

¹⁴⁵ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 28,29.

¹⁴⁶ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 29.

dù xu hướng phổ biến là dựa vào hồ sơ xét xử làm cơ sở thực tế để xem xét lại vụ án, nhưng ở nhiều nền tài phán, các bên có quyền đưa ra bằng chứng mới ở cấp phúc thẩm¹⁴⁷. Như vậy, phạm vi xét xử phúc thẩm VADS ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự bị giới hạn trong phạm vi đã giải quyết của Tòa án sơ thẩm và những vấn đề các đương sự kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu mới nhưng hoàn toàn cho phép xuất trình các chứng cứ mới, điều mà Tòa án ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ hầu như không chấp nhận. Chẳng hạn Điều 563 BLTTDS Cộng hoà Pháp quy định: “Để chứng minh ở cấp phúc thẩm những yêu cầu mà các bên đã đưa ra ở cấp sơ thẩm, các bên có thể đưa ra những lý lẽ mới, xuất trình tài liệu mới hoặc đề xuất những chứng cứ mới”. Tuy nhiên, việc đề xuất chứng cứ ở tòa phúc thẩm đòi hỏi có điều kiện nhất định. Như theo quy định của pháp luật TTDS Liên bang Nga thì việc người kháng cáo phúc thẩm dựa vào chứng cứ mới chưa được xuất trình ở Tòa án cấp sơ thẩm chỉ được chấp nhận trong trường hợp, nếu việc không thể xuất trình những chứng cứ đó ở Tòa án cấp sơ thẩm có lý do chính đáng (khoản 2 Điều 339 BLTTDS Liên bang Nga).

Theo *GS Micheal Browde* thì các nước theo truyền thống án lệ, Tòa án cấp chỉ xem xét vụ án trên cơ sở hồ sơ vụ án đã được giải quyết ở Tòa cấp sơ thẩm và có nghĩa không bao giờ có chứng cứ mới. Nếu trong giai đoạn phúc thẩm có một chứng cứ mới liên quan đến vụ án được trình lên Tòa án cấp phúc thẩm thì có nghĩa toàn bộ vụ án được gửi lại Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết¹⁴⁸.

Chẳng hạn, theo pháp luật TTDS của Anh, trừ khi có lệnh khác của Tòa án thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ không nhận bằng chứng miệng, bằng chứng không được đưa ra trước Tòa án cấp sơ thẩm¹⁴⁹.

Hoặc theo thủ tục tố tụng của Hoa Kỳ thì phúc thẩm không xét xử lại VADS và không thu thập thêm chứng cứ. Vai trò của Tòa án cấp phúc thẩm là xem xét việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Các bên đương sự có quyền được Tòa án

¹⁴⁷ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

¹⁴⁸ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỷ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 8.

¹⁴⁹ Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing, page. 435.

cấp sơ thẩm xét xử công bằng và ra phán quyết đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm có nhiệm vụ đảm bảo rằng quá trình xét xử ở Toà án cấp sơ thẩm diễn ra công bằng và pháp luật được áp dụng đúng đắn, ngoài trừ những trường hợp bất thường, còn về nguyên tắc Toà án cấp phúc thẩm không được nghi ngờ về phán quyết của thẩm phán hay bồi thẩm đoàn¹⁵⁰.

Sau khi Toà án cấp sơ thẩm ra phán quyết, đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án cấp phúc thẩm, nhưng quyền kháng cáo này hầu như không bao gồm cơ hội xét xử lại vụ án. Thay vào đó, Toà án cấp phúc thẩm xem xét các kháng cáo đối với cách giải quyết của Toà án cấp sơ thẩm. Ví dụ: đơn kháng cáo khẳng định thẩm phán sơ thẩm đã từ chối quyền tiếp cận thông tin quan trọng không đúng khiến nguyên đơn không thể chứng minh một trong các yếu tố trong yêu cầu của mình. Nếu điều này đúng, nguyên đơn đã không có cơ hội đầy đủ để chứng minh vụ án của mình và Toà án cấp phúc thẩm sẽ trả lại hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm để Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại. Hoặc giả sử thẩm phán hướng dẫn bồi thẩm đoàn không đúng và điều này ảnh hưởng đến phán quyết của bồi thẩm đoàn. Hay nói cách khác, bồi thẩm đoàn đã đánh giá chứng cứ theo quy tắc pháp lý không đúng. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm sẽ sửa lỗi bằng cách trả lại vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại với hướng dẫn phù hợp¹⁵¹.

Mặc dù Toà phúc thẩm sửa chữa các sai sót pháp lý do Toà án cấp sơ thẩm gây ra nhưng nhìn chung HĐXX không đánh giá lại chứng cứ và bác bỏ các phán quyết thực tế của Toà án cấp sơ thẩm. Ví dụ: nếu Carlson tin rằng bồi thẩm đoàn đã sai khi kết luận cô ấy vượt đèn đỏ trước khi xảy ra tai nạn, cô ấy khó có thể yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm lật ngược phán quyết đó. Toà án cấp phúc thẩm được thành lập để giám sát tính công bằng của quy trình xét xử sơ thẩm, chứ không phải để xét xử lại vụ án. Vì lý do này, các thẩm phán phúc thẩm rất tôn trọng các phán quyết thực tế của thẩm phán hoặc bồi thẩm đoàn.¹⁵²

¹⁵⁰ Joseph W. Glannon, Andrew M. Perlman, Peter Raven-Hansen (2021), *Civil Procedure*, Fourth Edition, Aspen publishing, The United State of America, page. 22-23.

¹⁵¹ Joseph W. Glannon, Andrew M. Perlman, Peter Raven-Hansen (2021), *Civil Procedure*, Fourth Edition, Aspen publishing, The United State of America, page. 1144.

¹⁵² Joseph W. Glannon, Andrew M. Perlman, Peter Raven-Hansen (2021), *Civil Procedure*, Fourth Edition, Aspen publishing, The United State of America, page. 1144.

Ở Việt Nam, về phạm vi xét xử phúc thẩm, tác giả Phan Hữu Thư cho rằng, hiện nay có hai nhóm quan điểm về việc xây dựng pháp luật liên quan đến vấn đề này, cụ thể là:

Ý kiến thứ nhất: HĐXX phúc thẩm chỉ nên xem xét lại phần quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị mà không xem xét lại quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp phần quyết định bản án, quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đó xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của người thứ ba không phải là đương sự trong vụ án bị xâm phạm thì cần phải được giải quyết theo một trình tự khác chứ không do HĐXX phúc thẩm xem xét, giải quyết. Vì trong dân sự thì những phần quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo tức là các bên đương sự đã đồng ý chấp nhận phần quyết định đó hoặc VKS không kháng nghị tức là phần quyết định đó không vi phạm pháp luật nên Toà án phải tôn trọng ý chí của các đương sự và quyết định của VKS.

Ý kiến thứ hai: xét xử phúc thẩm không chỉ trong phạm vi của đơn kháng cáo của đương sự hoặc kháng nghị của VKS mà cần phải xem xét lại toàn bộ bản án để kiểm tra tính đúng đắn, phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm. Như vậy, mới đảm bảo được nguyên tắc hai cấp xét xử.

Theo NCS, xuất phát từ tính chất của phúc thẩm mà phạm vi xét xử phúc thẩm bị giới hạn trong những vấn đề sau:

- Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị

Với việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử thì các chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị chỉ được kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với những nội dung đã được giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm. Những nội dung chưa được giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm thì không được kháng cáo, kháng nghị. Điều này có nghĩa, Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại những vấn đề đã được giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm mà có kháng cáo, kháng nghị. Những vấn đề chưa được giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm thì Toà án cấp phúc thẩm sẽ không xem xét, giải quyết. Hay nói cách khác, những yêu cầu mới không được xem xét ở cấp phúc thẩm.

Tuy nhiên, với tính chất của xét xử phúc thẩm là xét xử lại VADS mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị nên việc xuất trình chứng cứ mới có thể được chấp nhận ở cấp phúc thẩm. Việc xuất trình chứng cứ mới này vừa phải đảm bảo Tòa án cấp phúc thẩm có đủ chứng cứ để giải quyết lại VADS nhưng cũng phải hạn chế việc thiếu trung thực của một bên đương sự khi cố tình không cung cấp chứng cứ ở sơ thẩm. Do đó, chỉ những chứng cứ mới nào mà đương sự chứng minh được lý do không thể cung cấp chứng cứ này ở sơ thẩm mới có thể được xem xét ở Tòa án cấp phúc thẩm.

Ở đây, cần phải giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa việc nâng cao nghĩa vụ chứng minh của đương sự và việc toà án có đầy đủ chứng cứ để xác định được sự thật khách quan của VADS cũng như giải quyết chính xác và đúng đắn VADS. Do đó, sau khi hết thời hạn cung cấp chứng cứ thì đương sự có thể xuất trình chứng cứ mới với điều kiện nhất định. Đó là, kèm theo việc xuất trình chứng cứ mới, đương sự phải chứng minh được lý do vì sao họ không thể xuất trình những chứng cứ mới này trong thời hạn để tránh tình trạng đương sự lợi dụng “kê hờ” của pháp luật, giữ lại những chứng cứ này rồi lên phúc thẩm mới xuất trình nhằm kéo dài thời gian tố tụng sơ thẩm, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của những người tham gia tố tụng khác cũng như gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, thậm chí dẫn đến tình trạng án bị hủy, sửa là rất cao¹⁵³.

- Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị

Kháng cáo, kháng nghị là căn cứ để xét xử phúc thẩm nên với bản chất của quan hệ pháp luật dân sự mang tính chất “tư” và tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi yêu cầu kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, có những phần của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm phải xem xét cả những phần này nhằm đảm bảo tính đúng đắn và hợp pháp trong phán quyết của Tòa án.

¹⁵³ Nguyễn Thị Thu Hà (Chủ biên), *Cung cấp, thu thập chứng cứ của đương sự trong TTDS Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 32, 33.

Như vậy, các nghiên cứu đều cho thấy rằng, phạm vi xét xử phúc thẩm là giới hạn những vấn đề của VADS mà Toà cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Việc xác định phạm vi xét xử phúc thẩm có ý nghĩa rất quan trọng bởi xác định đúng phạm vi xét xử phúc thẩm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Toà án thực hiện thẩm quyền quyết định đối với các vấn đề của vụ án. Hay nói cách khác thẩm quyền quyết định của Toà án chỉ được thực hiện trong phạm vi giới hạn pháp luật cho phép.

1.3.2. Phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự

1.3.2.1. Phiên toà phúc thẩm trực tiếp

Phiên toà phúc thẩm VADS ở các nước trên thế giới cũng có những điểm khác nhau.

Theo tác giả *John Henry Merryman và Rogelio Perez – Perdomo* trong cuốn *The civil law tradition* thì ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, phiên toà phúc thẩm dự kiến sẽ xem xét tất cả các bằng chứng và đưa ra quyết định độc lập về các sự kiện và giá trị chứng minh của chúng. Tất cả các chứng cứ, yêu cầu của đương sự, vấn đề sự kiện và pháp lý, lý lẽ đều sẽ được xem xét lại ở phiên toà phúc thẩm¹⁵⁴. Cụ thể hơn, tác giả *Jeantet & Associés, Paris* xác định phiên toà phúc thẩm được tiến hành tương tự như phiên toà sơ thẩm, người được đương sự uỷ quyền gửi bản biện hộ bằng văn bản cho thân chủ của mình mặc dù trên thực tế các luật sư là người soạn thảo văn bản đó, các bên đương sự phải tự xuất trình các chứng cứ làm cơ sở cho yêu cầu của mình, Toà án có thể chỉ định một chuyên gia. Người làm chứng có thể gửi bản tự khai có tuyên thệ cho Toà án. Tại phiên toà phúc thẩm, luật sư của nguyên đơn trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trước, luật sư của bị đơn trình bày sau. Sau khi các luật sư trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi của các bên, luật sư sẽ gửi toàn bộ hồ sơ bảo vệ trong đó có các lập luận (trình bày ngắn gọn bằng văn bản), tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của thân chủ. Kết thúc phiên toà, thẩm phán chủ tọa phiên toà sẽ ấn định ngày ra phán quyết để các thẩm phán tiến hành thảo luận. Phán quyết được tiến hành bí mật, theo nguyên tắc đa số¹⁵⁵.

¹⁵⁴ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

¹⁵⁵ Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 163.

Tác giả *Alan B. Morrison* khi trình bày về phiên toà phúc thẩm VADS ở Hoa Kỳ đã chỉ rõ, khác với phiên toà sơ thẩm nơi mà có người làm chứng trực tiếp, phiên toà phúc thẩm được quyết định hoàn toàn dựa trên hồ sơ vụ án của toà án cấp sơ thẩm. Bên thua kiện viết một tài liệu, và bên thắng kiện sau đó sẽ phúc đáp lại bằng văn bản, tiếp đó là văn bản trả lời của bên kháng án. Việc phúc thẩm được giao cho một uỷ ban gồm ba thẩm phán của toà phúc thẩm. Họ nghe phần trình bày miệng của các luật sư và nêu câu hỏi về vụ việc. Sau phần trình bày lý lẽ của các luật sư, các thẩm phán thảo luận riêng và ra phán quyết¹⁵⁶.

Ngoài ra, tác giả *John Henry Merryman* và *Rogelio Perez – Perdomo* nhấn mạnh bồi thẩm đoàn không tham gia phiên toà phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, bởi việc sử dụng bồi thẩm đoàn rõ ràng ngăn cản việc xem xét các vấn đề thực tế của Tòa án phúc thẩm. Nếu tòa phúc thẩm có thể quyết định một cách độc lập các vấn đề thực tế, vai trò của bồi thẩm đoàn trên thực tế sẽ bị vô hiệu hóa. Toà án cấp phúc thẩm tôn trọng quyết định về sự kiện của bồi thẩm đoàn ở cấp sơ thẩm, bởi vì tại phiên toà sơ thẩm, bồi thẩm đoàn có quyền biểu quyết về sự kiện của vụ án nhưng không đòi hỏi phải giải thích lý do cho những quyết định đó, và thủ tục biểu quyết của bồi thẩm đoàn không nhất thiết phải ghi thành văn bản¹⁵⁷.

Như vậy, có thể thấy, ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì phiên toà phúc thẩm là phiên họp mà HĐXX sẽ chỉ xem xét về vấn đề áp dụng pháp luật và dựa trên hồ sơ vụ án đã được xét xử ở Toà án cấp sơ thẩm. Các bên đương sự sẽ đưa ra quan điểm và tranh luận về việc áp dụng pháp luật trong việc ra phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm, sau đó HĐXX sẽ ra phán quyết trên cơ sở quy định của pháp luật. Sở dĩ các nước này cho rằng phiên toà phúc thẩm chỉ là phiên họp xét lại bản án, quyết của Toà án cấp sơ thẩm về khía cạnh áp dụng pháp luật là vì “*với quan niệm bản án, quyết định sơ thẩm là kết quả của một quy trình tố tụng công bằng, khách quan, công khai và đúng pháp luật theo đó tất cả các yêu cầu, các*

¹⁵⁶ Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 113.

¹⁵⁷ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

chứng cứ, tài liệu đều được đưa ra xem xét, tranh tụng công khai tại phiên tòa sơ thẩm”¹⁵⁸ nên các đương sự không được kháng cáo về vấn đề chứng cứ mà chỉ được kháng cáo về vấn đề áp dụng pháp luật và phiên tòa phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ án đúng như diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm.

Ở các nước theo truyền thống luật dân sự, xuất phát từ quan niệm thẩm phán có thể có sự nhầm lẫn, sai sót khi xét xử các VADS vì vậy cần phải có biện pháp để sửa chữa, cần phải để cho một Tòa án cấp cao hơn với những thẩm phán có nhiều kinh nghiệm hơn xem xét lại nội dung vụ án một lần nữa. Có thể thấy việc đặt ra cấp phúc thẩm là để tránh những sai sót có thể có trong quá trình giải quyết VADS, bảo đảm các bản án, quyết định trước khi đưa ra thi hành là các bản án, quyết định chính xác và đúng pháp luật, qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự¹⁵⁹. Do đó, phiên tòa phúc thẩm sẽ xem xét tất cả các chứng cứ, căn cứ pháp lý. Tuy nhiên, phiên tòa phúc thẩm bị giới hạn bởi phạm vi những vấn đề đã được giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo của đương sự.

Như vậy, theo NCS, về bản chất, phiên tòa phúc thẩm VADS là phiên họp xét xử công khai một vụ án của Tòa án trừ trường hợp cần xét xử kín để xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm VADS, tất cả những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị đều được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo đó, trên cơ sở hồ sơ vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, cùng với các chứng cứ, tài liệu được bổ sung ở giai đoạn phúc thẩm (tài liệu, chứng cứ ở giai đoạn phúc thẩm cần đáp ứng các điều kiện nhất định sẽ được đề cập phần sau), các bên đương sự tranh tụng về kháng cáo, kháng nghị, chứng cứ, tài liệu, căn cứ pháp lý, lí lẽ, lập luận dưới sự điều khiển của HĐXX để xác định kháng cáo, kháng nghị có căn cứ hay không và bản án, quyết định sơ thẩm có căn cứ và hợp pháp hay không. HĐXX

¹⁵⁸ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 27.

¹⁵⁹ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 27.

căn cứ vào kết quả tranh tụng, đánh giá các chứng cứ, tài liệu của vụ án và ra phán quyết về việc giải quyết vụ án. HĐXX sẽ quyết định chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị cũng như giữ nguyên, sửa hay huỷ bản án, quyết định sơ thẩm. Bản án phúc thẩm sau khi tuyên sẽ có hiệu lực pháp luật ngay và mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức phải triệt để tôn trọng và chấp hành bản án phúc thẩm. Trong trường hợp phát hiện bản án phúc thẩm có sai lầm, vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc phát hiện có tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án phúc thẩm thì trên cơ sở kháng nghị của những người có thẩm quyền, Toà án có thẩm quyền sẽ xem xét lại bản án phúc thẩm đó theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Như vậy, phiên toà phúc thẩm VADS là phiên họp công khai của Toà án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại VADS mà bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, theo đó những người tham gia tố tụng có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị dưới sự điều khiển của HĐXX tiến hành tranh tụng về kháng cáo, kháng nghị, chứng cứ, tài liệu, căn cứ pháp lý, lí lẽ, lập luận theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và Toà án ra phán quyết về tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

Về thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS, có thể thấy, ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, với tính chất của phúc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm và chỉ xem xét vấn đề pháp lý mà không xem xét về vấn đề sự kiện đã làm cho thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm hoàn toàn khác với thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm. Theo đó, thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm gồm bắt đầu phiên toà, trình bày của các bên (luật sư của các bên) về việc áp dụng pháp luật trong việc ra phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm, HĐXX sẽ nêu các câu hỏi liên quan đến vụ án, nghị án và tuyên án. Có thể thấy, sự khác biệt của thủ tục phiên toà phúc thẩm so với thủ tục phiên toà sơ thẩm là: ở sơ thẩm các bên đương sự được tranh tụng về yêu cầu, chứng cứ, căn cứ pháp lý, lí lẽ và lập luận, luật sư của các bên được đặt các câu hỏi đối với người làm chứng của mình cũng như luật sư của đương sự đối phương sẽ đặt câu hỏi kiểm tra chéo, thẩm phán được hỏi nhân

chứng của các bên. Trong khi đó, ở phiên toà phúc thẩm các bên chỉ trình bày về quan điểm về việc áp dụng pháp luật. Bản chất của phiên toà phúc thẩm là sự tranh luận về áp dụng pháp luật giữa luật sư của các bên với Toà án (cụ thể là HĐXX)¹⁶⁰.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, Toà án cấp phúc thẩm không bị hạn chế về vấn đề pháp lý hay sự kiện mà có quyền xem xét lại toàn bộ vụ kiện. Tác giả *Jeantet & Associés, Paris* khi nghiên cứu về phiên toà phúc thẩm ở các nước này khẳng định phiên toà phúc thẩm được tiến hành tương tự như phiên toà sơ thẩm, người được đương sự uỷ quyền gửi bản biện hộ bằng văn bản cho thân chủ của mình mặc dù trên thực tế các luật sư là người soạn thảo văn bản đó, các bên đương sự phải tự xuất trình các chứng cứ làm cơ sở cho yêu cầu của mình, toà án có thể chỉ định một chuyên gia. Người làm chứng có thể gửi bản tự khai có tuyên thệ cho Toà án. Tại phiên toà phúc thẩm, luật sư của nguyên đơn trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trước, luật sư của bị đơn trình bày sau. Sau khi các luật sư trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi của các bên, luật sư sẽ gửi toàn bộ hồ sơ bảo vệ trong đó có các lập luận (trình bày ngắn gọn bằng văn bản), tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của thân chủ. Kết thúc phiên toà, thẩm phán chủ tọa phiên toà sẽ ấn định ngày ra phán quyết để các thẩm phán tiến hành thảo luận. Phán quyết được tiến hành bí mật, theo nguyên tắc đa số¹⁶¹.

Theo tác giả *A.A. Мохов, и.в. воронцова, с.Ю. сеМёнова* được trình bày trong cuốn Giáo trình Luật TTDS của Liên Bang Nga thì thủ tục xét xử phúc thẩm được tiến hành như thủ tục xét xử sơ thẩm gồm có: chuẩn bị xét xử phúc thẩm, xét xử phúc thẩm và ra phán quyết. Theo đó, thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm bắt đầu bằng bản báo cáo của chủ tọa phiên toà hoặc một trong các thẩm phán. Báo cáo trình bày các tình tiết của vụ án, nội dung quyết định của Tòa án sơ thẩm, các lập luận kháng cáo, trình bày và phản đối, nội dung các chứng cứ mới được đưa ra trước tòa, các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án cần xem xét để xác minh phán quyết của

¹⁶⁰ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS, Kỹ yếu Dự án VIE/95/017- Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam*, Hà Nội, tr. 25.

¹⁶¹ Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 163.

Toà án cấp sơ thẩm. Sau đó, đến phần trình bày của những người tham gia vụ án và người đại diện của họ có mặt tại phiên tòa. Người đầu tiên trình bày là người nộp đơn kháng cáo. Nếu công tố viên nộp đơn kháng cáo, thì công tố viên trình bày. Nếu cả hai bên kháng cáo quyết định của Tòa án, nguyên đơn sẽ trình bày trước. Sau phần trình bày của người kháng cáo, công tố viên (nếu kháng cáo) và những người khác tham gia vụ án thì người đại diện của họ, tòa phúc thẩm nếu có đơn yêu cầu phù hợp sẽ đọc các chứng cứ có sẵn của vụ án, sau đó tiến hành kiểm tra những bằng chứng mới được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, những yêu cầu mới chưa được xem xét tại Tòa án cấp sơ thẩm sẽ không thể được đưa ra ở Tòa án phúc thẩm. Sau khi làm rõ các tình tiết của vụ án và xem xét chứng cứ, những người tham gia vụ án sẽ tiến hành tranh luận theo trình tự mà pháp luật quy định. Sau khi kết thúc phiên tòa, HĐXX về phòng nghị án để ra phán quyết¹⁶². Như vậy, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự về cơ bản giống như phiên tòa sơ thẩm gồm các bước: bắt đầu phiên tòa, tranh tụng, nghị án và tuyên án.

Có thể thấy, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có sự khác biệt so với thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ. Theo đó, ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm gồm bắt đầu phiên tòa, trình bày của các bên (luật sư của các bên) về việc áp dụng pháp luật trong việc ra phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, HĐXX (3 thẩm phán) sẽ nêu các câu hỏi liên quan đến vụ án, nghị án và tuyên án. Ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS gồm các bước: bắt đầu phiên tòa, tranh tụng, nghị án và tuyên án. Tuy nhiên, dù thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như thế nào thì đó cũng phải là thủ tục tố tụng công bằng. Bởi vì, “*phiên tòa sẽ không công bằng nếu như cán cân thủ tục nghiêng về một bên nhất định*”¹⁶³.

¹⁶² A.A. Мохов, И.В. Воронцова, С.Ю. Семенова (2017), Учебник “Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России”, Москва, ООО «ЮРИДИЧЕСКАЯ ФИРМА КОНТРАКТ», tr. 240, 241.

¹⁶³ Tom Bingham (2023) (Phạm Hồ Nam, Nguyễn Lữ Quỳnh Anh dịch), *Về pháp quyền*, Nxb tri thức, Hà Nội, tr. 124.

Ở Việt Nam, phiên toà phúc thẩm được tiến hành tương tự như các nước thuộc hệ thống pháp luật dân sự. Theo đó, HĐXX phúc thẩm được xem xét lại cả vấn đề về chứng cứ và việc áp dụng pháp luật của Toà án cấp sơ thẩm trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị. Trình tự, thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm bao gồm: bắt đầu phiên toà, tranh tụng (trình bày nội dung bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị và các căn cứ của việc kháng cáo, kháng nghị; xuất trình chứng cứ mới và trình bày lý do của việc có chứng cứ mới; hỏi; tranh luận về kháng cáo, kháng nghị); nghị án và tuyên án.

** Bắt đầu phiên toà phúc thẩm:*

Để đảm bảo tính trang trọng, nghiêm minh của phiên toà phúc thẩm thì chủ toạ phiên toà tiến hành khai mạc phiên toà và tiến hành các thủ tục tố tụng như khai mạc phiên toà và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử; kiểm tra căn cước của người kháng cáo, người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị; kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên toà; phổ biến quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, người làm chứng; giải quyết thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, hoãn phiên toà nếu có căn cứ hoãn phiên toà... Phiên toà phúc thẩm được tiến hành để giải quyết kháng cáo, kháng nghị nên việc hoãn phiên toà phúc thẩm cũng tương tự như ở phiên toà sơ thẩm phải ở thời điểm bắt đầu phiên toà khi HĐXX phúc thẩm chưa tiến hành xem xét, giải quyết nội dung kháng cáo, kháng nghị. Ngoài ra, việc hoãn phiên toà phúc thẩm dựa trên căn cứ do pháp luật quy định, việc hoãn phiên toà bằng một quyết định, trong đó nói rõ thời gian, địa điểm, thời hạn hoãn phiên toà, thành phần tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng.

Ngoài ra, để thực hiện đúng phạm vi tranh tụng là các bên đương sự chỉ tranh tụng về những nội dung mà các bên còn có tranh chấp, chưa thống nhất nên việc các đương sự thực hiện các quyền tự định đoạt ở phúc thẩm như rút yêu cầu; rút kháng cáo, kháng nghị, thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị; thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được thực hiện ở thủ tục bắt đầu phiên toà. Việc các đương sự thực hiện các quyền tự định đoạt này nếu xuất phát từ ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan,

tổ chức, cá nhân khác và không trái đạo đức xã hội được Toà án chấp nhận. Tuy nhiên, việc đương sự thực hiện quyền tự định đoạt ở giai đoạn phúc thẩm có điểm khác biệt so với giai đoạn sơ thẩm là đã có bản án sơ thẩm nên việc thực hiện quyền tự định đoạt phải có điều kiện nhất định nhằm tôn trọng quyền bình đẳng của các chủ thể khác cũng như đảm bảo việc xét xử phải có điểm dừng. Cụ thể:

- Về việc rút yêu cầu của các đương sự:

+ Bất kỳ đương sự nào đã đưa ra yêu cầu ở giai đoạn sơ thẩm thì đều có quyền rút yêu cầu đó ở phúc thẩm. Nên nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố, người liên quan có yêu cầu độc lập đều có quyền rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình ở giai đoạn phúc thẩm. Tuy nhiên, việc rút yêu cầu của các đương sự phải hỏi ý kiến của các đương sự khác. Bởi vì, *“khi đương sự đưa ra yêu cầu Toà án giải quyết một hay nhiều quan hệ pháp luật thì đương sự phía bên kia phải bỏ thời gian, công sức và các chi phí cho việc theo kiện ở tại Toà án cũng như họ muốn giải quyết dứt điểm quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự, xác định cụ thể quyền và nghĩa vụ của mình để họ thực hiện cho xong nghĩa vụ. Ở đây cần phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa việc thực hiện quyền tự định đoạt của các đương sự với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác, bảo đảm cho các đương sự bình đẳng với nhau trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng”*¹⁶⁴.

Vấn đề này cũng đã được quy định trong pháp luật TTDS một số nước. Chẳng hạn, Điều 395 BLTTDS Pháp quy định “Việc rút đơn khởi kiện chỉ được coi là hoàn thành khi có sự chấp thuận của bị đơn. Tuy nhiên, sự chấp thuận là không cần thiết khi bị đơn chưa thực hiện việc bào chữa về nội dung tranh chấp hoặc về yêu cầu bác đơn khởi kiện tại thời điểm nguyên đơn rút đơn khởi kiện”¹⁶⁵. Hoặc Điều 261 BLTTDS Nhật Bản cũng quy định “Việc rút lại đơn khởi kiện sau khi bên kia đã nộp bản tóm tắt liên quan đến nội dung vụ kiện, đã đưa ra tuyên bố trong thủ tục chuẩn bị hoặc đã tiến hành việc tranh luận bằng miệng về nội dung sẽ không có hiệu lực trừ khi có sự đồng ý của phía bên kia; Tuy nhiên, với điều kiện là điều này không áp dụng cho việc rút đơn phản tố nếu hành động chính được rút lại”¹⁶⁶.

¹⁶⁴ Nguyễn Thị Thu Hà (2024), *Về vấn đề rút yêu cầu của đương sự trong VADS*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 1/2024, tr. 32.

¹⁶⁵ *Bộ luật TTDS Cộng hoà Pháp (1998)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

¹⁶⁶ *Bộ luật TTDS Nhật Bản năm 2011*, <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2834/en>, truy cập ngày 3/11/2023.

+ Việc rút yêu cầu của đương sự bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm. Về nguyên tắc, phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành án. Do đó, đương sự không được rút yêu cầu đối với những phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

+ Thẩm quyền xem xét và giải quyết việc rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm phải thuộc về HĐXX phúc thẩm. Bởi vì, *“bản án, quyết định sơ thẩm là kết quả của quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nên để xác định số phận pháp lý của bản án, quyết định sơ thẩm thì phải trên cơ sở xem xét của HĐXX phúc thẩm”*¹⁶⁷.

- Về việc rút, thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị:

+ Về việc rút kháng cáo, kháng nghị: Rút kháng cáo, kháng nghị để được Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần của vụ án hoặc đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án thì cần có điều kiện như sau: (i) trong vụ án không còn kháng cáo, kháng nghị khác đối với phần của bản án, quyết định sơ thẩm đó; (ii) phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị mà kháng cáo hoặc kháng nghị đó đã được rút độc lập với những phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và việc xét kháng cáo, kháng nghị này không liên quan đến phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo hoặc kháng nghị đã được rút.

+ Về việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị:

Về nguyên tắc, người kháng cáo, kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phải đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và nguyên tắc tranh tụng. Đó là, trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị người kháng cáo, kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị nhưng việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phải về phần bản án, quyết định sơ thẩm. Nếu việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị về những nội dung chưa được xem xét, giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm thì việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị đó không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Ngoài ra, đương sự phía bên kia phải được biết việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng

¹⁶⁷ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 77.

ngợi và phải có thời gian để phản bác lại các nội dung được thay đổi, bổ sung đó. Do đó, thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị dẫn đến không đảm bảo cho bên đương sự phía bên kia thực hiện quyền tranh tụng như bổ sung thêm yêu cầu mới, xuất hiện thêm người tham gia tố tụng, phải dùng phiên toà để thu thập thêm chứng cứ... thì Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận.

- *Về việc thoả thuận của các đương sự:*

+ Tương tự như việc rút yêu cầu của đương sự thì việc thoả thuận của đương sự cần bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm. Theo đó, các đương sự thoả thuận về những phần bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, còn những phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc không có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị tức là đã có hiệu lực pháp luật thì việc thoả thuận đó của các đương sự thuộc giai đoạn thi hành án. Ngoài ra, để việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà được công nhận khi việc thoả thuận xuất phát từ ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác và không trái đạo đức xã hội.

* *Thủ tục tranh tụng:*

- *Trình bày kháng cáo, kháng nghị và căn cứ kháng cáo, kháng nghị*

Để tiến hành tranh tụng thì người kháng cáo, người kháng nghị sẽ trình bày về nội dung kháng cáo, kháng nghị, căn cứ kháng cáo, kháng nghị. Nếu trong vụ án có cả kháng cáo và kháng nghị thì người kháng cáo trình bày trước, rồi đến kiểm sát viên trình bày về kháng nghị và căn cứ kháng nghị.

Nhằm đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, các bên phải được biết về yêu cầu, chứng cứ của đối phương trước khi tranh tụng nên tại phiên toà phúc thẩm các bên không được đưa ra yêu cầu mới.

- *Thủ tục tranh luận:*

Theo nguyên tắc tranh tụng thì sau khi những người kháng cáo, kháng nghị trình bày xong kháng cáo, kháng nghị thì các bên đương sự sẽ tiến hành tranh luận, đối đáp dựa trên chứng cứ, căn cứ pháp lý, lý lẽ, lập luận để chứng minh cho kháng cáo, kháng nghị hoặc phản đối kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ và hợp pháp.

+ Nội dung tranh luận: Nội dung tranh luận là những vấn đề kháng cáo, kháng nghị và liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị.

+ Căn cứ tranh luận: Khi tranh luận, các bên đương sự phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu được bổ sung và xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả việc hỏi tại phiên tòa. Ngoài ra, các bên đương sự dựa vào căn cứ pháp lý, lý lẽ, lập luận để chứng minh cho kháng cáo, kháng nghị hoặc phản đối kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ và hợp pháp.

+ Thời gian tranh luận: các bên đương sự có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

- *Thủ tục hỏi:* Do đương sự có nghĩa vụ chứng minh nên để phát huy quyền tranh tụng của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi của đương sự cũng như bảo đảm Tòa án thực hiện đúng chức năng xét xử và vai trò “trọng tài” của mình trong TTDS thì sau khi các đương sự, người bảo vệ trình bày về nội dung kháng cáo, kháng nghị, căn cứ kháng cáo, kháng nghị và tranh luận thì HĐXX chỉ hỏi về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự, người làm chứng trình bày chưa rõ hoặc mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó.

- *Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:* với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đảm bảo tính độc lập xét xử của Tòa án cũng như tranh tụng công bằng của các bên đương sự thì kiểm sát viên bắt buộc tham gia phiên tòa phúc thẩm trong trường hợp VKS kháng nghị hoặc cần bảo vệ lợi ích công và trật tự công, bảo vệ lợi ích của những người yếu thế không có khả năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Còn trong trường hợp không kháng nghị thì VKS chỉ phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX và những người tham gia tố tụng.

- *Nghị án và tuyên án:* mục đích của xét xử phúc thẩm là kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và quyết định chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị nên sau khi kết thúc tranh tụng, HĐXX phúc thẩm giải quyết các nội dung sau:

+ Xác định Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật chưa, có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự hay không. Đó là, (i) kiểm tra lại toà án cấp sơ thẩm có triệu tập đủ và xác định đúng tư cách các đương sự không; (ii) xem xét việc xác định quan hệ pháp luật của Toà án cấp sơ thẩm có đúng hay không; (iii) kiểm tra Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp và theo lãnh thổ hay không; (iv) xác định Toà án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với vụ án có đúng hay không (nếu đương sự có yêu cầu trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định); (v) xem xét vụ án được giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm đã được giải quyết bằng một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khác hay không...

+ Xác định Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án chưa. Việc thu thập chứng cứ có theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định không; phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm có căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm hay không.

+ Xác định việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm có đúng không. Nếu việc giải quyết vụ án theo quy định khoản 2 Điều 4 BLTTDS năm 2015 thì xác định Toà án cấp sơ thẩm có giải quyết trên nguyên tắc quy định tại Điều 45 BLTTDS năm 2015 hay không.

+ Trên cơ sở xem xét, đánh giá kháng cáo, kháng nghị, chứng cứ của vụ án, HĐXX phúc thẩm xác định chấp nhận 1 phần/toàn bộ kháng cáo, kháng nghị hoặc không chấp nhận một phần/toàn bộ kháng cáo, kháng nghị.

+ HĐXX phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm, hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại, hủy và đình chỉ giải quyết vụ án; tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Như vậy, nghị án là việc các thành viên của HĐXX phúc thẩm thảo luận và đưa ra phán quyết về việc kháng cáo, kháng nghị có căn cứ hay không trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm. HĐXX ra bản án, quyết định về việc giải quyết VADS trên nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

1.3.2.2. Phiên tòa phúc thẩm trực tuyến

Dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các quốc gia trên thế giới đều ứng dụng công nghệ vào việc giải quyết VADS tại Tòa án. Điển hình cho các quốc gia này là Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Trung Quốc.

Ở Trung Quốc, phạm vi các vụ án dân sự được xét xử trực tuyến bao gồm: tranh chấp về hợp đồng, trách nhiệm phát sinh trong thương mại điện tử; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng; tranh chấp về việc sử dụng Internet để xâm phạm quyền nhân thân và tài sản của người khác; tranh chấp về các khoản vay, khoản nợ tài chính qua mạng... Về cách thức tham gia tố tụng trực tuyến, đương sự và Luật sư phải đăng ký một tài khoản bằng tên thật trên trang web chính thức của Tòa án Internet nơi giải quyết vụ việc và xác minh danh tính của họ bằng phương pháp nhận diện khuôn mặt. Thỏa thuận khi đăng ký tài khoản sẽ có điều khoản quy định rõ, rằng hành động được thực hiện bởi các tài khoản đăng nhập vào nền tảng tố tụng điện tử với danh tính đã được xác thực sẽ được coi là hành động do người dùng thực hiện. Sau khi đăng nhập vào trang web của Tòa án Internet, đương sự và luật sư tiến hành nộp đơn kiện, hồ sơ trực tuyến và cung cấp tài liệu, chứng cứ thông qua mạng Internet. Hầu hết tài liệu, chứng cứ trong các vụ án mà Tòa án Internet xét xử đều được thu thập và lưu trữ thành các dữ liệu điện tử, thông qua các công nghệ hiện đại như là bigdata, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... Vì vậy, để đảm bảo tính xác thực của chứng cứ, tài liệu mà các bên đưa ra, Tòa án Internet phải kiểm tra quá trình mà dữ liệu được tạo ra, quá trình thu thập, quá trình lưu trữ dữ liệu bằng các phương tiện kỹ thuật số và các cơ chế liên quan. Các đương sự và luật sư được phép kiểm tra việc nộp tài liệu, trình bày và kiểm tra chéo chứng cứ, tham gia xét xử trực tuyến và nhận bản án thông qua trang web của Tòa án. TANDTC Trung Quốc cũng yêu cầu các phiên xét xử trực tuyến phải tuân thủ nguyên tắc xét xử trực tiếp và nguyên tắc xét xử bằng lời nói, do đó, các Tòa án Internet sử dụng hệ thống video trực tuyến, ghi nhận và truyền phát hình ảnh, âm thanh cùng lúc thay vì chỉ giao tiếp với người tham gia tố tụng thông qua hình ảnh hoặc giọng nói. Trường hợp đương sự không tham gia phiên tòa trực tuyến đúng giờ

sẽ bị coi là “từ chối trình diện trước tòa” hoặc đương sự “biến mất” khi phiên tòa vẫn đang diễn ra mà không có sự cho phép sẽ bị coi là “tự ý rút lui trong phiên tòa”, trừ các trường hợp do lỗi mạng, sự cố thiết bị, mất nguồn hoặc các sự kiện bất khả kháng khác¹⁶⁸.

Năm 2021, TANDTC Trung Quốc ban hành Quy tắc tổ tụng trực tuyến của TAND. Theo Quy tắc này, khi tiến hành tổ tụng trực tuyến, các Tòa án phải tuân thủ 5 nguyên tắc: nguyên tắc công bằng và hiệu quả; hợp pháp và tự nguyện; bảo vệ quyền của các đương sự; thuận tiện và có lợi cho người dân; an toàn và tin cậy¹⁶⁹. Ngoài ra, Tòa án Trung Quốc cũng có thẩm quyền chuyển xét xử vụ án trực tuyến sang xét xử án trực tiếp khi xuất hiện tình huống không đáp ứng quy định trong quá trình tổ tụng mà có hoạt động tố tụng đã hoàn thành bằng hình thức trực tuyến vẫn có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, quy tắc này cũng xác định những trường hợp sau không được xét xử trực tuyến: (i) các bên đương sự đều tỏ rõ nguyện vọng không đồng ý hoặc một bên đương sự không đồng ý và có lý do chính đáng; (ii) các bên đương sự đều không có đầy đủ điều kiện về kỹ thuật và năng lực để tiến hành xét xử trực tuyến; (iii) Cần thiết phải xác định nhân thân, đối chiếu bản gốc vật gốc bằng xét xử trực tiếp; (iv) Tình tiết vụ án phức tạp, có nhiều tài liệu, chứng cứ áp dụng xét xử trực tuyến không có lợi cho việc làm rõ sự thực và áp dụng pháp luật; (v) Vụ án có liên quan đến an ninh quốc gia, bí mật nhà nước; (vi) vụ án có tầm ảnh hưởng xã hội sâu rộng, được sự quan tâm rộng rãi của quần chúng nhân dân; (vii) Các trường hợp TAND nhận thấy không thích hợp để xét xử trực tuyến khác¹⁷⁰.

Ở Hoa Kỳ, bắt đầu từ tháng 3 năm 2020, các Tòa án ở mọi cấp, từ các Tòa án thành phố nhỏ đến Tòa án tối cao Hoa Kỳ, đã tiến hành xét xử trực tuyến (*Virtual hearings*) tại các phiên tòa ảo (*Virtual Court*). Tại 38 tiểu bang, cũng như Đặc khu

¹⁶⁸ Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi, “Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp trí Tòa án nhân dân điện tử* https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYUwGKXpIplbfRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3 truy cập ngày 01/1/2026.

¹⁶⁹ Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên), 2022, “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 233, 234, 304, 305.

¹⁷⁰ Đặng Phước Thông, Nguyễn Việt Anh Lâm, Chu Thị Thơm (2025), *Xét xử trực tuyến VADS - Kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 4(188)/2025, tr. 22.

Columbia và Puerto Rico, các Tòa án đã bắt buộc hoặc khuyến khích việc sử dụng các phiên điều trần ảo khi thích hợp. Hoạt động của Tòa án chủ yếu được điều chỉnh trên hai khía cạnh: chuyển từ xét xử trực tiếp sang xét xử trực tuyến và số hóa một số thủ tục tố tụng mà các đương sự phải hoàn thành trước một phiên điều trần (chẳng hạn như chuẩn bị và cung cấp tài liệu tòa án). Đặc biệt, công cụ nộp hồ sơ điện tử cho phép đương sự nộp hồ sơ trực tuyến, hệ thống công chứng điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh các hồ sơ điện tử¹⁷¹.

Liên minh Châu Âu cũng có chính sách, pháp luật quy định về việc ứng dụng công nghệ vào việc giải quyết các VADS của Tòa án. Ngày 16/6/2021 Ủy ban Bộ trưởng Hội đồng Châu Âu ban hành Hướng dẫn về cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến trong TTDS. Hướng dẫn đặt ra bốn nguyên tắc cơ bản của giải quyết tranh chấp trực tuyến theo cơ chế tố tụng tư pháp: (i) các quốc gia thành viên phải đảm bảo sự tin cậy và tin tưởng và giải quyết tranh chấp trực tuyến; (ii) giải quyết tranh chấp trực tuyến không được tạo ra rào cản đáng kể nào đối với tiếp cận công lý; (iii) Các quy tắc tố tụng áp dụng cho thủ tục tố tụng thông thường cũng phải được áp dụng đối với thủ tục tố tụng trong giải quyết tranh chấp trực tuyến, trừ trường hợp do tính chất đặc thù của cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến đòi hỏi có quy định khác biệt; (iv) Các bên trong thủ tục tố tụng trực tuyến phải được nhận diện bằng các quy chế an toàn. Hướng dẫn nhấn mạnh vào các quyền thủ tục tố tụng công bằng và công ước Châu Âu về nhân quyền đã ghi nhận, đó là đảm bảo quyền tiếp cận công lý và sự bình đẳng giữa các bên. Để bảo đảm tiền quyền tiếp cận công lý, cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến phải dễ hiểu, thân thiện với người dùng để có thể được sử dụng thuận tiện bởi càng nhiều người càng tốt và người dân có khả năng chi trả. Các bên phải được thông tin về cơ chế hoạt động, cách thức nộp đơn, theo dõi quá trình tố tụng và tiếp cận các bản án, quyết định của Tòa án. Việc sử dụng tố tụng trực tuyến không được gây bất lợi cho các bên hoặc tạo ra lợi thế

¹⁷¹ Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi, “*Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*”, *Tạp trí Tòa án nhân dân điện tử* https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYUwGKXpIplbfRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3 truy cập ngày 01/1/2026.

không công bằng cho một trong các bên. Tổ tụng trực tuyến phải được thiết kế và triển khai khai theo tiêu chuẩn kỹ thuật được các quốc tế thừa nhận để cho phép càng nhiều người sử dụng càng tốt, với tính tự chủ càng cao càng tốt. Chi phí tổ tụng trực tuyến không thể cao hơn so với chi phí tổ tụng ngoại tuyến. Các bên phải được thông báo, thanh toán dự định vụ án sẽ được giải quyết với sự tham gia của trí tuệ nhân tạo (AI). Để đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên, việc tham gia vào quy trình tổ tụng trực tuyến không được làm phương hại đến quyền tham gia một cách có hiệu quả của cá nhân vào quá trình tổ tụng và quyền yêu cầu biện pháp khắc phục một cách hiệu quả. Tổ tụng trực tuyến phải đảm bảo một quy trình xét xử độc lập và vô tư. Các bên trong tổ tụng trực tuyến phải được biết về các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bao gồm cả các tài liệu do phía bên kia xuất trình. Họ phải được tiếp cận các tài liệu này và có đầy đủ thời gian, phương tiện để nghiên cứu, nắm được nội dung của tài liệu. Về chứng cứ, thủ tục công bằng đòi hỏi rằng các bên trong tổ tụng trực tuyến phải được phép xuất trình chứng cứ theo cách không tạo ra bất lợi cho họ so với các đương sự khác. Các bên phải có cơ hội trình bày chứng cứ, lập luận và phản bác chứng cứ do bên kia đưa ra và phải được trình bày chứng cứ theo cách thức không đặt họ ở vị thế bất lợi hơn so với các đương sự khác. Tổ tụng trực tuyến phải hướng đến mục tiêu nâng cao tính hiệu quả của thủ tục tổ tụng bằng việc cho phép các bên tham gia tổ tụng mà không cần hiện diện trực tiếp tại tòa án và bằng việc cải tiến quy trình tổ tụng theo hướng đơn giản, gọn nhẹ. Ngoài ra, Hướng dẫn đề cập đến các yêu cầu đặc thù đối với cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến tại tòa án liên quan đến công nghệ thông tin. Đó là yêu cầu bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến không được xâm phạm các quyền con người, đặc biệt là các quyền liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm quyền được thông tin, quyền tiếp cận dữ liệu, quyền phản đối việc xử lý dữ liệu và quyền được xóa dữ liệu¹⁷².

Có thể thấy, các quốc gia trên thế giới đều thực hiện ứng dụng công nghệ trong giải quyết các VADS tại Tòa án. Theo đó, có quy định về phạm vi các VADS được

¹⁷² Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên), 2022, “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 273 – 276..

giải quyết theo thủ tục tố tụng trực tuyến; nguyên tắc khi giải quyết VADS theo tố tụng trực tuyến; thủ tục tố tụng. Phiên tòa trực tuyến với phòng xử án được bố trí phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng, được trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình, màn hình tivi, máy vi tính, mạng internet, mạng truyền hình trực tuyến và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động xét xử. Thông qua các thiết bị trực tuyến được thiết lập, liên kết với internet và vận hành bởi một phần mềm ứng dụng mà những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng không cần phải tập trung tại một phòng xử án của tòa án như thường lệ.

Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế chung của thế giới nên việc xét xử trực tuyến là nhu cầu và xu hướng phát triển của hoạt động tư pháp của Việt Nam. Đối với phiên tòa phúc thẩm trực tuyến, phạm vi các VADS được giải quyết theo thủ tục trực tuyến là vụ án có tính chất đơn giản, chứng cứ, tài liệu rõ ràng, giá trị tranh chấp nhỏ; các điều kiện về kỹ thuật, vật chất để tổ chức phiên tòa trực tuyến; khi tổ chức phiên tòa phúc thẩm trực tuyến phải đảm bảo các nguyên tắc như khi xét xử trực tiếp đồng thời phải đảm bảo các nguyên tắc đặc thù do những rủi ro của tố tụng trực tuyến đem lại. Đó là: nguyên tắc đảm bảo sự tự nguyện của các đương sự trong việc lựa chọn phương thức xét xử trực tiếp hay trực tuyến; đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm tính hiệu quả và thuận tiện cho đương sự; chi phí tố tụng không cao hơn tố tụng trực tiếp. Ngoài ra cần quy định về trường hợp vụ án sẽ không được xét xử trực tuyến (tham khảo quy định của Trung Quốc về vấn đề này) và nếu tại phiên tòa phúc thẩm trực tuyến xuất hiện các điều kiện này thì phiên tòa phúc thẩm trực tuyến sẽ dừng lại và chuyển sang xét xử trực tiếp để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

1.3.3. Quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Dưới góc độ pháp lý thì “quyền hạn” được hiểu là “quyền của một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được xác định theo phạm vi nội dung, lĩnh vực hoạt động, cấp và chức vụ, vị trí công tác và trong phạm vi không gian, thời gian nhất định theo quy định của pháp luật. Quyền hạn của một chủ thể được pháp luật quy định đồng thời cũng là nhiệm vụ của chủ thể đó được sử dụng để thực hiện chức năng, trách nhiệm nhất định

của chủ thể đó”¹⁷³. Theo đó, có thể hiểu, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm trong TTDS là quyền tham gia quyết định thực hiện các hoạt động TTDS theo quy định của pháp luật kể từ khi được Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm phân công giải quyết án cho đến khi ban hành bản án, quyết định giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm¹⁷⁴.

Các nhà khoa học ở nước ngoài đều chỉ rõ quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm được quy định khác nhau ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ và các nước theo truyền thống pháp luật dân sự.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ: ví dụ như theo pháp luật TTDS của Hoa Kỳ, tác giả *Jay M. Feinman* trong cuốn “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*” phân tích nếu vấn đề được đưa ra trước Tòa án cấp phúc thẩm là về việc áp dụng pháp luật thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền sử dụng phán quyết của mình để đưa ra kết quả đúng. Nếu vấn đề liên quan đến sự việc thì tòa phúc thẩm sẽ thận trọng hơn. Họ chỉ xem một phần hồ sơ tố tụng ở Tòa án cấp dưới và các lập luận của luật sư của các bên. Họ không nghe người làm chứng hoặc xem xét toàn bộ chứng cứ, vì vậy họ ở vị thế kém hơn khi đánh giá. Do đó, tòa phúc thẩm sẽ tôn trọng phán quyết thực tế, đặc biệt nếu phán quyết đó được bồi thẩm đoàn đưa ra chứ không phải theo đề nghị của thẩm phán tòa sơ thẩm¹⁷⁵. HĐXX phúc thẩm có quyền giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm nếu quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; nếu quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ, trái pháp luật thì HĐXX phúc thẩm sẽ trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại. HĐXX phúc thẩm “không xem xét để ra một quyết định mới hoặc ra một quyết định hoàn toàn mới để thay thế quyết định của Tòa án cấp dưới”¹⁷⁶. Còn theo quy định của pháp luật TTDS của Anh, HĐXX phúc thẩm có quyền: (i) khẳng định hoặc huỷ bỏ phán quyết của Tòa án cấp dưới; (ii) chuyển vụ án về cho Tòa án cấp dưới xét xử lại; (iii) ra lệnh mở phiên tòa mới¹⁷⁷;

¹⁷³ Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển bách khoa & Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 651.

¹⁷⁴ Vũ Thị Minh Hằng, *Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật điện tử, link: <https://danchuphapluat.vn/quyen-han-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-theo-phap-luat-viet-nam>, truy cập 29/11/2023.

¹⁷⁵ *Jay M. Feinman* (2014), “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*”, NXB Hồng Đức, Hà Nội, tr. 228.

¹⁷⁶ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỷ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 6.

¹⁷⁷ Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing, page. 434.

Tác giả Tổng Công Cường khi nghiên cứu về phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự đã chỉ ra rằng, do Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS và xem xét cả vấn đề sự kiện và luật pháp nên HĐXX phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có quyền “thay đổi, bổ sung, chấp nhận hay hủy bỏ các nội dung về mặt sự kiện và pháp lý trong bản án sơ thẩm”¹⁷⁸.

Chẳng hạn, theo pháp luật TTDS của Liên Bang Nga thì HĐXX phúc thẩm có quyền: (i) giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác đơn kháng cáo, đề nghị phúc thẩm nếu bản án sơ thẩm là hợp pháp và có căn cứ theo đúng quy định của pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng, tất cả các tình tiết của vụ án đều được chứng minh bằng các chứng cứ; (ii) Hủy bỏ hoặc sửa đổi toàn bộ hoặc một phần bản án sơ thẩm và ban hành quyết định mới về vụ án khi bản án sơ thẩm có những sai sót nghiêm trọng. Về nguyên tắc, toà phúc thẩm không thể trả hồ sơ để xét xử lại nên HĐXX phúc thẩm sẽ tự sửa chữa tất cả sai sót. (iii) Hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần bản án và đình chỉ giải quyết vụ án; (iv) Không chấp nhận đơn kháng cáo mà không xem xét về nội dung nếu đơn kháng cáo nộp khi thời hạn kháng cáo đã hết và việc khôi phục thời hạn kháng cáo chưa được chấp nhận. Toà án cấp phúc thẩm không có quyền chuyển vụ án lại cho toà sơ thẩm xét xử lại¹⁷⁹.

Như vậy, có thể thấy quyền hạn của HĐXX phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ và các nước theo truyền thống pháp luật dân sự khác nhau là do tính chất phúc thẩm của các nước này khác nhau. Nếu ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì tính chất của phúc thẩm VADS là xét lại bản án, quyết định sơ thẩm về vấn đề áp dụng pháp luật trên cơ sở kháng cáo của đương sự nên Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ án về vấn đề áp dụng pháp luật mà không xem xét lại vấn đề sự kiện thực tế. Toà án cấp phúc thẩm rất ít khi chấp nhận hoặc không chấp nhận và xem xét các chứng cứ mới mà chỉ xem xét dựa trên hồ sơ vụ án của Toà án cấp sơ thẩm. Toà án cấp phúc thẩm không có quyền ra một bản án mới để

¹⁷⁸ Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – nghiên cứu so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, tr. 358.

¹⁷⁹ А.А. Мохов, и.в. воронцова, с.Ю. сеМёнова (2017), Учебник “Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России”, Москва, ООО «ЮРИДИЧЕСКАЯ ФИРМА КОНТРАКТ», tr. 242, 243.

thay thế cho bản án của Toà án cấp dưới. Còn ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự thì với tính chất của phúc thẩm VADS là xét xử lại VADS mà bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo mà Toà án cấp phúc thẩm có quyền xét xử lại nội dung vụ án để kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm. Hay nói cách khác Toà án cấp phúc thẩm có quyền xem xét lại vụ án về vấn đề sự kiện và luật pháp.

Ở Việt Nam, quyền hạn của Toà án cấp phúc thẩm là tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định cho Toà án cấp phúc thẩm được quyết định các vấn đề về nội dung của VADS khi xem xét giải quyết vụ án đó¹⁸⁰. Do tính chất của xét xử phúc thẩm VADS là xét xử lại VADS trên cơ sở có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm nên HĐXX phúc thẩm có quyền hạn sau: quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; Quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm; Quyền hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại; quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và công nhận bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị: HĐXX phúc thẩm ra quyết định này khi thoả mãn các điều kiện sau: (i) kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nhưng không có căn cứ; (ii) bản án sơ thẩm được tuyên căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá tại phiên toà, kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà sơ thẩm, dựa trên các quy định của pháp luật hoặc dựa trên sự thoả thuận của đương sự, căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, án lệ, lẽ công bằng để giải quyết vụ án.

- Quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm: HĐXX phúc thẩm ra quyết định này khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Toà án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật nội dung không đúng để giải quyết vụ án.
- + Toà án cấp sơ thẩm xác định thiếu chứng cứ nhưng được bổ sung đầy đủ ở Toà án cấp phúc thẩm.

¹⁸⁰ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 73.

- Quyền hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại: HĐXX phúc thẩm ra quyết định này khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về pháp luật TTDS, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

+ Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án sơ thẩm không dựa trên sự thật khách quan của vụ án, không xác định đầy đủ các chứng cứ của vụ án mà không thể bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án: HĐXX phúc thẩm ra quyết định này khi xuất hiện những căn cứ dẫn đến vụ án phải chấm dứt toàn bộ hoạt động tố tụng từ sơ thẩm lên phúc thẩm và kết quả của quá trình giải quyết VADS ở giai đoạn sơ thẩm sẽ không được công nhận. Hay nói cách khác, bản án, quyết định sơ thẩm bị HĐXX phúc thẩm hủy bỏ.

- Quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và công nhận bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật: HĐXX phúc thẩm ra quyết định này khi xuất hiện những căn cứ dẫn đến vụ án không thể tiếp tục giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. HĐXX phúc thẩm phải dừng việc xét xử theo trình tự phúc thẩm và ghi nhận kết quả của quá trình xét xử sơ thẩm, theo đó quyền và nghĩa vụ của các bên được ấn định trong bản án, quyết định sơ thẩm sẽ được tôn trọng và có hiệu lực thi hành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Xét xử phúc thẩm VADS đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong giải quyết VADS cũng như bản án, quyết định của TAND trước khi được thi hành trên thực tế là những bản án, quyết định đúng đắn, chính xác. Chương 1 luận án, NCS luận giải những vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS, đó là:

Thứ nhất, luận án đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS dưới các góc độ khác nhau (cấp xét xử, hoạt động tố tụng, thủ tục tố tụng, hệ thống các quy định của pháp luật) trên cơ sở đánh giá, bình luận những quan niệm của các nhà khoa học trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Thứ hai, Luận án chỉ ra đặc điểm riêng biệt của xét xử phúc thẩm VADS trên cơ sở so sánh với xét xử sơ thẩm VADS, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

Thứ ba, Luận án phân tích ý nghĩa pháp lý cũng như ý nghĩa về chính trị, xã hội của phúc thẩm VADS.

Thứ tư, Luận án phân tích các cơ sở cơ sở khoa học của việc quy định phúc thẩm VADS dựa trên các học thuyết, lý thuyết về tiếp cận công lý, về xét xử công bằng và học thuyết về tự do ý chí.

Thứ năm, Luận án cũng trình bày về nội dung điều chỉnh của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS. Theo đó, luận án tập trung vào những nội dung sau: phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên tòa phúc thẩm VADS và quyền hạn của đồng xét xử phúc thẩm VADS. Đây có thể nói là một trong những nội dung chính của chương 1 để làm cơ sở cho việc đánh giá pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm cũng như là làm cơ sở cho việc đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

Như đã phân tích ở chương 1 trong phạm vi luận án, NCS sẽ trình bày về phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

2.1. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam từ phạm vi xét xử vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện

Để tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự cũng như đảm bảo tính ổn định của bản án, quyết định sơ thẩm nên Điều 293 của BLTTDS năm 2015 quy định: *“Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.”*

Căn cứ vào quy định này có thể thấy, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét những vấn đề đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và trong nội dung của kháng cáo, kháng nghị và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, quy định này cũng nhằm đảm bảo thực hiện đúng chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 17 BLTTDS năm 2015.

Trước đây, đương sự có thể kháng cáo, VKS có thể kháng nghị về những vấn đề chưa được giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm. Điều 63 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 và Điều 66 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động năm 1996 đều quy định “Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị và phần khác của bản án, quyết định có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị”. Do Pháp lệnh không quy định phạm vi kháng cáo, kháng nghị nên đương sự, VKS có thể kháng cáo nội dung ngoài bản án, quyết định sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải xem xét những yêu cầu mới này. Trong khi bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực ngay nên việc Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết yêu cầu mới là không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử. Vì vậy, từ BLTTDS năm 2004, phạm vi xét xử phúc thẩm đã được giới hạn lại, chỉ xem xét trong bản án, quyết định sơ thẩm.

Theo quy định của BLTTDS năm 2015, phạm vi xét xử phúc thẩm là toàn bộ hoặc một phần bản án, quyết định sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị và phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị (nếu cần thiết). Như vậy, nếu những vấn đề chưa được xem xét giải quyết ở sơ thẩm và không nằm trong nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc không liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết.

“Có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị” là khi việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với một phần nội dung của bản án, quyết định sơ thẩm cần thiết phải xem xét đồng thời một phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm đó mặc dù phần này không bị kháng cáo, kháng nghị. Ví dụ: Trong vụ án “Tranh chấp chia thừa kế và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”, người liên quan X (là chủ nợ của người để lại di sản) kháng cáo phần nghĩa vụ thanh toán của các đồng thừa kế đối với ông X, các đồng thừa kế không kháng cáo. Thì mặc dù ông X chỉ kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm nhưng Tòa án cấp phúc thẩm buộc phải xem xét phần phân chia di sản cho các đồng thừa kế mới có thể xác định kháng cáo có căn cứ hay không có căn cứ. Phần phân chia di sản thừa kế này là phần “có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo”.

Mặt khác, đương sự có thể kháng cáo về việc áp dụng pháp luật của bản án, quyết định sơ thẩm hoặc kháng cáo về thủ tục giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm. Vấn đề đặt ra là: trường hợp đương sự kháng cáo về việc bản án sơ thẩm đã áp dụng không đúng pháp luật nội dung để giải quyết VADS nhưng khi xem xét giải quyết kháng cáo đó của đương sự thì Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền xem xét vấn đề này không? Vấn đề này có hai cách tiếp cận khác nhau.

Cách tiếp cận thứ nhất: Căn cứ vào Điều 293 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng

cáo, kháng nghị. Do đó, đương sự chỉ kháng cáo về việc bản án sơ thẩm đã áp dụng không đúng pháp luật nội dung để giải quyết VADS thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét để giải quyết vấn đề đó. Còn vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng không nằm trong nội dung kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Những người có thẩm quyền kháng nghị có thể kháng nghị phần bản án sơ thẩm đó theo thủ tục giám đốc thẩm.

Cách tiếp cận thứ hai: Vì bản án sơ thẩm có vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng nên mặc dù đương sự không kháng cáo, VKS không kháng nghị nhưng phần bản án sơ thẩm có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm phải giải quyết và có thể huỷ bản án sơ thẩm nếu có căn cứ theo Điều 310 BLTTDS năm 2015¹⁸¹.

Ví dụ rõ nét nhất là trong vụ án “tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng”, bị đơn chỉ kháng cáo phần chia tài sản. Nhưng quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết kháng cáo thì phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nghiêm trọng trong phần giải quyết quan hệ hôn nhân, dẫn đến quyết định cho ly hôn là chưa đủ căn cứ. Khi đó, phần ly hôn của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và việc Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thủ tục tố tụng ở phần quan hệ hôn nhân có thể làm thay đổi hoàn toàn phán quyết trong bản án phúc thẩm.

Theo NCS, bản án sơ thẩm phải đúng pháp luật và chính xác thì mới bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Để đảm bảo việc ra bản án, quyết định sơ thẩm đúng quy định pháp luật thì trước hết các hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm phải đúng: ví dụ việc thu thập chứng cứ phải đảm bảo khách quan, liên quan, hợp pháp. Bản án, quyết định sơ thẩm phải đúng pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng. Nên mặc dù tôn trọng quyền tự định đoạt của người kháng cáo cũng như quyền kháng nghị của VKS nhưng cũng cần phải bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích của các đương sự khác. Do đó, khi bản án sơ thẩm đã có vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự

¹⁸¹ Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), *Phạm vi xét xử phúc thẩm trong TTDS – Một số vấn đề đặt ra*, nguồn: <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-theo-thu-tuc-phuc-tham-trong-to-tung-dan-su-mot-so-van-de-dat-ra7777.html>, truy cập ngày 13/6/2025

thì cho dù không có kháng cáo, kháng nghị về vấn đề này, HĐXX phúc thẩm vẫn phải xem xét giải quyết và được hiểu là có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị. Lý luận này hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTDS như quyền tự định đoạt của đương sự, nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng. Trong ví dụ trên, Tòa án cấp phúc thẩm cần xem xét cả phần quan hệ hôn nhân theo diện “có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo” và có thể xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trên thực tế, các Tòa án áp dụng quy định pháp luật về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS chưa thống nhất, còn có vướng mắc về “*những phần có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị*”. Việc các đương sự kháng cáo phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật nội dung nhưng khi Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thì phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là rất phổ biến.

Ví dụ¹⁸²: Vụ án “tranh chấp chia thừa kế” giữa 8 đồng nguyên đơn Lê Thị K, Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị C, Lý Văn V, Đặng Văn H với 2 đồng bị đơn Lê Thị N và Lê Thị B. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị C1 và cụ ông Lê Văn C2. Tòa án cấp sơ thẩm xử: 6 nguyên đơn Lê Thị K, Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị C được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 440,4m²; ông Lý Văn V được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 564,1m²; ông Đặng Văn H được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 470,9m²; bị đơn bà Lê Thị N được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 795,1m².

Đồng bị đơn bà Lê Thị N và bà Lê Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận cho các bà N, B được quyền sử dụng và đăng ký toàn bộ diện tích 2.270,5m² đất nói trên. Các đương sự còn lại không ai kháng cáo. VKS không kháng nghị.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng đó là: quá trình giải quyết vụ án, những người liên quan là bà Phạm Thị T3, anh Lê Văn N1, anh Lê Văn N2, anh Lê Văn T4 không có mặt tại địa

¹⁸² Bản án số 731/2025/DS-PT ngày 19/9/2025 của TAND tỉnh Đồng Tháp, nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1976100t1cvn/chi-tiet-ban-an>

phương, không rõ đang sống ở đâu. Các đương sự trình bày những người này đang sống ở Thái Lan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bằng cách niêm yết văn bản bản tố tụng và giải quyết vắng mặt họ là không đúng quy định, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có vi phạm trong đánh giá chứng cứ là Giấy thỏa thuận đề ngày 09/5/2020, có thiếu sót trong thu thập chứng cứ... nên HĐXX phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm của TAND thành phố Hồng Ngự.

Trong vụ án này, bị đơn chỉ kháng cáo về nội dung vụ án, các đương sự và VKS cũng không ai có ý kiến về việc Tòa án niêm yết, giải quyết vắng mặt đối với bà Phạm Thị T3, anh Lê Văn N1, anh Lê Văn N2, anh Lê Văn T4. Tuy nhiên nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét vi phạm về thủ tục tố tụng nói trên thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T3, anh N1, anh N2, anh T4. Do đó, HĐXX phúc thẩm xem xét cả thủ tục tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Qua vụ án này, có thể thấy, về nguyên tắc bản án sơ thẩm được tuyên dựa trên các chứng cứ, quy định của pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng. Nên Tòa án cấp sơ thẩm cần thực hiện đúng quy định của pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng. Thông thường, “các vi phạm về tố tụng phần lớn phải hủy án mà không được sửa án là vì luật tố tụng (luật hình thức) quy định trình tự, thủ tục để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tham gia vào quá trình giải quyết vụ án một cách quy củ, chặt chẽ với mục tiêu đảm bảo cho người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tạo điều kiện cho cơ quan, người tiến hành tố tụng giải quyết đúng đắn và toàn diện vụ án. Vi phạm tố tụng xảy ra sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự, từ đó ảnh hưởng đến việc tham gia vào quá trình giải quyết vụ án một cách bình thường và đúng đắn của họ và ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Mặt khác, tố tụng là quy trình giải quyết vụ án, quy trình tố tụng sai sẽ không thể có một kết quả tố tụng đúng đắn, khách quan. (ví dụ như không thể khắc phục bằng cách tổng đạt lại quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự mà trước đó họ đã không được tổng đạt hợp lệ)”²¹⁶.

Do đó, cần phải coi việc HĐXX phúc thẩm xem xét cả vi phạm về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình ra phán quyết là có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Như vậy, “có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị” có thể là một phần nội dung của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc là phần thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, để thống nhất áp dụng pháp luật trong trường hợp này thì TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể.

2.2. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện

2.2.1. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về những quy định chung về phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện

Theo quy định của BLTTDS năm 2015 thì những quy định chung về phiên tòa phúc thẩm VADS bao gồm nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS, những người tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS, hoãn và tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm VADS. Trong phạm vi của luận án này, NCS chỉ trình bày về những nội dung mà pháp luật TTDS còn những quan điểm khác nhau hoặc chưa có quy định rõ ràng.

**** Về nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS***

Xét xử phúc thẩm VADS là cấp xét xử thứ hai nên nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS cũng tương tự như phiên tòa sơ thẩm VADS. Theo đó, HĐXX phúc thẩm VADS phải thực hiện đúng các nguyên tắc có liên quan đến xét xử phúc thẩm VADS được quy định tại chương II “Những nguyên tắc cơ bản” trong BLTTDS năm 2015. Trong đó, nổi bật là nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; xét xử tập thể và quyết định theo đa số; nguyên tắc xét xử công khai; nguyên tắc xét xử trực tiếp và bằng lời nói; nguyên tắc chứng minh và cung cấp chứng cứ; nguyên tắc quyền tự định đoạt; nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử.

Nếu như quy định của pháp luật TTDS về các nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS khá đầy đủ, chi tiết, cụ thể, rõ ràng, đảm bảo HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng nội dung các nguyên tắc khi tiến hành xét xử phúc thẩm VADS thì nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS có một nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu, đó là: trách nhiệm thu thập chứng cứ của TAND.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật tổ chức TAND năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025) thì các bên thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; Tòa án hướng dẫn các bên liên quan thu thập chứng cứ; Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ. Tuy nhiên trên thực tế, TAND vẫn thực hiện trách nhiệm thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 BLTTDS năm 2015.

Về vấn đề này có những quan điểm khác nhau. *Quan điểm thứ nhất cho rằng*, cần sửa đổi BLTTDS theo Luật tổ chức TAND. Bởi vì, Tòa án thu thập tài liệu cho đương sự vô hình trung đã làm thay cho việc của đương sự khiến họ trông chờ vào Tòa án, lâu dài dẫn đến tình trạng quá tải trong công việc và ít nhiều ảnh hưởng tới nguyên tắc vô tư, khách quan trong TTDS. Sửa đổi quy định theo hướng để đương sự tự thu thập, giao nộp chứng cứ là phù hợp với thông lệ quốc tế hiện nay. *Quan điểm thứ hai cho rằng*, TAND vẫn có trách nhiệm thu thập chứng cứ vì việc quy định “trách nhiệm” của Tòa án trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm bảo đảm quyền lợi của người yếu thế trong TTDS, sự khách quan của vụ án để ra phán quyết công bằng cho tất cả các bên¹⁸³.

Điều 70 BLTTDS năm 2015 đã quy định: nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh là của đương sự. Đương sự phải tự thu thập chứng cứ và cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu hoặc việc phản đối yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, khả năng thu thập chứng cứ của các đương sự là khác nhau, nhất là đối với những người không nắm rõ các quy định pháp luật để tự bảo vệ quyền lợi của mình và cũng không có điều kiện kinh tế để mời luật sư người bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, rất nhiều người dân không có điều kiện tham gia tranh tụng một cách đầy đủ, nếu quy định việc thu thập chứng cứ cứng nhắc là nghĩa vụ cho các bên có thể sẽ rất thiệt thòi cho họ. Ngoài ra, việc để đương sự tự thu thập chứng cứ trong các vụ việc dân sự đặc biệt là thu thập chứng cứ từ cơ quan, tổ chức,

¹⁸³ <https://tapchitoaan.vn/trach-nhiem-thu-thap-chung-cu-cua-toa-an-trong-vu-an-dan-su-thuc-trang-va-giai-phap-hoan-thien11219.html>, truy cập ngày 2/8/2025.

cá nhân là một thách thức với đương sự, vì họ sẽ không có đủ năng lực, cơ chế yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp. Hơn nữa, đối với các bên đương sự, họ tiến hành tự thu thập chứng cứ, nhưng mỗi bên đều sẽ chỉ thu thập những chứng cứ có lợi cho mình và giấu đi những chứng cứ gây bất lợi cho họ. Do đó, việc xác định sự thật của vụ án sẽ gặp nhiều khó khăn¹⁸⁴.

Xuất phát từ thực tiễn này chủ thể nào sẽ hỗ trợ cho đương sự trong việc thu thập chứng cứ: người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hay Tòa án. Nếu Tòa án thu thập chứng cứ có thể dẫn tới không khách quan vì trong vụ việc dân sự, thẩm phán phải là người đứng giữa phân xử tranh chấp. Vậy có lẽ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là hợp lý hơn cả. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, *“cơ chế luật sư, người bảo vệ tham gia tố tụng trong vụ án chưa thể đáp ứng được toàn bộ yêu cầu của người dân, theo thống kê của ngành Tòa án, hiện nay chỉ có 8.15% các vụ kiện tụng có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự. Nếu Tòa án không thu thập chứng cứ trong một số trường hợp thì có thể gặp khó khăn, hoặc không giải quyết được vụ án, vụ việc”*¹⁸⁵. Do đó, cần phải cân nhắc thật kỹ việc quy định có hay không trách nhiệm thu thập chứng cứ của TAND trong TTDS cũng như khi xét xử phúc thẩm VADS.

Trường hợp BLTTDS sửa đổi quy định trách nhiệm thu thập chứng cứ như Luật tổ chức TAND thì cần đồng thời giải quyết vấn đề phán quyết của HĐXX (sơ thẩm, phúc thẩm) khi chứng cứ do các bên đương sự cung cấp chưa đủ căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Mặt khác, cần quy định rõ trách nhiệm hướng dẫn đương sự thu thập chứng cứ tại khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức TAND để nâng cao khả năng tự thu thập chứng cứ của đương sự, đảm bảo chứng cứ do các bên thu thập đủ căn cứ để Tòa án đưa ra phán quyết và hạn chế tối đa lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm về thu thập chứng cứ - hiện tại đây là lỗi rất phổ biến dẫn đến bản án, quyết định sơ thẩm bị hủy, sửa.

¹⁸⁴ Luật Tổ chức TAND (sửa đổi): Tòa án không có nghĩa vụ thu thập chứng cứ, <https://congty.vn/luat-to-chuc-tand-sua-doi-toa-an-khong-co-nghia-vu-thu-thap-chung-cu-455480.html>, truy cập ngày 2/6/2025

¹⁸⁵ Luật Tổ chức TAND (sửa đổi): Tòa án không có nghĩa vụ thu thập chứng cứ, <https://congty.vn/luat-to-chuc-tand-sua-doi-toa-an-khong-co-nghia-vu-thu-thap-chung-cu-455480.html>, truy cập ngày 2/6/2025.

Trường hợp sửa đổi BLTTDS theo hướng giảm trách nhiệm thu thập chứng cứ của Tòa án, tăng nghĩa vụ thu thập chứng cứ của đương sự thì BLTTDS vẫn phải quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án khi thu thập chứng cứ vì có những biện pháp thu thập chứng cứ chỉ có thể do Tòa án thực hiện như xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định, đối chất, lấy lời khai... Trong trường hợp có thiếu sót trong thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn áp dụng quy định về hủy án, sửa bản án sơ thẩm.

** Về những người tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS*

Theo quy định tại Điều 294 BLTTDS năm 2015 thì những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm VADS gồm: người kháng cáo, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị và người tham gia tố tụng khác nếu cần thiết. Quy định này liệt kê thiếu người đại diện của đương sự. Tương tự, Điều 296 BLTTDS năm 2015 cũng không quy định hoãn phiên tòa trong trường hợp người đại diện của đương sự được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Theo quy định tại Điều 85, Điều 86 BLTTDS thì người đại diện của đương sự có đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự trong phạm vi đại diện nên dù luật không quy định nhưng thực tế, người đại diện của đương sự vẫn được triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm VADS và trường hợp người đại diện của đương sự được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt thì HĐXX phải hoãn phiên tòa. Do đó, Điều 294, Điều 296 BLTTDS cần quy định bổ sung thêm “người đại diện của đương sự” để thống nhất với quy định tại các điều luật khác, để thêm đầy đủ căn cứ trong trường hợp HĐXX phúc thẩm hoãn phiên tòa đồng thời để phù hợp với thực tiễn.

Ngoài ra, có trường hợp tại phiên tòa phúc thẩm VADS, người đại diện theo ủy quyền của đương sự vắng mặt lần thứ nhất nhưng đương sự (người ủy quyền) có mặt thì BLTTDS chưa quy định có phải hoãn phiên tòa hay không. Có nhiều trường hợp đương sự đề nghị hoãn phiên tòa vì vắng người đại diện của họ. Khi đó, có hoãn phiên tòa hay không hoãn phiên tòa là kỹ năng xử lý tình huống của Thẩm phán và đánh giá của Thẩm phán về sự cần thiết có mặt người đại diện của đương sự tại phiên tòa. Đa số các trường hợp Thẩm phán sẽ giải thích cho đương sự việc vắng

mặt người đại diện không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, họ có thể tự trình bày để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và rút đề nghị hoãn phiên tòa. Trường hợp đương sự vẫn đề nghị hoãn phiên tòa (thường là khi người đại diện theo ủy quyền là luật sư hoặc có nhận thù lao đại diện) thì HĐXX cũng có thể hoãn phiên tòa. HĐXX cũng có thể quyết định tiếp tục xét xử khi đương sự đề nghị hoãn phiên tòa với lý do việc vắng mặt của người đại diện không ảnh hưởng đến việc đương sự tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình (ví dụ như người đại diện theo ủy quyền của đương sự vắng mặt nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt). Việc BLTTDS không quy định trường hợp này cũng cho HĐXX tùy nghi quyết định dựa trên từng tình huống cụ thể.

** Về hoãn và tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm VADS*

- Về hoãn phiên tòa phúc thẩm VADS:

Quy định hoãn phiên tòa phúc thẩm VADS tại Điều 297 BLTTDS năm 2015 đảm bảo quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm của người kháng cáo, người không kháng cáo có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị đồng thời tránh tình trạng hoãn phiên tòa phúc thẩm VADS nhiều lần. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 chưa có quy định về việc phải triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị. Vậy, khi người kháng cáo, người không kháng cáo không có mặt và người đại diện hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo không có mặt thì phiên tòa phúc thẩm có hoãn không?

Như đã phân tích ở phần trên, phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai nên khi đương sự là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi hoặc đương sự uỷ quyền cho người đại diện thì người đại diện hợp pháp sẽ thay mặt đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong phạm vi uỷ quyền. Hay nói cách khác, người đại diện hợp pháp sẽ thay mặt cho người kháng cáo, người không kháng cáo thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự mà họ đại diện. Do đó, người đại diện hợp pháp của đương sự cũng phải được triệu tập hợp lệ và khi họ vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa trừ trường hợp có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Về tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS:

Điều 304 BLTTDS năm 2015 quy định việc tạm ngừng phiên toà phúc thẩm được thực hiện theo Điều 259 BLTTDS năm 2015. Như vậy, căn cứ tạm ngừng, thời hạn tạm ngừng, thủ tục tạm ngừng được thực hiện giống như tạm ngừng phiên toà sơ thẩm. Quy định về tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS đảm bảo việc xét xử phúc thẩm VADS diễn ra công bằng, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khi xuất hiện căn cứ phát sinh trong quá trình xét xử tại phiên toà. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định về tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS cho thấy còn một số tồn tại sau:

+ BLTTDS năm 2015 chưa quy định về thủ tục phiên tòa sau khi có quyết định tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS: phiên toà được tiếp tục thực hiện ở thời điểm tạm ngừng phiên toà hay phiên toà được mở lại từ đầu dẫn tới việc thực hiện trong thực tiễn còn có sự không thống nhất. Có Thẩm phán khai mạc phiên tòa, sau đó thực hiện các thủ tục bắt đầu phiên tòa, rồi tiếp tục tranh tụng từ phần tạm ngừng trước đó, nghị án và tuyên án hoặc có Thẩm phán chỉ tuyên bố “HĐXX tiếp tục phiên tòa tạm ngừng ngày...” và thực hiện tiếp các thủ tục từ thời điểm tạm ngừng phiên tòa.

Về bản chất của tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS là khi phiên toà đang diễn ra (ở phần tranh tụng) xuất hiện những căn cứ do pháp luật quy định dẫn đến phiên toà không thể tiếp tục thì HĐXX phúc thẩm quyết định tạm ngừng phiên toà. Vậy, khi căn cứ tạm ngừng phiên toà chấm dứt thì phiên toà phúc thẩm VADS sẽ được tiếp tục thực hiện từ thời điểm tạm ngừng phiên toà. Trường hợp HĐXX nghị án sau đó tạm ngừng phiên tòa thì khi tiếp tục phiên tòa HĐXX sẽ quay lại phần tranh luận hoặc phân hỏi tại phiên tòa.

+ Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm VADS, HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 và Điều 304 BLTTDS, quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện được thì không thể giải quyết được vụ án. Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở lại phiên tòa và giấy triệu tập nhưng người kháng cáo, đương sự không kháng cáo vắng mặt không có lý do chính đáng thì HĐXX ra quyết định gì?

Quan điểm thứ nhất: Tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ quan trọng mà không thực hiện được thì không thể giải quyết được vụ án. Do đó, đương sự có quyền được tiếp cận và có ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ mới thu thập. Nếu Tòa án tiếp tục xét xử vụ án mà không có mặt người kháng cáo sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, cần phải ra Quyết định hoãn phiên tòa để đảm bảo sự có mặt của đương sự. Trường hợp Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 mà người kháng cáo vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan thì HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 312 BLTTDS¹⁸⁶.

Quan điểm thứ hai: Người kháng cáo có mặt tại phiên tòa lần thứ hai là đảm bảo Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án và ban hành Bản án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án (sơ thẩm, phúc thẩm) Tòa án không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ dẫn đến phải ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung. Như vậy, lý do để tạm ngừng phiên tòa là xuất phát từ cơ quan tiến hành tố tụng chứ không phải do người kháng cáo. Do đó, HĐXX cần phải tiếp tục xét xử và tuyên bản án phúc thẩm thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự¹⁸⁷.

NCS cho rằng, việc tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm VADS là do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến HĐXX phúc thẩm không thể tiến hành xét xử phúc thẩm được. Khi phiên tòa phúc thẩm được mở lại thì về nguyên tắc, tạm dừng ở đâu thì mở lại ở đó nên không thể hoãn phiên tòa phúc thẩm VADS ở thời điểm này được. Nếu đình chỉ xét xử phúc thẩm VADS do người kháng cáo vắng mặt cũng không hợp lý bởi việc quyết định tạm ngừng phiên tòa là do HĐXX. Do đó, NCS đồng ý với quan điểm thứ hai là HĐXX phúc thẩm VADS tiếp tục xét xử và ra bản án phúc thẩm.

¹⁸⁶ Nguyễn Tất Duẩn (2022), *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm dân sự*, <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phiien-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/6/2025

¹⁸⁷ Nguyễn Tất Duẩn (2022), *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm dân sự*, <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phiien-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/6/2025

Về thực tiễn thực hiện, vẫn còn tình trạng hoãn phiên toà phúc thẩm VADS nhiều lần. Tính đến tháng 1/2025, tại TAND cấp cao tại Hà Nội: “việc hoãn phiên tòa đã giảm nhiều nhưng vẫn còn tình trạng hoãn phiên tòa nhiều lần, số lượng vụ việc bị hoãn phiên tòa trong tỷ lệ lên lịch xét xử vẫn cao... Việc hoãn phiên tòa quá nhiều lần sẽ kéo dài thời gian giải quyết, vừa lãng phí, tốn kém kinh phí của Nhà nước khi tổ chức phiên tòa, vừa lãng phí thời gian, công sức của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng cũng như của chính bộ máy giúp việc (văn thư, hành chính tư pháp..), đồng thời gây tâm lý bức xúc cho người dân, ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh Tòa án, làm giảm niềm tin vào công lý¹⁸⁸. Hoặc ở Tuyên Quang, vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất được xét xử phúc thẩm tại TAND tỉnh Tuyên Quang đã bị hoãn 12 lần trong vòng một năm với nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vắng mặt của người kháng cáo bởi lý do người sức khỏe người kháng cáo không đảm bảo (phải nhập viện, có cung cấp giấy nhập viện cho Tòa án), dẫn đến HĐXX nhiều lần phải ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại điều 296 BLTTDS năm 2015 gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, bức xúc cho các đương sự khác. Khi phiên tòa được mở lại lần thứ 13 nhưng người kháng cáo vẫn tiếp tục vắng mặt với lý do sức khỏe không đảm bảo và phải nhập viện (có cung cấp giấy nhập viện). TAND tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 5 Điều 308; khoản 2 Điều 312 BLTTDS quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án¹⁸⁹

2.2.2. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện

BLTTDS đã quy định cụ thể, chi tiết về trình tự, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm từ khi bắt đầu phiên tòa đến khi kết thúc phiên tòa. Trong chuyên đề này, NCS chỉ trình bày về những nội dung mà pháp luật TTDS về thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm VADS còn những quan điểm khác nhau hoặc chưa có quy định rõ ràng.

¹⁸⁸ Mai Đình (2025), *Giải pháp khắc phục tình trạng hoãn phiên tòa nhiều lần trong xét xử phúc thẩm*, <https://congly.vn/giai-phap-khac-phuc-tinh-trang-hoan-phiên-toa-nhiều-lần-trong-xét-xử-phúc-thẩm-465876.html>, truy cập ngày 12/8/2025.

¹⁸⁹ Ma Thị Thắm (2025), *Vướng mắc trong áp dụng chế định về hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm đối với trường hợp vắng mặt đương sự tại phiên tòa*, <https://vktuyenquang.gov.vn/pHome/news/Hoat-dong-nghep-vu/Vuong-mac-trong-ap-dung-che-dinh-ve-hoan-phiên-toa-dân-su-phúc-thẩm-doi-voi-truong-hop-vang-mat-duong-su-tai-phiên-toa-2009/>, truy cập ngày 12/8/2025.

**** Thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự***

Theo quy định tại Điều 297 BLTTDS năm 2015 thì thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm được tiến hành tương tự như ở thủ tục sơ thẩm. Đó là, (i) chủ tọa phiên tòa tiến hành khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử; (ii) chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa và kiểm tra căn cước của những có mặt; phổ biến quyền và nghĩa vụ của những người kháng cáo và người tham gia tố tụng khác; giải quyết các vấn đề như về yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; xem xét, quyết định hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt; bảo đảm tính khách quan của người làm chứng.

Tuy nhiên, một trong những điểm mới của BLTTDS năm 2015 so với BLTTDS năm 2011 là phần thủ tục hỏi đương sự về thay đổi, bổ sung, rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị; hỏi về việc các đương sự thỏa thuận với nhau được chuyển từ phần hỏi sang phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Điều này đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, các bên chỉ tranh tụng về nội dung kháng cáo, kháng nghị.

- Về việc hỏi nguyên đơn có rút đơn khởi kiện không?

Rút đơn khởi kiện là một trong các quyền tự định đoạt của đương sự nên đương sự có quyền rút đơn khởi kiện ở các giai đoạn tố tụng. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền bình đẳng của các đương sự tham gia tố tụng cũng như tránh việc rút đơn khởi kiện nhằm gây khó khăn cho Tòa án, những người tham gia tố tụng nên pháp luật TTDS đã có quy định hạn chế việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ở phúc thẩm. Điều 299 BLTTDS năm 2015 quy định: “1. Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì HĐXX phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau: a) Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn; b) Bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật...”.

Về quy định này, còn một số vướng mắc, bất cập sau:

Thứ nhất, về quyết định của HĐXX nếu bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập mà rút yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của mình ở giai đoạn phúc thẩm hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình tại giai đoạn phúc thẩm thì HĐXX phúc thẩm giải quyết như thế nào?

Theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015 thì mới quy định về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn mà chưa có quy định về hậu quả pháp lý khi bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình ở giai đoạn phúc thẩm. Thiết nghĩ, cần bổ sung quy định bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình ở giai đoạn phúc thẩm nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự.

Thứ hai, nguyên đơn rút đơn khởi kiện có cần hỏi ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có hoặc không có yêu cầu độc lập) không khi họ kháng cáo bản án sơ thẩm hoặc một phần bản án sơ thẩm?

Ví dụ: ông A có ba người con là B, C, D. Ông A chết không để lại di chúc. Ông A có mảnh đất diện tích 200 m² (hiện do ông B quản lý). B và C có tranh chấp với nhau về chia di sản thừa kế nên C khởi kiện B ra Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của ông A. Bản án sơ thẩm quyết định: ông B được chia thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng mảnh đất diện tích 200 m². Ông B phải thanh toán bằng tiền giá trị diện tích đất mà ông C, ông D được hưởng tương ứng với tỷ phần thừa kế của mình. Theo đó, ông B thanh toán cho ông C, ông D mỗi người là 500 triệu đồng. Sau đó, ông D kháng cáo đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế bằng hiện vật cho ông D là quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, C rút toàn bộ đơn khởi kiện và được B đồng ý nhưng D không đồng ý rút lại kháng cáo của mình. HĐXX phúc thẩm giải quyết như thế nào? Về vấn đề này cũng có nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

Hướng tiếp cận thứ nhất: HĐXX phúc thẩm áp dụng Điều 299 BLTTDS năm 2015 ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu D có yêu cầu chia di sản thừa kế thì Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết thành VADS độc lập.

Hướng tiếp cận thứ hai: HĐXX phúc thẩm không được huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án mà cần phải tiếp tục xét xử trên cơ sở kháng cáo của D.

Rõ ràng, căn cứ vào Điều 299 BLTTDS năm 2015 thì việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện chỉ cần hỏi ý kiến của bị đơn. Nếu bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, điều này không công bằng cho D là người kháng cáo, khi một trong những nguyên tắc của TTDS là đảm bảo quyền bình đẳng về quyền và nghĩa của các đương sự. Ở đây tôn trọng quyền rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì cũng cần tôn trọng quyền kháng cáo của người kháng cáo bởi họ là người khởi động quá trình xét xử phúc thẩm. Hơn nữa, khi huỷ bản án sơ thẩm thì D phải khởi kiện vụ án khác, điều này làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án cũng như dễ dẫn đến sự lạm quyền rút yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, để tôn trọng quyền tự định đoạt của tất cả các đương sự cũng như bảo đảm nguyên tắc bình đẳng quyền và nghĩa vụ trong TTDS thì việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn không chỉ hỏi ý kiến của bị đơn mà cần hỏi ý kiến của các đương sự khác. Trong trường hợp này nếu bị đơn, người kháng cáo đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và người kháng cáo rút kháng cáo thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện nhưng người kháng cáo không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên kháng cáo thì cần phải xét xử vụ án trên cơ sở kháng cáo đó. Phần bản án sơ thẩm mà đương sự rút yêu cầu và được các đương sự khác (liên quan đến phần bản án sơ thẩm đó) đồng ý thì HĐXX sẽ huỷ phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút nếu phần bản án sơ thẩm đó không liên quan đến giải quyết kháng cáo.

Trong thực tiễn thực hiện thủ tục bắt đầu phiên toà phúc thẩm VADS, khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện và bị đơn đồng ý nhưng người kháng cáo là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo và không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì các Tòa án có cách xử lý khác nhau.

Ví dụ¹⁹⁰: VADS phúc thẩm: “Tranh chấp tài sản liên quan đến cưỡng chế thi hành án theo pháp luật Thi hành án dân sự; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và bị đơn anh Đỗ Văn B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2012/DSST, ngày 12/5/2012 của TAND huyện H, tỉnh BG đã có hiệu lực pháp luật thì ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông A số tiền là 400.000.000 đồng. Ông A có đơn đề nghị thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã ban hành Quyết định thi hành án đối với ông B để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông A theo bản án số 05/2012/DSST, ngày 12/5/2012 của TAND huyện H. Qua xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã xác định được vợ chồng ông B có tài sản duy nhất là 01 thửa đất tại thôn X, huyện H. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông B. Nhưng thửa đất này đã được vợ chồng ông B chuyển nhượng cho ông C ngày 12/5/2014 và ông C đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý tên ông C tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/6/2014. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã ban hành Quyết định cấm ông C chuyển dịch thửa đất trên để đảm bảo thi hành án của ông B đối với ông A.

Ngày 25/02/2022, nguyên đơn là ông A khởi kiện đối với bị đơn là ông B tại TAND huyện H, tỉnh BG đề nghị tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông B và ông C là vô hiệu, để đảm bảo việc thi hành án của ông B với ông A. Ông C được Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST, ngày 25/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh BG đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và xác định Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông B và ông C là vô hiệu.

¹⁹⁰ Phạm Thị Minh Hiền (2023), *HĐXX phúc thẩm không phải hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp người khởi kiện rút đơn khởi kiện*, <https://bacgiang.toaan.gov.vn/webcenter/portal/bacgiang/chitiettin?dDocName=TAND313964>, truy cập ngày 14/6/2024.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông C kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Trước khi xét xử phúc thẩm ông B đã trả hết tiền cho ông A, Chi cục Thi hành án huyện H đã rút hết các quyết định thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/7/2023, nguyên đơn là ông A đã rút đơn khởi kiện, bị đơn là ông B đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông B. Tuy nhiên ông C là người kháng cáo đã không rút đơn kháng cáo và không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông A.

HĐXX phúc thẩm TAND tỉnh BG đã ban hành Quyết định hủy bản án sơ thẩm số 98/2022/DS – ST, ngày 25/9/2022 của TAND huyện H và đình chỉ giải quyết vụ án căn cứ vào khoản 1, Điều 299 BLTTDS năm 2015. Theo quy định này khi nguyên đơn A rút đơn khởi kiện và được bị đơn B đồng ý thì HĐXX phúc thẩm chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. HĐXX ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án mà không phải hỏi ý kiến của ông C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về cách giải quyết của HĐXX phúc thẩm trong vụ án này còn có hướng tiếp cận khác nhau.

Hướng tiếp cận thứ nhất: căn cứ vào khoản 1 Điều 299 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm không phải hỏi ý kiến của ông C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và khi bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm. Mặc dù ông C không rút đơn kháng cáo, nhưng khi ông A rút đơn khởi kiện thì đối tượng khởi kiện không còn. Khi đối tượng khởi kiện không còn thì Tòa án không phải xem xét đến kháng cáo của ông C nữa. Ông C có quyền khởi kiện ông B bằng VADS khác nếu có xảy ra tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Hướng tiếp cận thứ hai: do còn kháng cáo của C nên HĐXX phúc thẩm vẫn phải xem xét phần bản án sơ thẩm mà C kháng cáo. A chỉ được rút yêu cầu đối với những phần không có liên quan đến kháng cáo của C.

Có thể nhận thấy, nếu căn cứ vào khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015 thì HĐXX phúc thẩm TAND tỉnh BG ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án sơ thẩm là đúng. Tuy nhiên, vấn đề cần xem xét ở đây là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo và không rút kháng cáo của mình thì pháp luật không quy định cần phải hỏi ý kiến của C là không đảm bảo quyền bình đẳng giữa các đương sự. Tôn trọng quyền rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì cũng cần tôn trọng quyền kháng cáo của bị đơn. Do đó, việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn cần phải hỏi ý kiến của các đương sự trong vụ án.

Tuy nhiên, vẫn có Toà án khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện mà có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo thì HĐXX phúc thẩm vẫn hỏi ý kiến của người kháng cáo cũng như các đương sự khác. Khi người kháng cáo và các đương sự khác đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì HĐXX phúc thẩm mới ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án sơ thẩm.

Ví dụ¹⁹¹: vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Chu Văn T. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Chu Đình L. Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: ông Ma Ngọc Mạnh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Chu Phong L và bà Nghiêm Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Chu Văn T có đơn xin được rút đơn khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Chu Đình L có đơn xin được rút đơn kháng cáo và nhất trí việc rút đơn khởi kiện của các nguyên đơn. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý, chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Việc rút đơn khởi kiện của các nguyên đơn và việc rút đơn kháng cáo của các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như việc các

¹⁹¹ Thanh Huyền, *Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm VADS, các đương sự xin rút đơn, HĐXX đã ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*, <https://laichau.toaan.gov.vn/webcenter/portal/laichau/chitiettin?dDocName=TAND309968>, truy cập ngày 15/8/2024.

bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý, chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 và Điều 311 của BLTTDS, HĐXX Quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DSST, ngày 17/10/2022 của TAND thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu và đình chỉ giải quyết VADS phúc thẩm thụ lý số 04/2022/TLPT-DS ngày 24/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, Quyết định đình chỉ có hiệu lực kể từ ngày 16/8/2023.

NCS cho rằng, cách xử lý của HĐXX phúc thẩm trong trường hợp này là hợp lý khi hỏi ý kiến của tất cả các đương sự khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Điều này là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các đương sự, đảm bảo quyền bình đẳng của các đương sự, thực hiện đúng nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong TTDS cũng như trong pháp luật dân sự. Do đó, Điều 299 BLTTDS năm 2015 cần có những sửa đổi, bổ sung để đảm bảo sự thống nhất khi áp dụng pháp luật của các Tòa án.

Thứ ba, các đương sự có được rút yêu cầu đối với phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật không?

Ví dụ: Anh A khởi kiện B yêu cầu ly hôn, giải quyết tài sản chung giữa A và B (A và B có khoản tiền chung là 1 tỷ). C có yêu cầu anh A và chị B trả nợ 300 triệu đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận cho A và B được ly hôn, buộc A và B trả nợ cho C 200 triệu đồng, A và B mỗi người được 400 triệu. Sau đó, B kháng cáo phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung giữa A và B, cho rằng công sức đóng góp tạo ra tài sản chung chủ yếu là của anh, nên anh không đồng ý với phần bản án sơ thẩm chia cho anh A và chị B mỗi người 400 triệu. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A rút toàn bộ đơn khởi kiện và được B đồng ý. HĐXX phúc thẩm giải quyết như thế nào? Về vấn đề này cũng có nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

Hướng tiếp cận thứ nhất: HĐXX phúc thẩm áp dụng Điều 299 BLTTDS năm 2015 ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu C có yêu cầu buộc A, B trả khoản nợ 300 triệu đồng thì Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết thành VADS độc lập.

Hướng tiếp cận thứ hai: HĐXX phúc thẩm không thể ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Bởi vì, A chỉ có thể rút yêu cầu đối với những phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Còn phần bản án sơ thẩm buộc A và B trả nợ cho C 200 triệu đồng đã có hiệu lực pháp luật (do không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm) thì HĐXX phúc thẩm không thể hủy và đình chỉ.

Rõ ràng, với quy định như hiện tại Điều 299 BLTTDS năm 2015 đã quá đề cao quyền tự định đoạt của nguyên đơn, cho phép nguyên đơn rút đơn khởi kiện cả đối với phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Điều này là chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của C. Bởi vì, bản án sơ thẩm đã quyết định về quyền lợi của C, đồng thời không có kháng cáo, kháng nghị đối với phần bản án sơ thẩm này. Do đó, phán quyết về quyền lợi của C có hiệu lực pháp luật nên việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn cho dù được bị đơn đồng ý thì không thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của C. Hay nói cách khác, việc rút yêu cầu của các đương sự khi được các đương sự khác đồng ý chỉ đối với những phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Đối với phần bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật thì nên để các bên có thể tiếp tục thực hiện quyền tự định đoạt của mình ở giai đoạn thi hành án.

- Về việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm

Khoản 2 Điều 284 BLTTDS năm 2015 quy định: Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, VKS đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị, nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết.

Quy định này nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự cũng như tôn trọng quan điểm của VKS và của người ký kháng nghị trong trường hợp họ muốn thay đổi, bổ sung kháng nghị. Đồng thời tạo điều kiện để các đương sự chuẩn bị tổ chức việc biện hộ sau khi đã biết rõ thực trạng những nội dung kháng cáo, kháng nghị, qua đó có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình¹⁹². Tuy nhiên, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm không được vượt quá phạm vi

¹⁹² Bùi Thị Huyền (Chủ biên) (2015), *Bình luận BLTTDS năm 2015*, Nxb Lao động, Hà Nội.

kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết được hiểu như thế nào, cho đến nay vẫn còn nhiều quan điểm trái chiều.

Trước đây, theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP¹⁹³ được phân biệt làm 02 trường hợp như sau:

- Trường hợp vẫn còn thời hạn kháng cáo, kháng nghị thì người kháng cáo, VKS đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo, kháng nghị đối với phần bản án hoặc toàn bộ bản án mà mình có quyền kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị thì trước khi bắt đầu phiên toà hoặc tại phiên toà phúc thẩm người kháng cáo, VKS đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu.

Như vậy, người kháng cáo, VKS kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, quy định không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu còn có nhiều cách hiểu khác nhau.

Cách hiểu thứ nhất, không vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu là không dẫn đến việc Tòa án cấp phúc thẩm phải hoãn phiên tòa. Hay nói cách khác là không vượt quá phạm vi các quan hệ pháp luật đã được giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm hay không vượt quá phạm vi giá trị các yêu cầu cụ thể được nêu trong kháng cáo, kháng nghị¹⁹⁴.

Cách hiểu thứ hai, không được vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu là không đưa thêm yêu cầu, đồng thời, không làm tăng thêm giá trị yêu cầu¹⁹⁵.

Ví dụ: A khởi kiện B yêu cầu B bồi thường thiệt hại do B có hành vi xâm hại tài sản và bôi nhọ A trên mạng xã hội facebook, giá trị A kiện đòi B là 50 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của A buộc B phải bồi

¹⁹³ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS.

¹⁹⁴ VKSNDTC, *Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm VADS*, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/thay-doi-bo-sung-rut-khang-nghi-theo-thu-tuc-phuc--d10-t802.html?Page=8#new-related>, truy cập ngày 20/6/2024.

¹⁹⁵ VKSNDTC, *Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm VADS*, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/thay-doi-bo-sung-rut-khang-nghi-theo-thu-tuc-phuc--d10-t802.html?Page=8#new-related>, truy cập ngày 20/6/2024.

thường 15 triệu đồng. VKS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm và cho rằng quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc B phải bồi thường cho A 15 triệu đồng là quá thấp so với thiệt hại xảy ra. Với các chứng cứ mà A xuất trình ở Tòa án cấp sơ thẩm, VKS kháng nghị yêu cầu mức bồi thường thiệt hại cả về tài sản và danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm phải là 30 triệu đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, VKS yêu cầu tăng mức bồi thường cho A lên 40 triệu đồng (do A xuất trình thêm các chứng cứ để chứng minh tổng giá trị thiệt hại của mình là 40 triệu đồng). Với cách hiểu này, thì yêu cầu của VKS về việc tăng mức bồi thường cho A thêm 10 triệu đồng nữa sẽ không được chấp nhận.

Tuy nhiên, cách hiểu này sẽ mâu thuẫn với quy định tại khoản 3 Điều 302 BLTTDS năm 2015, đó là: “Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên có quyền xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ”. Việc xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ này của kiểm sát viên có thể làm tăng giá trị yêu cầu hoặc giảm nghĩa vụ phải thực hiện của các đương sự. Và trong trường hợp này, thì yêu cầu của VKS về việc tăng mức bồi thường cho A thêm 10 triệu đồng nữa phải được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm có sửa án theo hướng tăng mức bồi thường cho A hay không còn phụ thuộc vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như những chứng cứ mà Kiểm sát viên xuất trình.

Thiết nghĩ, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm dân sự phải đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và nguyên tắc tranh tụng. Theo đó, (i) việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị chỉ về những phần của bản án sơ thẩm; (ii) việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phải đảm bảo cho đương sự phía bên kia đủ thời gian để chuẩn bị chứng cứ, căn cứ pháp lý, lý lẽ và lập luận để phản bác lại những nội dung kháng cáo, kháng nghị được bổ sung hoặc thay đổi. Do đó, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật.

- Về việc rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm:

Khoản 3 Điều 284 BLTTDS năm 2015 quy định: “...3. Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền rút kháng cáo,

VKS đã kháng nghị hoặc VKS cấp trên trực tiếp có quyền rút kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo hoặc VKS đã rút kháng nghị. Việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do HĐXX quyết định...”.

Trước đây Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP cũng có hướng dẫn như sau: Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo rút kháng cáo, VKS rút kháng nghị khi có đủ các điều kiện sau đây:

Một là, trong vụ án không còn có kháng cáo của người khác, không có kháng nghị của VKS đối với phần của bản án, quyết định sơ thẩm đó.

Hai là, phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị mà kháng cáo, kháng nghị đó đã được rút độc lập với những phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và việc xét kháng cáo, kháng nghị này không liên quan đến phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị đã được rút.

Tuy nhiên, hướng dẫn nêu trên của Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP cũng như BLTTDS năm 2015 mới chỉ dừng lại ở việc xác định các trường hợp rút kháng cáo, kháng nghị và thẩm quyền của Thẩm phán, HĐXX đối với từng trường hợp. Còn thẩm quyền rút kháng nghị của VKS thuộc về “VKS đã kháng nghị hoặc VKS cấp trên trực tiếp”, trong đó VKS cấp trên trực tiếp chính là VKS cấp phúc thẩm.

- Về việc thoả thuận của đương sự ở phiên tòa phúc thẩm:

Nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm thì cho dù đã có bản án sơ thẩm, các bên đương sự vẫn có quyền thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thoả thuận đó của các đương sự có thể khác một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì vậy, Điều 300 BLTTDS năm 2015 quy định nếu việc thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm xuất phát từ ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thì HĐXX phúc thẩm ra bản án phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thoả thuận của đương sự.

Tuy nhiên, việc thoả thuận của đương sự tại phiên toà phúc thẩm còn một số vướng mắc sau:

Thứ nhất, thoả thuận “*trái pháp luật*” có được hiểu là “*vi phạm điều cấm của luật*” không? Hiện nay cũng có cách hiểu khác nhau.

Cách hiểu thứ nhất: Theo quy định tại Điều 123 BLDS năm 2015 thì điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Do đó, nếu mục đích, nội dung thoả thuận của các đương sự thuộc những trường hợp mà luật cấm không cho các bên đương sự thực hiện thì thoả thuận đó không được Toà án chấp nhận. Còn nếu nội dung thoả thuận của các bên không theo đúng quy định của luật (chưa rơi vào các trường hợp bị luật cấm) thì không bị coi là vi phạm điều cấm của luật.

Cách hiểu thứ hai: khi các bên thoả thuận không đúng theo quy định của luật (trái pháp luật) cũng bị coi là vi phạm điều cấm của luật¹⁹⁶.

Có thể thấy, trước đây, Điều 128 BLDS năm 2005 quy định giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Nhưng Điều 123 BLDS năm 2015 đã thay đổi là giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Rõ ràng khác với BLDS năm 2005, điều cấm làm cho giao dịch vô hiệu không phải là “*điều cấm của pháp luật*” mà là “*điều cấm của luật*”, được hiểu “*là những quy định của luật*”¹⁹⁷ không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”. Việc sửa đổi này là một nội dung mang tính tiến bộ của BLDS năm 2015 với tính chất “*mở*” hơn cho các bên trong việc tự do hợp đồng, tôn trọng thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hạn chế việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu quá nhiều, tùy tiện¹⁹⁸.

¹⁹⁶ Bùi Thị Huyền, Nguyễn Thị Hương (2023), Thực tiễn hoà giải VADS tại TAND – Vướng mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa: “*Hoà giải các tranh chấp dân sự - Thực trạng và giải pháp*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 98.

¹⁹⁷ Theo khoản 2 Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Bộ luật, luật được gọi chung là luật.

¹⁹⁸ Duyên Trần, *Bàn về giá trị pháp lý của hợp đồng có điều khoản thanh toán bằng ngoại tệ*, <https://fdvn.vn/ban-ve-gia-tri-phap-ly-cua-hop-dong-co-dieu-khoan-thanh-toan-bang-ngoai-te/>, truy cập ngày 12/8/2024.

Như vậy, BLDS năm 2015 đã mở rộng phạm vi thoả thuận của các bên theo hướng là thoả thuận của các bên không vi phạm điều cấm của luật, các bên thoả thuận khác với luật nhưng không vi phạm điều cấm của luật thì vẫn được chấp nhận. Khi nội dung thoả thuận của các bên vi phạm điều cấm của luật thì giao dịch dân sự đó vô hiệu.

Hiện nay, có một số văn bản pháp luật quy định rõ thoả thuận không theo đúng quy định của luật là hành vi bị cấm (ví dụ: khoản 7 Điều 11 Luật đất đai năm 2024 quy định rõ việc không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi thực hiện quyền của người sử dụng đất bị coi là hành vi bị cấm trong lĩnh vực đất đai; hoặc khoản 7 Điều 3 Luật nhà ở năm 2023 quy định hành vi bị cấm là thực hiện giao dịch mua bán, thuê mua, thuê, cho thuê lưu trú, tặng cho, đổi, thế chấp, góp vốn, cho mượn, cho ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở không đúng quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bàn giao nhà ở cho người mua, thuê mua nhà ở khi chưa đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật về xây dựng; khoản 1 Điều 8 Luật kinh doanh bất động sản năm 2023 quy định kinh doanh bất động sản không đủ điều kiện theo quy định của Luật này là hành vi bị cấm). Tuy nhiên, có một số văn bản pháp luật không quy định về hành vi bị cấm như Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2022), Luật đầu tư năm 2020... hoặc một số văn bản pháp luật có quy định về hành vi bị cấm nhưng lại không quy định rõ hành vi trái với quy định của luật đó có bị coi hành vi vi phạm điều cấm của luật không như Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2020... ? Do đó, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, từ đó bảo đảm tính hiệu quả trong áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Thứ hai, quy định việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm được công nhận tại Điều 300 BLTTDS năm 2015 khi thoả thuận xuất phát từ ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội là chưa đầy đủ. Bởi vì, việc thoả thuận của các đương sự có thể thoả mãn tất cả các điều kiện trên nhưng các bên lại thoả thuận để nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc nghĩa vụ đối với người thứ ba hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích của các chủ

thể khác thì thoả thuận này không thể được chấp nhận. Do đó, Điều 300 BLTTDS năm 2015 cần bổ sung điều kiện để HĐXX phúc thẩm công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Thứ ba, việc thoả thuận của các đương sự ở phiên toà phúc thẩm có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm không. Vấn đề này cũng có cách hiểu khác nhau:

Cách hiểu thứ nhất: Nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nên ở phiên toà phúc thẩm, các bên hoàn toàn có quyền thoả thuận giải quyết toàn bộ vụ án, kể cả trong trường hợp phần bản án sơ thẩm đó không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Cách hiểu thứ hai: việc thoả thuận của các đương sự ở phúc thẩm bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm, các bên đương sự chỉ có thể thoả thuận về những phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật (tức bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị). Còn những phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật thì các bên có thể thoả thuận ở giai đoạn thi hành án.

Việc thoả thuận của các đương sự ở phiên toà phúc thẩm cần đảm bảo nguyên tắc quyền tự định đoạt và nguyên tắc đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định. Do đó, việc thoả thuận của các đương sự ở phúc thẩm cần bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm. Nếu kháng cáo, kháng nghị về toàn bộ bản án sơ thẩm thì các bên đương sự hoàn toàn có quyền thoả thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nếu kháng cáo, kháng nghị về một phần bản án sơ thẩm thì các bên đương sự có quyền thoả thuận về phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

**** Thủ tục tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự***

Nhằm đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp cũng như thể chế hoá nguyên tắc “*tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*” ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 thì phiên toà phúc thẩm phải đảm bảo là phiên toà tranh tụng, phát huy tối đa quyền tranh tụng của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đề cao vai trò chủ động của đương sự trong tranh tụng ở phiên toà, bảo đảm cho đương sự bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của họ trước Tòa án đồng thời Tòa án

thực hiện đúng chức năng xét xử và là “trọng tài” để phân xử tranh chấp, điều khiển quá trình tranh tụng. Vì vậy, BLTTDS năm 2015 đã thay đổi thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm gồm có: Thủ tục bắt đầu phiên tòa; thủ tục tranh tụng tại phiên tòa; thủ tục nghị án và tuyên án đồng thời xác định rõ nội dung tranh tụng và phương thức tranh tụng để đương sự thực hiện tranh tụng hiệu quả.

- Về nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo quy định tại Điều 301 BLTTDS năm 2015, nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như phiên tòa sơ thẩm. Theo đó, nội dung tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của VADS, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh tụng, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh tụng trình bày hết ý kiến nhưng có quyền yêu cầu họ dừng trình bày những ý kiến không có liên quan đến VADS.

- Về trình bày ý kiến của đương sự và kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về kháng cáo, kháng nghị

Điều 302 BLTTDS năm 2015 quy định thứ tự trình bày của đương sự, VKS về kháng cáo, kháng nghị như sau:

Trường hợp 1: Có một đương sự kháng cáo, thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo. Người kháng cáo bổ sung ý kiến.

Trường hợp 2: Tất cả đương sự kháng cáo, thì việc trình bày theo thứ tự: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo và nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo. Tiếp theo là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn kháng cáo và bị đơn trình bày nội dung kháng cáo sau đó người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày nội dung kháng cáo.

Trường hợp đương sự không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, thì tự đương sự trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo và căn cứ kháng cáo.

Trường hợp 3: chỉ có VKS kháng nghị thì Kiểm sát viên trình bày về nội dung kháng nghị, căn cứ của việc kháng nghị.

Trường hợp 4: vừa có kháng cáo, vừa có kháng nghị thì các đương sự trình bày về nội dung kháng cáo và các căn cứ của việc kháng cáo trước, sau đó Kiểm sát viên trình bày về nội dung kháng nghị và các căn cứ của việc kháng nghị.

Sau khi người kháng cáo, VKS kháng nghị trình bày thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự, kiểm sát viên có quyền xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ (khoản 3 Điều 302 BLTTDS năm 2015). Quy định này nhằm đề cao trách nhiệm chứng minh của đương sự, bảo đảm việc giải quyết VADS có đủ chứng cứ. Tuy nhiên, việc cung cấp tài liệu, chứng cứ mới ở cấp phúc thẩm vẫn còn có những tồn tại, vướng mắc sau:

Thứ nhất, theo quy định tại Điều 287 BLTTDS năm 2015 thì đương sự được quyền bổ sung tài liệu, chứng cứ khi: (i) Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu giao nộp nhưng đương sự không cung cấp, giao nộp được vì có lý do chính đáng; (ii) Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự giao nộp hoặc đương sự không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm.

Hiện nay, TANDTC cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về trường hợp thế nào là “có lý do chính đáng”. Về vấn đề này cũng có nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

Hướng tiếp cận thứ nhất cho rằng, để đảm bảo quyền tranh tụng tuyệt đối của đương sự thì không nên đặt ra các ngoại lệ trong việc cho phép cung cấp tài liệu, chứng cứ quá thời hạn, tất cả tài liệu, chứng cứ cung cấp sau thời hạn thẩm phán ấn định đều không được chấp nhận. *Hướng tiếp cận thứ hai cho rằng*, việc chấp nhận một số ngoại lệ cho phép cung cấp tài liệu, chứng cứ quá thời hạn là phù hợp với thực tiễn đời sống và thực tiễn xét xử ở Việt Nam. Hiện nay, việc tham gia tố tụng

thường do chính bản thân đương sự thực hiện chứ không có sự hỗ trợ bắt buộc của luật sư như ở các nước phát triển, vì vậy nếu áp dụng tuyệt đối như ý kiến thứ nhất sẽ không bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của người dân. Bên cạnh đó, đời sống dân sự luôn diễn ra phức tạp, không thể dự liệu được hết tình huống xảy ra nên sẽ có những trường hợp vì lý do khách quan mà đương sự không thể giao nộp tài liệu, chứng cứ đúng thời hạn. Một số lý do dễ nhận thấy như đương sự bị ốm đau, bệnh tật hoặc đương sự không thể biết về sự tồn tại của tài liệu, chứng cứ. *Hướng tiếp cận thứ ba cho rằng*, toà án chỉ chấp nhận việc giao nộp tài liệu, chứng cứ mà toà án yêu cầu đương sự giao nộp khi có lý do chính đáng và đương sự phải chứng minh được lý do của việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ. Lý do chính đáng là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của BLDS làm cho đương sự không thể giao nộp tài liệu, chứng cứ trong thời hạn quy định¹⁹⁹. NCS đồng quan điểm với hướng tiếp cận thứ ba này.

Thứ hai, đảm bảo tranh tụng đối với chứng cứ mới:

Khi chứng cứ mới được HĐXX chấp nhận thì các bên phải được tranh tụng về chứng cứ mới nên HĐXX có thể tạm ngừng phiên tòa cho các bên tiếp cận chứng cứ và chuẩn bị tranh tụng về chứng cứ đó. Trường hợp việc tiếp cận chứng cứ và tranh tụng về chứng cứ mới có thể thực hiện ngay tại phiên tòa thì không cần tạm ngừng phiên tòa mà HĐXX tiếp tục xét xử vụ án. Trường hợp này chưa được quy định là căn cứ tạm ngừng phiên tòa nên cần sửa đổi, bổ sung Điều 259 BLTTDS cho phù hợp.

- *Về thủ tục hỏi tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về nguyên tắc, thủ tục hỏi và công bố tài liệu, chứng cứ được thực hiện tương tự như ở phiên tòa sơ thẩm. Thủ tục hỏi được thực hiện theo quy định tại Điều 249 BLTTDS, cụ thể:

+ Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

¹⁹⁹ Nguyễn Thị Thu Hà (Chủ biên), (2022), *Cung cấp, thu thập chứng cứ của đương sự trong TTDS Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia sự thật, tr. 103, 104.

- + Những người tham gia tố tụng khác;
- + Chủ tọa phiên tòa, HĐXX;
- + Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Quy định này đặt ra nhằm nâng cao vai trò cũng như sự chủ động, tích cực của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đối với việc xác định sự thật vụ án. Ngoài ra, BLTTDS còn quy định rõ nguyên tắc hỏi tại phiên tòa đảm bảo việc hỏi đúng trọng tâm, trọng điểm vào những nội dung còn chưa rõ, mâu thuẫn nhau. Theo đó, việc đặt câu hỏi phải rõ ràng, nghiêm túc, không trùng lặp, không lợi dụng việc hỏi và trả lời để xâm phạm danh dự, nhân phẩm của những người tham gia tố tụng. Khi nhận thấy các tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác xem họ có yêu cầu hỏi vấn đề gì nữa không để kết thúc phần hỏi tại phiên tòa.

- Về đối đáp, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm

Bản chất của tranh luận là sự đối đáp giữa các bên đương sự về chứng cứ, lý lẽ và quan điểm giải quyết VADS²⁰⁰. Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm đóng vai trò quan trọng việc làm sáng tỏ, xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp Tòa án giải quyết đúng vụ án, bảo đảm cho đương sự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án. Trong thủ tục này, HĐXX phúc thẩm chỉ đóng vai trò người điều khiển quá trình đối đáp giữa các bên đương sự. Trước đây, BLTTDS năm 2004 quy định: tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm (Điều 273). Tuy nhiên, phạm vi phúc thẩm chỉ dựa trên nội dung kháng cáo, kháng nghị nên những người có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị sẽ tiến hành tranh luận để chứng minh kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ và hợp pháp, đồng thời nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự. Do đó, BLTTDS năm 2015 phân định rõ trình tự tranh luận đối với kháng cáo, trình tự tranh luận đối với kháng nghị, cụ thể:

Trình tự tranh luận đối với kháng cáo được thực hiện như sau:

²⁰⁰ Bùi Thị Huyền (2011), *Phiên tòa sơ thẩm dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb chính trị quốc gia, tr. 167.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày. Người kháng cáo có quyền bổ sung ý kiến.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tranh luận, đối đáp. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến.

+ Khi xét thấy cần thiết, HĐXX có thể yêu cầu các đương sự tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trình tự tranh luận đối với kháng nghị được thực hiện như sau:

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự đã nêu.

Bên cạnh đó, trường hợp vắng mặt một trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa phiên tòa phải công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tại phiên tòa tranh luận và đối đáp. Quy định này nhằm đảm bảo mọi chứng cứ, tài liệu phải được tranh luận công khai tại phiên tòa, là cơ sở để HĐXX đưa ra phán quyết.

Phạm vi tranh luận: tại phiên tòa phúc thẩm VADS, phạm vi tranh luận chỉ giới hạn ở những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, nghĩa là những vấn đề có kháng cáo, kháng nghị, hoặc liên quan đến các vấn đề kháng cáo, kháng nghị.

Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 chưa quy định rõ ràng, cụ thể nội dung tranh luận, căn cứ tranh luận. Trong khi đây là vấn đề quan trọng đảm bảo việc tranh tụng công bằng để HĐXX trên cơ sở đó ra bản án phúc thẩm có căn cứ và hợp pháp, đặc biệt là đối với VADS chưa có điều luật áp dụng.

Thực tiễn thực hiện tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm VADS, các Tòa án đã triển khai sâu rộng việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Để thực hiện tốt việc điều hành tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch xét hỏi và tranh luận, đảm bảo cho các bên trình bày hết ý kiến của mình về những vấn đề liên quan tới việc giải quyết vụ án, từ đó các phán quyết của Tòa án

căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án²⁰¹. TAND các cấp đã phối hợp với VKS cùng cấp tổ chức các "Phiên tòa rút kinh nghiệm". Năm 2022, TAND các cấp đã phối hợp với VKS nhân dân tổ chức 4.916 phiên tòa rút kinh nghiệm trong lĩnh vực dân sự, hành chính, qua đó giúp các Thẩm phán tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm, đề cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao chất lượng tổ chức phiên tòa²⁰². Năm 2023, TAND các cấp đã phối hợp với VKS nhân dân tổ chức 3.320 phiên tòa rút kinh nghiệm trong lĩnh vực dân sự, qua đó giúp các Thẩm phán tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm, đề cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao chất lượng tổ chức phiên tòa²⁰³.

Tuy nhiên, hiện nay nhiều đương sự chưa biết hoặc biết nhưng không biết cách thực hiện quyền tranh tụng của mình tại phiên tòa. Nhiều đương sự chưa biết cách đặt câu hỏi, hoặc đặt câu hỏi chưa làm sáng tỏ được những vấn đề còn mâu thuẫn, chưa rõ. Bên cạnh đó còn không ít các thẩm phán còn chưa thực sự điều khiển phiên tòa theo đúng thủ tục tranh tụng. Do đó đa số các phiên tòa diễn ra theo hướng nguyên đơn trình bày theo câu hỏi của Thẩm phán, sau khi hỏi xong nguyên đơn thì bị đơn và những người tham gia tố tụng khác được hỏi. Việc làm rõ nội dung vụ án hoàn toàn phụ thuộc vào sự chủ động của thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Đối với thủ tục tranh luận, phần lớn sau phần hỏi, các đương sự sẽ không thực hiện tranh luận hoặc không biết cách tranh luận. Do đó các quy định tại phiên tòa để nhằm bảo vệ quyền tranh tụng của đương sự chưa được thực thi đúng. Thậm chí các quy định này còn nhiều nơi, nhiều lúc chưa được thực hiện bởi chính đương sự²⁰⁴.

²⁰¹ TANDTC (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2017 của các TAND*, Hà Nội, tr. 7.

²⁰² TANDTC (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Tòa án*, <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tdkt/chitietthongbao?dDocName=TAND284233>, truy cập ngày 12/7/2024

²⁰³ TANDTC (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các TAND*, Hà Nội, tr. 6.

²⁰⁴ Công ty Luật Nam Sơn, *Tranh tụng tại phiên tòa dân sự: 03 bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, <https://luatnamson.com/tranh-tung-tai-phiien-toa-bat-cap-va-kien-nghi/>, truy cập ngày 4/7/2024

²⁰⁴ Nguyễn Duy Tùng (2021), *Sự tham gia của VKS trong TTDS và thực tiễn thực hiện tại TAND cấp cao tại Hà Nội*, Luận văn cao học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 68.

Ngoài ra, về sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong phiên tòa phúc thẩm VADS, theo Báo cáo số 05/BC -BTP ngày 08/01/2021 của Bộ Tư Pháp về kết quả thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 và Đề án phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020 thì chất lượng dịch vụ của luật sư tuy đã có nhiều cải thiện để đáp ứng yêu cầu của thị trường, nhưng vẫn chưa đồng đều, chưa củng cố được niềm tin với người dân, doanh nghiệp và Nhà nước... Chất lượng tham gia tố tụng của luật sư chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp. Vai trò của luật sư tham gia vào các vụ án lớn, vụ án điểm... còn mờ nhạt²⁰⁵

- Về phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

VKS nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. VKS nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Điều 306 BLTTDS 2015 quy định: “Sau khi kết thúc việc tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của VKS về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết VADS ở giai đoạn phúc thẩm. Trong khi Điều 262 BLTTDS quy định: tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Như vậy, BLTTDS quy định có sự khác biệt về nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm so với phiên tòa sơ thẩm VADS; Điều 306 không quy định VKS phát biểu ý kiến về nội dung vụ án là thiếu sót, bởi lẽ:

+ Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị thì VKS phải phát biểu về việc giải quyết vụ án để bảo vệ quan điểm kháng nghị.

+ VKS phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm có ý nghĩa quan trọng như phát biểu về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm.

²⁰⁵ Bộ Tư Pháp (2021), Báo cáo số 05/BC -BTP ngày 08/01/2021 của Bộ Tư Pháp về kết quả thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 và Đề án phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020, Hà Nội, tr. 13, 15.

+ Việc VKS phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 và khoản 4 Điều 58 BLTTDS “Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của VKS về việc giải quyết vụ việc theo quy định của Bộ luật này”.

Thiếu sót tại Điều 306 BLTTDS được khắc phục bằng Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của VKSND tối cao và TANDTC. Theo Thông tư này, tại phiên tòa dân sự phúc thẩm, VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như tại phiên tòa dân sự sơ thẩm. Cụ thể, hướng dẫn tại Điều 30 của Thông tư như sau:

+ Trường hợp chỉ có kháng nghị của Viện trưởng VKS thì tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên trình bày, phát biểu những vấn đề sau đây: (i) Nội dung kháng nghị và căn cứ của việc kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ (nếu có); phân tích để làm rõ quan điểm kháng nghị của VKS đối với bản án, quyết định sơ thẩm; (ii) Trường hợp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự đã nêu; (iii) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; (iv) Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng nghị

+ Trường hợp chỉ có kháng cáo của đương sự thì Kiểm sát viên phát biểu những vấn đề sau đây: (i) Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo; (ii) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; (iii) Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo.

+ Trường hợp vừa có kháng cáo của đương sự, vừa có kháng nghị của Viện trưởng VKS thì Kiểm sát viên trình bày, phát biểu những vấn đề sau đây: (i) Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo; (ii) Nội dung kháng nghị và căn cứ của việc kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ (nếu có); phân tích để làm rõ quan điểm kháng nghị của VKS đối với bản án, quyết định sơ thẩm; (iii) Trường hợp

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự đã nêu; (iv) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; (v) Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị.

Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng, với nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, VKS không nên tác động đến quan điểm của HĐXX. Mặt khác, VKS cũng chỉ nên dừng lại ở việc kiểm tra và giám sát hoạt động tố tụng của Tòa án, tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình mà không nên can thiệp quá sâu vào việc xét xử VADS của Tòa án. *Quan điểm thứ hai cho rằng*, cần nhấn mạnh là VKS phát biểu quan điểm dù tố tụng hay nội dung cũng là làm nhiệm vụ chứ không hề cản trở hay can thiệp quyền định đoạt của đương sự. Tòa lắng nghe ý kiến của KSV và hoàn toàn độc lập đưa ra phán quyết chứ VKS cũng không thể can thiệp²⁰⁶. *Quan điểm thứ ba cho rằng*: nếu để VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án (kể cả trong trường hợp không kháng nghị phúc thẩm) và sau đó, đương sự lại không được tranh tụng với VKS thì không đảm bảo quyền tranh tụng của các đương sự. Ý kiến của VKS liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị là một trong những căn cứ để HĐXX phúc thẩm phán quyết về tố tụng, nội dung vụ án. Điều này ảnh hưởng đến hướng giải quyết của HĐXX phúc thẩm. Cho dù, quyền quyết định cuối cùng thuộc về HĐXX phúc thẩm nhưng ý kiến của VKS về việc giải quyết đối với bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị vẫn có tác động nhất định đến phán quyết của HĐXX phúc thẩm, không đảm bảo nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, các VADS liên quan đến lợi ích công cộng, lợi ích của người chưa thành niên, người bị toà án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi hoặc vụ án quy định tại khoản 2 Điều 4 BLTTDS năm 2015

²⁰⁶ Huỳnh Quang Thuận, *Án dân sự, VKS có nên phát biểu về đường lối giải quyết*, <https://plo.vn/an-dan-su-vks-co-nen-phat-bieu-ve-duong-loi-giai-quyet-post749645.html>, truy cập ngày 3/6/2024.

thì VKS cần phải tham gia phiên toà giải quyết VADS và phát biểu quan điểm về việc giải quyết VADS. Bởi đây là trường hợp các đương sự không có khả năng tự thực hiện quyền hoặc không thể tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước toà án hoặc đó là lợi ích chung của toàn xã hội²⁰⁷.

Mỗi quan điểm trên lại có những lý lẽ riêng, theo NCS: việc VKS phát biểu về nội dung vụ án không can thiệp vào việc xét xử của Tòa án, cũng không làm ảnh hưởng đến việc độc lập xét xử của HĐXX. Phát biểu của VKS đưa ra căn cứ pháp lý, đánh giá sự việc và hướng giải quyết, có ý nghĩa giống như ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, đều là quan điểm để HĐXX xem xét trong quá trình nhận định, ra phán quyết của vụ án. Thực tế, việc quyết định của HĐXX phần lớn giống với đề nghị của VKS chỉ thể hiện HĐXX và VKS có cùng quan điểm trong đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, tương tự với việc quyết định của HĐXX phần lớn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Không ít trường hợp quan điểm đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật của HĐXX khác với VKS thể hiện ở các vụ án HĐXX bác kháng nghị của VKS hoặc quyết định khác với đề nghị của VKS. Có thể khẳng định: việc HĐXX có độc lập trong xét xử hay không là do cách HĐXX thực hiện các quyền trên thực tế, không phải do quy định pháp luật cho VKS phát biểu về việc giải quyết vụ án.

Theo BLTTDS năm 2004, VKS chỉ phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng, không phát biểu về nội dung vụ án. BLTTDS năm 2015 đã thay đổi, quy định VKS phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án nhưng còn thiếu sót như đã phân tích. Tại phiên tòa phúc thẩm VADS, VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đúng với tinh thần của BLTTDS năm 2015 do đó cần sửa đổi Điều 306 BLTTDS cho phù hợp.

Thực tiễn thực hiện về sự tham gia của VKS trong phiên tòa phúc thẩm VADS²⁰⁸, có thể thấy:

²⁰⁷ Nguyễn Thị Thu Hà (2019), *Nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án*, Tạp chí Luật học (số đặc biệt), tr.

²⁰⁸ Nguyễn Duy Tùng (2021), *Sự tham gia của VKS trong TTDS và thực tiễn thực hiện tại TAND cấp cao tại Hà Nội*, Luận văn cao học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 68.

+ Về việc tham gia thủ tục hỏi: Trong quá trình tham gia phiên tòa phúc thẩm các VADS, một số kiểm sát chưa làm tốt công tác hỏi tại phiên tòa, chưa chủ động tham gia hỏi, không hỏi những tình tiết chưa rõ trong hồ sơ, những tình tiết được trình bày tại phiên tòa khác với nội dung hồ sơ, khác với nhận định của VKS trong kháng nghị.

+ Về việc thực hiện tranh luận: khi tranh luận, ở một số vụ án, lập luận KSV đưa ra chưa chặt chẽ, sắc bén, thiếu tính thuyết phục, tranh luận về những nội dung không liên quan đến kháng nghị, bối rối khi gặp tình huống bất ngờ tại phiên tòa.

+ Về việc phát biểu quan điểm tại phiên tòa: vẫn còn một số trường hợp, KSV tham gia phiên tòa chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án chỉ đọc báo cáo đề xuất của cán bộ nghiên cứu, không kiểm tra lại tính chính xác của các đề xuất, tại phiên tòa không lắng nghe, không ghi chép diễn biến, đối với những tình tiết mới phát sinh, không kịp bổ sung vào bài phát biểu dẫn đến bài phát biểu thiếu căn cứ, không thuyết phục, không phù hợp với diễn biến tại phiên tòa.

*** Thủ tục nghị án và tuyên án**

- Thủ tục nghị án:

Theo quy định tại Điều 307 BLTTDS năm 2015 thì việc nghị án và tuyên án ở phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm. Trên cơ sở kết quả của việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa, HĐXX vào phòng nghị án để thảo luận quyết định giải quyết các vấn đề của vụ án.

+ Nguyên tắc nghị án: đảm bảo bí mật, chỉ có các thành viên của HĐXX phúc thẩm mới được vào phòng nghị án. “Đây là biệt lệ của nguyên tắc xét xử công khai, nhằm bảo đảm cho việc nghị án của các thành viên HĐXX được tập trung, tránh chi phối tác động của các cá nhân, tổ chức khác đối với việc ra phán quyết, bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án”²⁰⁹. Khi nghị án, các thẩm phán được ngang quyền và độc lập trong việc thảo luận và biểu quyết về việc giải quyết vụ án. Khi ra phán quyết thì HĐXX tuân theo nguyên tắc đa số. Tuy vậy, trường hợp các thẩm phán biểu quyết không thống nhất, không có đa số thì quyết định của HĐXX sẽ lấy theo ý kiến của ai thì BLTTDS chưa quy định.

²⁰⁹ Bùi Thị Huyền (2011), *Phiên tòa sơ thẩm dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb chính trị quốc gia, tr. 177.

+ Căn cứ và nội dung nghị án:

Khi nghị án, các thành viên HĐXX phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của BLTTDS thì còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng, để giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề.

Biên bản nghị án sẽ ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của HĐXX và phải được các thành viên của HĐXX ký tên tại phòng nghị án trước khi quay lại phòng xét xử và tuyên án.

Khi nghị án mà thấy chứng cứ, tài liệu chưa đầy đủ thì HĐXX vẫn cho dừng việc nghị án và tiến hành xét hỏi lại, đồng thời nếu xét thấy có tình tiết của vụ án cần được xem xét thêm chứng cứ thì HĐXX quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận theo quy định tại Điều 265 BLTTDS năm 2015. Quy định này nhằm mở rộng hơn nữa khả năng tranh tụng tại phiên tòa, thể hiện tư duy mới, tính dân chủ cao, tính thận trọng của việc xét xử, bảo đảm bản án được tuyên một cách khách quan, công bằng và toàn diện²¹⁰.

+ Trình tự nghị án: các thẩm phán với tư cách là thành viên HĐXX phát biểu trước, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án.

- *Thủ tục tuyên án*

Tuyên án là hoạt động mà qua đó Tòa án cấp phúc thẩm công bố quyết định của mình về hướng giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 307 BLTTDS. Thủ tục tuyên án tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 307 BLTTDS 2015. Hết thời gian nghị án, HĐXX trở lại phòng xét xử và tuyên án theo bản án đã được thông qua tại phòng nghị án. Khi tuyên án, mọi người trong phòng xử án đứng dậy. Chủ tọa phiên tòa đọc bản án, phần quyết định của bản án phải được tuyên công khai. Bản án phúc thẩm sẽ có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án. Chủ tọa phiên tòa hoặc khác thành viên khác của HĐXX giải thích thêm về việc thi hành án với các đương sự.

²¹⁰ Học viện Tư pháp (2004), “BLTTDS - Những điểm mới và các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành”, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội, tr. 86.

2.2.3. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm trực tuyến và thực tiễn thực hiện

Xét xử trực tuyến từ lâu đã là một khái niệm không xa lạ đối với nhiều nước trên thế giới. Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến đang là hình thức xét xử được lựa chọn và triển khai ở nhiều quốc gia trên thế giới bởi tính ứng dụng và hiệu quả cao của nó. Bắt kịp xu hướng của thế giới và khu vực, nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ số trong việc hiện đại hóa Tòa án, khi tham gia Hội đồng Chánh án các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Hội đồng Chánh án khu vực Asean, Việt Nam cam kết đến năm 2025 hoàn thành việc xây dựng và tổ chức vận hành Tòa án điện tử. TANDTC đã triển khai nhiều hoạt động trong lộ trình xây dựng Tòa án điện tử, Tòa án số, tiến tới xây dựng Tòa án thông minh. Thêm vào đó, sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến toàn xã hội nói chung và hoạt động xét xử nói riêng; nhiều vụ án bị kéo dài quá thời hạn giải quyết do đương sự ở vùng có dịch nên không thể tham gia trực tiếp phiên tòa. Đây cũng là lý do thúc đẩy cho việc triển khai phiên tòa trực tuyến nhanh hơn. Tại Việt Nam, tuy phương thức tiến hành tố tụng này mới xuất hiện cách đây vài năm, nhưng đã bước đầu chứng minh được tính ứng dụng và hiệu quả của phương thức này.

Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến là xu hướng tất yếu của hoạt động tư pháp; phù hợp với chủ trương của Đảng về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XIII về việc đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử và tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, khẳng định quan điểm của Đảng ta là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; xác định nhiệm vụ, mục tiêu trọng tâm là cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm

chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, trong đó có xây dựng Tòa án điện tử. Bản chất của xây dựng Tòa án điện tử là chuyển đổi số các hoạt động tố tụng của Tòa án, đưa việc thực hiện hoạt động tố tụng trên trang web hoặc các ứng dụng phần mềm, ví dụ: nộp đơn khởi kiện trực tuyến (dịch vụ công), hệ thống quản lý án, hệ thống quản lý văn bản điều hành là thể hiện của thủ tục tố tụng được số hóa. Xét xử trực tuyến cũng là một nội dung của việc xây dựng Tòa án điện tử.

Cơ sở pháp lý của xét xử trực tuyến là Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến và Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP ngày 15/12/2021 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến (Nghị quyết số 33/2021/QH15). Trong đó quy định:

Phiên tòa trực tuyến (xét xử bằng hình thức trực tuyến) là phiên tòa được tổ chức tại phòng xử án, có sử dụng các thiết bị điện tử kết nối với nhau thông qua môi trường mạng, cho phép bị cáo, bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa tại địa điểm ngoài phòng xử án do Tòa án quyết định nhưng vẫn bảo đảm trực tiếp theo dõi đầy đủ hình ảnh, âm thanh và tham gia các trình tự, thủ tục tố tụng của phiên tòa bằng lời nói, hành vi tố tụng liên tục, công khai, vào cùng một thời điểm²¹¹.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15 thì VADS phúc thẩm được tổ chức xét xử trực tuyến phải đảm bảo tính tiết, tính chất đơn giản, tài liệu chứng cứ rõ ràng trừ VADS liên quan đến bí mật nhà nước²¹².

Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến phải tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; bảo đảm sự tôn nghiêm của phiên tòa²¹³. Phiên tòa trực tuyến chỉ được kết nối tối đa không quá 3 điểm cầu thành phần và phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: Đối với phiên tòa dân sự, hành chính phải bảo đảm không gian tại điểm cầu lịch sự, nghiêm túc, yên tĩnh; ánh sáng phù hợp không gian, tránh ngược sáng, màu sắc phản cảm;

²¹¹ Theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15.

²¹² Theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15.

²¹³ Theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15.

bảo đảm hình ảnh, không gian xung quanh người tham gia được hiển thị đầy đủ trên màn hình trình chiếu; các thiết bị điện tử phù hợp bảo đảm việc truyền âm thanh và hình ảnh tại phiên tòa được thực hiện rõ nét, không gián đoạn²¹⁴.

Bên cạnh đó, Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP còn quy định trách nhiệm của VKS, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước trong việc tổ chức phiên tòa dân sự trực tuyến; yêu cầu về phối hợp chuẩn bị phiên tòa trực tuyến; quy định về xử lý tình huống xảy ra tại phiên tòa như: trường hợp trước khi diễn ra phiên tòa hoặc trong quá trình diễn ra phiên tòa trực tuyến mà hệ thống trực tuyến bị gián đoạn do lỗi kết nối đường truyền, mất điện hoặc sự cố khác làm phiên tòa không thể tiếp tục được thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa.²¹⁵

Trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa dân sự phúc thẩm trực tuyến thực hiện như phiên tòa thông thường theo quy định của BLTTDS. Tuy nhiên, phiên tòa dân sự phúc thẩm trực tuyến còn phải đáp ứng các yêu cầu đặc thù sau:²¹⁶

Thứ nhất, về kiểm tra căn cước và sự có mặt tại điểm cầu thành phần, Tòa án kiểm tra căn cước của người tham gia phiên tòa bằng cách so sánh giấy tờ tùy thân trực tuyến.

Thứ hai, về khai mạc phiên tòa trực tuyến, thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần phổ biến rằng xét xử trực tuyến vẫn đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng và quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia, tuân thủ quy định pháp luật.

Thứ ba, về tiếp nhận tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa trực tuyến: Đối với các VADS: Người tham gia tố tụng tự sao chụp tài liệu, chứng cứ dưới dạng điện tử và gửi đến HĐXX theo quy định tại Điều 96 BLTTDS.

Thứ tư, phiên tòa trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình có âm thanh dưới dạng dữ liệu điện tử để làm bằng chứng.

²¹⁴ Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP ngày 15/12/2021 của TANDTC, VKS nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến.

²¹⁵ Theo Điều 6, Điều 8, Điều 12, Điều 14 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP.

²¹⁶ Theo Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP.

Thứ năm, biên bản phiên tòa trực tuyến phải tuân thủ biểu mẫu pháp luật, ghi rõ các điểm cầu và thông tin họ tên Kiểm sát viên, công chức Tòa án, hoặc cán bộ tại điểm cầu thành phần. Nếu có yêu cầu xem biên bản, Thư ký phiên tòa sẽ trình chiếu và thực hiện các thủ tục liên quan.

Thứ sáu, bản án và quyết định phải tuân thủ biểu mẫu pháp luật. Phần mở đầu cần ghi rõ các điểm cầu, họ tên Kiểm sát viên, công chức Tòa án, và cán bộ, chiến sĩ tham gia tại từng điểm cầu.

Tuy nhiên, các quy định về phiên tòa trực tuyến vẫn còn một số vướng mắc sau:

- *Về chuẩn bị phiên tòa trực tuyến, yêu cầu khi tham gia phiên tòa, xử lý tình huống:*

Điều 10 đến Điều 14 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP quy định các vấn đề chung như thành phần tham gia, yêu cầu khi tham gia phiên tòa trực tuyến, phối hợp chuẩn bị phiên tòa trực tuyến, trình tự, thủ tục tại phiên tòa trực tuyến, xử lý tình huống xảy ra tại phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa dân sự có tính chất riêng biệt hơn so với phiên tòa hình sự hay phiên tòa hành chính, vì trong vụ việc dân sự các đương sự có địa vị pháp lý ngang nhau, quyền định đoạt của đương sự mang tính chất cá nhân tự quyết định cao (khởi kiện, rút đơn khởi kiện, thỏa thuận,...). Vì vậy, nội dung quy định ở Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP bao hàm các quy định chung cho cả ba loại thủ tục tố tụng này là chưa hợp lý²¹⁷.

- *Về phạm vi các vụ án được xét xử trực tuyến,* khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15 quy định việc xét xử trực tuyến được giới hạn trong phạm vi những vụ án có tình tiết, tính chất đơn giản, rõ ràng; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng (trừ các trường hợp theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15). Tuy nhiên, đánh giá tiêu chí này để quyết định mở phiên tòa trực tuyến còn khá lúng túng, vướng mắc do quy định của điều luật còn chưa cụ thể, rõ ràng.

Ngoài ra, Điều 3 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP quy định về xem xét, quyết định mở phiên tòa trực tuyến chia thành hai trường hợp: (i) với vụ án giải quyết theo thủ tục thông thường (khoản 1); (ii) vụ

²¹⁷ Đặng Phước Thông, Nguyễn Việt Anh Lân, Chu Thị Thơm (2025), *Xét xử trực tuyến VADS – Kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam số 04 (188)/ 2025, tr. 21.

án giải quyết theo thủ tục rút gọn (khoản 2), trong đó cũng chỉ ghi nhận, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải đánh giá vụ án có thuộc hay không thuộc trường hợp tổ chức phiên tòa trực tuyến quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 317 BLTTDS năm 2015 về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án dân sự như sau: "*Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ;...*"

Có thể thấy, nội dung khoản 1 Điều 317 BLTTDS năm 2015 nêu trên quy định tương tự về điều kiện mở phiên tòa trực tuyến so với khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15. Tuy nhiên, Điều 3 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP lại ghi nhận cả hai thủ tục tố tụng cho phiên tòa trực tuyến là thủ tục tố tụng thông thường và thủ tục tố tụng rút gọn mà không có hướng dẫn cụ thể tiêu chí đánh giá, xác định vụ án có thuộc hay không thuộc trường hợp được tổ chức phiên tòa trực tuyến quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15 là một vướng mắc, gây khó khăn cho việc xét xử trực tuyến các vụ án.

- Về bảo mật thông tin trong phiên tòa trực tuyến

Có thể thấy, việc bảo mật các thông tin do các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập được trước và tại phiên tòa là vấn đề cần được quan tâm khi xét xử trực tuyến các vụ án. Thực tế xét xử trực tuyến ở các quốc gia cũng đang đứng trước nguy cơ bị đánh cắp thông tin khi việc tiếp cận các phiên tòa không phải là điều khó khăn khi xét xử trực tuyến.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP quy định: "*Phòng xử án trang bị các thiết bị phục vụ phiên tòa trực tuyến như sau: Hệ thống chiếu sáng; hệ thống đường truyền và thiết bị mạng...*" và khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP quy định: "*Yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, vận hành và quản lý hệ thống tổ chức phiên tòa trực tuyến phải bảo đảm an toàn, an ninh thông*

tin, dữ liệu theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao...” Như vậy, rõ ràng quy định này còn khá chung chung, chưa bảo đảm các yêu cầu bảo vệ bí mật thông tin trong xét xử các vụ án.

Theo Quyết định số 50/QĐ-TANDTC ngày 14/3/2022 của Chánh án TANDTC hướng dẫn về trang thiết bị, lắp đặt thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến cho phòng xử án của TAND các cấp. Hướng dẫn có phụ lục rõ ràng về tiêu chuẩn thông số kỹ thuật, số lượng trang thiết bị cho một phòng xử trực tuyến; chi tiết kỹ thuật, số lượng thiết bị hệ thống âm thanh, hình ảnh, máy chiếu vật thể để trình chiếu tài liệu, chứng cứ; máy tính điều khiển; thiết bị định tuyến, chia tín hiệu... Tuy nhiên, Quyết định này cũng chưa có nội dung hướng dẫn về hệ thống đường truyền khi xét xử trực tuyến để bảo mật thông tin, tránh hacker đột nhập, lấy cắp thông tin nhằm gây cản trở, gián đoạn quá trình xét xử hoặc lấy cắp thông tin vì mục đích không chính đáng. Đây là một bất cập cần sớm được hoàn thiện.

Về thực tiễn tổ chức phiên tòa trực tuyến, ngay sau khi Nghị quyết số 33/2021/QH15 có hiệu lực, TANDTC đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện việc xét xử trực tuyến²¹⁸; tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai thi hành Nghị quyết với sự tham gia của toàn thể Thẩm phán, Thư ký, Thẩm tra viên TAND các cấp. Để có thể triển khai thực hiện ngay việc xét xử trực tuyến, TANDTC đưa xét xử trực tuyến là một tiêu chí bắt buộc khi bình xét thi đua và yêu cầu đến 30/9/2022, mỗi đơn vị TAND phải xét xử ít nhất 3 phiên tòa trực tuyến²¹⁹. Nhờ đó, ngay trong năm 2022 đã có tổng cộng 622 Tòa án (03 TAND cấp cao; 62 TAND cấp tỉnh và 557 TAND cấp huyện) tổ chức xét xử trực tuyến 3.614 vụ án. Trong năm 2023, TANDTC đẩy mạnh xét xử trực tuyến với mục tiêu tất cả các đơn vị TAND đều tổ chức xét xử trực tuyến ít nhất 01 phiên tòa. Năm 2024 hệ thống TAND đã tổ chức

²¹⁸ Quyết định số 50/QĐ-TANDTC ngày 14/3/2022 ban hành Hướng dẫn về trang bị, lắp đặt thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến cho phòng xử án của Tòa án các cấp kèm theo; Công văn số 53/TANDTC-TH ngày 17/3/2022 đề đơn đốc triển khai, tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến; Công văn số 83/TANDTC-TH ngày 22/4/2022 về việc bảo đảm điều kiện kỹ thuật phục vụ tổ chức phiên tòa trực tuyến đề nghị Lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo triển khai điểm cầu thành phần tại các cơ sở giam giữ trong toàn ngành Công an...

²¹⁹ Theo Công văn số 58/TANDTC-TĐKT ngày 10/8/2022 về tổ chức phiên tòa trực tuyến.

thành công hơn 9.300 phiên tòa trực tuyến²²⁰ (tăng gần 10% so với năm 2023). Năm 2025, TAND cả nước đã xét xử 16.383 phiên tòa trực tuyến²²¹, tăng 75% so với năm 2024). Việc tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến đánh dấu bước đột phá trong cải cách tư pháp của hệ thống Tòa án, đã giúp hạn chế tập trung đông người tại một phòng xử án, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đồng thời, giúp người dân dễ dàng tiếp cận công lý và đảm bảo các hoạt động xét xử được tổ chức đúng thời hạn luật định, giảm thiểu chi phí và thời gian đến phiên tòa. Việc xét xử trực tuyến các VADS đã giúp tháo gỡ khó khăn và đẩy nhanh tiến độ giải quyết rất nhiều vụ án, tạo điều kiện cho đương sự, luật sư, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa tại nhiều địa điểm với sự hỗ trợ của các điểm cầu; tiết kiệm được rất nhiều chi phí cho đương sự khi phải trực tiếp đến Tòa án tham dự phiên tòa.

Tuy nhiên, việc tổ chức phiên tòa trực tuyến gặp phải một số khó khăn sau:

- Việc bố trí kinh phí đầu tư để bảo đảm điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho việc tổ chức phiên tòa trực tuyến còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhất là kinh phí đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống đường truyền, hệ thống thiết bị ghi hình có âm thanh²²².

- Đảm bảo chứng cứ trong phiên tòa trực tuyến. Một trong những vấn đề quan trọng khi tổ chức phiên tòa trực tuyến là đảm bảo chứng cứ rõ ràng trong suốt quá trình xét xử. Chứng cứ trong các vụ án cần phải được trình bày một cách minh bạch, dễ hiểu và không bị gián đoạn trong quá trình truyền tải trực tuyến. Điều này đòi hỏi các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Tòa án phải có khả năng **truyền** tải hình ảnh, âm thanh một cách mượt mà, không có sự cố kỹ thuật, đồng thời đảm bảo rằng mọi chứng cứ và tài liệu liên quan đều được lưu trữ, bảo vệ và quản lý theo đúng quy định pháp luật.

²²⁰ TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025 của các Tòa án*, Hà Nội, tr. 16, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

²²¹ TANDTC (2025), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2025 của TANDTC tại Hội nghị triển khai công tác Tòa án năm 2026* ngày 24/11/2025.

²²² TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án*, Hà Nội, tr. 15, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND319504>, truy cập ngày 31/12/2025

- Mặc dù Quốc hội đã phê duyệt và TANDTC đã đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho công tác xét xử trực tuyến nhưng chỉ đáp ứng một phần của nhu cầu thực tế; hệ thống đường truyền, trang thiết bị theo từng năm sẽ bị tụt hậu so với kỷ nguyên số, chuyển đổi số và phát triển kinh tế, xã hội nên dẫn đến một số Tòa án còn gặp khó khăn do thiếu trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cho việc xét xử trực tuyến, phải tận dụng các thiết bị sẵn có hoặc thuê mượn, gây ảnh hưởng đến chất lượng phiên tòa.

-Số lượng cán bộ cử nhân tin học, kỹ sư tin học tại các Tòa án nhất là TAND khu vực hiện đa số chưa có biên chế nên phải tận dụng các thư ký, cán bộ văn phòng, hoặc phải thuê mượn từ bên ngoài... để thực hiện việc kết nối cũng như xử lý kỹ thuật trong quá trình xét xử. Thiếu tính chuyên nghiệp nên cũng phần nào ảnh hưởng công tác xét xử trực tuyến, tính bảo mật thông tin.

2.3. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện

Theo quy định tại Điều 308 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm có các quyền sau: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; Huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án; Huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ xét xử phúc thẩm; tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Trong phạm vi luận án, NCS phân tích những vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật TTDS cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

2.3.1. Quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm

Hiện nay, BLTTDS năm 2015 chỉ quy định về quyền giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm mà chưa có hướng dẫn cụ thể về căn cứ giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm dẫn đến HĐXX phúc thẩm không thống nhất trong việc ra bản án phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Theo Điều 274 BLTTDS năm 2015, Toà án cấp sơ thẩm sẽ kiểm tra việc kháng cáo, kháng nghị và chỉ gửi hồ sơ vụ án lên Toà án cấp phúc thẩm khi kháng cáo, kháng nghị hợp lệ. Kháng cáo, kháng nghị hợp lệ khi kháng cáo, kháng nghị đáp

ứng đầy đủ các điều kiện như chủ thể kháng cáo, kháng nghị; thời hạn kháng cáo, kháng nghị, hình thức kháng cáo, kháng nghị; phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Do đó, HĐXX phúc thẩm khi đánh giá các chứng cứ, tài liệu của vụ án và căn cứ vào quy định của pháp luật nhận thấy bản án sơ thẩm có căn cứ và hợp pháp, còn kháng cáo, kháng nghị là không có căn cứ thì HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Còn nếu trong quá trình Toà án cấp phúc thẩm nghiên cứu hồ sơ vụ án mà phát hiện kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì Toà án cấp phúc thẩm cần ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật vì khi kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ tức là không có kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, vấn đề này TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể để các Toà án thống nhất áp dụng pháp luật.

2.3.2. Quyền sửa bản án sơ thẩm

Điều 309 BLTTDS năm 2015 quy định: HĐXX phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm nếu Toà án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong các trường hợp sau đây:

- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS;
- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ.

Ngoài ra, HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm khi có căn cứ tại khoản 1 Điều 300 BLTTDS năm 2015. Đó là, nếu tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không trái luật và đạo đức xã hội thì HĐXX phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tuy nhiên, về quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm còn một số vướng mắc sau:

Thứ nhất, hiểu như thế nào về căn cứ ở khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015: “Toà án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật khi việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS”?

Ý kiến thứ nhất cho rằng: tài liệu, chứng cứ đã được Toà án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ, việc đánh giá chứng cứ cũng chính xác nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót trong việc áp dụng các quy định của pháp luật nội dung để giải quyết vụ án, như: Không áp dụng điều luật trong trường hợp cần áp dụng; áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực pháp luật hoặc áp dụng không đúng các điều luật, không đúng nội dung quy định của điều luật. Việc có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung dẫn đến phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về yêu cầu của người khởi kiện cũng không đúng. Do vậy, trong trường hợp này, HĐXX phúc thẩm sẽ được quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến thứ hai cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng để giải quyết nhưng chưa sai sót về pháp luật tố tụng chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự như trình bày bản án không đúng, sai thể thức, sai sót về kỹ thuật (sai chữ viết, lỗi chính tả, diễn đạt phán quyết) hoặc sai sót trong phần nhận định của bản án.... Do đó, trong trường hợp này, HĐXX phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm cho đúng về thủ tục tố tụng.

Theo quan điểm của NCS thì việc Toà án cấp sơ thẩm quyết định không đúng về pháp luật và HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm khi có một trong hai trường hợp:

+ Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS, tức là Toà án không có sai sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ mà Toà án cấp sơ thẩm chỉ có sai sót trong việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án.

+ Toà án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng nhưng sai sót này chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hay nói cách khác là sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng chưa dẫn đến phải huỷ bản án sơ thẩm, huỷ một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Thứ hai, hiểu như thế nào về căn cứ ở khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015: “Toà án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật khi việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên toà phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ”?

Về nguyên tắc, khi Toà án giải quyết vụ án sẽ dựa vào chứng cứ, căn cứ pháp lý để ra phán quyết về việc giải quyết vụ án. Do đó, sai sót trong việc áp dụng pháp luật có thể thuộc một trong hai trường hợp sau:

- Các chứng cứ, tài liệu đầy đủ, Toà án cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ hoàn toàn chính xác nhưng khi áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án thì Toà án cấp sơ thẩm lại áp dụng không đúng.

- Toà án cấp sơ thẩm tiến hành hoạt động chứng minh chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến xác định không chính xác sự thật khách quan của vụ án, nhưng với những chứng cứ cũ và chứng cứ mới được bổ sung tại cấp phúc thẩm thì sự thật của vụ án đã được làm sáng tỏ và đương nhiên việc áp dụng pháp luật nội dung ở Toà án cấp sơ thẩm cũng trở thành không chính xác.

Như vậy, trường hợp thứ nhất thuộc khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015 rồi nên khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 chính là sai lầm trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Việc sai lầm trong xác định sự thật khách quan sẽ kéo theo việc sai lầm trong áp dụng pháp luật nội dung.

Thứ ba, nếu đương sự chỉ kháng cáo về phần nhận định của bản án sơ thẩm (không kháng cáo về phần quyết định của Toà án cấp sơ thẩm) và chỉ đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa phần nhận định trong bản án sơ thẩm. Vậy, trong trường hợp này HĐXX phúc thẩm có sửa bản án sơ thẩm không? (nếu kháng cáo của đương sự là đúng).

Trường hợp này không thể là căn cứ để giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi vì, mặc dù phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm quyết định đúng pháp luật và có căn cứ nhưng rõ ràng trong phần nhận định của bản án sơ thẩm có nội dung không chính xác nên cũng cần phải xem xét. Hơn nữa, HĐXX phúc thẩm càng không có căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại hay huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì đều không có căn cứ.

Theo NCS, trường hợp này sửa bản án sơ thẩm là hợp lý hơn cả. Cụ thể, như phân tích ở phần trên thì đây là trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có sai sót trong phần nhận định (tức là sai sót về thủ tục tố tụng nhưng chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và đương sự hoàn toàn đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm). Do đó, các nội dung khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định, phán quyết của HĐXX sơ thẩm có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật thì HĐXX phúc thẩm chỉ cần sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm.

2.3.3. Quyền huỷ bản án sơ thẩm, huỷ một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Theo quy định tại 310 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm có quyền huỷ bản án sơ thẩm, huỷ một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, việc chứng minh và thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Thứ hai, thành phần của HĐXX sơ thẩm không đúng quy định BLTTDS hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tuy nhiên, về quyền huỷ bản án sơ thẩm, huỷ một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm có vướng mắc như sau: thế nào là vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Trên thực tế các vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng thường được thực hiện dưới dạng Tòa án xét xử sai thẩm quyền; vi phạm các quy định về thủ tục hòa giải; bỏ sót người tham gia tố tụng; xét xử vắng mặt các đương sự không đúng các trường hợp do luật quy định; việc xét xử tại phiên tòa không tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định... Nhưng vi phạm nghiêm trọng nào về thủ tục tố tụng mới ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự thì luật không quy định mà dựa vào ý chí chủ quan

của HĐXX khi đánh giá về vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để các HĐXX phúc thẩm áp dụng pháp luật thống nhất.

2.3.4. Quyền huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

Điều 311 BLTTDS năm 2015 quy định, HĐXX phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 217 BLTTDS năm 2015. Đây là trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không phát hiện ra những căn cứ quy định tại Điều 217 BLTTDS năm 2015 và vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung nhưng Tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án đã phát hiện ra vụ án có một trong các căn cứ này nên phải đình chỉ giải quyết vụ án.

Về quyền huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án của HĐXX phúc thẩm vẫn còn một số vướng mắc sau:

Thứ nhất, nếu những căn cứ ở Điều 217 BLTTDS năm 2015 chỉ đến giai đoạn phúc thẩm mới xuất hiện thì Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định gì? Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hay quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đây là một vấn đề mà BLTTDS quy định chưa đầy đủ. Trong khi đó, nếu những căn cứ ở Điều 217 BLTTDS năm 2015 xuất hiện trong quá trình Tòa án xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì BLTTDS năm 2015 lại có quy định đó là Tòa án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm ra quyết định huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án (Điều 346 và 356 BLTTDS). Do đó, BLTTDS năm 2015 cần bổ sung trường hợp này.

Thứ hai, nếu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định gì. Vấn đề này cũng có quan điểm khác nhau và trên thực tế, HĐXX phúc thẩm ra quyết định khác nhau (sẽ được phân tích ở phần sau).

Có ý kiến cho rằng, căn cứ theo Điều 309 BLTTDS năm 2015, “HĐXX phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm nếu Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong các trường hợp sau đây: 1. Việc thu thập chứng cứ và chứng minh đã được thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ

luật này; 2. Việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ. Trong trường hợp này, Tòa án chỉ có sai sót trong việc đưa ra phán quyết vì tuyên xử một nội dung không được các đương sự yêu cầu, chưa được thụ lý theo đúng trình tự, thủ tục chung. Do đó, nếu các nội dung khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định, HĐXX phúc thẩm chỉ cần sửa bản án sơ thẩm, loại bỏ nội dung tuyên xử vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự thì đã bảo đảm đúng quy định của pháp luật TTDS, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự²²³.

Hiện tại, trên cơ sở các quy định về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm tại Điều 308 BLTTDS năm 2015 thì sửa bản án sơ thẩm theo hướng loại bỏ nội dung tuyên xét xử vượt quá yêu cầu của đương sự là chấp nhận được cho dù hơi khiên cưỡng. Tuy nhiên, theo quan điểm của NCS Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết một vấn đề mà đương sự không yêu cầu nên phần giải quyết đó của Tòa án cấp sơ thẩm phải bị huỷ do vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự và việc giải quyết đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đồng thời, HĐXX phúc thẩm phải đình chỉ giải quyết phần vụ án đó vì Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phần vụ án mà không có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, quyền hạn này của phúc thẩm lại chưa được quy định trong BLTTDS năm 2015. Do đó, cần bổ sung quy định HĐXX phúc thẩm có quyền huỷ một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án nếu phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

2.3.5. Quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Theo quy định tại Điều 312 BLTTDS năm 2015 thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 289 BLTTDS năm 2015

²²³ Nguyễn Hoàng Nam, 2024, *Bàn về hướng giải quyết của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự*, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-huong-giai-quyet-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-ban-an-so-tham-giai-quyet-vuot-qua-yeu-cau-cua-duong-su>, truy cập ngày 13/11/2024.

- Người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS, trừ trường hợp vụ án có người khác kháng cáo, VKS kháng nghị.

Tuy nhiên, BLTTDS chưa quy định trường hợp HĐXX phúc thẩm phát hiện kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì ra quyết định gì. Trong trường hợp này được hiểu là khi kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ tức là không có kháng cáo, kháng nghị và HĐXX phúc thẩm sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, BLTTDS cần bổ sung quy định về vấn đề này.

Về thực tiễn hiện quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS, trên cơ sở các quy định của BLTTDS năm 2015 HĐXX phúc thẩm đã giải quyết lại VADS theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, thực hiện đúng thẩm quyền của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện ra những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên đã nhanh chóng khắc phục sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo vệ được quyền và lợi ích của các đương sự. HĐXX phúc thẩm VADS đã phát hiện ra nhiều sai sót, vi phạm pháp luật trong bản án sơ thẩm. Những sai sót chủ yếu của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến bản án sơ thẩm bị HĐXX phúc thẩm hủy hoặc sửa: (i) Xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp dẫn đến việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án không chính xác; (ii) Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai người tham gia tố tụng hoặc bỏ sót người tham gia tố tụng, xác định sai thời hiệu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng... (iii) Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự hoặc giải quyết không triệt để (iv) Tòa án cấp sơ thẩm xây dựng hồ sơ vụ án không đầy đủ, đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện dẫn đến quyết định giải quyết vụ án không đúng; sử dụng những tài liệu là bản dịch, bản photo làm chứng cứ khi những tài liệu đó không được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật, quyết định của HĐXX không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; (v) xét xử vắng mặt đương sự khi việc triệu tập đương sự chưa hợp lệ; (vi) Tòa án cấp sơ thẩm xác định án phí không đúng...

Có thể minh chứng qua các vụ án: tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và bà A với bà H của TAND quận T, thành phố D²²⁴; tranh chấp về quyền sử dụng đất

²²⁴Bùi Thị Hiền (2022), *Một số vấn đề cần rút kinh nghiệm thông qua vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất bị cấp phúc thẩm tuyên hủy để giải quyết lại*, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/mot-so-van-de-can-rut-kinh-nghiem-thong-qua-vu-an--d10-t10097.html>, truy cập ngày 1/10/2024.

và tài sản trên đất giữa nguyên đơn là Ông L và bị đơn là ông A, ông Th, bà B của TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông²²⁵; tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần đầu tư thương mại và du lịch P và bị đơn là bà Đinh Thị T của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên²²⁶.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì HĐXX phúc thẩm cũng còn những hạn chế, vướng mắc nhất định khi giải quyết lại VADS theo thủ tục phúc thẩm, cụ thể:

Thứ nhất, HĐXX phúc thẩm ra các phán quyết khác nhau khi phát hiện Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự. Có thể minh chứng qua 3 vụ án sau đây:

Vụ án thứ nhất: *tranh chấp về huỷ đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở giữa nguyên đơn là ông L và bị đơn là ông A của TAND thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*

Nội dung vụ án²²⁷: Ông L là con của ông Th (đã chết) và bà Đ. Ông L có 02 đời vợ (trong đó có chị Q) và 07 người con (trong đó có anh A). Vào khoảng năm 1985, ông L có mua một lô đất và xây dựng một căn nhà ở, sử dụng ổn định liên tục nhưng ông chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất này. Năm 1987, ông đưa mẹ là bà Đ lên thành phố Kon Tum để chăm sóc. Vì muốn dùng căn nhà làm từ đường, không muốn các con tranh giành nên vào năm 1999, ông đã để mẹ là bà Đ đứng tên thay ông trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2010, bà Đ phát bệnh nặng, không kiểm soát được hành vi của mình. Đến năm 2020, ông L phát hiện, vào năm 2018, bà Đ đã tặng cho quyền sử dụng đất và căn nhà nêu trên cho anh A theo dạng hợp đồng tặng cho. Về hiện trạng tài sản, vào năm 2014, bà Đ có cho anh A, chị Q xây dựng căn nhà khoảng 70m². Toàn bộ tài sản là nhà và đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng Agribank để vay số tiền 200.000.000 đồng. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho cho anh A nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Anh A đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

²²⁵ Bản án phúc thẩm số 43/2021/DS-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 của TAND tỉnh Đắk Nông, <https://fdvn.vn/tong-hop-15-ban-an-toa-an-cap-phuc-tham-tuyen-huy-an-so-tham-do-xuat-hien-tinh-tiet-moi/>, truy cập ngày 4/12/2024.

²²⁶ Bản án phúc thẩm số 01/2020/DS-PT ngày 20/01/2020 của TAND tỉnh Thái Nguyên, <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta580828t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 1/12/2024.

²²⁷ Bản án số 08/2022/DS-PT ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Tại bản án sơ thẩm, TAND thành phố Kon Tum tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; ông L được căn trừ giá trị căn nhà số 02 mà anh A và chị Q đã xây dựng trên đất của bà Đ, trị giá căn nhà là 148.628.000 đồng. Ông L đã trả thay cho anh A, chị Q 120.207.123 đồng nợ Ngân hàng Agribank để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở mà anh A, chị Q đã thế chấp ra, nay, ông L phải trả lại cho anh A, chị Q là 28.420.877 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Q đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại bản án phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm nhận định, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ. Tuy nhiên, trong phán quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, tức là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự, vi phạm khoản 1 Điều 5 BLTTDS năm 2015, do đó, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của chị Q, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Vụ án thứ hai: Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là ông Trịnh Văn N và bị đơn là vợ chồng ông Trịnh Văn D của TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nội dung vụ án²²⁸: Năm 1996, ông Trịnh Văn N nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn T phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã KB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Ngày 25/3/1997, ông N được Ủy ban nhân dân huyện TVT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 14.250m² gồm: Thửa 0499 diện tích 3.888m² đất vườn và thửa 0450 diện tích 10.368m² đất lúa. Năm 1998, ông N cho vợ chồng ông Trịnh Văn D (anh cùng cha, khác mẹ) mượn phần đất thửa số 0499 diện tích 3.888m² để ở. Đến năm 2019, ông N đòi lại đất nhưng vợ, chồng ông D không đồng ý trả. Ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D tháo dỡ di dời nhà và vật kiến trúc có trên đất trả lại phần đất đã mượn nêu trên. Theo bị đơn (ông D) trình bày, phần đất tranh chấp có diện tích 3.888m², tọa lạc tại ấp 4, xã KB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau hiện do ông N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là của cha của

²²⁸ Bản án số 345/2023/DS-PT ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

bị đơn nhận chuyển nhượng của ông T, bà Đ, để ông N đứng tên quyền sử dụng. Năm 1998, cha, mẹ kêu ông về cất nhà ở trên phần đất vườn. Năm 1999, gia đình có hợp và cha, mẹ tuyên bố cho ông D phần đất mặt tiền. Năm 2000, cha ông có lập di chúc cho ông 4.500m² đất vườn, 5.100m² đất lúa. Năm 2004, cha mẹ chuyển nhượng cho ông khoảng 1,5 công (khoảng 1.500m²) đất ruộng với giá 10 chỉ vàng 24k, do bà Phan Thị L là em dâu sống chung với cha mẹ nhận vàng. Hiện tại, đất lúa đã cõ cho bà Phan Cẩm H2 02 công đất ruộng với giá 10 chỉ vàng 24k. Ông D xác định đất tranh chấp có một phần cha mẹ cho và một phần nhận chuyển nhượng từ cha mẹ, không phải mượn của ông N nên không đồng ý di dời nhà, trả đất như yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N; tuyên bố hợp đồng cầm cố đất ngày 14/3/2021 giữa vợ chồng ông Trịnh Văn D với bà Phan Cẩm H2 vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

HĐXX phúc thẩm nhận định, giao dịch cổ đất các bên là có thực tế, được các bên thừa nhận, không yêu cầu tranh chấp. Bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng cầm cố đất vô hiệu là không đúng quy định pháp luật, vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện nên hủy đình chỉ phần quyết định của Bản án sơ thẩm về nội dung tuyên hợp đồng vô hiệu này.

Vụ án thứ ba: Tranh chấp về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ T và bị đơn là ông Huỳnh L - chủ doanh nghiệp tư nhân V của TAND huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng

Nội dung vụ án²²⁹: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/5/2019, anh Nguyễn Quốc T điều khiển xe ô tô biển số 43C-142.XX (của doanh nghiệp tư nhân V) va chạm xe ô tô đầu kéo 92C-117.YY kéo theo Sơ mi Rơ moóc tải biển số 92R-000.ZZ (của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ T) do anh Hồ Tấn P điều khiển, gây tai nạn. Theo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1265/TB-CQCSĐT kết luận: Xe ô tô đầu kéo biển số 92C-117.YY và Sơ mi Rơ moóc tải biển số 92R-000.ZZ của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ T bị hư hỏng nặng. Do

²²⁹ Nguyễn Hoàng Nam, 2024, *Bàn về hướng giải quyết của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự*, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-huong-giai-quyet-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-ban-an-so-tham-giai-quyet-vuot-qua-yeu-cau-cua-duong-su>, truy cập ngày 4/12/2024.

đó, Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Huỳnh L - chủ doanh nghiệp tư nhân V phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ T số tiền thiệt hại là 431.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 03/9/2019 đến ngày 21/9/2022 với lãi suất 10%/năm (1.113 ngày hoặc 03 năm 19 ngày) là 131.499.614 đồng; tổng số tiền bồi thường là 562.699.614 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh L - chủ doanh nghiệp tư nhân V phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ T số tiền 258.720.000 đồng và tuyên Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ T có quyền liên hệ với Công ty B Quảng Nam - Tổng công ty Bảo hiểm B để làm thủ tục bảo hiểm đối xe ô tô biển số 92C-117.YY theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm bị kháng nghị với nội dung “...Cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn”.

Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án nhận định về nội dung liên hệ với phía Công ty Bảo hiểm để làm thủ tục bảo hiểm như sau: “Nguyên đơn Công ty T không có yêu cầu khởi kiện nhưng bản án sơ thẩm nhận định và quyết định Công ty T có quyền liên hệ với Công ty Bảo hiểm B Quảng Nam - Tổng Công ty Bảo hiểm B để làm thủ tục bảo hiểm đối với xe ô tô đầu kéo 92C-117.YY là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS”. Tại phần quyết định, HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và loại bỏ phần phán quyết về nội dung liên hệ với phía Công ty Bảo hiểm để làm thủ tục bảo hiểm như trên²³⁰.

Qua ba bản án phúc thẩm này có thể thấy các HĐXX phúc thẩm giải quyết khác nhau khi phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự. Theo đó, (i) Một số Tòa án hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự; (ii) Một số Tòa án sửa bản án sơ thẩm hướng loại bỏ nội dung giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự; (iii) một số Tòa án hủy một phần bản án sơ thẩm.

Thứ hai, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn có sai sót dẫn đến bản án phúc thẩm bị Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm và tái thẩm hủy hoặc sửa, chủ yếu ở những vấn đề sau:

²³⁰ Bản án số 31/2023/DS-PT ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Một là, HĐXX phúc thẩm nhận định, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu căn cứ dẫn đến ra phán quyết không phù hợp với quy định của pháp luật

Ví dụ: Vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu ” giữa nguyên đơn: Ông Đinh Tấn V và bị đơn Ông Đinh Tấn N xảy ra tại thành phố PR-TC, tỉnh Ninh Thuận.

Nội dung vụ án²³¹: Nguyên đơn ông Đinh Tấn V và bị đơn ông Đinh Tấn N là con đẻ của cụ Đinh C và cụ Nguyễn Thị S. Cụ C và cụ S còn 5 người con khác. Vợ chồng cụ C có 01 thửa đất trồng lúa được UBND thành phố PR-TC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006. Năm 2012, vợ chồng cụ C xây dựng 01 căn nhà trên đất (không được cấp giấy phép xây dựng). Sau khi cụ S chết, cụ C và các con vẫn sống tại căn nhà này. Tháng 5/2021, ông Lê Vĩnh K mua nhà đất từ ông N và yêu cầu cụ C cùng các con dọn khỏi nhà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông N do ngày 07/11/2014 tại Văn phòng công chứng A, cụ C và các ông, bà N, H, H1 đã lập Văn bản phân chia thừa kế của cụ S với nội dung cụ C và các ông, bà N, H, H1 cho toàn bộ diện tích đất 1.205m² và tài sản gắn liền trên đất cho ông N. Ông V không biết việc này và không đồng ý với Văn bản phân chia thừa kế.

Ông V khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế vô hiệu, chia di sản thừa kế của cụ S (là nhà đất đã bán cho ông K).

Ông Lê Vĩnh K có yêu cầu độc lập: yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông N với ông K. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 27/9/2022, TAND tỉnh Ninh Thuận quyết định: hủy văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ S; chia di sản thừa kế của cụ S theo quy định pháp luật; công nhận hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông N với ông K.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 270/2023/DS-PT ngày 15/5/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa bản án sơ thẩm như sau: tuyên bố vô hiệu Văn bản phân chia di sản thừa kế; tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông N với ông K. (...)

²³¹ Quyết định giám đốc thẩm số 32/2024/DS-GĐT ngày ngày 24/6/2024 của TANDTC, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1584527t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 1/12/2024.

Chánh án TANDTC đã kháng nghị hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 270/2023/DS-PT ngày 15/5/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh²³².

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Hội đồng thẩm phán TANDTC nhận định: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N với ông K dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N. Ông K không biết và không buộc phải biết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N có sai sót. Thực tế nhà đất đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng N. Ông K trả tiền cho ông N để tất toán khoản vay, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải chấp và làm thủ tục chuyển nhượng. Theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015, ông K là người thứ ba ngay tình được pháp luật bảo vệ. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông K yêu cầu cụ C, ông V và gia đình ông N dọn nhà đi thì mọi người đều thực hiện. Ông K đã đến sinh sống, xây dựng lại cổng, hàng rào trị giá 72.870.000 đồng. Do đó, cần công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N với ông K. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N với ông K là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N với ông K vô hiệu là không đúng pháp luật. (...) Hội đồng thẩm phán TANDTC quyết định: hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 270/2023/DS-PT ngày 15/5/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai là, Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra các sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến HĐXX phúc thẩm ra phán quyết không có căn cứ và hợp pháp, không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Ví dụ 1: tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung giữa nguyên đơn ông Phạm Hoàng M và bà Tô Minh H.

*Nội dung vụ án*²³³: ông Phạm Hoàng M xin ly hôn với bà Tô Minh H và yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng (con chung đã trưởng thành). Ông M yêu cầu chia đôi khối tài sản chung vợ chồng gồm có: (1) Phần vốn góp 20% vốn điều lệ của Công ty

²³² Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2024/KN-DS ngày 01/4/2024 của Chánh án TAND tối cao.

²³³ Quyết định giám đốc thẩm Số 01/2023/HNGĐ-GĐT ngày 26/6/2023 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1369902t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

cổ phần HV; (2) Căn hộ số 274 S; (3) Diện tích 999,5 m² đất và biệt thự trên đất; (4) Diện tích đất 217,5 m² và biệt thự trên đất; (5) Số tiền 2.050.000.000 đồng bán xe ô tô (bà H là người nhận tiền); (6) Số dư tài khoản là 100.000.000 đồng và 179,60 USD (tương đương 4.144.240 đồng) tại Ngân hàng TCB đứng tên bà H; (7) Số tiền 19.800.000.000 đồng bán nhà tại khu đô thị BAK và số tiền 3.200.000.000 đồng bán căn hộ E709 (do bà H quản lý).

Tại Bản án sơ thẩm số 32/2021/LH-ST ngày 23/3/2021, TAND thành phố Hà Nội quyết định: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M đối với bà H. Xác định vợ chồng ông M và bà H có khối tài sản chung trị giá 113.020.973.552 đồng gồm các tài sản từ (1) đến (6), không bao gồm mục (7). Chia tài sản chung vợ chồng như sau:

- Chia cho ông M được quyền sở hữu các tài sản gồm: (2) Căn hộ số 274 S; (3) Diện tích 999,5 m² đất và biệt thự trên đất; (4) Diện tích đất 217,5 m² và biệt thự trên đất. Tổng trị giá là 34.453.362.210 đồng.

- Chia cho bà H được quyền sở hữu các tài sản gồm: (1) Số tiền bán cổ phiếu đứng tên bà H tại Công ty HV; (5) Số tiền 2.050.000.000 đồng bán xe ô tô (bà H là người nhận tiền); (6) Số dư tài khoản là 100.000.000 đồng và 179,60 USD (tương đương 4.144.240 đồng) tại Ngân hàng TCB đứng tên bà H. Tổng trị giá là 78.567.611.342 đồng.

- Bà H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông M là 22.057.124.566 đồng.

- Đối với yêu cầu về các tài sản chung khác của nguyên đơn và bị đơn do các đương sự không thực hiện các nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Bản án phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021, TAND cấp cao tại Hà Nội quyết định: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông M. Không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên quyết định về tài sản chung của bản án sơ thẩm.

Viện trưởng VKSNDTC kháng nghị giám đốc thẩm đề nghị hủy bản án phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm nêu trên²³⁴.

Khi tiến hành xét xử giám đốc thẩm, Hội đồng thẩm phán TANDTC nhận định: TAND cấp cao tại Hà Nội khi xét xử theo thủ tục phúc thẩm đã không phát hiện ra các sai sót của TAND thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Toà án cấp phúc thẩm không phát hiện được Toà án cấp sơ thẩm triệu tập thiếu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Bà H có lời khai và cung cấp tài liệu chứng minh bà H đã chuyển toàn bộ số tiền chuyển nhượng cổ phần mang tên bà H tại Công ty HV tặng cho 2 con là N và L từ ngày 21/4/2020 (trước khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa sơ thẩm ngày 23/3/2021) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu N và cháu L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS năm 2015.

- Toà án cấp phúc thẩm không phát hiện được Toà án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ: (1) Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mức thu nhập của ông M và bà H nhưng đã cho rằng ông M, bà H có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng, từ đó chia cho ông M, bà H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị khối tài sản chung là thiếu sót. (2) Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng bà H đang giữ khoản tiền gần bằng 3/4 giá trị tài sản chung của vợ chồng nên chia cho ông M 2 biệt thự và 1 căn hộ còn chia cho bà H bằng giá trị là không đảm bảo cuộc sống ổn định của các bên theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình. (3) Bà H cho rằng bà đã chi trả số tiền 2.000.000.000 đồng chi phí thuê dịch vụ tư vấn chuyển nhượng 20% cổ phần mang tên bà tại Công ty HV theo Hợp đồng tư vấn số 01/2020/HĐTV-CN ngày 20/01/2020 nên còn lại số tiền là 74.413.467.072 đồng. Tuy nhiên, khoản tiền này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá có phải là chi phí hợp lý của bà H hay không.

²³⁴ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 12/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Hội đồng thẩm phán TANDTC đã chấp nhận kháng nghị, hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm nói trên.

Ví dụ 2: Vụ án “Tranh chấp lối đi chung” giữa nguyên đơn ông Đỗ Văn Tám và bị đơn ông Nông Văn Bảo tại Quyết định giám đốc thẩm số 79/2022/DS-GĐT ngày 17/9/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội.

Nội dung vụ án²³⁵: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại lối đi chung cho nguyên đơn và 12 hộ gia đình xung quanh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và buộc bị đơn trả lại lối đi chung cho nguyên đơn. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. HĐXX giám đốc thẩm nhận định “các đương sự đề nghị công nhận đây là lối đi chung của gia đình ông Tám và 12 hộ gia đình khác, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại tuyên buộc ông Bảo giao phần đất nêu trên cho ông Tám để làm lối đi chung là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác trong đó có cả ông Bảo”.

Nhận định này dẫn đến một cách tiếp cận là: Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm là xác định sai phạm vi yêu cầu khởi kiện, xác định sai phạm vi xét xử sơ thẩm – là một trong những lý do để HĐXX giám đốc thẩm hủy cả bản phúc thẩm và bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên NCS có cách tiếp cận khác: việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải giao lại phần đất làm lối đi chung cho nguyên đơn thay vì giao lại cho nguyên đơn và 12 hộ gia đình theo yêu cầu khởi kiện không phải là xác định sai phạm vi xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định yêu cầu khởi kiện là mở lại lối đi chung, phạm vi xét xử sơ thẩm là xem xét xem phần diện tích đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả có phải là lối đi chung hay không. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện có căn cứ cho thấy diện tích đất tranh chấp là lối đi chung của các hộ gia đình xung quanh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định sai phạm vi yêu cầu khởi kiện, phạm vi xét xử sơ thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai chủ thể được trả lại lối đi nên cần sửa bản án sơ thẩm. Trong vụ án này, Tòa án cấp phúc thẩm cần tuyên: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn mở lối đi chung có kích thước, vị trí cụ thể.

²³⁵ Theo Quyết định giám đốc thẩm số 79/2022/DS-GĐT ngày 17/9/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội.

Ví dụ 3²³⁶: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do uy tín, danh dự, vật chất bị xâm phạm” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Toan với đồng bị đơn bà Đoàn Thị Phúc, ông Dương Văn Đồng.

Nội dung vụ án: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần và có thỏa thuận ba bên về việc gán ki-ốt để trả nợ như sau: Bà Phúc, ông Đồng dùng Ki-ốt số B2-7 của mình để trả nợ khoản vay 500 triệu đồng của bà Toan bằng cách chuyển nhượng cho bà Hằng, ông Tuấn. Bà Hằng, ông Tuấn nhận Ki-ốt để trừ vào khoản bà Toan nợ 470 triệu đồng. Các bên đã làm thủ tục chuyển nhượng ki-ốt từ bà Phúc, ông Đồng thuê sang bà Hằng, ông Tuấn thuê.

Nguyên đơn (bà Toan) yêu cầu bị đơn (bà Phúc, ông Đồng) trả 2 khoản vay, trong đó có 1 khoản vay 500 triệu đồng theo giấy vay tiền ngày 26/6/2013 âm lịch, có xuất trình bản gốc giấy vay tiền. Bị đơn (bà Phúc, ông Đồng) không chấp nhận yêu cầu này vì cho rằng khoản vay này đã được trừ nợ bằng ki-ốt.

Vợ chồng bà Toan trình bày tiền chuyển nhượng ki-ốt được khấu trừ vào khoản vay 500 triệu đồng theo giấy vay tiền ngày 24/6/2013 âm lịch, bà Toan đã giao cho vợ chồng bà Phúc bản gốc giấy vay tiền ngày 24/6/2013 âm lịch, hiện chỉ giữ bản sao. Còn vợ chồng bà Phúc trình bày tiền chuyển nhượng ki-ốt được khấu trừ vào khoản vay 500 triệu đồng theo giấy vay tiền ngày 26/6/2013 âm lịch, khi ký hợp đồng chuyển nhượng ki-ốt vợ chồng bà Phúc yêu cầu ông Hùng giao lại bản gốc giấy vay tiền ngày 26/6/2013 âm lịch thì ông Hùng nói không mang theo bản gốc, cam kết sẽ tự hủy bỏ giấy biên nhận vay tiền nêu trên; ông bà không vay tiền ngày 24/6/2013 âm lịch. Những người liên quan khác trình bày không biết cụ thể việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Toan ông Hùng cung cấp “Giấy chuyển nhượng ki-ốt” ngày 09/6/2014, giấy viết tay do ông Đồng viết. Trong đó có nội dung “Ki ốt B2-7 trừ vào mã vay 500 triệu ngày vay 24-6-2013 âm”. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hùng thừa nhận dòng chữ “Ki ốt B2-7 trừ vào mã vay 500 triệu ngày

²³⁶ Theo Quyết định giám đốc thẩm số 16/2023/DS-GĐT ngày 18/7/2023 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do uy tín, danh dự, vật chất bị xâm phạm”.

vay 24-6-2013 âm” do ông Hùng viết thêm vào văn bản trước khi bà Phúc, ông Đồng ký tên. Ông Đồng cho rằng “Giấy chuyển nhượng ki ốt” ngày 09/6/2014 do ông Đồng viết và ký, còn nội dung “Ki ốt B2-7 trừ vào mã vay 500 triệu ngày vay 24-6-2013 âm” do ông Hùng tự ý viết thêm sau này.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản vay 500 triệu đồng nói trên²³⁷. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản vay 500 triệu đồng nói trên²³⁸. Quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên bản án phúc thẩm.

Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã hủy Quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao, hủy bản án phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm do các Tòa án đều sai lầm trong đánh giá chứng cứ là Giấy vay tiền và Giấy chuyển nhượng ki-ốt. Cụ thể:

+ Vợ chồng bà Toan, ông Hùng cho rằng tiền chuyển nhượng Ki ốt B2-7 được khấu trừ vào khoản vay 500 triệu đồng theo giấy vay tiền ngày 24/6/2013 âm lịch thì phải có nghĩa vụ chứng minh; bà Toan, ông Hùng không cung cấp được bản gốc giấy vay tiền ngày 24/6/2013 âm lịch, vợ chồng bà Phúc, ông Đồng không thừa nhận khoản vay ngày 24/6/2013 âm lịch.

+ Trong khi vợ chồng bà Toan, ông Hùng chưa chứng minh được tiền chuyển nhượng Ki ốt B2-7 được khấu trừ cho khoản vay nào nhưng Tòa án cấp phúc thẩm và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng vợ chồng bà Phúc không chứng minh được tiền chuyển nhượng Ki ốt trên được khấu trừ cho khoản vay 500 triệu đồng theo giấy vay tiền ngày 26/6/2013 âm lịch, từ đó buộc vợ chồng bà Phúc phải trả khoản vay 500 triệu đồng ngày 26/6/2013 âm lịch là chưa đủ căn cứ.

²³⁷ Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

²³⁸ Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 147/2019/DS-PT ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

+ “Giấy chuyển nhượng ki ốt” ngày 09/6/2014 do vợ chồng bà Toan, ông Hùng cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đánh giá.

+ Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của các bên về việc có chuyển nhượng Ki ốt B2-7 để khấu trừ khoản nợ trị giá 500.000.000 đồng, từ đó xác định việc chuyển nhượng Ki ốt B2-7 để khấu trừ khoản nợ 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 26/6/2013 âm lịch, trong khi đó vợ chồng bà Toan, ông Hùng vẫn đang giữ bản gốc giấy vay tiền này là cũng chưa đủ căn cứ.

Ba là, Toà án cấp phúc thẩm đánh giá không đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Ví dụ: tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H và bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim O.

*Nội dung vụ án*²³⁹: Bà H và ông T quen biết nhau, ông T rất nhiều lần vay tiền của bà H. Ngày 04-11-2020, hai bên tổng kết lại số tiền đã vay, ông T xác nhận còn nợ bà H 920.000.000 đồng và ký Giấy mượn tiền với số tiền 920.000.000 đồng, cam kết sẽ trả đủ trước ngày 20-12-2020. Ông T không trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà Lê Thị Kim O liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 920.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20-12-2020 cho đến ngày xét xử, vì số tiền này ông T vay để làm ăn, phục vụ nhu cầu chung của cuộc sống vợ chồng ông T.

Ông T trình bày có vay tiền của bà H nhiều lần, tổng số tiền đã vay là 155.000.000 đồng. Sau đó, ông đã nhiều lần trả tiền lãi trên số nợ gốc là 285.000.000 đồng. Đối với số nợ 920.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020, ông khẳng định không vay và không nhận từ bà H số tiền này. Lý do ông ký Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020 là do bà H gây áp lực đến gia đình ông, đe dọa sẽ cho người xuống nhà gây ảnh hưởng đến con cái và sức khỏe của cha ông, nên ông phải ký. Ông T không đồng ý trả số tiền 920.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 155.000.000 đồng cho bà H.

²³⁹ Quyết định giám đốc thẩm Số: 28/2024/DS-GĐT ngày 09-5-2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND341559>

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 07-4-2023, TAND thị xã Hoài Nhơn quyết định: Buộc vợ chồng ông T và bà O phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 920.000.000 đồng và tiền lãi là 211.285.000 đồng. (...)

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2023/DS-PT ngày 28-8-2023, TAND tỉnh Bình Định quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà O; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị sửa Bản án dân sự phúc thẩm nói trên²⁴⁰.

Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm xác định Toà án cấp phúc thẩm đánh giá không đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đó là: Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020 chỉ có ông T là người ký vào mục người mượn tiền. Quá trình hoà giải, tiếp cận công khai chứng cứ và đối chất, bà O khai không biết đến khoản nợ này và không biết bà H là ai. Do đó phải xác định đây là khoản nợ riêng của ông T, nên bà O không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ này. Ông T và bà O không có hoạt động kinh doanh chung và việc vay tiền của ông T cũng không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị, sửa Bản án dân sự phúc thẩm nói trên như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền là 1.131.285.000đ (trong đó, tiền gốc là 920.000.000 đồng, tiền lãi là 211.285.000 đồng). (...)

²⁴⁰ Theo Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/KN-DS ngày 02-4-2024 của Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

BLTTDS năm 2015 đã có quy định cụ thể và tương đối đầy đủ về xét xử phúc thẩm VADS. Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 2019, 2020, 2024 và 2025 thì các quy định về xét xử phúc thẩm ngày càng được hoàn thiện hơn. Vì vậy, trong Chương 2, NCS tập trung phân tích đánh giá, bình luận các quy định của BLTTDS năm 2015 và các văn bản pháp luật quy định về xét xử phúc thẩm VADS, trong đó tập trung vào các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Qua việc phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, NCS đã chỉ ra các hạn chế, vướng mắc trong các quy định này về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Có những quy định chưa rõ ràng dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và không có sự thống nhất khi Toà án áp dụng giải quyết. Có những vấn đề chưa được quy định hoặc quy định chưa hợp lý, chưa phù hợp với lý luận về xét xử phúc thẩm VADS cũng như thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS.

Chương 2, NCS còn phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS. Qua việc phân tích, đánh giá, NCS thấy được thành tựu của việc xét xử phúc thẩm VADS. Đó là, các VADS được giải quyết tương đối nhanh chóng, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu đạt được thì thực tiễn thực hiện xét xử phúc thẩm VADS còn nhiều vướng mắc, bất cập dẫn đến những sai sót, vi phạm pháp luật trong quá trình xét xử phúc thẩm VADS. Những sai sót, vi phạm pháp luật của Toà án cấp phúc thẩm xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Thông qua phân tích, nghiên cứu về thực trạng pháp luật TTDS Việt Nam và thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, NCS đã có nền tảng vững chắc để xây dựng yêu cầu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS.

CHƯƠNG 3

YÊU CẦU VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

3.1. Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trên cơ sở luận giải, phân tích cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS, căn cứ căn cứ vào điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam và xu thế phát triển của pháp luật TTDS trên thế giới, luận án đưa ra yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS phải đáp ứng được các nội dung như: (i) Pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS phải đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình; (ii) khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật TTDS hiện hành để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ; (iii) phải đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm VADS; (iv) phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; phải đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam.

3.1.1. Phải đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam trong giai đoạn mới là văn bản làm nền tảng cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, cụ thể:

- Nghị quyết số 27-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ: “*hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán; độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp*

luật...”²⁴¹. Điều này đòi hỏi pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch và có sự thống nhất với các văn bản pháp luật khác, đảm bảo Toà án khi xét xử phúc thẩm VADS không bị chi phối bởi bất cứ chủ thể nào. Tất cả các quy định của pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS như phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, hoãn, tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS, thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS cần được rà soát để đảm bảo những quy định này rõ ràng, cụ thể, không bị hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau (như giải quyết phần bản án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị; thông báo tạm ngừng phiên toà cho những người tham gia tố tụng; hậu quả pháp lý khi đương sự vắng mặt tại phiên toà khi phiên toà phúc thẩm VADS được tiếp tục sau thời hạn tạm ngừng; về thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà phúc thẩm VADS, quyền tự định đoạt của đương sự ở phúc thẩm có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm không?...). Những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xét xử phúc thẩm vụ án dân sự cần phải có quy định để điều chỉnh ngay như rút yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ở phiên toà phúc thẩm VADS, căn cứ HĐXX phúc thẩm VADS giữ nguyên bản án sơ thẩm, điều kiện cung cấp chứng cứ mới ở tại phiên toà phúc thẩm VADS; ...

- “Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”²⁴² cũng đòi hỏi các quy định của pháp luật TTDS và pháp luật nội dung phải có sự đồng bộ trong việc quy định về các trường hợp luật cấm các đương sự thoả thuận trong quá trình Toà án xét xử phúc thẩm VADS.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW tiếp tục khẳng định cần: “Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp

²⁴¹ Bộ Chính trị, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam trong giai đoạn mới.

²⁴² Bộ Chính trị, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam trong giai đoạn mới.

dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Điều này đòi hỏi pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS cần tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các quy định về phiên toà tranh tụng dân sự, đảm bảo các đương sự thực hiện được quyền tranh tụng của mình, thẩm phán, HĐXX là trọng tài để phân xử tranh chấp. Do đó, cần phải quy định rõ về chủ thể có quyền tranh luận, nội dung tranh luận, căn cứ tranh luận đặc biệt là đối với các VADS chưa có điều luật áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 BLTTDS năm 2015.

- *“Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; xây dựng Tòa án điện tử. Xác định thẩm quyền của Tòa án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; ... Nghiên cứu làm rõ những trường hợp Tòa án thu thập chứng cứ trong hoạt động xét xử”*. Với nhiệm vụ này, BLTTDS năm 2015 cần tiếp tục được hoàn thiện xác định các trường hợp Toà án thu thập chứng cứ trong TTDS đảm bảo phù hợp với nguyên tắc tranh tụng nhưng cũng phải đảm bảo có đủ chứng cứ để giải quyết vụ án cũng như bản án phúc thẩm dựa trên sự thật khách quan.

- *“Hoàn thiện thể chế để VKSND thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; hoàn thiện cơ chế tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, tăng cường kiểm soát bên trong việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động xét xử phù hợp với nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”. Điều này đòi hỏi các nhà lập pháp khi sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật TTDS về sự tham gia phiên toà phúc thẩm VADS phải đảm bảo tôn trọng nguyên tắc độc lập xét xử của Toà án, tránh sự can thiệp của VKS vào quá trình ra phán quyết của HĐXX phúc thẩm nhưng vẫn đảm bảo VKS có thể bảo vệ quyền lợi của những người yếu thế, bảo vệ lợi ích công và trật tự công.

Thứ hai, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định: "công tác xây dựng và thi hành pháp luật là *"đột phá của*

đột phá" trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng". Nghị quyết yêu cầu: Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, "đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam", tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, đảm bảo tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển²⁴³. Nghị quyết đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội để đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy Nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp. Năm 2028, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội, quản trị quốc gia hiện đại với bộ máy Nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm

²⁴³ Bộ chính trị, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

2045²⁴⁴. Do đó, hệ thống pháp luật TTDS nói chung và các quy định về xét xử phúc thẩm VADS nói riêng phải được sửa đổi, bổ sung đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, tháo gỡ được những vướng mắc, hạn chế trong các quy định của pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS đồng thời các đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải được đảm bảo quyền tham gia phiên toà phúc thẩm VADS, quyền tranh tụng để bảo vệ quyền và lợi và ích hợp pháp của đương sự.

Nghị quyết số 66-NQ/TW cũng đề ra nhiệm vụ là phải tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng pháp luật và thực hành pháp luật. Theo đó, phiên toà xét xử phúc thẩm trực tuyến phải đảm bảo điều kiện cần (điều kiện về nội dung) và đủ (điều kiện về vật chất, kỹ thuật) để thực hiện mà vẫn đảm bảo bản án, quyết định được tuyên là bản án, quyết định đúng đắn và chính xác, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích của Nhà nước.

Thứ ba, Nghị quyết 205/2025/QH15 của Quốc Hội thí điểm VKSND khởi kiện VADS để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công được thí điểm trong ba năm, tại 6 tỉnh, thành phố: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh và Đắk Lắk. Việc khôi phục lại quyền khởi kiện VADS để bảo vệ quyền và lợi ích của nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ lợi ích công là một trong vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu và đưa vào trong BLTTDS. Đồng thời, để phù hợp với quy định về quyền khởi kiện VADS công ích của VKS thì quy định về việc VKS tham gia phiên toà phúc thẩm VADS và phát biểu quan điểm về việc giải quyết VADS cũng được hoàn thiện. Theo đó, đối với VADS công ích mà VKS đã khởi kiện thì VKS có quyền tham gia phiên toà phúc thẩm VADS và có quyền phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

²⁴⁴ Bộ chính trị, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

3.1.2. Đảm bảo khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ

BLTTDS năm 2015 là cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm cho Toà án tiến hành xét xử phúc thẩm VADS khách quan, chính xác, đúng pháp luật cũng như đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi, “*BLTTDS năm 2015 vẫn một số quy định chưa rõ, còn phát sinh cách hiểu, cách làm chưa thống nhất với nhau trên thực tế đã được TANDTC và cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, giải đáp, hướng dẫn hàng năm; vẫn còn một số quy định ở từng phần, từng chương, từng điều luật của bộ luật chưa liên kết, bổ trợ cho nhau, có một số quy định tạo ra sự cản trở nhau. Hiện nay, nhiều vấn đề mới, vấn đề phức tạp nảy sinh có liên quan đến thẩm quyền, nghĩa vụ chứng minh và chứng cứ của đương sự, tác động đến quyền lợi hợp pháp của các chủ thể trong xã hội, đòi hỏi các quy định pháp luật phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn*”²⁴⁵.

Như đã phân tích ở Chương 2, pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS vẫn còn hạn chế, vướng mắc sau:

- Một số quy định của pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS chưa rõ ràng, cụ thể, minh bạch, chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn kịp thời gây khó khăn trong việc áp dụng như chưa có hướng dẫn cụ thể như thế nào là giải quyết phần bản án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS; việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết được hiểu như thế nào? Rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và thoả thuận của các đương sự ở tại phiên toà phúc thẩm có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm không? thoả thuận “*trái pháp luật*” có được hiểu là “*vi phạm điều cấm của luật*” không? thế nào là “*vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của*

²⁴⁵ Minh Hải (2023), TAND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị tổng kết thực tiễn thi hành BLTTDS năm 2015, <https://hochiminhcity.toaan.gov.vn/webcenter/portal/hochiminh/chitiettin?dDocName=TAND310228>, truy cập ngày 12/8/2025.

đương sự” để HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và xét xử sơ thẩm lại; chưa có hướng dẫn cụ thể về khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015;

- Một số quy định chưa thực sự hợp lý, khoa học như quy định ở khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 để HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm...;

- Chưa có sự thống nhất giữa BLTTDS và Luật tổ chức TAND hiện hành về trách nhiệm thu thập chứng cứ của Toà án nói chung và Toà án cấp phúc thẩm nói riêng.

- BLTTDS chưa có quy định cụ thể, rõ ràng làm căn cứ giải quyết trong một số trường hợp như: triệu tập người đại diện tham gia phiên toà phúc thẩm VADS; rút yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ở phúc thẩm; các đương sự có được rút yêu cầu đối với phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật không? điều kiện để đương sự, VKS được xuất trình chứng cứ mới tại phiên toà phúc thẩm; chủ thể có quyền tranh luận, nội dung tranh luận, căn cứ tranh luận; căn cứ giữ nguyên bản án sơ thẩm; phiên toà xét xử trực tuyến; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm khi căn cứ Điều 217 BLTTDS năm 2015 xuất hiện ở phúc thẩm....

- Một số quy định chưa tương thích pháp luật TTDS của các nước trên thế giới như quy định về việc tham gia phiên toà phúc thẩm của VKS, xem xét chứng cứ mới khi xét xử phúc thẩm VADS.

Như vậy, pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS vẫn còn những hạn chế, vướng mắc nhất định. Có thể thấy, việc chưa có quy định cụ thể rõ ràng, minh bạch về xét xử phúc thẩm VADS dẫn đến Tòa án cấp phúc thẩm có thể ra các phán quyết khác nhau, làm giảm lòng tin của người dân vào hệ thống cơ quan tư pháp và Tòa án. Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật TTDS cần phải khắc phục được những vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS. Có như vậy, thì pháp luật TTDS nói chung và pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm nói riêng mới thật sự là pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi, thống nhất và là cơ sở pháp lý cho hoạt động xét xử VADS nói chung và xét xử phúc thẩm VADS nói riêng.

3.1.3. Đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Để pháp luật TTDS nói chung và pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm nói riêng đi vào cuộc sống thì pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS phải xuất phát, bám sát thực tiễn. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS phải giải quyết được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS. Có như vậy, việc xét xử phúc thẩm VADS mới hiệu quả, đảm bảo các bản án, quyết định có hiệu lực trước khi đưa ra thi hành là những bản án, quyết định hợp tình, hợp lý, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Như đã phân tích ở Chương 2, thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS vẫn còn vướng mắc, bất cập sau:

- Khi các đương sự kháng cáo phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật nội dung nhưng khi Toà án cấp phúc thẩm giải quyết thì phát hiện Toà án cấp sơ thẩm đã có vi phạm pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Vậy Toà án cấp phúc thẩm có được xem xét, giải quyết cả phần không bị kháng cáo, kháng nghị này không?

- Vướng mắc trong việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn (bị đơn đồng ý) nhưng người kháng cáo là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo và không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Vẫn còn tình trạng hoãn phiên toà phúc thẩm VADS nhiều lần do sự vắng mặt của người kháng cáo bởi lý do người sức khỏe người kháng cáo không đảm bảo

- Chất lượng thủ tục tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm chưa cao

- Phiên toà xét xử trực tuyến: việc bố trí kinh phí đầu tư để bảo đảm điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho việc tổ chức phiên toà trực tuyến còn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là kinh phí đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin; hệ thống đường truyền; hệ thống thiết bị ghi hình có âm thanh;... Đến nay, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại chỉ được trang bị ở TANDTC, TAND các tỉnh, thành phố lớn, còn lại rất nhiều TAND hạ tầng công nghệ thông tin rất yếu kém, lạc hậu, chưa đảm bảo đủ cơ sở hạ tầng để tổ chức phiên toà trực tuyến, vẫn phải thuê thiết bị của Công ty viễn thông để tổ chức xét xử trực tuyến.

- HĐXX phúc thẩm ra các phán quyết khác nhau khi phát hiện Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

- Toà án cấp phúc thẩm vẫn có sai sót dẫn đến bản án phúc thẩm bị Toà án cấp trên huỷ hoặc sửa như HĐXX phúc thẩm nhận định, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu căn cứ dẫn đến ra phán quyết không phù hợp với quy định của pháp luật; Toà án cấp phúc thẩm không phát hiện ra các sai sót của Toà án cấp sơ thẩm dẫn đến HĐXX phúc thẩm ra phán quyết không có căn cứ và hợp pháp, không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Toà án cấp phúc thẩm không phát hiện được Toà án cấp sơ thẩm triệu tập thiếu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Toà án cấp phúc thẩm đánh giá không đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự...

Do đó, việc hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS cần đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khắc phục được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS. Có như vậy, thì việc xét xử phúc thẩm mới đạt hiệu quả cao đáp ứng yêu cầu giải quyết VADS kịp thời, khách quan, triệt để, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

3.1.4. Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự

Pháp luật TTDS quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các VADS, qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Để thực hiện được điều này đương sự phải có đầy đủ phương tiện pháp lý cũng như có đầy đủ các quyền tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, pháp luật TTDS phải thể hiện được các quan điểm của Đảng và Nhà nước về quyền, tự do và bình đẳng của con người, về một Nhà nước của dân, do dân và vì dân, về một hệ thống tư pháp bảo vệ quyền con người, bảo vệ công lý. Quá trình hoàn thiện pháp luật TTDS nhằm bảo đảm quyền dân sự của con người thể hiện những nội dung sau đây: (i) Tăng cường cơ chế đảm bảo thực thi các quyền về dân sự; (ii) Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của Tòa án, hệ thống tư pháp là bảo vệ quyền con người, quyền công dân; (iii) Cụ thể hóa Hiến pháp về các nguyên tắc tổ chức hệ thống tư pháp và thủ tục TTDS; (iv) Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật về nội dung và pháp luật về hình

thức thủ tục; giữa thiết chế tổ chức tư pháp với thủ tục tố tụng; (v) Thay đổi một cách toàn diện mô hình tố tụng, tăng cường thủ tục tranh tụng trên cơ sở đề cao vai trò quyết định và tự định đoạt của đương sự; (vi) Khẳng định vai trò độc lập của Tòa án và vị trí của các chủ thể trong TTDS; xác định trách nhiệm của Tòa án, đại diện cho quyền lực tư pháp chịu sự giám sát của nhân dân; (vii) Tăng cường các biện pháp đảm bảo hiệu quả của quyền lực tư pháp trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua thủ tục TTDS bằng việc bổ sung các hình thức thủ tục tố tụng đối với một số vụ việc cụ thể, bổ sung thủ tục rút gọn...; (viii) Hải hòa và tương thích với pháp luật quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thúc đẩy quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế²⁴⁶.

Do đó, việc hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS cũng phải đảm bảo đương sự có đầy đủ các quyền tố tụng của mình, được bình đẳng trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án với tư cách là cơ quan xét xử VADS phải tạo điều kiện, hướng dẫn cho đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng và có trách nhiệm áp dụng đúng các quy định của pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS. Theo đó, khi các đương sự thực hiện các quyền tự định đoạt của mình ở phiên tòa phúc thẩm VADS (quyền rút yêu cầu, quyền thỏa thuận, quyền rút kháng cáo...) một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội đồng thời tôn trọng quyền của các đương sự thì HĐXX phúc thẩm VADS cần tôn trọng quyền đó của đương sự; phải đảm bảo quyền tham gia phiên tòa và tranh tụng của người đại diện hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị. Theo đó, nếu người đại diện hợp pháp vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải hoãn phiên tòa.

3.1.5. Đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam

Trong kỷ nguyên mới thì một trong yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện pháp luật TTDS nói chung và pháp luật xét xử phúc thẩm VADS nói riêng là tiếp thu tinh

²⁴⁶ Hà Thị Mai Hiền (2017), “Pháp luật dân sự và TTDS đảm bảo thực hiện các quyền dân sự của con người và công dân theo Hiến Pháp năm 2013”, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn số 1/2017*, tr. 31.

hoa của nhân loại, của thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam. Khi tiếp thu quy định của pháp luật TTDS của các nước trên thế giới về việc Tòa án không thu thập chứng cứ mà chỉ hỗ trợ đương sự trong việc yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ là nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án một cách chính xác, khách quan, công bằng. Việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ rồi lại đánh giá chứng cứ đó thì có thể dẫn đến việc không đảm bảo tính khách quan khi giải quyết vụ việc, “*Tòa thu thập chứng cứ có lợi cho nguyên đơn thì lệch về bên nguyên đơn; tòa thu thập chứng cứ có lợi cho bên bị đơn thì lệch về bên bị đơn*” (Phát biểu của Chánh án TANDTC tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, chiều 22/11/2023). Điều này sẽ dễ phát sinh khiếu nại, tố cáo khi đương sự cho rằng, Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ theo hướng có lợi cho bên này, bất lợi cho bên kia. Tòa án có vai trò như người trọng tài trong việc phân xử các tranh chấp, khiếu kiện nhưng lại thực hiện thêm việc thu thập chứng cứ nữa là không phù hợp với vị trí, vai trò của người trọng tài. Vì vậy, quy định “*Tòa án không có trách nhiệm thu thập chứng cứ mà nghĩa vụ đó thuộc về các đương sự*” là cần thiết, tiệm cận với quy định trong pháp luật TTDS của nhiều quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển cao (theo hệ thống Common law), phù hợp với thực tiễn công tác xét xử của hệ thống Tòa án, giải quyết được nhiều vướng mắc, bất cập cho cơ quan Tòa án nói chung và các Thẩm phán nói riêng²⁴⁷. Tuy nhiên, khi tiếp thu quy định này thì phải cân nhắc về việc đương sự có đủ khả năng tự mình thu thập chứng cứ không? khi mà “*điều kiện của Việt Nam có sự chênh lệch về khoảng cách giàu nghèo, dân trí, văn hóa, giữa thành thị và nông thôn. Do đó, rất nhiều người dân không có điều kiện tranh tụng một cách đầy đủ và do những khoảng cách ấy, nếu "khoán" cho các bên sẽ rất thiệt thòi cho những người yếu thế*”²⁴⁸. Nếu để đảm bảo TAND là trọng tài để phân xử tranh chấp thì vụ án có đủ chứng cứ để giải quyết thì có lẽ sự hỗ trợ của luật sư

²⁴⁷ Triệu Thị Loan (2025), *Trách nhiệm hỗ trợ của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ giải quyết VADS - Một số vấn đề cần lưu ý và đề xuất, kiến nghị*, <https://tapchitoaan.vn/trach-nhiem-ho-tro-cua-toa-an-trong-viec-thu-thap-chung-cu-giai-quet-vu-an-dan-su-mot-so-van-de-can-luu-y-va-de-xuat-kien-nghi13921.html>, truy cập ngày 10/9/2025.

²⁴⁸ Anh Thảo (2023), *Tòa án có nhiệm vụ thu thập tài liệu, chứng cứ hay không?*, <https://daibieunhandan.vn/toa-an-co-nhiem-vu-thu-thap-tai-lieu-chung-cu-hay-khong-10324917.html>, truy cập ngày 14/9/2025.

trong việc thu thập chứng cứ là hợp lý hơn cả. Tuy nhiên, trong điều kiện Việt Nam hiện nay, với tỷ lệ luật sư hiện có so với dân số Việt Nam còn thấp, sự phân bố luật sư không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, trong khi đó, một số địa phương có số lượng luật sư thấp, dưới 20 luật sư²⁴⁹ và một số ít tỉnh đang thiếu nguồn phát triển luật sư²⁵⁰. Chất lượng tham gia tố tụng của một bộ phận luật sư chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng tại phiên toà theo tinh thần cải cách tư pháp. Việc phát triển đội ngũ luật sư có trình độ ngoại ngữ, hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế còn khó khăn. Vai trò của luật sư tham gia vào các vụ án lớn, vụ án điểm hay tham vấn, tư vấn cho các dự án lớn của Chính phủ, cơ quan Nhà nước còn hạn chế²⁵¹. Do đó, ưu tiên trước mắt vẫn để có thẩm phán thu thập chứng cứ trong trường hợp mà đương sự không có khả năng tự thu thập chứng cứ và có yêu cầu. Sau này, “khi số lượng và chất lượng luật sư được nâng cao đủ đảm bảo người dân thuận lợi cho việc nhờ luật sư tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cũng như hoạt động trợ giúp pháp lý ngày càng phát triển và điều kiện kinh tế của người dân được nâng cao thì có thể thực hiện quy định Toà án không thu thập chứng cứ trong các VADS trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”²⁵².

3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Để các TAND áp dụng Điều 293 BLTTDS năm 2015 một cách thống nhất thì BLTTDS cần có quy định cụ thể. Trước khi BLTTDS sửa đổi, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về việc TAND cấp phúc thẩm giải quyết phần bản án sơ thẩm có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

²⁴⁹ Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hậu Giang, Hòa Bình, Kon Tum, Lai Châu, Lào Cai, Quảng Trị, Tuyên Quang, Sơn La.

²⁵⁰ Bắc Kạn có 8 luật sư, Kon Tum có 05 luật sư.

²⁵¹ Bộ Tư Pháp (2024), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Luật sư*, Hà Nội, tr. 10, 11.

²⁵² Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Thị Hoàng Thanh (2025), “Thực trạng quy định về địa vị pháp lý của chủ thể trong thủ tục tư pháp dân sự và giải pháp hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW”, *Hoàn thiện pháp luật về thủ tục tư pháp dân sự ở Việt Nam theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung Ương Đảng khoá XIII*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.

Trước đây, tại Điều 15 Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐTP có hướng dẫn: *“Có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị” là trường hợp việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với phần này của bản án, quyết định sơ thẩm đòi hỏi phải xem xét, giải quyết đồng thời phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm đó mặc dù phần này không bị kháng cáo, kháng nghị*”.

Ví dụ: Tại bản án số 45/2013/DS-ST ngày 17-3-2013, TAND huyện K, tỉnh TN đã quyết định xử chia di sản thừa kế của ông N cho năm thừa kế theo pháp luật của ông N. Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định các thừa kế của ông N phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ông N để lại đối với ông B. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông B kháng cáo phần bản án sơ thẩm về thanh toán nghĩa vụ tài sản mà các thừa kế của ông N phải thực hiện đối với ông B trong khối di sản do ông N để lại. Trường hợp này việc giải quyết kháng cáo của ông B đòi hỏi phải xem xét đồng thời phần bản án về chia di sản thừa kế của ông N cho các thừa kế theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 là người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Tuy nhiên, ngoài trường hợp này cần được tiếp tục kế thừa để các TAND áp dụng trong việc xác định phạm vi xét xử phúc thẩm thì TANDTC cần bổ sung thêm trường hợp được coi là có liên quan đến giải quyết nội dung kháng cáo, kháng nghị. Đó là, chủ thể kháng cáo, kháng nghị chỉ kháng cáo, kháng nghị về vấn đề áp dụng pháp luật nội dung của bản án sơ thẩm nhưng trong quá trình giải quyết, HĐXX phúc thẩm phát hiện Toà án cấp sơ thẩm có sai sót, vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng dẫn đến làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì HĐXX phúc thẩm có quyền xem xét cả vấn đề này. Nếu vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì HĐXX phúc thẩm có quyền huỷ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại. Bởi vì, *“quá trình tố tụng là một chuỗi các hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Những hành vi này có mối liên hệ mật thiết với nhau, hành vi trước là tiền đề của hành vi sau và hành vi sau là sự phản ánh, kết quả của hành vi trước. Do vậy, nếu có bất kỳ vi phạm nào xảy ra trong chuỗi mắt xích đó*

đều sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình tố tụng và gián tiếp ảnh hưởng đến kết quả giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, và điều “có liên quan” đến nội dung kháng cáo, kháng nghị”²⁵³.

Do đó, TANDTC cần hướng dẫn “có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị” là: (i) giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với phần này của bản án, quyết định sơ thẩm đòi hỏi phải xem xét, giải quyết đồng thời phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm đó mặc dù phần này không bị kháng cáo, kháng nghị; (ii) HĐXX phúc thẩm VADS có quyền xem xét phần quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nếu phần quyết định đó vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng”.

3.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

3.2.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về những quy định chung về phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự

*** Về nguyên tắc tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS**

Về nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS thì như phân tích ở chương 2 và yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm thì trách nhiệm thu thập chứng cứ của Toà án nói chung và Toà án cấp phúc thẩm nói riêng phải đặt trong mối quan hệ giữa trình độ hiểu biết pháp luật TTDS về thu thập chứng cứ của đương sự, số lượng, chất lượng của luật sư. Điều này có nghĩa là, trách nhiệm chứng minh là của đương sự nhưng đối với những đương sự không có khả năng thu thập chứng cứ và có yêu cầu thì Toà án hỗ trợ. Còn khi điều kiện kinh tế của người dân tốt hơn, trình độ hiểu biết pháp luật của người dân được nâng cao, chất lượng, số lượng luật sư được nâng cao thì Toà án sẽ hoàn toàn thoát khỏi việc thu thập chứng cứ và trách nhiệm thu thập chứng cứ là của đương sự với sự hỗ trợ, giúp đỡ của luật sư.

²⁵³ Nguyễn Quang Trí (2023), *Về phạm vi xét xử theo thủ tục phúc thẩm và quyền kháng nghị của Viện kiểm sát trong TTDS*, <https://kiemsat.vn/ve-pham-vi-xet-xu-theo-thu-tuc-phuc-tham-va-quyen-khang-nghi-cua-vien-kiem-sat-trong-to-tung-dan-su-66098.html>, truy cập ngày 13/8/2025

** Về những người tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS*

Để đảm bảo quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS, quyền tranh tụng của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm VADS thì pháp luật TTDS cần quy định về sự tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS của người đại diện hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Điều 294 BLTTDS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung như sau: “Những người tham gia phiên tòa phúc thẩm

1. Người kháng cáo, đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị, *người đại diện hợp pháp của đương sự* và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải được triệu tập tham gia phiên tòa. Tòa án có thể triệu tập những người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa nếu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị”.

** Về hoãn và tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm VADS*

- Về hoãn phiên tòa phúc thẩm VADS:

BLTTDS năm 2015 chưa có quy định về việc phải triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị cũng như không quy định hoãn phiên tòa phúc thẩm VADS khi người đại diện hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị khi họ vắng mặt là chưa tôn trọng quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS, quyền tranh tụng của đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra, trong trường hợp vụ án có nhiều kháng cáo, kháng nghị thì cần tiếp thu quy định trong Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP. Theo đó, nếu người kháng cáo vắng mặt (vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, không có người đại diện, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt) mà phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt đó độc lập và không liên quan đến phần khác của bản án bị kháng cáo, kháng nghị, thì HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt mà không phải ra quyết định riêng bằng văn bản, nhưng phải ghi rõ trong bản án. Còn nếu người

kháng cáo vắng mặt mà phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt đó liên quan đến phần khác của bản án bị kháng cáo, kháng nghị, thì HĐXX phúc thẩm xét xử cả phần vụ án của người kháng cáo vắng mặt.

Do đó, khoản 2 Điều 296 BLLTTDS năm 2015 nên được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ phải có mặt tại phiên tòa; nếu có người vắng mặt thì HĐXX phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị về việc hoãn phiên tòa.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ phải có mặt tại phiên tòa; trừ trường hợp họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nếu vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì Tòa án có thể hoãn phiên tòa, nếu không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì xử lý như sau:

- Người kháng cáo vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đó, trừ trường hợp người đó đề nghị xét xử vắng mặt thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

- Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ;

- Trong vụ án mà có nhiều kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì nếu người kháng cáo vắng mặt (vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, không có người đại diện, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt) mà phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt đó độc lập và không liên quan đến phần

khác của bản án bị kháng cáo, kháng nghị, thì HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt mà không phải ra quyết định riêng bằng văn bản, nhưng phải ghi rõ trong bản án.

** Về tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS*

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thông báo quyết định tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS:

Xét xử phúc thẩm VADS là để giải quyết kháng cáo, kháng nghị và những phần vụ án có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị nên cho dù những người tham gia tố tụng không có mặt ở phiên toà (do họ vắng mặt có lý do chính đáng hay không có lý do chính đáng) nhưng liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị cần phải được thông báo đầy đủ những thông tin về diễn biến của phiên toà để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Điều 304 BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo hướng: HĐXX phải thông báo bằng văn bản cho những người tham gia tố tụng *có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị* và Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian tiếp tục phiên toà”.

- Bổ sung quy định về hậu quả pháp lý sau khi có quyết định tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS:

Để các Toà án thống nhất trong việc thực hiện tiến trình tố tụng tại phiên toà phúc thẩm VADS thì cần bổ sung quy định về hậu quả pháp lý sau khi có quyết định tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS. Theo đó, tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS là khi phiên toà đang diễn ra (bắt đầu từ phần tranh tụng) xuất hiện những căn cứ do pháp luật quy định dẫn đến phiên toà không thể tiếp tục thì HĐXX phúc thẩm quyết định tạm ngừng phiên toà. Vậy, khi căn cứ tạm ngừng phiên toà chấm dứt thì phiên toà phúc thẩm VADS sẽ được tiếp tục thực hiện từ thời điểm tạm ngừng phiên toà. Do đó, Điều 304 BLTTDS năm 2015 nên bổ sung quy định: *“khi căn cứ tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS chấm dứt thì phiên toà phúc thẩm VADS sẽ được tiếp tục thực hiện từ thời điểm tạm ngừng phiên toà”*.

- TANDTC thống nhất hướng giải quyết khi người kháng cáo, người không kháng cáo vắng mặt không có lý do chính đáng khi phiên toà được mở lại sau khi đã tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS để xác minh, thu thập chứng cứ

Việc tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS là do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến HĐXX phúc thẩm không thể tiến hành xét xử phúc thẩm được. Khi phiên toà phúc thẩm được mở lại thì về nguyên tắc, tạm dừng ở đâu thì mở lại ở đó nên không thể hoãn phiên toà phúc thẩm VADS ở thời điểm này được. Nếu đình chỉ xét xử phúc thẩm VADS do người kháng cáo vắng mặt cũng không hợp lý bởi việc quyết định tạm ngừng phiên toà là do HĐXX. Do đó, HĐXX phúc thẩm VADS tiếp tục xét xử và ra bản án phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

3.2.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thủ tục phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự

** Về thủ tục bắt đầu phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự*

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định về việc rút yêu cầu tại phiên toà phúc thẩm VADS

Như đã phân tích ở chương 2 thì việc rút yêu cầu của đương sự (yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) tại phiên toà phúc thẩm là nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Tuy nhiên, việc rút yêu cầu ở phúc thẩm trong hoàn cảnh là đã có bản án sơ thẩm hoặc các đương sự đã kháng cáo, VKS đã kháng nghị bản án sơ thẩm nên việc rút yêu cầu này của đương sự cần tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự khác cũng như tôn trọng quyền kháng nghị của VKS và nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định. Do đó, việc rút yêu cầu này của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm VADS cần đáp ứng các điều kiện sau:

+ Phải hỏi ý kiến của các đương sự khác có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc rút yêu cầu khởi kiện.

+ Việc rút yêu cầu nằm trong phạm vi xét xử phúc thẩm VADS.

Do đó, khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự có quyền rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. HĐXX phúc thẩm hỏi ý kiến của các đương sự khác có quyền và nghĩa vụ liên quan tới việc rút yêu cầu khởi kiện và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a. Các đương sự khác đó không đồng ý thì không chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự và giải quyết theo thủ tục chung.

b. Các đương sự khác đó đồng ý thì HĐXX chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự đồng thời ra bản án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút và hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm mà đương sự đã rút.

Ngoài ra, khi áp dụng quy định này cần lưu ý các trường hợp cụ thể sau:

- Trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nếu có đương sự rút yêu cầu (đơn khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập) mà không có đương sự nào kháng cáo, VKS không kháng nghị, thì Toà án cấp sơ thẩm phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự khác biết và yêu cầu các đương sự khác phải trả lời bằng văn bản cho Toà án cấp sơ thẩm về việc họ có đồng ý hay không đồng ý. Tùy thuộc vào kết quả trả lời của các đương sự khác mà giải quyết như sau:

+ Nếu các đương sự khác không đồng ý với việc rút yêu cầu thì việc rút yêu cầu của đương sự đương nhiên không được chấp nhận. Trong trường hợp này bản án sơ thẩm được coi là không bị kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

+ Nếu các đương sự khác đồng ý việc rút yêu cầu của đương sự, thì Toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 299 của BLTTDS mở phiên toà và HĐXX chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự đồng thời ra bản án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút và hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm mà đương sự đã rút.

- Trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm thì tùy thuộc vào kết quả trả lời của các đương sự khác mà giải quyết như sau:

+ Nếu người kháng cáo không đồng ý với việc rút yêu cầu và vẫn giữ nguyên kháng cáo thì cần phải xét xử vụ án trên cơ sở kháng cáo đó. Phần bản án sơ thẩm mà đương sự rút yêu cầu và được các đương sự khác (liên quan đến phần bản án sơ thẩm đó) đồng ý thì HĐXX sẽ hủy phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút nếu phần bản án sơ thẩm đó không liên quan đến giải quyết kháng cáo.

+ Nếu người kháng cáo, người không kháng cáo đồng ý với việc rút yêu cầu thì HĐXX chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự đồng thời ra bản án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút và hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm.

Thứ hai, cần có hướng dẫn cụ thể về rút, thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị

+ Tương tự như rút yêu cầu đương sự ở phúc thẩm, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị ở tại phiên toà phúc thẩm cần đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và nguyên tắc tranh tụng. Theo đó, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị ở tại phiên toà phúc thẩm đáp ứng các điều kiện sau:

- Người kháng cáo, VKS kháng nghị chỉ được thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị về phần của bản án, quyết định sơ thẩm; không được thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị về những vấn đề mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết.

- Việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phải đảm bảo cho đương sự phía bên kia đủ thời gian để chuẩn bị chứng cứ, căn cứ pháp lý, lý lẽ và lập luận để phản bác lại những nội dung kháng cáo, kháng nghị được bổ sung hoặc thay đổi.

Do đó, nếu tại phiên toà việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm làm phát sinh quan hệ pháp luật cần giải quyết, phải hoãn phiên toà để triệu tập thêm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị thì việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm sẽ không được chấp nhận.

Như vậy, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị không vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết theo hướng: *không được vượt quá phạm vi các quan hệ pháp luật đã giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm mà người kháng cáo đã kháng cáo, VKS đã kháng nghị trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị cũng như không phải triệu tập thêm những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị được thay đổi, bổ sung.*

+ *Về thẩm quyền rút kháng nghị phúc thẩm*

Kháng nghị phúc thẩm là quyền năng pháp lý mà Nhà nước trao cho VKS để thực hiện chức năng đối với hoạt động kiểm sát tư pháp. Do đó, để đảm bảo việc rút

kháng nghị có căn cứ, kịp thời và chính xác thì chỉ có VKS đã ra quyết định kháng nghị hoặc VKS cấp trên trực tiếp tham gia phiên toà phúc thẩm VADS mới có quyền rút kháng nghị.

Thứ ba, cần có hướng dẫn cụ thể về việc thoả thuận của đương sự tại phiên toà phúc thẩm VADS

- TANDTC cần hướng dẫn cụ thể về thoả thuận không trái pháp luật

Điều 123 BLDS năm 2015 quy định điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Do đó, nếu mục đích, nội dung thoả thuận của các đương sự thuộc những trường hợp mà luật cấm không cho các bên đương sự thực hiện thì thoả thuận đó không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận. Điều này cũng phù hợp với định hướng được đưa ra trong Nghị quyết 27/NQ-TW của Bộ chính trị về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới: “Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”²⁵⁴. Do đó, TANDTC nên hướng dẫn thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật theo hướng: *nếu thoả thuận của các bên đương sự không theo đúng quy định của luật mà thuộc các hành vi bị luật cấm thì thoả thuận đó bị coi là vi phạm điều cấm của luật và không được HĐXX chấp nhận. Nếu các nội dung thoả thuận của các bên đương sự không theo đúng quy định của luật nhưng không thuộc trường hợp bị luật cấm thì thoả thuận này không bị coi là vi phạm điều cấm luật và HĐXX chấp nhận này trừ trường hợp thoả thuận đó lại vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015.*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 300 BLTTDS năm 2015:

Việc thoả thuận của các đương sự ở phiên toà phúc thẩm mặc dù là quyền tự định đoạt của đương sự nhưng sự thoả thuận này cần đảm bảo nguyên tắc đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định. Do đó, việc thoả thuận của các đương sự ở tại phiên toà phúc thẩm cần bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm. Theo đó, nếu kháng

²⁵⁴ Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết 27/NQ-TW của Bộ chính trị về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-27-NQ-TW-2022-tiep-tuc-xay-dung-Nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-giai-doan-moi-541092.aspx>, truy cập ngày 26/8/2024.

cáo, kháng nghị về toàn bộ bản án sơ thẩm thì các bên đương sự hoàn toàn có quyền thoả thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nếu kháng cáo, kháng nghị về một phần bản án sơ thẩm thì các bên đương sự có quyền thoả thuận về phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp không có kháng cáo, kháng nghị mà các bên thoả thuận với nhau về giải quyết một phần hoặc toàn bộ vụ án thì việc thoả thuận này chỉ được thực hiện ở trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị khi mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Lúc này việc thoả thuận của các đương sự có thể khác với bản án sơ thẩm nên Toà án cấp phúc thẩm sẽ mở phiên toà phúc thẩm để HĐXX phúc thẩm công nhận sự thoả thuận của các đương sự và sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm. Còn khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì bản án sơ thẩm đã có hiệu lực nên việc thoả thuận về việc về giải quyết một phần hoặc toàn bộ vụ án được thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác cũng như phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự²⁵⁵ thì việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm cần phải đảm bảo thêm điều kiện là không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Vì vậy, Điều 300 BLTTDS năm 2015 BLTTDS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết *một phần* hoặc toàn bộ vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, *không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác* và không trái đạo đức xã hội thì HĐXX phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa *một phần* hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự”.

²⁵⁵ Khoản 4 Điều 3 BLDS năm 2015 quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự: ... 4. “Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác...”

** Về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm VADS:*

Thứ nhất, sửa đổi quy định về xuất trình, bổ sung chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm

Khoản 2 Điều 302 BLTTDS năm 2015 không quy định việc xuất trình, bổ sung chứng cứ ở phiên tòa phúc thẩm có cần có điều kiện như ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Điều này có thể làm các đương sự hiểu là có thể xuất trình chứng cứ mới ở tại phiên tòa phúc thẩm mà không cần có lý do. Thiết nghĩ, để ngăn chặn việc các bên đương sự giữ lại các chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm mới cung cấp thì khoản 3 Điều 302 BLTTDS năm 2015 cần sửa đổi như sau: “*Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự, Kiểm sát viên có quyền xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ khi thỏa mãn một trong các điều kiện quy định tại Điều 287 của luật này*”.

Ngoài ra, để tạo sự thống nhất cho các thẩm phán trong việc chấp nhận các tài liệu, chứng cứ do có “lý do chính đáng” ở tại phiên tòa phúc thẩm thì TANDTC cần hướng dẫn về nội dung “lý do chính đáng” theo hướng: là khi có một trong các *sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khiến đương sự không thể giao nộp tài liệu, chứng cứ đúng thời hạn như: Thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, ốm đau phải đi điều trị, cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ chứng cứ chưa cung cấp cho đương sự hoặc đương sự không thể biết nên đương sự không thể giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng thời hạn*”.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định về sự tham gia của VKS tại phiên tòa phúc thẩm

Như đã phân tích thì việc phát biểu của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa (trong trường hợp VKS không kháng nghị) chưa thực sự đảm bảo nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án. Hơn nữa, sau khi VKS phát biểu quan điểm xong thì đương sự lại không được tranh luận với VKS dẫn đến nhiều bức xúc cho đương sự cũng như không đảm bảo nguyên tắc xét xử công bằng. Do đó, nghiên cứu sinh cho rằng cần hạn chế việc tham gia phiên tòa phúc thẩm của VKS. Đó là, chỉ trong trường hợp khi VKS kháng nghị hoặc VKS tham gia trong trường hợp cần bảo vệ lợi ích công hoặc trật tự công, bảo vệ lợi ích của những người yếu thế. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Điều 296 và Điều 306 BLTTDS năm 2015 như sau: “*2. Kiểm sát viên viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa phúc thẩm VADS trong trường hợp viện*

kiểm sát kháng nghị; các VADS liên quan đến lợi ích công, lợi ích của người chưa thành niên, người bị toà án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 BLTTDS”.

Điều 306 BLTTDS năm 2015 nên sửa đổi theo hướng: “Sau khi kết thúc việc tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của VKS về việc tuân theo pháp luật *tổ tụng* trong quá trình giải quyết VADS ở giai đoạn phúc thẩm. *Đối với các VADS liên quan đến lợi ích công, lợi ích của người chưa thành niên, người bị toà án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 BLTTDS thì kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.*

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm VADS

Để đảm bảo phiên toà phúc thẩm là phiên toà dân chủ, minh bạch và bảo vệ các quyền con người cũng như để đáp ứng yêu cầu mở rộng tranh tụng được quán triệt trong Nghị quyết 27/NQ-TW của Bộ chính trị về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới: “*Xây dựng chế định tổ tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tổ tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân*”²⁵⁶. Do đó, BLTTDS năm 2015 cần quy định thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm như sau: *Thủ tục bắt đầu phiên toà, thủ tục tranh tụng (thủ tục trình bày của những người tham gia tố tụng, thủ tục tranh luận, thủ tục hỏi) thủ tục nghị án và tuyên án.*

Để phiên toà dân sự thực sự là phiên toà tranh tụng thì phải xác định rõ ai có quyền tranh luận; trình tự tranh luận; nội dung tranh luận phải hướng vào những vấn đề còn tranh chấp, mâu thuẫn; căn cứ tranh luận dựa trên các chứng cứ, căn cứ pháp

²⁵⁶ Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết 27/NQ-TW của Bộ chính trị về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-27-NQ-TW-2022-tiep-tuc-xay-dung-Nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-giai-doan-moi-541092.aspx>, truy cập ngày 26/8/2024.

lý, lý lẽ và lập luận. Đối với VADS chưa có điều luật áp dụng theo quy định ở khoản 2 Điều 4 BLTTDS thì căn cứ tranh luận còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng. Tuy nhiên, những vấn đề này BLTTDS năm 2015 chưa quy định cụ thể, rõ ràng. Do đó, khoản 1 Điều 305 BLTTDS năm 2015 tách thành ba nội dung như sau:

+ *Những người có quyền tham gia tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:* đương sự (người kháng cáo, đương sự khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị), người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và VKS đã kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

+ *Nội dung tranh luận:* những người có quyền tham gia tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm tranh luận về những vấn đề kháng cáo, kháng nghị và liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị. Sau khi nội dung kháng cáo, kháng nghị đã được làm rõ, các bên đương sự phát biểu quan điểm của mình về đánh giá chứng cứ, về việc giải quyết vụ án.

+ *Bổ sung quy định về căn cứ tranh luận:* Khi tranh luận, những người có quyền tham gia tranh luận phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu được bổ sung và xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đối với VADS chưa có điều luật áp dụng theo quy định ở khoản 2 Điều 4 BLTTDS thì căn cứ tranh luận còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

*** Về phiên tòa trực tuyến:**

Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin thông tin trong việc giải quyết VADS tại Tòa án là một nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng để xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tòa án trực tuyến “là một xu hướng phát triển không thể đảo ngược trong thời đại cuộc cách mạng công nghệ 4.0”²⁵⁷, “phiên tòa xét xử trực

²⁵⁷ Nguyễn Hòa Bình (2018), Bài phát biểu tại Hội nghị quốc tế “Hoàn thiện hệ thống tư pháp trước những thách thức hiện nay” được tổ chức tại Bangkok, Thái Lan, nhằm trao đổi kinh nghiệm, tăng cường hợp tác về tòa án và tư pháp của các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, 12- 14/9/2018.

*tuyển là tất yếu*²⁵⁸. Tuy nhiên, phiên toà trực tuyến sử dụng các thiết bị điện tử, liên kết thông qua môi trường mạng nên cần phải có quy định chặt chẽ đảm bảo đương sự và người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa tại các điểm cầu, nhưng vẫn trực tiếp theo dõi đầy đủ hình ảnh, âm thanh và tham gia tất cả trình tự, thủ tục tố tụng của phiên tòa bằng lời nói, hành vi tố tụng trực diện, liên tục, công khai và HĐXX có đủ căn cứ để ra phán quyết có căn cứ hợp pháp. Do đó, các quy định về phiên toà trực tuyến cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Cần có quy định riêng về phiên toà xét xử VADS trực tuyến mà không nên gộp quy định chung về xét xử trực tuyến cả ba loại vụ án là VADS, vụ án hình sự và vụ án hành chính. Bởi vì, bản chất của ba loại vụ án này là khác nhau.

- Cần sửa đổi, bổ sung các quy định về phạm vi các VADS được xét xử trực tuyến và vụ án không được xét xử trực tuyến. Theo đó, những VADS sau đây được xét xử trực tuyến: (i) Vụ án có chứng cứ rõ ràng, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ hoặc không phản đối nghĩa vụ của mình; (ii) vụ án có chứng cứ rõ ràng và việc áp dụng pháp luật giải quyết vụ án đơn giản; (iii) những tranh chấp có giá trị nhỏ.

Đối với các VADS có giá trị tranh chấp nhỏ thì việc ấn định một giá trị nhất định là tương đối khó vì giá cả thị trường có sự biến động thường xuyên. Có thể, cần nhắc dựa các tiêu chí như quy định về vụ kiện có giá trị nhỏ đã từng được ghi nhận trong lịch sử lập pháp Việt Nam, giá trị của loại vụ kiện chỉ phải tính án phí như vụ kiện không có giá ngạch hoặc mức từ 100 triệu đồng trở xuống như đã từng quy định trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010. Tuy nhiên “trong một số trường hợp, cũng có loại giao dịch dưới 100 triệu đồng nhưng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cộng đồng (chẳng hạn như giao dịch liên quan đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, di sản văn hoá...) mà hậu quả của giao dịch ảnh hưởng đến một nhóm người hoặc xã hội nói chung đòi hỏi Tòa án phải xét xử trực tiếp, công khai để cộng đồng tiếp cận”²⁵⁹.

²⁵⁸ Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, <https://tuoitre.vn/chu-tich-nuoc-nguyen-xuan-phuc-phiên-toà-xét-xử-tructuyen-la-tat-yeu-20210826193220792.htm>, truy cập ngày 09/1/2026

²⁵⁹ Đặng Phước Thông, Nguyễn Việt Anh Lân, Chu Thị Thơm (2025), *Xét xử trực tuyến VADS – Kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam số 04 (188)/ 2025, tr. 30.

Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định về những vụ án không được xét xử trực tuyến, đó là: (i) vụ án có giá trị tranh chấp nhỏ nhưng ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng; (ii) vụ án có tình tiết phức tạp, có nhiều tài liệu chứng cứ đòi hỏi phải xem xét đánh giá trực tiếp mới bảo đảm làm rõ được sự thật khách quan của vụ án; (iii) việc áp dụng pháp luật để giải quyết không đơn giản, có nhiều quan điểm khác nhau trong thành viên của HĐXX; các bên đương sự đều tỏ rõ nguyện vọng không đồng ý hoặc một bên đương sự không đồng ý và có lý do chính đáng; các bên đương sự đều không có đầy đủ điều kiện về kỹ thuật và năng lực để tham gia xét xử trực tuyến; thẩm phán xét thấy vụ án không thích hợp để xét xử trực tuyến.

- Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc trong xét xử trực tiếp thì do tính đặc thù và những rủi ro có thể xảy ra khi xét xử trực tuyến thì cần quy định những nguyên tắc đặc thù cho xét xử trực tuyến, đó là: nguyên tắc đảm bảo sự tự nguyện của các đương sự trong việc lựa chọn phương thức xét xử trực tiếp hay trực tuyến; đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm tính hiệu quả và thuận tiện cho đương sự; chi phí tố tụng không cao hơn tố tụng trực tiếp.

- Cần quy định những trường hợp chuyển từ xét xử trực tuyến sang trực tiếp để đảm bảo an toàn pháp lý cho tất cả các bên đương sự cũng như đảm bảo bản án được tuyên chính xác, có căn cứ và hợp pháp. Theo đó, khi xét xử trực tuyến xuất hiện một trong các căn cứ sau đây thì phiên toà phúc thẩm trực tuyến sẽ bị dừng lại để xét xử trực tiếp.

3.2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt nam về quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

3.2.3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt nam về quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm

Điều 308 BLTTDS năm 2015 không quy định căn cứ giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị của HĐXX phúc thẩm là một thiếu sót cần phải được bổ sung. Bởi lẽ, “không quy định căn cứ áp dụng quyền hạn của HĐXX thì việc HĐXX ra quyết định hoàn toàn căn cứ vào ý chí chủ quan của mình để giải quyết mà không dựa trên các căn cứ pháp lý. Bên cạnh đó, Toà án cấp trên cũng không có cơ sở để xác định việc giải quyết của Toà án cấp phúc thẩm là đúng hay sai”²⁶⁰.

²⁶⁰ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, tr. 180.

Đề HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm là khi kháng cáo, kháng nghị hợp lệ và bản án sơ thẩm hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp. Do đó, BLTTDS năm 2015 cần bổ sung căn cứ không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau: “*HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị nếu kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nhưng không có căn cứ*”.

3.2.3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền sửa bản án sơ thẩm

TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015 để các Tòa án áp dụng thống nhất. Theo đó, HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm khi “Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong trường hợp việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS” khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án.

- + Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng nhưng sai sót này chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Hay nói cách khác, sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng chưa dẫn đến phải hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đồng thời, cần sửa đổi khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 theo hướng: *Toà án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung.*

3.2.3.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền hủy một phần hoặc bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Do BLTTDS không có hướng dẫn cụ thể thế nào là “vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự”. Trên thực tế các vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng thường được thực

hiện dưới dạng Toà án xét xử sai thẩm quyền; Toà án không hòa giải trước khi xét xử sơ thẩm đối với các VADS bắt buộc phải hòa giải; vi phạm các quy định về thủ tục hòa giải; bỏ sót người tham gia tố tụng; xét xử vắng mặt các đương sự không đúng các trường hợp do luật quy định; việc xét xử tại phiên tòa không tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định... Nhưng vi phạm nghiêm trọng nào về thủ tục tố tụng mới ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Điều này dựa vào ý chí chủ quan của HĐXX khi đánh giá về vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm. Do đó, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để các HĐXX phúc thẩm áp dụng pháp luật thống nhất. Theo đó, những vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được hiểu những vi phạm về tố tụng này dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự bị xâm phạm, đương sự không thực hiện được việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình như vi phạm các nguyên tắc của pháp luật TTDS; Toà án không hòa giải trước khi xét xử sơ thẩm đối với các VADS bắt buộc phải hòa giải; bỏ sót người tham gia tố tụng; không triệu tập hợp lệ các đương sự trước khi tiến hành xét xử...

3.2.3.4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

HĐXX phúc thẩm ra quyết định gì khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự?

Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết một vấn đề mà đương sự không yêu cầu nên phần giải quyết đó của Toà án cấp sơ thẩm phải bị hủy do vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự và việc giải quyết đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đồng thời, HĐXX phúc thẩm phải đình chỉ giải quyết phần vụ án đó vì Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết phần vụ án mà không có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, quyền hạn này của phúc thẩm lại chưa được quy định trong BLTTDS năm 2015. Do đó, cần bổ sung quy định HĐXX phúc thẩm có quyền hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án nếu phát hiện Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

3.2.3.5. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Về nguyên tắc, Toà án cấp sơ thẩm sẽ kiểm tra tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị. Nếu kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì Toà án cấp sơ thẩm sẽ căn cứ vào Điều 274 BLTTDS năm 2015 để trả lại đơn kháng cáo. Tuy nhiên, nếu Toà án cấp sơ thẩm không phát hiện ra kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ và đã chuyển hồ sơ vụ án lên Toà án cấp phúc thẩm mà Toà án cấp phúc thẩm phát hiện ra điều này thì Toà án cấp phúc thẩm sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án sơ thẩm được công nhận. Do đó, cần bổ sung trường hợp này trong BLTTDS.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Trước những thách thức trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình thì việc hoàn thiện pháp luật TTDS Việt nam về xét xử phúc thẩm VADS là một nhu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật TTDS hiện hành để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ; đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm VADS; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam.

2. Để đáp ứng các yêu cầu đặt ra, theo NCS, pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS cần phải được hoàn thiện hơn nữa về phạm vi xét xử phúc thẩm, về những quy định chung tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS, về hoãn, tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS, về thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS về xem xét chứng cứ mới khi xét xử phúc thẩm VADS và về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

KẾT LUẬN

1. Xét xử phúc thẩm VADS là cấp xét xử thứ hai nhằm đảm bảo bản án, quyết định trước khi đưa ra thi hành trên thực tế là bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Xét xử phúc thẩm VADS có những dấu hiệu để phân biệt xét xử sơ thẩm, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự. Đó là, chủ thể có thẩm quyền xét xử phúc thẩm VADS chỉ gồm những thẩm phán là những người có trình độ chuyên môn cao và thành thạo kỹ năng xét xử; Xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai với sự tham gia của các chủ thể kháng cáo, kháng nghị, những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; Khi tiến hành xét xử phúc thẩm VADS, HĐXX ra phán quyết để sửa chữa, khắc phục những sai sót trong bản án sơ thẩm. Ngoài ra, Xét xử phúc thẩm VADS có những khác biệt so với xét xử phúc thẩm vụ án hình sự về đối tượng xét xử, phạm vi xét xử phúc thẩm, vai trò của VKS khi xét xử phúc thẩm, Về việc xem xét chứng cứ mới khi xét xử phúc thẩm, về phiên toà phúc thẩm và về quyền tự định đoạt của đương sự. Xét xử phúc thẩm VADS có những khác biệt so với xét xử phúc thẩm vụ án hành chính về đối tượng xét xử.

3. BLTTDS năm 2015 đã có quy định cụ thể và tương đối đầy đủ về xét xử phúc thẩm VADS. Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 2019, 2020, 2024 và 2025 thì các quy định về xét xử phúc thẩm ngày càng được hoàn thiện hơn. Vì vậy, trong Chương 2, NCS tập trung phân tích đánh giá, bình luận các quy định của BLTTDS năm 2015 và các văn bản pháp luật quy định về xét xử phúc thẩm VADS, trong đó tập trung vào các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Qua việc phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, NCS đã chỉ ra các hạn chế, vướng mắc trong các quy định này về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Có những quy định chưa rõ ràng dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và không có sự thống nhất khi Tòa án áp dụng giải quyết. Có những vấn đề chưa được quy định hoặc quy định chưa hợp lý, chưa phù hợp với lý luận về xét xử phúc thẩm VADS cũng như thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS.

4. Thực tiễn thực hiện xét xử phúc thẩm VADS còn nhiều vướng mắc, bất cập dẫn đến những sai sót, vi phạm pháp luật trong quá trình xét xử phúc thẩm VADS. Những sai sót, vi phạm pháp luật của Toà án cấp phúc thẩm xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

5. Hoàn thiện pháp luật TTDS Việt nam về xét xử phúc thẩm VADS là một nhu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật TTDS hiện hành để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ; đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm VADS; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam.

6. Pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS cần phải được hoàn thiện hơn nữa về phạm vi xét xử phúc thẩm, về những quy định chung tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS, về hoãn, tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS, về thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS và về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Thế Anh (2015), *Quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Vũ Hoàng Anh (chủ nhiệm) (2023), Nghĩa vụ TTDS của đương sự trong bối cảnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Đề tài khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Trung Ương Đảng (2025), *Nghị quyết 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
4. Nguyễn Hòa Bình (2018), Bài phát biểu tại Hội nghị quốc tế “Hoàn thiện hệ thống tư pháp trước những thách thức hiện nay” được tổ chức tại Bangkok, Thái Lan, nhằm trao đổi kinh nghiệm, tăng cường hợp tác về tòa án và tư pháp của các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, 12- 14/9/2018.
5. Bộ Chính trị (2022), Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam trong giai đoạn mới.
6. Bộ Tư Pháp (2021), *Báo cáo số 05/BC -BTP ngày 08/01/2021 của Bộ Tư Pháp về kết quả thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 và Đề án phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020*, Hà Nội.
7. *Bộ luật TTDS Cộng hoà Pháp (1998)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Wolfgang Benedek (Chủ biên) (2008), *Tìm hiểu về quyền con người* (Tài liệu hướng dẫn về giáo dục quyền con người), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Tom Bingham (2023) (Phạm Hồ Nam, Nguyễn Lữ Quỳnh Anh dịch), *Về pháp quyền*, Nxb tri thức, Hà Nội.
10. Nguyễn Công Bình (1999), *Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*, Tạp chí Luật học, số 3.

11. Nguyễn Bình (2004), *Chế định giám đốc thẩm dân sự*, Tạp chí Luật học, số 4.
12. Bộ Tư Pháp (2024), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Luật sư*, Hà Nội.
13. Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – Nghiên cứu so sánh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
15. Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Nguyễn Huy Đầu (1962), *Luật Dân sự - Tổ tụng Việt Nam*, Xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Tư pháp, Sài Gòn.
17. Nguyễn Thị Hà (2017), *Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính*, Luận án tiến sĩ Trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Thu Hà (Chủ biên) (2022), *Cung cấp, thu thập chứng cứ của đương sự trong TTDS Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.
20. Nguyễn Thị Thu Hà (2012), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong giải quyết VADS tại Tòa án nhân dân*, Nhà xuất bản lao động, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Thu Hà (2010), *Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo quy định của Bộ luật TTDS*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9.
23. Nguyễn Thị Thu Hà (2024), *Về vấn đề rút yêu cầu của đương sự trong VADS*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 1/2024.
24. Nguyễn Thị Thu Hà (2019), *Nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án*, Tạp chí Luật học (số đặc biệt).
25. Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Thị Hoàng Thanh (2025), “Thực trạng quy định về địa vị pháp lý của chủ thể trong thủ tục tư pháp dân sự và giải pháp hoàn thiện pháp

luật đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW”, *Hoàn thiện pháp luật về thủ tục tư pháp dân sự ở Việt Nam theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung Ương Đảng khoá XIII*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.

26. Nguyễn Thị Thanh Hải (2019), *Pháp luật quốc tế về quyền tiếp cận công lý và thực tiễn ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam.

27. Nguyễn Thị Thuý Hằng (2019), *Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

28. Phạm Thu Hằng (2022), Nguyên tắc tự do ý chí trong Bộ luật dân sự năm 2015, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

29. Hà Thị Mai Hiền (2017), “Pháp luật dân sự và TTDS đảm bảo thực hiện các quyền dân sự của con người và công dân theo Hiến Pháp năm 2013”, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn số 1/2017*.

30. Mai Thanh Hiếu (2015), *Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

31. Dương Quỳnh Hoa (2019), *Vai trò của Luật sư trong TTDS Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 6/2019.

32. Tô Văn Hoà (2013), *Nguyên tắc hai cấp xét xử, tác động của nguyên tắc tới hệ thống Toà án và góp ý quy định tương ứng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992*, Tạp chí Luật học.

33. Học viện tư pháp (2014), *Giáo trình Luật TTDS ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

34. Học viện Tư pháp (2004), “*BLTTDS - Những điểm mới và các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành*”, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.

35. Bùi Thị Huyền (2013), *Phiên tòa sơ thẩm dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

36. Bùi Thị Huyền (chủ biên) (2016), *Sự tương thích và mâu thuẫn giữa pháp luật TTDS với pháp luật dân sự*, Đề tài khoa học cấp Trường – Trường Đại học Luật Hà Nội.

37. Bùi Thị Huyền (Chủ biên) (2015), *Bình luận BLTTDS năm 2015*, Nxb Lao động, Hà Nội.

38. Bùi Thị Huyền, Nguyễn Thị Hương (2023), Thực tiễn hoà giải VADS tại TAND – Vương mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa: “*Hoà giải các tranh chấp dân sự - Thực trạng và giải pháp*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

39. Vũ Gia Lâm (2008), *Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Hà Nội.

40. Nguyễn Duy Lâm (2004), *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

41. Tưởng Duy Lượng (2014), *Phát luật TTDS và thực tiễn xét xử*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

42. Ưông Chu Lưu (2005), *Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân*, Chương trình Khoa học xã hội cấp Nhà nước (2001-2005), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài KX.04.06, Hà Nội.

43. *Phương thức hoạt động của Tòa án Hoa Kỳ* (2007), Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

44. Phan Thanh Mai (2000), *Bàn về tính chất của phúc thẩm*, Tạp chí Luật học, số 1.

45. Chu Xuân Minh (2020), *Tư pháp thực hành*, Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.

46. Nguyễn Ngọc Nam (2015), *Chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

47. Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Hoa Kỳ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

48. Jay M. Feinman (2014), “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*”, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

49. Corinne Renault (2002), *Đại cương về pháp luật hợp đồng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

50. Richard Susskind (2019), *Online Courts and the the Future of Justice*, Oxford University Press, tr. 75 - 84, trích dẫn từ nguồn: Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên) (2022), *Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

51. Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang (2020), *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên toà hoặc tại phiên toà phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7.

52. Lê Thị Minh Nguyệt (2017), *Phiên toà phúc thẩm VADS theo quy định của BLTTDS hiện hành*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

53. Nguyễn Bích Thảo (2022), *Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

54. Phan Hữu Thư (2004), *Tiến tới xây dựng Bộ luật TTDS của thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội.

55. Phạm Thị Thuý (2017), *Bàn về quyền của bị đơn đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn*, Tạp chí TAND, số 13.

56. Đặng Phước Thông, Nguyễn Việt Anh Lân, Chu Thị Thơm (2025), *Xét xử trực tuyến VADS - Kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 4(188)/2025.

57. Tocqueville (2007), *Nền dân trị Hoa Kỳ tập I*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

58. TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỷ yếu Dự án VIE/95/017 về tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội.

59. TANDTC (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2017 của các TAND*, Hà Nội.

60. TANDTC (2023), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các TAND*, Hà Nội.

61. TAND Tỉnh Cà Mau (2023), *Bản án số 345/2023/DS-PT ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau*.

62. TAND tỉnh Kon Tum (2022), *Bản án số 08/2022/DS-PT ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum*.

63. TANDTC (2023), Quyết định giám đốc thẩm số 16/2023/DS-GĐT ngày 18/7/2023 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do uy tín, danh dự, vật chất bị xâm phạm”

64. TANDTC, Viện nghiên cứu và đào tạo tư pháp - KOICA (2016), *Tìm hiểu cơ bản về chế độ tư pháp và Luật Hàn Quốc I*.

65. TANDTC (2026), *Báo cáo công tác của các Tòa án trong 06 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới*, Hà Nội.

66. Nguyễn Duy Tùng (2021), *Sự tham gia của VKS trong TTDS và thực tiễn thực hiện tại TAND cấp cao tại Hà Nội*, Luận văn cao học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

67. Nguyễn Thị Thu Trà (2018), *Phiên toà phúc thẩm dân sự và thực tiễn áp dụng tại TAND tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

68. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

69. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

70. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật TTDS Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

71. *Thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1978), Nxb Pháp lý, Hà Nội.

72. Viện chính sách công và pháp luật (2018), *Kỷ yếu Hội thảo Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn*, Hà Nội.

73. Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

74. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư Pháp (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

75. Viện thông tin khoa học xã hội (1998), *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội.

76. VKSNDTC (2021), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 của ngành Kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

77. VKSNDTC (2021), *Thống kê kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của ngành kiểm sát nhân dân năm 2021*, Hà Nội.

78. VKSNDTC (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 của ngành Kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

79. VKSNDTC (2023), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của ngành Kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

80. VKSND cấp cao tại Hà Nội (2017), *Thông báo rút kinh nghiệm số 12/TB-VCI-VP ngày 03/5/2017 về vụ án ly hôn và chia tài sản chung*.

81. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp quyền của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

82. Đào Trí Úc (2015), “Bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự theo tinh thần đổi mới của Hiến Pháp năm 2013”, *Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến Pháp năm 2013*, Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội (PGS.TS Trịnh Quốc Toàn - PGS.TS Vũ Công Giao đồng chủ biên), Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

TRANG WEB

83. Nguyễn Thị Lan Anh – Lê Xuân Lục, *Quyền được xét xử công bằng nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế và pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, bài viết được đăng trên cổng thông tin điện tử của VKSNDTC, link: <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/quyen-duoc-xet-xu-cong-bang-nhin-tu-goc-do-phap-lu-d10-t10955.html>, truy cập ngày 20/11/2023.

84. Vân Anh, *VKSND cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh thực hiện phiên tòa rút kinh nghiệm VADS*, <https://vkscapcaohcm.gov.vn/tin-tuc/vksnd-cap-cao-tai-thanh-pho-ho-chi-minh-thuc-hien-phiên-toa-rut-kinh-nghiem-vu-an-dan-su-4786.html>, truy cập ngày 2/8/2024.

85. Bộ luật TTDS Nhật Bản năm 2011, <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2834/en>, truy cập ngày 3/11/2023.

86. Tổng Công Cường, *Quan niệm về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS nước ta*, link: https://vibonline.com.vn/bao_cao/quan-niem-ve-nguyen-tac-hai-cap-xet-xu-trong-to-tung-dan-su-nuoc-ta, truy cập 10/11/2023.

87. Công ty Luật Nam Sơn, *Tranh tụng tại phiên tòa dân sự: 03 bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, <https://luatnamson.com/tranh-tung-tai-phiien-toa-bat-cap-va-kien-nghi/>, truy cập ngày 4/7/2024.

88. Nguyễn Tất Duẩn (2022), *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa dân sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phiien-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/12/2022.

89. Mai Đình (2025), *Giải pháp khắc phục tình trạng hoãn phiên tòa nhiều lần trong xét xử phúc thẩm*, <https://congly.vn/giai-phap-khac-phuc-tinh-trang-hoan-phiien-toa-nhieu-lan-trong-xet-xu-phuc-tham-465876.html>, truy cập ngày 12/8/2025.

90. Trần Thị Hương Giang, *Hệ thống Tòa án và các cấp Thẩm phán của Trung Quốc*, Tạp chí TAND điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/he-thong-toa-an-va-cac-cap-tham-phan-cua-trung-quoc9926.html>, truy cập ngày 15/10/2023.

91. Trương Hồ Hải – Đặng Viết Đạt, link: https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/xay-dung-va-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-giai-doan-moi, truy cập 10/11/2023.

92. Minh Hải (2023), *TAND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị tổng kết thực tiễn thi hành BLTTDS năm 2015*, <https://hochiminhcity.toaan.gov.vn/webcenter/portal/hochiminh/chitiettin?dDocName=TAND310228>, truy cập ngày 12/8/2025.

93. Vũ Thị Minh Hằng, *Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật điện tử, link: <https://danchuphapluat.vn/quyen-han-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-theo-phap-luat-viet-nam>, truy cập 29/11/2023.

94. Phạm Thị Minh Hiền (2023), *HĐXX phúc thẩm không phải hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp người khởi kiện rút đơn khởi kiện*, <https://bacgiang.toaan.gov.vn/webcenter/portal/bacgiang/chitiettin?dDocName=TAND313964>, truy cập ngày 14/6/2024.

95. Thanh Huyền, *Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm VADS, các đương sự xin rút đơn, HĐXX đã ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*, <https://laichau.toaan.gov.vn/webcenter/portal/laichau/chitiettin?dDocName=TAND309968>, truy cập ngày 15/8/2024.

96. Nguyễn Thị Thu Hiếu (2022), Phạm vi xét xử theo thủ tục phúc thẩm trong TTDS – Một số vấn đề đặt ra, <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-theo-thu-tuc-phuc-tham-trong-to-tung-dan-su-mot-so-van-de-dat-ra7777.html>, truy cập ngày 13/8/2025.

97. Phan Trung Hoài, *Bảo đảm thực hiện tranh tụng trong xét xử, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa* <https://lsvn.vn/bao-dam-thuc-hien-tranh-tung-trong-xet-xu-nang-cao-chat-luong-tranh-tung-tai-phiien-toa1641879110.html>, truy cập 23/7/2024.

98. Bùi Thị Hiền (2022), *Một số vấn đề cần rút kinh nghiệm thông qua vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất bị cấp phúc thẩm tuyên hủy để giải quyết lại*, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/mot-so-van-de-can-rut-kinh-nghiem-thong-qua-vu-an--d10-t10097.html>, truy cập ngày 1/10/2024.

99. Đinh Thế Hưng, *Về thủ tục công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam*, bài viết đăng trên tạp chí TAND điện tử, link: <https://www.tapchitoaan.vn/ve-to-tung-cong-bang-trong-to-tung-hinh-su-viet-nam>, truy cập ngày 20/11/2023.

100. Liên đoàn Luật sư Việt Nam, *Liên đoàn Luật sư Việt Nam tổ chức Hội nghị Tổng kết năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024*, <https://liendoanluatsu.org.vn/lien-doan-luat-su-viet-nam-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-nam-2023-va-trien-khai-nhiem-vu-nam-2024/>, truy cập ngày 10/8/2024.

101. Phan Thành Nhân, *Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính - Vấn đề đổi mới căn bản*, Tạp chí TAND điện tử, <https://tapchitoaan.vn/to-chuc-toa-an-theo-tham-quyen-xet-xu-khong-phu-thuoc-vao-don-vi-hanh-chinh-van-de-doi-moi-can-ban5596.html>, truy cập 20/11/2023.

102. Nguyễn Hoàng Nam, 2024, *Bàn về hướng giải quyết của HĐXX phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự*, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-huong-giai-quyet-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-ban-an-so-tham-giai-quyet-vuot-qua-yeu-cau-cua-duong-su>, truy cập ngày 4/12/2024.

103. Triệu Thị Loan (2025), *Trách nhiệm hỗ trợ của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ giải quyết VADS - Một số vấn đề cần lưu ý và đề xuất, kiến nghị*, <https://tapchitoaan.vn/trach-nhiem-ho-tro-cua-toa-an-trong-viec-thu-thap-chung-cu-giai-quyet-vu-an-dan-su-mot-so-van-de-can-luu-y-va-de-xuat-kien-nghi13921.html>, truy cập ngày 10/9/2025.

104. Đặng Quốc Sử, *Xét xử kịp thời, công bằng, công khai là nguyên tắc bảo đảm quyền con người, trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Cà Mau*, link: <http://pbgdpl.camau.gov.vn/xet-xu-kip-thoi-cong-bang-cong-khai-la-nguyen-tac-bao-dam-quyen-con-nguoi.3862>, truy cập 25/11/2023.

105. Ma Thị Thắm (2025), *Vướng mắc trong áp dụng chế định về hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm đối với trường hợp vắng mặt đương sự tại phiên tòa*, <https://vkstuyenquang.gov.vn/pHome/news/Hoat-dong-nghiep-vu/Vuong-mac-trong-ap-dung-che-dinh-ve-hoan-phien-toa-dan-su-phuc-tham-doi-voi-truong-hop-vang-mat-duong-su-tai-phien-toa-2009/>, truy cập ngày 12/8/2025.

106. Anh Thảo (2023), *Tòa án có nhiệm vụ thu thập tài liệu, chứng cứ hay không?*, <https://daibieunhandan.vn/toa-an-co-nhiem-vu-thu-thap-tai-lieu-chung-cu-hay-khong-10324917.html>, truy cập ngày 14/9/2025.

107. Hoàng Văn Tú – Nguyễn Trường Giang, *Hệ thống tổ chức, thẩm quyền và thủ tục tố tụng của Tòa án các cấp tại Úc*, bài viết đăng trên trang Thông tin pháp luật dân sự, <https://phapluatdansu.edu.vn/2007/10/30/08/22/86554/>, truy cập 1/11/2023.

108. Hà Hoa Kỳ Toàn và Thái Thị Hoa Kỳ (2022), *Phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn xét xử tại Tòa án*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-va-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-an6551.html>, truy cập 10/12/2022.

109. Nguyễn Xuân Tùng, *Tổng quan các tư tưởng, học thuyết về công lý trên thế giới và quan niệm về công lý trong Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2013)*, Trang thông tin Bộ tư pháp, link: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1650>, truy cập 15/11/2023.

110. Trần Anh Tuấn, *Pháp luật TTDS Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, Trường Đại học kiểm sát Hà Nội, tại địa chỉ <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/81/414> ngày truy cập 25/04/2023.

111. Nguyễn Quang Trí (2023), *Về phạm vi xét xử theo thủ tục phúc thẩm và quyền kháng nghị của Viện kiểm sát trong TTDS*, <https://kiemsat.vn/ve-pham-vi-xet-xu-theo-thu-tuc-phuc-tham-va-quyen-khang-nghi-cua-vien-kiem-sat-trong-to-tung-dan-su-66098.html>, truy cập ngày 13/8/2025

112. Võ Khánh Vinh, Về quyền tư pháp và chế độ tư pháp ở Việt Nam, Tạp chí TAND điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/ve-quyen-tu-phap-va-che-do-tu-phap-o-nuoc-ta>, truy cập 10/11/2023.

113. Nina Nichols Pugh (1975), *The Structure and Role of Courts of Appeal in Civil Law Systems*, 35 La. L. Rev, page. 1163, <https://digitalcommons.law.lsu.edu/lalrev/vol35/iss5/11>, truy cập ngày 13/8/2023.

114. TANDTC (2020), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 – 2020; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các Tòa án*

115. <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND155594>, truy cập ngày 25/06/2024.

116. TANDTC (2021), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các Tòa án*

117. <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND199131>, truy cập ngày 25/06/2024.

118. TANDTC (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Tòa án*

119. <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND284233>, truy cập ngày 25/06/2024.

120. TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án*, Hà Nội, tr. 20, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

121. TANDTC (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các Tòa án*, Hà Nội, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND199131>, truy cập ngày 2/12/2024.

122. TANDTC (2023), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Tòa án*, Hà Nội, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tdkt/chitietthongbao?dDocName=TAND284233>, truy cập ngày 2/12/2024.

123. TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án*, Hà Nội, tr. 9, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND319504>, truy cập ngày 2/12/2024.

124. TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án*, Hà Nội, tr. 10, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

125. TANDTC (2024), Quyết định giám đốc thẩm Số: 28/2024/DS-GĐT ngày 09-5-2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND341559>

126. TANDTC (2024), Quyết định giám đốc thẩm số 32/2024/DS-GĐT ngày 24/6/2024 của TANDTC, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1584527t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 1/12/2024.

127. TANDTC (2023), Quyết định giám đốc thẩm Số 01/2023/HNGĐ-GĐT ngày 26/6/2023 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1369902t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

128. TAND tỉnh Thái Nguyên (2020), Bản án phúc thẩm số 01/2020/DS-PT ngày 20/01/2020 của TAND tỉnh Thái Nguyên, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta580828t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 1/12/2024.

129. <https://tapchitoaan.vn/trach-nhiem-thu-thap-chung-cu-cua-toa-an-trong-vu-an-dan-su-thuc-trang-va-giai-phap-hoan-thien11219.html>, truy cập ngày 2/8/2025.

130. Luật Tổ chức TAND (sửa đổi): Tòa án không có nghĩa vụ thu thập chứng cứ, <https://congly.vn/luat-to-chuc-tand-sua-doi-toa-an-khong-co-nghia-vu-thu-thap-chung-cu-455480.html>, truy cập ngày 2/6/2025.

131. GS.TS Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie, truy cập ngày 14/4/2025.

132. Duyên Trần, *Bàn về giá trị pháp lý của hợp đồng có điều khoản thanh toán bằng ngoại tệ*, <https://fdvn.vn/ban-ve-gia-tri-phap-ly-cua-hop-dong-co-dieu-khoan-thanh-toan-bang-ngoai-te/>, truy cập ngày 12/8/2024.

133. Huỳnh Quang Thuận, *Án dân sự, VKS có nên phát biểu về đường lối giải quyết*, <https://plo.vn/an-dan-su-vks-co-nen-phat-bieu-ve-duong-loi-giai-quyet-post749645.html>, truy cập ngày 3/6/2024.

134. VKSNDTC, *Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm VADS*, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/thay-doi-bo-sung-rut-khang-nghi-theo-thu-tuc-phuc--d10-t802.html?Page=8#new-related>, truy cập ngày 20/6/2024.

135. VKSNDTC, *Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm VADS*, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/thay-doi-bo-sung-rut-khang-nghi-theo-thu-tuc-phuc--d10-t802.html?Page=8#new-related>, truy cập ngày 20/6/2024.

136. Bản án phúc thẩm số 43/2021/DS-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 của TAND tỉnh Đắk Nông, <https://fdvn.vn/tong-hop-15-ban-an-toa-an-cap-phuc-tham-tuyen-huy-an-so-tham-do-xuat-hien-tinh-tiet-moi/>, truy cập ngày 4/12/2024.

137. Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yên Nhi, “*Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*”, *Tạp trí Tòa án nhân dân điện tử* https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYUwGKXpIplbFRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3 truy cập ngày 01/1/2026.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

138. John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition*, Stanford University Press, Stanford, California, Fourth Edition.

139. Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing.

140. Joseph W.Glannon, Andrew M.Perlman, Peter Raven – Hansen (2021), *Civil Procudure*, Fourth Edition, Aspen Publisghing.

141. J.A. Jolowwicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press.

142. Jack LH. Jacob (1987), *The Fabric of English Civil Justice*, Steven & Son Press.

143. *Halsbury's Laws of England* (1991), 4th edition, Volume 37, Lexis Nexis Butterworths, UK.

144. Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press.

TÀI LIỆU TIẾNG PHÁP

145. Serge Guinchard, Frédérique Ferrand (2006), *Procédure civile Droit interne et droit communautaire*, édition Dalloz.

TÀI LIỆU TIẾNG NGA

146. А.а. Мохов, и.в. воронцова (2017), с.Ю. сеМёнова trong giáo trình Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) россии, Учебник, Москва.

PHỤ LỤC

TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. KHÁI QUÁT MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

1.1. Các công trình tiêu biểu Việt Nam liên quan đến xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

1.1.1. *Luận án, luận văn*

- “*Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ học luật của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2011. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về thủ tục phúc thẩm dân sự ở Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu đa dạng và có hệ thống các học thuyết, triết lý lập pháp về thủ tục phúc thẩm ở một số quốc gia trên thế giới, tác giả đã xây dựng một hệ thống lý luận có giá trị về thủ tục phúc thẩm trên cơ sở sự phù hợp với truyền thống pháp luật, tình hình chính trị, văn hoá, xã hội ở Việt Nam. Sử dụng hệ thống lý luận này làm chuẩn mực, tác giả soi chiếu vào thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về phúc thẩm trong TTDS nhằm chỉ ra các bất cập, hạn chế và làm rõ nguyên nhân tồn tại của những bất cập, hạn chế đó; qua đó đưa ra những kiến nghị có giá trị đối với việc hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về phúc thẩm dân sự. Đây là công trình có phương pháp tiếp cận khoa học, thể hiện tư duy nghiên cứu chặt chẽ và logic.

- Luận văn thạc sĩ luật học: “*Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án dân sự*”, của tác giả Nguyễn Ngọc Nam, Trường Đại học luật Hà Nội, năm 2015. Luận văn phân tích, luận giải những vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS, chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS; phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành về chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS và thực tiễn thực hiện; đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam và nâng cao hiệu quả chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS. Các hoạt động trong giai đoạn này được thực hiện tốt là cơ sở để đảm bảo chất lượng xét xử VADS tại phiên toà phúc thẩm.

1.1.2. Giáo trình, sách tham khảo

- Sách tham khảo “*Luật dân sự tố tụng*”, của tác giả Nguyễn Huy Đầu, Xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Tư pháp, năm 1961. Công trình này tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, các học thuyết, học lý về pháp luật TTDS. Với sự dày công nghiên cứu và kiến thức uyên thâm, giáo sư Nguyễn Huy Đầu đã phân tích và làm rõ nhiều triết lý quan trọng là nền tảng để xây dựng hệ thống pháp luật TTDS ở nhiều quốc gia trên thế giới như vai trò của luật TTDS, nguyên tắc phân định thẩm quyền của các Toà án, quyền, nghĩa vụ của các tụng nhân trong tố tụng, bản chất và thể hiện của hoạt động tranh tụng; quá trình tiến hành giải quyết các vụ kiện dân sự...Cuốn sách cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về luật TTDS trong bối cảnh lịch sử pháp luật Việt Nam giai đoạn đầu. Công trình có giá trị tham khảo quan trọng đối với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và lập pháp trong lĩnh vực luật TTDS ở Việt Nam.

- Sách “*Thuật ngữ pháp lý phổ thông*”, Nhà xuất bản Pháp lý, năm 1978. Cuốn sách chuyên khảo này tập trung giải nghĩa và hệ thống hoá các thuật ngữ pháp lý thông dụng thường xuyên được sử dụng trong nhiều ngành luật, trong đó có thuật ngữ xét xử phúc thẩm VADS. Cuốn sách cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc chuẩn hóa thuật ngữ pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đào tạo, nghiên cứu và thực hành pháp luật.

- Giáo trình “*Luật TTDS Việt Nam - Nghiên cứu so sánh*”, của tác giả Tổng Công Cường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2007. Dựa trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật TTDS ở một số quốc gia và pháp luật TTDS Việt Nam, tác giả hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản về TTDS dựa trên phương pháp so sánh, đối chiếu nhằm làm rõ các điểm khác biệt về tư duy lập pháp giữa các truyền thống pháp luật khác nhau. Kết quả của giáo trình này là tài liệu hữu ích để các nhà nghiên cứu nhìn nhận được những điểm khác biệt cơ bản về thủ tục tố tụng ở một số quốc gia có truyền thống pháp luật khác nhau.

- Sách chuyên khảo “*Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong giải quyết VADS tại TAND*”, Nguyễn Thị Thu Hà (chủ biên), Nhà xuất

bản Lao động, năm 2017. Công trình này tập trung làm rõ cơ chế pháp lý trong bảo vệ quyền con người và quyền công dân trong TTDS, trong đó có việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân ở xét xử phúc thẩm VADS. Từ đó, tác giả đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử các VADS nói chung và xét xử phúc thẩm VADS nói riêng tại Việt Nam.

- Giáo trình “*Luật TTDS ở Việt Nam*”, Học viện Tư pháp, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2014. Giáo trình đã hệ thống tương đối toàn diện kiến thức về luật TTDS Việt Nam, từ các nguyên tắc cơ bản đến các quy trình tố tụng cụ thể ở các thủ tục xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Giáo trình đóng góp thiết thực cho việc đào tạo và nghiên cứu pháp luật TTDS ở Việt Nam.

- Giáo trình “*Luật TTDS ở Việt Nam*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2023. Giáo trình tập trung làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật TTDS Việt Nam. Từ việc nghiên cứu các quy định của BLTTDS năm 2015, giáo trình hệ thống hoá logic các nội dung kiến thức và phân tích từng chế định pháp luật. Đây là công trình có tính hệ thống, đóng góp quan trọng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật TTDS Việt Nam.

- Sách chuyên khảo “*Tiến tới xây dựng BLTTDS của thời kỳ đổi mới*” của tác giả Phan Hữu Thư, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2004. Từ việc đánh giá thực trạng thực hiện Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, công trình xây dựng hệ thống lý luận nhằm giúp các nhà lập pháp xây dựng được BLTTDS năm 2004 – BLTTDS đầu tiên của Nhà nước Việt Nam phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá của nước ta ở thời kì này. Đến nay những tư tưởng tiến bộ của tác giả Phan Hữu thư vẫn có nhiều giá trị trong việc nghiên cứu và lập pháp liên quan đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật TTDS của Việt Nam nói chung và pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS nói riêng.

- Sách chuyên khảo: “*Luật tư trước thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*” của các tác giả Ngô Huy Cương, Nguyễn Thị Quế Anh, Trần Kiên, Đỗ Giang Nam, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, năm 2023. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra nhiều vấn đề pháp lý mới và đầy thách thức đối với luật tư

từ chủ thể, tài sản, hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đến sở hữu trí tuệ và tổ tụng dân sự. Trong đó, ứng dụng công nghệ số trong quá trình giải quyết vụ án dân sự được đặt ra như nộp đơn, tổng đạt điện tử và phiên toà trực tuyến, lưu giữ, bảo quản và đánh giá tính xác thực của chứng cứ điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tổ tụng của Toà án, Toà án trực tuyến... Những nội dung này được gợi mở để các nhà lập pháp tiếp tục nghiên cứu và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS trong kỷ nguyên số.

- Sách chuyên khảo: *“Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam”* do TS Nguyễn Bích Thảo làm chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, năm 2022. Từ việc phân tích khái niệm, nội dung của chính sách pháp luật TTDS, phân tích những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với chính sách pháp luật TTDS, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá thực trạng chính sách pháp luật TTDS Việt Nam từ góc độ đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các tác giả đề xuất mô hình lý luận tổng thể của chính sách pháp luật TTDS từ nay đến năm 2030 định hướng đến năm 2045. Đây là những luận điểm khoa học, góp phần cụ thể hóa định hướng cải cách tư pháp của đảng trong lĩnh vực tư pháp dân sự, cung cấp thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện chính sách pháp luật TTDS, trong đó có vấn đề về xét xử trực tuyến.

1.1.3. Bài viết tạp chí

- *“Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS”*, của tác giả Nguyễn Công Bình đăng trên Tạp chí Luật học, số 3 năm 1999. Bài viết luận giải, phân tích nguyên tắc xét xử hai cấp nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự. Nội dung của nguyên tắc quy định các bên có quyền yêu cầu xét xử lại VADS mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật do Toà án cấp phúc thẩm thực hiện. Xét xử hai cấp là cơ sở pháp lý để khắc phục sai sót của cấp sơ thẩm, góp phần bảo đảm tính công bằng, đúng đắn trong việc giải quyết VADS. Bài viết cũng chỉ ra một số bất cập trong việc áp dụng nguyên tắc này như thời hạn kháng cáo, việc thực hiện quyền của đương sự còn bị hạn chế. So sánh với quy định ở một số nước, tác giả

cho rằng Việt Nam cần hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao năng lực của cơ quan xét xử. Việc bảo đảm xét xử hai cấp phải đi đôi với cải cách thủ tục tố tụng và nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp. Tác giả kiến nghị sửa đổi pháp luật để đảm bảo tốt hơn quyền tiếp cận công lý và tăng tính minh bạch trong xét xử dân sự.

- *“Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo quy định của BLTTDS”*, của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9 năm 2010. Bài viết phân tích toàn diện các quyền hạn của HĐXX phúc thẩm trong quá trình giải quyết VADS. Tác giả làm rõ vai trò của HĐXX phúc thẩm trong việc sửa, huỷ hoặc giữ nguyên bản án sơ thẩm, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho đương sự. Bài viết phân tích phạm vi xét xử phúc thẩm là chỉ xem xét những phần bị kháng cáo, kháng nghị hợp lệ hoặc những phần có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị hợp lệ. Tác giả chỉ ra những bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật như toà án xác định không đúng phạm vi xét xử phúc thẩm; HĐXX còn lúng túng khi đánh giá chứng cứ hoặc xác định như thế nào là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Bài viết còn đề cập các biện pháp để đảm bảo xét xử phúc thẩm VADS đạt hiệu quả.

- *Vướng mắc về tạm ngừng phiên tòa dân sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phiien-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/12/2022 của tác giả Nguyễn Tất Duẩn năm 2022. Bài viết phân tích vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về tạm ngừng phiên tòa dân sự phúc thẩm khi pháp luật chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể. Tác giả kiến nghị TANDTC ban hành hướng dẫn cụ thể để áp dụng thống nhất pháp luật trong thực tiễn.

- *Nguyên tắc hai cấp xét xử, tác động của nguyên tắc tới hệ thống tòa án và góp ý quy định tương ứng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992*, của tác giả Tô Văn Hoà, Tạp chí Luật học, năm 2013. Bài viết nêu rõ nguyên tắc này ảnh hưởng đến mô hình tổ chức Tòa án - hệ thống Tòa án phải được phân cấp rõ ràng, độc lập giữa các cấp xét xử. Tác giả chỉ ra ý nghĩa quan trọng của nguyên tắc này đối với việc nâng cao chất lượng xét xử, giảm sai sót, tăng tính minh bạch và tạo niềm tin của công dân vào công lý. Ngoài ra, tác giả Tô Văn Hoà cũng chỉ ra những hạn chế

trong thực tiễn thực hiện nguyên tắc này là có thể dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án, tăng chi phí tố tụng. Qua đó, tác giả kiến nghị phải có quy định pháp luật đầy đủ hơn, có hướng dẫn chi tiết để đảm bảo thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong thực tế, đồng thời cân nhắc việc tổ chức Tòa án theo mô hình phù hợp về phân cấp và thẩm quyền để vừa đảm bảo hiệu quả, vừa công bằng.

- *Thực hiện chế độ hai cấp xét xử - cơ chế bảo vệ quyền con người trong TTDS*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 04 của tác giả Nguyễn Quang Hiền năm 2010. Bài viết khẳng định thực hiện chế độ hai cấp xét xử là vấn đề quan trọng để bảo đảm quyền con người trong TTDS. Tác giả đề cập đến vai trò của của Tòa án cấp phúc thẩm trong việc xem xét các chứng cứ, căn cứ pháp lý, lập luận của bản án sơ thẩm.. Bài viết đưa ra kết luận rằng chế độ hai cấp xét xử nếu được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ sẽ giúp ngăn lỗi xét xử, bảo đảm quyền được xét xử công bằng và niềm tin của công dân vào hệ thống tư pháp.

- *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên toà hoặc tại phiên toà phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7 của tác giả Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang năm 2020. Các tác giả tập trung phân tích việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên toà phúc thẩm nhưng bị đơn vắng mặt nên không thể hỏi ý kiến bị đơn thì ra quyết định gì khi bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Các tác giả kiến nghị cần sửa đổi, làm rõ hơn quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015.

- *Phạm vi xét xử phúc thẩm VADS và thực tiễn xét xử tại Tòa án*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-va-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-an6551.html>, truy cập 10/12/2022 của tác giả Hà Hoa Kỳ Toàn và Thái Thị Hoa Kỳ năm 2022. Các tác giả đặt vấn đề pháp lý về việc hiểu và áp dụng không thống nhất phạm vi xét xử phúc thẩm trong thực tiễn giải quyết VADS. Trong đó có tình trạng Tòa án xét xử vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, vi phạm nguyên tắc xét xử hai cấp. Các tác giả cũng chỉ ra việc áp dụng pháp luật không đúng như việc xét đến cả phần không bị kháng cáo và không liên quan đến

phần đang bị kháng cáo, kháng nghị khác. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo tuân thủ phạm vi xét xử phúc thẩm.

- *Bàn về quyền của bị đơn đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn*, Tạp chí TAND, số 13 của tác giả Phạm Thị Thuý năm 2017. Tác giả nêu ra vấn đề pháp lý liên quan đến quyền của bị đơn khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện trong TTDS. Bài viết nhận định, mặc dù việc rút đơn là quyền của nguyên đơn, nhưng việc đó phải được cân nhắc để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Trong thực tế, nhiều trường hợp bị đơn bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc nguyên đơn rút đơn mà họ không được hỏi ý kiến hoặc không có cơ hội trình bày. Từ đó tác giả đưa ra kiến nghị sửa đổi một số điều luật của BLTTDS năm 2015 để bảo đảm cho chủ thể có vị thế thụ động là bị đơn trong trường hợp nguyên đơn đơn phương rút đơn khởi kiện.

- *"Kinh nghiệm của một số quốc gia về tổ chức phiên tòa trực tuyến"* của tác giả Thanh Tùng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-ve-to-chuc-phiien-toa-truc-tuyen5495.html> cung cấp các thông tin và kinh nghiệm của Áo, Đức và Ý trong việc tổ chức các phiên tòa trực tuyến.

- *"Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi, *Tạp trí Tòa án nhân dân điện tử* https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nghien-cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYUwGKXpIplb fRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3 truy cập ngày 01/1/2026 cung cấp các thông tin và kinh nghiệm về xét xử trực tuyến của Trung Quốc và Hoa Kỳ và đề xuất những kiến nghị cho việc xét xử trực tuyến ở Việt Nam.

1.1.4. Kỹ yếu hội thảo

- Kỹ yếu Dự án VIE/95/017 - tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, *"Về pháp luật TTDS"*, TANDTC, Hà Nội, năm 2000. Công trình nằm trong khuôn khổ Dự án VIE/95/017 do TANDTC thực hiện, nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất cải cách pháp luật TTDS tại Việt Nam vào thời điểm đầu những năm 2000. Báo cáo nêu

rõ các hạn chế lớn trong hệ thống tố tụng như thủ tục phức tạp, thiếu minh bạch, thời gian giải quyết kéo dài và năng lực xét xử chưa đồng đều giữa các Tòa. Công trình đề xuất cần đổi mới mô hình tố tụng theo hướng hiện đại, bảo đảm quyền của các bên, tăng tính tranh tụng và rút gọn thủ tục không cần thiết. Hội thảo đề cập đến vai trò của việc nâng cao năng lực đội ngũ thẩm phán, những người chuyên xét xử thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu.. Ngoài ra, các báo cáo khuyến nghị nghiên cứu các mô hình tố tụng trên thế giới, kết hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam để đưa ra hệ thống tố tụng hiệu quả, phù hợp. Công trình đã đặt nền móng lý luận và thực tiễn cho các đợt cải cách pháp luật tố tụng sau này tại Việt Nam.

1.2. Các công trình tiêu biểu ở nước ngoài liên quan đến xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

- *The Structure and Role of Courts of Appeal in Civil Law Systems* (Cấu trúc và vai trò của Tòa phúc thẩm trong hệ thống pháp luật dân sự) của Nina Nichols Pugh năm 1975. Công trình này trình bày các đặc điểm nổi bật trong cấu trúc của Tòa phúc thẩm ở các nước thuộc hệ thống pháp luật dân sự tiêu biểu là Pháp, tây Ban Nha, Ý, Louisiana. Vai trò của Tòa phúc thẩm cũng được công trình này nghiên cứu thông qua các phán quyết của Tòa phúc thẩm.

- *The Fabric of English Civil Justice* (Cấu trúc tư pháp dân sự Anh Quốc), Steven & Son Press, của tác giả Jack LH. Jacob năm 1987. Công trình tập trung nghiên cứu cấu trúc và tổ chức hệ thống tư pháp dân sự Anh Quốc. Tác giả phân tích chi tiết cách thức tổ chức Tòa án và cơ chế giải quyết các VADS từ cấp sơ thẩm đến cấp phúc thẩm, đồng thời nhấn mạnh đến việc Tòa án phải đảm các nguyên tắc tố tụng cơ bản để đảm bảo công bằng và hiệu quả. Công trình cũng làm rõ tầm quan trọng của việc cân bằng giữa quyền tự định đoạt của đương sự và sự điều phối hoạt động tố tụng của Tòa án. Tác giả đề xuất chỉnh sửa các quy định trong pháp luật của Anh nhằm giảm thiểu sự trì hoãn, tăng tính minh bạch và dễ tiếp cận cho người dân trong việc tham gia TTDS. Công trình góp phần làm rõ những đặc thù của hệ thống TTDS của Anh, đồng thời đưa ra cơ sở để so sánh với các hệ thống khác.

- *On Civil Procedure* (Về Luật TTDS), Cambridge University Press, của tác giả JA Jolowice năm 2000. Công trình phân tích những nguyên tắc nền tảng có ảnh hưởng đến việc xây dựng thủ tục TTDS hiện đại, tập trung vào việc cân bằng giữa hiệu quả giải quyết tranh chấp và đảm bảo quyền tiếp cận công lý của công dân. Đồng thời, công trình làm rõ mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ của đương sự trong tố tụng, cũng như vai trò của Thẩm phán đối với hoạt động xét xử.

- *Civil Appeal Procedures Worldwide* (Thủ tục phúc thẩm dân sự trên thế giới), Graham & Trotman Press, do Charles Platto chủ biên năm 1992. Công trình tập trung nghiên cứu các thủ tục phúc thẩm dân sự ở nhiều quốc gia khác nhau nhằm so sánh và rút ra những điểm tương đồng, khác biệt. Tác giả Charles Platto đã chỉ ra những điểm khác biệt cơ bản về tính chất của thủ tục phúc thẩm của các hệ thống pháp luật khác nhau, đồng thời phân tích các quy định về quyền kháng cáo phúc thẩm, phạm vi xét xử phúc thẩm ở một số quốc gia để làm rõ sự khác biệt về tư duy và triết lý lập pháp ở mỗi quốc gia.

- *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Hoa Kỳ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia của tác giả Alan.B Morrison năm 2007. Cuốn sách tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về cấu trúc và các nguyên tắc vận hành của hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, tập trung vào mối quan hệ giữa luật và xã hội. Đối với thủ tục TTDS, cuốn sách lý giải các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động lập pháp ở Hoa Kỳ như hệ thống Tòa án, truyền thống pháp luật và quan niệm xây dựng pháp luật tiếp cận dựa trên quyền con người. Tác giả Alan B. Morrison cũng chỉ ra các xu hướng hiện đại hóa luật pháp, trong đó nhấn mạnh đến việc áp dụng công nghệ. Đây là nguồn tài liệu quý giá để hiểu về hệ thống pháp luật phức tạp và đa dạng của Hoa Kỳ.

- *“Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ”*, NXB Hồng Đức của Jay M. Feinman năm 2014. Cuốn sách cung cấp cái nhìn toàn diện về hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực hình sự, dân sự, và thủ tục tố tụng. Đối với thủ tục TTDS, cuốn sách trình bày các quyền cơ bản của công dân, đặc biệt là quyền được tiếp cận công lý và quyền được xét xử bởi một trình tự công bằng. Cuốn sách cũng trình bày những điểm sửa đổi pháp luật tố tụng qua các thời kỳ một nhằm tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi để người dân được tiếp cận Tòa án.

- *Civil litigation in comparative context* (Thủ tục TTDS so sánh), West Academic Publishing, của các tác giả Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, năm 2017. Công trình nghiên cứu so sánh thủ tục TTDS ở nhiều hệ thống pháp luật khác nhau, từ Hoa Kỳ, Anh, Đức đến Nhật Bản và nhiều quốc gia khác. Tác giả tập trung phân tích các yếu tố khác nhau cơ bản trong thủ tục tố tụng của mỗi quốc gia dưới các góc độ: điều kiện nhận đơn khởi kiện, vai trò của Toà án trong hoạt động xét xử, trình tự hoà giải và vai trò của các bên trong quá trình tố tụng. Công trình chỉ ra sự đa dạng về cách thức xây dựng và áp dụng thủ tục TTDS, từ đó rút ra các gợi ý nhằm nâng cao chất lượng pháp luật tại từng quốc gia. Các tác giả nhấn mạnh đến việc tăng cường sự linh hoạt và bảo đảm quyền lợi cho đương sự trong mọi giai đoạn của quá trình tố tụng. Cuốn sách còn đề cập đến phương thức giải quyết tranh chấp thay thế để làm giảm gánh nặng cho Toà án.

- *The right to Appeal* (Quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm), Case Western University School of Law, cassandra.robertson@case.edu, của tác giả Cassandra Burke Robertson, năm 2013. Đối tượng nghiên cứu của công trình là quyền kháng cáo phúc thẩm dưới góc độ tiếp cận là việc bảo đảm quyền con người. Công trình phân tích các điều kiện và giới hạn của quyền kháng cáo trong các hệ thống pháp luật khác nhau, đặc biệt là quyền được tiếp cận công lý một cách công bằng. Công trình cũng đề xuất các đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao tính minh bạch trong việc giải quyết kháng cáo phúc thẩm.

- *The Civil Law Tradition (Truyền thống pháp luật dân sự)*, Stanford University Press, Stanford, California, của John Henry Merryman & Rogelio Perez - Perdomo, tái bản lần thứ 4, năm 2018. Công trình nghiên cứu về truyền thống pháp luật dân sự, nhấn mạnh nguồn gốc và sự phát triển của hệ thống pháp luật dân sự tại châu Âu và các quốc gia chịu ảnh hưởng. Đồng thời, công trình so sánh sự khác truyền thống lập pháp ở các nước theo hệ thống civil law với các nước theo hệ thống common law về thủ tục TTDS. Kết quả nghiên cứu của công trình này cho thấy, khoảng ba thập niên gần đây, nhiều quốc gia đã kế thừa và học hỏi những điểm hợp lý của hai mô hình tố tụng nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật của họ.

- “Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России”, Учебник, Москва (Luật TTDS của Nga) của các tác giả А.а. Мохов, И.В. Воронцова, С.Ю. Семенова, năm 2017. Giáo trình trình bày các nguyên tắc và thể chế tố tụng của Nga. Trong đó, trình bày về thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm bao gồm các nội dung: đặc điểm và bản chất của phúc thẩm, kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm, thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử phúc thẩm và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến lý luận về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

2.1.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Về khái niệm xét xử phúc thẩm VADS, trong quá trình nghiên cứu, NCS thấy rằng đa phần các công trình khoa học chỉ tập trung nghiên cứu về khái niệm phúc thẩm VADS, khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, rất ít những công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống về xét xử phúc thẩm VADS. Ngay cả các tác giả nước ngoài như tác giả Serge Guinchard and Frédérique Ferrand của Pháp trong cuốn *Procédure civile Droit interne et droit communautaire*²⁶¹, các tác giả А.а. Мохов, И.В. Воронцова, С.Ю. Семенова trong Giáo trình “Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России”²⁶² (Luật TTDS của Nga) hoặc trong cuốn “*Halsbury’s Laws of England*”²⁶³ (Luận điểm về luật pháp của Anh) cũng chỉ đề cập đến khái niệm phúc thẩm hoặc khái niệm kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm chứ cũng không đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS.

Ở Việt Nam, trong cuốn “*Thuật ngữ pháp lý phổ thông*” đưa ra khái niệm “Xét xử phúc thẩm là một biện pháp của Tòa án cấp trên kiểm tra tính hợp pháp và tính

²⁶¹ Serge Guinchard, Frédérique Ferrand (2006), *Procédure civile Droit interne et droit communautaire*, édition Dalloz.

²⁶² А.а. Мохов, И.В. Воронцова (2017), С.Ю. Семенова trong giáo trình Гражданский процесс (Гражданское процессуальное право) России, Учебник, Москва, ООО “ЮРИДИЧЕСКАЯ ФИРМА КОНТРАКТ”.

²⁶³ *Halsbury’s Laws of England* (1991), 4th edition, Volume 37, Lexis Nexis Butterworths, UK.

có căn cứ của bản án và quyết định của toà án cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị”²⁶⁴. Hay trong luận văn “*Chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS*” của tác giả Nguyễn Ngọc Nam, xét xử phúc thẩm là một hoạt động độc lập trong quá trình giải quyết VADS của Tòa án. Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị²⁶⁵. Như vậy, theo các tác giả này thì xét xử phúc thẩm chính là phúc thẩm VADS.

Ngoài ra, theo Từ điển Giải thích thuật ngữ luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội, xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét lại bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới bị kháng cáo hoặc kháng nghị²⁶⁶. Có quan điểm gần tương tự, Từ điển Giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng xác định: xét xử phúc thẩm là xét lại bản án hay quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật, bản án và quyết định của Tòa phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay khi tuyên án²⁶⁷. Hai khái niệm này đã nhầm lẫn khi xác định tính chất của xét xử phúc thẩm giống với tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm.

Qua các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và ở Việt Nam thì cần luận giải sự khác biệt giữa xét xử phúc thẩm VADS và phúc thẩm VADS để từ đó đưa ra khái niệm xét xử phúc thẩm VADS. NCS cho rằng xét xử phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động phúc thẩm VADS. Phúc thẩm VADS được bắt đầu từ khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án, quyết định phúc thẩm VADS và bao hàm các nội dung: kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS; xét xử phúc thẩm VADS. Còn xét xử phúc thẩm VADS được xác định từ khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án, quyết định phúc thẩm VADS, bao hàm các nội dung: phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

²⁶⁴ Thuật ngữ pháp lý phổ thông (1978), NXB Pháp lý, tr. 238

²⁶⁵ Nguyễn Ngọc Nam (2015), *Chuẩn bị xét xử phúc thẩm VADS*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 7.

²⁶⁶ Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.209.

²⁶⁷ Nguyễn Duy Lâm (2004), *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.482.

2.1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến đặc điểm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Qua nghiên cứu các tài liệu thì trong các công trình khoa học ở nước ngoài đều chủ yếu đề cập đến các đặc điểm của phúc thẩm VADS như tính chất, đối tượng của phúc thẩm, căn cứ làm phát sinh phúc thẩm và mục đích của phúc thẩm. Giáo sư *Micheal Browde* cho rằng, ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì “tính chất phúc thẩm của vụ kiện là tòa phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ kiện đúng như đã diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm”²⁶⁸. Theo tác giả *Julian M. Wilson and Sarah Christiansen* thì ở Anh, đã từng có nhiều tranh luận mang tính học thuật về chức năng của Toà án cấp phúc thẩm và cơ sở để kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Các nhà bình luận và các thẩm phán đều có ý kiến khác nhau về việc liệu bản chất của phúc thẩm là xem xét lại quyết định của Toà án cấp dưới hay xét xử lại vụ án... Tuy nhiên, gần đây các học giả cho rằng ý tưởng cho rằng thủ tục tố tụng phúc thẩm là xét xử lại vụ án là một quan niệm sai lầm, mặc dù có thể đưa ra chứng cứ mới trong đơn kháng cáo nhưng điều này là rất hiếm²⁶⁹. Tác giả *John Henry Merryman & Rogelio Perez - Perdomo* cho rằng, ở các nước theo truyền thống luật dân sự, Toà án cấp phúc thẩm có quyền “xem xét lại những sự kiện thực tế cũng như những vấn đề lập pháp”²⁷⁰.

Về căn cứ làm phát sinh thủ tục phúc thẩm thì các tác giả *J.A. Jolowwicz*²⁷¹, *Jack. I.H. Jacob*²⁷², *Alan B. Morrison*²⁷³ đều cho rằng ở các nước theo truyền thống luật án lệ Anh, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ... thì căn cứ phát sinh phúc thẩm là dựa trên kháng cáo của đương sự, những người có lợi ích liên quan đến vụ án đã được giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm. Ngược lại, ở các nước theo truyền thống luật dân

²⁶⁸ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỳ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 25.

²⁶⁹ Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 143, 144.

²⁷⁰ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2018), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

²⁷¹ J.A. Jolowwicz (2000), *On civil procedure*, Cambridge University press, page. 276.

²⁷² Jack L.H. Jacob (1987), *The Fabric of English Civil Justice*, Steven & Son Press, page. 210.

²⁷³ Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 111.

sự như Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga... theo như nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà trong luận án “*Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*” thì với mục đích là để đại diện cho lợi ích chung và bảo vệ trật tự công nên VKS có thể tham gia tố tụng với tư cách là một bên đương sự hoặc với tư cách là người giám sát. Khi VKS tham gia tố tụng với tư cách là một bên đương sự (VKS khởi kiện VADS) thì VKS có quyền kháng cáo phúc thẩm bởi lúc này địa vị tố tụng của VKS giống như các bên đương sự. Còn trong trường hợp tham gia tố tụng với tư cách người giám sát thì về nguyên tắc VKS không thể kháng cáo phúc thẩm, do không có tư cách của các bên trong vụ kiện. Tuy nhiên, VKS có thể kháng cáo phúc thẩm nếu có văn bản pháp luật quy định cho phép VKS thực hiện quyền này hoặc đối với các vụ kiện liên quan đến trật tự công²⁷⁴.

Về mục đích của phúc thẩm thì tác giả *Jack. I.H. Jacob* trong cuốn “*The Fabric of English Civil Justice*” (Cấu trúc tư pháp dân sự Anh Quốc) khẳng định việc phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ và của Anh là sửa đổi những sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm, đưa ra kết quả chính xác và công bằng theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của đương sự, buộc các thẩm phán ở Tòa án cấp sơ thẩm phải thận trọng hơn trong việc ra phán quyết. Trong hệ thống pháp luật án lệ và ở Anh thì việc áp dụng án lệ để giải quyết vụ án là rất quan trọng nên việc xét xử phúc thẩm còn là để Tòa phúc thẩm giải thích và làm rõ luật, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất đáp ứng các thay đổi của xã hội²⁷⁵. Còn trong cuốn “*Civil litigation in comparative context*” (Thủ tục TTDS so sánh) thì khẳng định ở tất cả các hệ thống pháp luật dân sự hay hệ thống pháp luật án lệ thì việc xét xử phúc thẩm nhằm đảm bảo cả mục đích công và lợi ích tư, theo đó, lợi ích tư là bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia tố tụng, còn mục đích công là làm rõ và phát triển luật, thúc đẩy niềm tin của công chúng vào thực thi công lý²⁷⁶.

²⁷⁴ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 31, 32.

²⁷⁵ Jack L.H. Jacob (1987), *The Fabric of English Civil Justice*, Steven & Son Press, page. 212.

²⁷⁶ Oscar G.Chase, Helen Hershkoff, Linda J. Silberman, John Sorabji, Rolf Sturmer, Yasuhei Tamguchi, Vincenzo Varano, (2017), *Civil litigation in comparative context*, West Academic Publishing, page. 431.

Có thể thấy, phúc thẩm VADS ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có những điểm khác biệt so với các nước theo truyền thống pháp luật án lệ về tính chất, đối tượng của xét xử phúc thẩm, căn cứ làm phát sinh xét xử phúc thẩm. Xét xử phúc thẩm VADS là một trong các hoạt động của phúc thẩm VADS nên xét xử phúc thẩm VADS sẽ mang đầy đủ những đặc điểm của phúc thẩm VADS. Do đó, đặc điểm chung của xét xử phúc thẩm VADS cũng sẽ khác nhau ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự và các nước theo truyền thống pháp luật án lệ về tính chất, đối tượng của xét xử phúc thẩm, căn cứ làm phát sinh xét xử phúc thẩm.

Ở Việt Nam, “*Giáo trình Luật TTDS Việt Nam*” của Học viện Tư pháp đưa ra một số đặc điểm của xét xử phúc thẩm như sau: bản chất của xét xử phúc thẩm không phải là một thủ tục xét xử mới đối với một vụ án, mà đó là cấp xét xử thứ hai, được tiến hành sau thủ tục sơ thẩm. Đây cũng là nội dung của nguyên tắc xét xử hai cấp mà hệ thống Tòa án của Việt Nam cũng như của nhiều nước trên thế giới áp dụng nhằm bảo đảm tính thận trọng cho các phán quyết nhân danh Nhà nước. Đối tượng của thủ tục phúc thẩm phải là những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật²⁷⁷. Đó là những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật còn thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp nếu bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật mới bị đề nghị xét xử lại thì việc xét lại sẽ được tiến hành theo thủ tục đặc biệt là giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Điều đó cũng có nghĩa là việc xét xử phúc thẩm chỉ đặt ra đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện và của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Tác giả *Tổng Công Cường* trong cuốn “*Luật TTDS Việt Nam - nghiên cứu so sánh*” cũng chỉ ra mục đích của việc xét xử phúc thẩm của Việt Nam là không chỉ nhằm bảo vệ các lợi ích tư của các đương sự mà còn nhằm bảo vệ lợi ích công tức là trật tự pháp luật, tính thống nhất của hệ thống pháp luật²⁷⁸.

Như vậy, có thể thấy rằng, các công trình khoa học ở trên chủ yếu đề cập đến

²⁷⁷ Học viện Tư pháp, *Giáo trình Luật TTDS Việt Nam*, NXB Tư pháp, tr. 320.

²⁷⁸ Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – nghiên cứu so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr. 361.

đặc điểm của phúc thẩm VADS. Chưa có công trình nào đề cập đến những đặc trưng riêng biệt của xét xử phúc thẩm VADS cũng như chỉ ra được những điểm khác nhau cơ bản giữa xét xử phúc thẩm VADS với xét xử sơ thẩm VADS, và giữa xét xử phúc thẩm VADS với thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, nghiên cứu sinh cho rằng để làm rõ đặc điểm của xét xử phúc thẩm còn phải làm rõ điểm đặc thù giữa xét xử phúc thẩm VADS với việc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.

2.1.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trong cuốn “*Giáo trình Luật TTDS Việt Nam*” của Trường Đại học Luật Hà Nội cho rằng, việc phúc thẩm bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật số ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục những sai lầm có thể có trong những bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án, bảo đảm bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cũng như các lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước. Thông qua phúc thẩm, Tòa án cấp trên có thể kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới, qua đó có thể rút kinh nghiệm, hướng dẫn công tác xét xử, bảo đảm việc áp dụng sửa chữa những pháp luật thống nhất trong hoạt động xét xử tại các Tòa án²⁷⁹.

Trong Luận án “*Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà nghiên cứu ý nghĩa của phúc thẩm dưới nhiều phương diện khác nhau. Về phương diện chính trị thì phúc thẩm trong TTDS góp phần đáp ứng những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền. Thủ tục phúc thẩm góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội của nhân dân, tạo điều kiện cho việc củng cố trật tự pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Với việc sửa chữa những sai lầm, vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp dưới, Tòa án cấp phúc thẩm đã bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có thể. Về phương diện xã hội, phúc thẩm trong TTDS được thực hiện tốt sẽ góp phần bảo đảm công bằng xã hội, củng cố lòng tin của nhân

²⁷⁹ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật TTDS Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tr.308.

dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, đảm bảo uy tín của các cơ quan tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng. Về phương diện pháp lý, phúc thẩm có vai trò đặc biệt quan trọng vì nó là biện pháp tố tụng bảo đảm cho việc giải quyết VADS đúng pháp luật, bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án đã tuyên là có căn cứ và hợp pháp. Thông qua thủ tục xét xử phúc thẩm, nguyên tắc hai cấp xét xử được thực hiện²⁸⁰.

Nghiên cứu sinh cho rằng ý nghĩa của xét xử phúc thẩm cũng mang đầy đủ ý nghĩa của phúc thẩm VADS như cách tiếp cận của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà. Định hướng viết về ý nghĩa của xét xử phúc thẩm VADS trong công trình này sẽ đi theo cách khai thác này.

2.1.4. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trong bài viết “*Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*” của tác giả Nguyễn Công Bình cho rằng, thủ tục xét xử phúc thẩm dân sự có cơ sở từ nguyên tắc bảo đảm hai cấp xét xử. Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp là nguyên tắc cơ bản của TTDS. Pháp luật TTDS các nước đều trực tiếp hoặc gián tiếp quy định nguyên tắc này. Căn cứ để quy định nguyên tắc xét xử hai cấp là Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có thể có sai lầm trong giải quyết vụ án, cần phải để cho Tòa án cấp trên với những Thẩm phán có kinh nghiệm xét xử lại vụ án, sửa chữa sai lầm đó. Việc xét lại vụ án còn làm tăng thêm ý thức trách nhiệm cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và họ sẽ cẩn thận hơn trong việc giải quyết vụ án vì khi bản án, quyết định giải quyết vụ án của họ có nguy cơ bị Tòa án cấp trên sửa lại. Đồng thời, việc xét lại vụ án còn tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện tốt quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án. Thực hiện nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp không những bảo đảm nguyên tắc khách quan trong việc giải quyết vụ án, nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà còn bảo đảm cho các nguyên tắc khác của luật TTDS được thực hiện. Bảo đảm việc xét xử hai cấp không có nghĩa là mọi vụ án đều phải xét xử ở Tòa án cấp

²⁸⁰ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 38 - 43.

sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm mà việc xét xử lại vụ án chỉ được tiến hành khi có kháng cáo, kháng nghị. Mặt khác, đối với những vụ án có giá trị nhỏ, tranh chấp rõ ràng, các bên đương sự yêu cầu Tòa án chỉ xử một lần thì Tòa án cũng không xét xử ở hai cấp. Bảo đảm việc xét xử hai cấp là bảo đảm quyền kháng cáo, kháng nghị được thực hiện, bảo đảm vụ án được xét lại khi có kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật²⁸¹.

Trong cuốn *“Tính độc lập của Tòa án”* của tác giả Tô Văn Hoà đã có những phân tích tương đối toàn diện liên quan đến nguyên tắc hai cấp xét xử cũng như cơ sở của xét xử phúc thẩm trong tố tụng. Tác giả cho rằng, một vụ việc, cho dù là vụ việc dân sự, hình sự hay hành chính, sau khi đã được Tòa án xét xử lần đầu tiên (xét xử sơ thẩm), phán quyết chưa có hiệu lực thi hành ngay mà có thể bị kháng cáo; khi kháng cáo được thực hiện thì phần phán quyết sơ thẩm bị kháng cáo tự động không có hiệu lực thi hành và việc xét xử lần thứ hai đối với nội dung bị kháng cáo (xét xử phúc thẩm) được tiến hành dưới hình thức giống như xét xử sơ thẩm. Xét xử một vụ việc bao giờ cũng là xem xét vụ việc đó trên hai khía cạnh. Ở khía cạnh thứ nhất, Tòa án xem xét và nhận định vụ việc đã xảy ra như thế nào trên thực tế. Đây được gọi là khía cạnh sự kiện của vụ việc. Các tình tiết thực tế của vụ việc được xác định dựa trên chứng cứ được các bên tham gia tố tụng đưa ra. Khía cạnh thứ hai là khía cạnh pháp lý của vụ việc, nghĩa là với tình tiết thực tế đã được xác định thì Tòa án áp dụng pháp luật như thế nào để xử lý và ra phán quyết. Theo nguyên tắc hai cấp xét xử, ở cấp xét xử phúc thẩm, Tòa án cũng phải xem xét cả hai khía cạnh này của vụ việc giống như ở cấp xét xử sơ thẩm. Đương nhiên về mặt phạm vi, sự xem xét của Tòa án phúc thẩm sẽ chỉ giới hạn trong vấn đề có kháng cáo. Ở đây cần nhấn mạnh rằng chỉ ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, vụ án mới thực sự được xét xử, nghĩa là chứng cứ được cân nhắc để đưa ra phán quyết chứa đựng hệ quả pháp lý trực tiếp đối với các bên trong vụ kiện. Xét xử giám đốc thẩm hay tái thẩm là thực tiễn khá phổ biến trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án hiện đại không được coi là cấp xét xử theo tinh thần của nguyên tắc hai cấp xét xử. Giám đốc thẩm và tái thẩm

²⁸¹ Nguyễn Công Bình (1999), *Nguyên tắc bảo đảm việc xét xử hai cấp trong TTDS*, Tạp chí Luật học, số 3, tr.4.

có mục đích “chữa lỗi” của bản án đã có hiệu lực pháp luật, cho dù là lỗi về khía cạnh pháp lý hay khía cạnh sự kiện của vụ án, chứ không nhằm mục đích trực tiếp giải quyết vụ án về mặt nội dung. Đối tượng xem xét trực tiếp của Toà án khi xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm không phải là bản thân vụ việc mà là phán quyết của Toà án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật đối với vụ việc đó. Về mặt nội dung, phán quyết của Toà án giám đốc thẩm hoặc tái thẩm thường là kết luận về việc phán quyết sơ thẩm hay phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật hay không chứ không phải là phán quyết trực tiếp phân xử vụ việc. Kết luận giám đốc thẩm hay tái thẩm có tác động trực tiếp tới Toà án cấp dưới chứ không phải bản thân các bên trong vụ việc²⁸².

Như vậy, các tác giả giả đều cho rằng một trong những cơ sở của xét xử phúc thẩm là dựa trên nguyên tắc hai cấp xét xử. Tuy nhiên, cơ sở khoa học của việc quy định về xét xử phúc thẩm còn dựa trên các nguyên lý, học thuyết khác nữa. Do đó, NCS tiếp tục nghiên cứu các cơ sở khoa học cho việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

2.1.5. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến nội dung điều chỉnh của pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Xét xử phúc thẩm được xác định từ khi Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bao hàm các nội dung như: phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên toà phúc thẩm VADS, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

**** Về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS***

Theo tác giả *John Henry Maryman* và *Rogelio Perez - Perdomo* trong cuốn “*The civil Law tradition*” (Truyền thống pháp luật dân sự) thì ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, thủ tục phúc thẩm không giống với ở Hoa Kỳ, nơi chủ yếu được coi là phương thức sửa chữa những sai lầm về luật của Toà án cấp sơ thẩm. Phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự xem xét lại các vấn đề thực tế và như pháp lý. Mặc dù xu hướng phổ biến là dựa vào hồ sơ xét xử làm

²⁸² Tô Văn Hoà (2013), *Nguyên tắc hai cấp xét xử, tác động của nguyên tắc tới hệ thống toà án và góp ý quy định tương ứng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992*, Tạp chí Luật học, tr.12.

cơ sở thực tế để xem xét lại vụ án, nhưng ở nhiều nền tài phán, các bên có quyền đưa ra bằng chứng mới ở cấp phúc thẩm²⁸³. Như vậy, phạm vi xét xử phúc thẩm VADS ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự bị giới hạn trong phạm vi đã giải quyết của Tòa án sơ thẩm và những vấn đề các đương sự kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu mới nhưng hoàn toàn cho phép xuất trình các chứng cứ mới, điều mà Tòa án ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ hầu như không chấp nhận.

Theo *GS Micheal Browde* thì các nước theo truyền thống án lệ như ở Hoa Kỳ Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét vụ án trên cơ sở hồ sơ vụ án đã được giải quyết ở Tòa cấp sơ thẩm và có nghĩa không bao giờ có chứng cứ mới. Nếu trong giai đoạn phúc thẩm có một chứng cứ mới liên quan đến vụ án được trình lên Tòa án cấp phúc thẩm thì có nghĩa toàn bộ vụ án được gửi lại Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết²⁸⁴.

Tác giả *Alan B. Morrison* trong cuốn “*Những vấn đề cơ bản của luật pháp Hoa Kỳ*” còn chỉ rõ hai ngoại lệ mà Tòa án Hoa Kỳ chấp nhận chứng cứ mới ở phúc thẩm. Đó là:

Thứ nhất, nếu một bên thông thường bị đơn lập luận rằng không đủ chứng cứ để ra phán quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Khi đó Tòa án cấp phúc thẩm không quyết định kết luận của bồi thẩm đoàn có đúng hay không mà chỉ xem xét liệu các chứng cứ liên quan có đủ cơ sở để đoàn bồi thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hay không. Do đó, nếu kết luận của đoàn bồi thẩm hợp lý thì Tòa án cấp phúc thẩm không can thiệp vào kết luận đó vì không đủ chứng cứ để Tòa án cấp phúc thẩm đưa ra phán quyết ngược lại. Thẩm quyền này của Tòa án cấp phúc thẩm rất ít khi được thực hiện²⁸⁵.

Thứ hai, trong trường hợp sự kiện nhất định được đưa ra bởi Thẩm phán chứ không phải bồi thẩm đoàn thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ đưa ra phán quyết ngược lại (dù điều này hiếm khi xảy ra) nếu phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm “rõ ràng là có

²⁸³ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

²⁸⁴ TANDTC (2000), *Về pháp luật TTDS*, Kỷ yếu Dự án VIE/95/017 Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, tr. 8.

²⁸⁵ Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 111.

sai lầm”. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sẵn sàng đưa ra một phán quyết ngược lại nếu: không có bất kì một chứng cứ nào để chứng minh cho vấn đề mấu chốt của vụ án; bồi thẩm đoàn đưa ra kết luận dựa trên sự giải thích không đúng pháp luật của thẩm phán; hoặc nếu chứng cứ do nguyên đơn đưa ra không đủ cơ sở để chứng minh cho yêu cầu. Tuy nhiên, trường hợp này tương đối hiếm khi xảy ra²⁸⁶.

Ở Việt Nam, về phạm vi xét xử phúc thẩm, tác giả Phan Hữu Thư cho rằng, hiện nay có hai nhóm quan điểm về việc xây dựng pháp luật liên quan đến vấn đề này, cụ thể là: *Ý kiến thứ nhất cho rằng*, HĐXX phúc thẩm chỉ nên xem xét lại phần quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị mà không xem xét lại quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp phần quyết định bản án, quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đó xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của người thứ ba không phải là đương sự trong vụ án bị xâm phạm thì cần phải được giải quyết theo một trình tự khác chứ không do HĐXX phúc thẩm xem xét, giải quyết. Vì trong dân sự thì những phần quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo tức là các bên đương sự đã đồng ý chấp nhận phần quyết định đó hoặc VKS không kháng nghị tức là phần quyết định đó không vi phạm pháp luật nên Tòa án phải tôn trọng ý chí của các đương sự và quyết định của VKS. *Ý kiến thứ hai cho rằng*, đề nghị xét xử phúc thẩm không phải chỉ trong phạm vi của đơn kháng cáo của đương sự hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát mà cần phải xem lại toàn bộ bản án để kiểm tra tính đúng đắn, phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy, mới đảm bảo được nguyên tắc hai cấp xét xử. Từ đó tác giả đưa ra lựa chọn việc xây dựng pháp luật điều chỉnh về phạm vi xét xử nên đi theo hướng tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, bởi thực tế, nếu như ở cấp sơ thẩm Tòa án chỉ xem xét những gì mà đương sự yêu cầu thì ở cấp phúc thẩm Tòa án cũng chỉ giải quyết những vấn đề có đơn kháng cáo, kháng nghị. Không nên đặt vấn đề xem xét những vấn đề mà đương sự không đòi hỏi, điều đó không những vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự mà còn vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử²⁸⁷.

²⁸⁶ Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 112.

²⁸⁷ Phan Hữu Thư (2004), *Tiến tới xây dựng Bộ luật TTDS của thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản tư pháp, tr.325, 326.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng, xuất phát từ tính chất của phúc thẩm mà phạm vi xét xử phúc thẩm bị giới hạn trong những vấn đề sau: (i) *Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị và không xét xử những yêu cầu mới*, (ii) *cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị*²⁸⁸.

Như vậy, các nghiên cứu đều cho thấy rằng, phạm vi xét xử phúc thẩm là giới hạn những vấn đề của VADS mà Toà cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Quan điểm khoa học này của các nhà nghiên cứu sẽ được NCS tiếp thu và tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện quan điểm lý luận về vấn đề này.

*** Về phiên toà phúc thẩm VADS**

Các nhà khoa học trên thế giới đều chỉ rõ phiên toà phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ được thực hiện khác với các nước theo truyền thống pháp luật dân sự.

Theo tác giả *John Henry Merryman* và *Rogelio Perez - Perdomo* trong cuốn “*The civil law tradition*” (Truyền thống pháp luật dân sự) thì ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự, phiên tòa phúc thẩm dự kiến sẽ xem xét tất cả các bằng chứng và đưa ra quyết định độc lập về các sự kiện và giá trị chứng minh của chúng. Tất cả các chứng cứ, yêu cầu của đương sự, vấn đề sự kiện và pháp lý, lý lẽ đều sẽ được xem xét lại ở phiên tòa phúc thẩm²⁸⁹. Cụ thể hơn, tác giả *Jeantet & Associés, Paris* xác định phiên tòa phúc thẩm được tiến hành tương tự như phiên tòa sơ thẩm, người được đương sự uỷ quyền gửi bản biện hộ bằng văn bản cho thân chủ của mình mặc dù trên thực tế các luật sư là người soạn thảo văn bản đó, các bên đương sự phải tự xuất trình các chứng cứ làm cơ sở cho yêu cầu của mình, Toà án có thể chỉ định một chuyên gia. Người làm chứng có thể gửi bản tự khai có tuyên thệ cho Toà án. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư của nguyên đơn trình bày bản luận cứ bảo

²⁸⁸ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội.

²⁸⁹ John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

vệ quyền lợi cho nguyên đơn trước, luật sư của bị đơn trình bày sau. Sau khi các luật sư trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền lợi của các bên, luật sư sẽ gửi toàn bộ hồ sơ bảo vệ trong đó có các lập luận (trình bày ngắn gọn bằng văn bản), tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của thân chủ. Kết thúc phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sẽ ấn định ngày ra phán quyết để các Thẩm phán tiến hành thảo luận. Phán quyết được tiến hành bí mật, theo nguyên tắc đa số²⁹⁰.

Tác giả *Alan B. Morrison* khi trình bày về phiên tòa phúc thẩm VADS ở Hoa Kỳ đã chỉ rõ, khác với phiên tòa sơ thẩm nơi mà có người làm chứng trực tiếp, phiên tòa phúc thẩm được quyết định hoàn toàn dựa trên hồ sơ vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm. Bên thua kiện viết một tài liệu, và bên thắng kiện sau đó sẽ phúc đáp lại bằng văn bản, tiếp đó là văn bản trả lời của bên kháng án. Việc phúc thẩm được giao cho một uỷ ban gồm ba Thẩm phán của Tòa phúc thẩm. Họ nghe phần trình bày miệng của các luật sư và nêu câu hỏi về vụ việc. Sau phần trình bày lý lẽ của các luật sư, các Thẩm phán thảo luận riêng và ra phán quyết²⁹¹.

Ngoài ra, tác giả *John Henry Merryman và Rogelio Perez - Perdomo* nhấn mạnh bồi thẩm đoàn không tham gia phiên tòa phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, bởi việc sử dụng bồi thẩm đoàn rõ ràng ngăn cản việc xem xét các vấn đề thực tế của Tòa án phúc thẩm. Nếu Tòa phúc thẩm có thể quyết định một cách độc lập các vấn đề thực tế, vai trò của bồi thẩm đoàn trên thực tế sẽ bị vô hiệu hóa. Tòa án cấp phúc thẩm tôn trọng quyết định về sự kiện của bồi thẩm đoàn ở cấp sơ thẩm, bởi vì tại phiên tòa sơ thẩm, bồi thẩm đoàn có quyền biểu quyết về sự kiện của vụ án nhưng không đòi hỏi phải giải thích lý do cho những quyết định đó, và thủ tục biểu quyết của bồi thẩm đoàn không nhất thiết phải ghi thành văn bản²⁹².

Ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Thị Thu Trà cho rằng phiên tòa phúc thẩm dân sự là phiên họp của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại VADS đã được Tòa án cấp dưới giải quyết bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng

²⁹⁰ Charles Platto (Chủ biên) (1992), *Civil Appeal Procedures Worldwide*, Graham & Trotman Press, page. 163.

²⁹¹ Alan.B Morrison (2007), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 113.

²⁹² John Henry Merryman & Rogelio Perez – Perdomo (2019), *The Civil Law Tradition Stanford University Press*, Stanford, California, Fourth Edition, page. 134.

cáo hoặc kháng nghị nhằm xác định tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định đó²⁹³. Còn tác giả Lê Thị Minh Nguyệt cho rằng, “phiên toà phúc thẩm là phiên họp của Toà án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại VADS đã được Toà án cấp sơ thẩm giải quyết bằng bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo, kháng nghị với sự tham gia của những người tham gia tố tụng nhằm xác định tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định đó theo những nguyên tắc và thủ tục nhất định”.²⁹⁴ Có thể thấy, theo các tác giả thì phiên toà phúc thẩm VADS sẽ là phiên họp xét xử lại VADS trên cơ sở hồ sơ vụ án của Toà án cấp sơ thẩm, cùng với các chứng cứ, tài liệu được bổ sung ở giai đoạn phúc thẩm, HĐXX căn cứ vào kết quả tranh tụng, đánh giá các chứng cứ, tài liệu của vụ án và ra phán quyết về việc giải quyết vụ án.

Về phiên toà phúc thẩm trực tuyến, tác giả Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi khi nghiên cứu về xét xử trực tuyến của Trung Quốc đã phân tích phạm vi các VADS được xét xử trực tuyến, cách thức tham gia tố tụng trực tuyến và các nguyên tắc cần phải tuân thủ khi xét xử trực tuyến. Bên cạnh đó, các tác giả cũng phân tích, luận giải quá trình chuyển đổi từ xét xử trực tiếp xét xử trực tuyến tại Mỹ. Bắt đầu từ tháng 3 năm 2020, các Tòa án ở mọi cấp, từ các Tòa án thành phố nhỏ đến Tòa án tối cao Hoa Kỳ, đã tiến hành xét xử trực tuyến (*Virtual hearings*) tại các phiên tòa ảo (*Virtual Court*). Tại 38 tiểu bang, cũng như Đặc khu Columbia và Puerto Rico, các Tòa án đã bắt buộc hoặc khuyến khích việc sử dụng các phiên điều trần ảo khi thích hợp. Hoạt động của Tòa án chủ yếu được điều chỉnh trên hai khía cạnh: chuyển từ xét xử trực tiếp sang xét xử trực tuyến và số hóa một số thủ tục tố tụng mà các đương sự phải hoàn thành trước một phiên điều trần (chẳng hạn như chuẩn bị và cung cấp tài liệu tòa án). Đặc biệt, công cụ nộp hồ sơ điện tử cho phép đương sự nộp hồ sơ trực tuyến, hệ thống công chứng điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh các hồ sơ điện tử²⁹⁵.

²⁹³ Nguyễn Thị Thu Trà (2018), *Phiên toà phúc thẩm dân sự và thực tiễn áp dụng tại TAND tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Tr. 9.

²⁹⁴ Lê Thị Minh Nguyệt (2017), *Phiên toà phúc thẩm VADS theo quy định của BLTTDS hiện hành*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 8.

²⁹⁵ Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Vũ Trang Nhung, Tô Hoàng Yến Nhi, “Xét xử trực tuyến: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp trí Tòa án nhân dân điện tử* <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen->

Trong cuốn sách: “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*” do TS Nguyễn Bích Thảo làm chủ biên, cũng phân tích về quy tắc tranh tụng trực tuyến của TANDTC Trung Quốc năm 2021. Theo đó, các Tòa án phải tuân thủ 5 nguyên tắc: nguyên tắc công bằng và hiệu quả; hợp pháp và tự nguyện; bảo vệ quyền của các đương sự; thuận tiện và có lợi cho người dân; an toàn và tin cậy²⁹⁶. Ngoài ra, các tác giả cũng phân tích việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xét xử trực tuyến thông qua các phiên tòa trực tuyến ở Mỹ. Theo đó, các tác giả có phân tích thuận lợi và khó khăn khi tổ chức các phiên tòa trực tuyến và đưa ra một số giải pháp giải quyết khó khăn trong việc tổ chức các phiên tòa trực tuyến²⁹⁷.

Về xét xử trực tuyến ở các quốc gia Châu Âu thì tác giả Thanh Tùng khi nghiên cứu về kinh nghiệm của các nước như Đức, Áo đều đề cập đến phạm vi các vụ án được xét xử trực tuyến, nền tảng công nghệ được sử dụng trong việc xét xử trực tuyến (Nền tảng công nghệ chính được Tòa án ở Đức sử dụng là CISCO Webex, Nền tảng công nghệ chính được Tòa án ở Áo sử dụng là Zoom)²⁹⁸.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học về phiên tòa phúc thẩm VADS, NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu và làm sâu sắc hơn nội dung điều chỉnh của pháp luật về phiên tòa phúc thẩm trực tiếp và phiên tòa xét xử trực tuyến để đảm bảo phán quyết của HĐXX phúc thẩm VADS đúng pháp luật, có căn cứ và hợp pháp.

*** Về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS**

Các nhà khoa học ở nước ngoài đều chỉ rõ quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm được quy định khác nhau ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ và các nước theo truyền thống pháp luật dân sự.

[cuu/xet-xu-truc-tuyen-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam5907.html?fbclid=IwAR2UCv9ra7Y41AXUEitogL2iz_StT2KYowGKXpIplbfRIFYLXYiDTMrCp4#_ftn3](https://tapchitoaan.vn/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-ve-to-chuc-phiên-toa-truc-tuyen5495.html) truy cập ngày 01/1/2026.

²⁹⁶ Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên), 2022, “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 233, 234, 304, 305.

²⁹⁷ Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên), 2022, “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 304, 305.

²⁹⁸ Thanh Tùng “*Kinh nghiệm của một số quốc gia về tổ chức phiên tòa trực tuyến*”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-ve-to-chuc-phiên-toa-truc-tuyen5495.html>.

Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ, ví dụ như theo pháp luật TTDS của Hoa Kỳ, tác giả *Jay M. Feinman* trong cuốn “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*” phân tích nếu vấn đề được đưa ra trước Tòa án cấp phúc thẩm là về việc áp dụng pháp luật thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền sử dụng phán quyết của mình để đưa ra kết quả đúng. Nếu vấn đề liên quan đến sự việc thì Tòa phúc thẩm sẽ thận trọng hơn. Họ chỉ xem một phần hồ sơ tố tụng ở Tòa án cấp dưới và các lập luận của luật sư của các bên. Họ không nghe người làm chứng hoặc xem xét toàn bộ chứng cứ, vì vậy họ ở vị thế kém hơn khi đánh giá. Do đó, Tòa phúc thẩm sẽ tôn trọng phán quyết thực tế, đặc biệt nếu phán quyết đó được bồi thẩm đoàn đưa ra chứ không phải theo đề nghị của thẩm phán Tòa sơ thẩm²⁹⁹.

Tác giả Tổng Công Cường khi nghiên cứu về phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự đã chỉ ra rằng, do Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS và xem xét cả vấn đề sự kiện và luật pháp nên HĐXX phúc thẩm ở các nước theo truyền thống pháp luật dân sự có quyền “thay đổi, bổ sung, chấp nhận hay hủy bỏ các nội dung về mặt sự kiện và pháp lý trong bản án sơ thẩm”³⁰⁰.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà đưa ra quan điểm, quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm là tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định cho tòa án cấp phúc thẩm được quyết định các vấn đề về nội dung của VADS khi xem xét giải quyết vụ án đó. Xuất phát từ tính chất của phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm có quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; Quyền sửa đổi bản án sơ thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm và ra bản án mới; quyền hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại; quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và công nhận bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật³⁰¹.

Nghiên cứu về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm, tác giả Chu Xuân Minh cho rằng: quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm không chỉ có việc tuyên bố dừng lại việc

²⁹⁹ Jay M. Feinman (2014), “*Luật 101 mọi điều cần biết về pháp luật Hoa Kỳ*”, NXB Hồng Đức, tr. 228.

³⁰⁰ Tổng Công Cường (2007), *Luật TTDS Việt Nam – nghiên cứu so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr. 358.

³⁰¹ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 73.

xét xử mà còn có một tuyên bố quan trọng là tuyên bố “Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật”. Khi chưa có quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm không phải là một quyết định giải quyết nội dung vụ án nhưng lại làm cho bản án sơ thẩm là một phán quyết về nội dung vụ án có hiệu lực. Đó là mối quan hệ đặc biệt giữa quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án sơ thẩm, cũng từ đó mà có những nhận thức khác nhau về kháng nghị và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm đối với trường hợp có quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm³⁰².

Như vậy, các tác giả đều có chung quan điểm, nếu HĐXX sơ thẩm có quyền ra bản án giải quyết về mọi vấn đề của vụ án trên cơ sở yêu cầu của các đương sự, có quyền ra quyết định chấp nhận một phần hay toàn bộ yêu cầu hoặc bác yêu cầu của đương sự thì HĐXX phúc thẩm không phải lúc nào cũng xem xét và quyết định về mọi vấn đề của vụ án mà chỉ xem xét và quyết định về những phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc những phần có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, các căn cứ để ra các quyết định này cần được tiếp tục nghiên cứu để đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật.

2.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam hiện hành về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

2.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Tác giả Tưởng Duy Lượng cho rằng, quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm hiện nay có nhiều vướng mắc, bất cập. Cụ thể, quy định: “Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị...” chưa rõ ràng, bởi việc “chỉ xem xét lại...” ở đây được hiểu là chỉ xem xét lại về nội dung của bản án, quyết định hay “chỉ xem xét lại” cả về tố tụng? Nếu đương sự chỉ kháng cáo một phần về nội dung, không kháng cáo về quá trình tố tụng trước khi mở phiên tòa,

³⁰² Chu Xuân Minh (2020), *Tư pháp thực hành*, Nhà xuất bản Hà Nội, tr.250.

hoặc tố tụng tại phiên tòa thì HĐXX có quyền xem xét, phán quyết về vấn đề tố tụng hay không? Trường hợp được xem xét thì đối với những phần không có kháng cáo, kháng nghị có thể bị cấp phúc thẩm hủy bỏ khi thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng³⁰³.

Trên thực tế, đương sự kháng cáo, VKS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị và cũng không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nhưng khi xét xử phúc thẩm, HĐXX nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng, HĐXX phúc thẩm đã hủy toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm. Việc giải quyết như vậy đã đúng tố tụng chưa? Từ trước đến nay, chưa có ý kiến nào cho rằng hủy toàn bộ bản án trong trường hợp nói trên là vi phạm tố tụng.

Tác giả Tưởng Duy Lượng lập luận thêm là không nên hiểu quy định Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị...” theo nghĩa hẹp, vì không có một quy định, hoặc sự giải thích của cơ quan có thẩm quyền nào cho rằng các thuật ngữ trên chỉ nhằm đề cập các phần, một phần... trong phần nội dung bản án, quyết định. Do đó, cần phải hiểu các thuật ngữ đó vừa đề cập đến những phần, một phần... cụ thể trong phần nội dung của bản án, quyết định... vừa chỉ đến vấn đề tố tụng. Khi đã kháng cáo về vấn đề tố tụng tức là đã đề cập tính hợp pháp của bản án. Nếu kháng cáo, kháng nghị chỉ đề cập một vi phạm tố tụng cụ thể, nhưng nghiêm trọng, không đề cập gì các nội dung cụ thể của bản án, quyết định hoặc vừa đề cập vấn đề tố tụng của vụ án và vừa đề cập một phần cụ thể về nội dung của bản án, quyết định sơ thẩm thì phải coi toàn bộ bản án, quyết định đó là chưa có hiệu lực pháp luật³⁰⁴.

Tác giả Tưởng Duy Lượng cho rằng, trong thực tiễn có những trường hợp do không nắm vững phạm vi xét xử phúc thẩm, hoặc không nghiên cứu kỹ hồ sơ, đơn chống án, quyết định kháng nghị dẫn đến việc đưa ra xét xử cả phần chưa được cấp

³⁰³ Tưởng Duy Lượng (2014), *Phát luật TTDS và thực tiễn xét xử*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.437.

³⁰⁴ Tưởng Duy Lượng (2014), *Phát luật TTDS và thực tiễn xét xử*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.438.

sơ thẩm giải quyết, bỏ sót đơn chống án, bỏ sót nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc xem xét cả phần không có kháng cáo, kháng nghị không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Ví dụ, trong vụ án ly hôn, một bên đương sự chỉ kháng cáo về phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất. Khi xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định cả phần quan hệ tình cảm vợ chồng, quan hệ con cái, phần quan hệ cấp dưỡng nuôi con. Cũng có trường hợp, Tòa án cấp sơ thẩm mới chỉ giải quyết quan hệ vợ chồng, quan hệ con cái và quan hệ cấp dưỡng, còn quan hệ tài sản chung của vợ chồng Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm đương sự đã kháng cáo yêu cầu xem xét lại quan hệ con cái và yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung. Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử cả quan hệ tài sản là không đúng³⁰⁵.

Tác giả Hà Viết Toàn và Thái Thị Mỹ Nga cho rằng quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm còn gây ra nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn. Các tác giả đã minh chứng bằng một vụ án cụ thể và vấn đề cần giải quyết là: HĐXX phúc thẩm VADS có quyền xem xét những phần bản án sơ thẩm không nằm trong kháng cáo, kháng nghị không? Quan điểm của hai tác giả là: Vì để đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi ích vụ liên quan) theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, nên trường hợp việc giải quyết vụ án tuy không có kháng cáo, kháng nghị đối với phần chia tài sản chung vợ chồng của bản án sơ thẩm nhưng khi giải quyết vụ án có liên quan đến những phần khác của bản án thì đòi hỏi phải xem xét, giải quyết đồng thời phần nợ chung của bản án sơ thẩm. Tránh trường hợp người nhận tài sản ít nhưng phải trả nợ nhiều, người nhận tài sản nhiều nhưng trả nợ ít; cũng như trốn tránh trách nhiệm trả nợ ... là không đảm bảo cho những người có quyền lợi nghĩa vụ có yêu cầu độc lập trong vụ án, cần áp dụng “lẽ công bằng” theo quy định tại Điều 6 BLDS năm 2015 để giải quyết các tranh chấp dân sự³⁰⁶.

³⁰⁵ Trương Duy Lượng (2014), *Phát luật TTDS và thực tiễn xét xử*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.434.

³⁰⁶ Hà Viết Toàn và Thái Thị Mỹ Nga (2022), *Phạm vi xét xử phúc thẩm VADS và thực tiễn xét xử tại Tòa án*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/pham-vi-xet-xu-phuc-tham-vu-an-dan-su-va-thuc-tien-xet-xu-tai-toa-an6551.html>, truy cập 10/12/2022.

Qua quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh thấy rằng còn có những quan điểm khác nhau về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS. Trong luận án này, NCS cần tập trung đánh giá, phân tích rõ về thực trạng pháp luật TTDS hiện hành về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS và đưa ra quan điểm của NCS về vấn đề này dựa trên cơ sở khoa học.

2.2.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự

Tác giả Nguyễn Đức Duẩn cho rằng quy định về việc tạm ngừng phiên toà phúc thẩm dân sự hiện nay còn nhiều vướng mắc, bất cập. Cụ thể, việc hoãn phiên toà chỉ được xem xét, quyết định trong phần thủ tục bắt đầu phiên toà, còn tạm ngừng phiên toà là trong phần tranh tụng tại phiên toà (theo thứ tự của Điều luật trong BLTTDS là sau khi kết thúc việc hỏi tại phiên toà) và khi hết thời hạn tạm ngừng phiên toà thì vụ việc xét xử được tiếp tục, nghĩa là nếu trước khi tạm ngừng phiên toà vụ án đang được giải quyết ở giai đoạn nào thì khi hết thời hạn tạm ngừng phiên toà, vụ án sẽ tiếp tục được giải quyết ở giai đoạn trước khi tạm ngừng. Ngoài ra, BLTTDS cũng không có quy định việc HĐXX có quyền ra quyết định hoãn phiên toà sau khi tạm ngừng nếu đương sự vắng mặt. Do đó, nếu HĐXX quyết định hoãn phiên toà sau khi tạm ngừng và triệu tập họp lệ lần thứ 3 mà người kháng cáo vẫn vắng mặt thì bắt buộc phải căn cứ vào khoản 2 Điều 312 BLTTDS để đình chỉ xét xử phúc thẩm. Điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo. Bởi lẽ, việc người kháng cáo có mặt tại phiên toà lần thứ hai đã thể hiện ý chí của họ là mong muốn được xét xử và nhận được phán quyết cuối cùng bằng một bản án phúc thẩm. Việc họ vắng mặt tại phiên toà mở lại sau khi tạm ngừng chỉ có thể khẳng định là họ từ bỏ quyền tham gia tố tụng ở giai đoạn tranh tụng tiếp sau, từ bỏ quyền được tiếp cận và có ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ mới được thu thập (đã được nêu trong Quyết định tạm ngừng phiên toà)³⁰⁷. Vì vậy, trong trường hợp này quan điểm của tác giả bài viết cho rằng, mặc

³⁰⁷ Nguyễn Tất Duẩn (2022), *Vướng mắc về tạm ngừng phiên toà dân sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án điện tử, link: <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-tam-ngung-phiem-toa-dan-su-phuc-tham7368.html>, truy cập ngày 1/12/2022.

dù người kháng cáo vắng mặt nhưng HĐXX cần phải tiếp tục xét xử và tuyên bản án phúc thẩm thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Ngoài ra, trường hợp mở lại phiên tòa sau khi tạm ngừng mà người kháng cáo vắng mặt có lý do chính đáng thì HĐXX có thể quyết định thay đổi thời gian mở lại phiên tòa tạo điều kiện cho họ được tham gia tố tụng nhằm giải quyết đầy đủ, toàn diện vụ án.

Tác giả Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang cho rằng quy định về trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm hiện nay có nhiều bất cập. Tác giả chỉ ra 3 bất cập trong quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015³⁰⁸.

Bất cập thứ nhất là, việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn tại tòa án cấp phúc thẩm có cần phải hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập hay không còn chưa thống nhất. Thực tiễn cho thấy, có quan điểm cho rằng HĐXX phúc thẩm phải hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nếu họ không đồng ý việc rút đơn khởi kiện thì HĐXX phúc thẩm cũng không chấp nhận như đối với trường hợp bị đơn không đồng ý theo điểm a khoản 1 Điều 299 BLTTDS 2015. Trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đồng ý thì HĐXX phúc thẩm chấp nhận việc rút đơn khởi kiện, đồng thời ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, có quan điểm khác lại cho rằng không cần thiết hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bởi Điều 299 BLTTDS 2015 không quy định phải hỏi chủ thể này. Thế nhưng, vấn đề đặt ra là nếu không hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì HĐXX không thể đình chỉ giải quyết vụ án vì chưa xem xét đến yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời chưa giải quyết triệt để vụ án.

Bất cập thứ hai là trong trường hợp nguyên đơn rút đơn mà không hỏi được ý kiến của bị đơn thì giải quyết như thế nào? Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng nếu không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì HĐXX phúc thẩm phải tiếp tục giải quyết vụ án, bởi lẽ, trong trường hợp

³⁰⁸ Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang (2020), *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7, tr.19,20.

này ý chí của bị đơn chưa được thể hiện nên không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Có quan điểm khác lại cho rằng, trong trường hợp không thể xác định được bị đơn đang ở đâu thì coi là bị đơn cố tình che giấu địa chỉ cũng như bị đơn không hợp tác để Tòa án ghi nhận ý kiến, đồng thời Tòa án đã triệu tập hợp lệ họ theo quy định mà vẫn vắng mặt thì xem như bị đơn đã đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Bất cập thứ ba là về việc xem xét kháng cáo, kháng nghị khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Thực tế, nhiều vụ án cho thấy, nguyên đơn có thể không đồng thời là người kháng cáo. Người kháng cáo có thể là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Điểm b khoản 1 Điều 299 BLTTDS 2015 chỉ quy định khi bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án mà không đề cập đến trường hợp bị đơn hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát không đồng ý rút kháng nghị thì sẽ xử lý như thế nào. Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng, nếu bị đơn đã đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đương nhiên vụ án sẽ kết thúc xem như không có sự việc khởi kiện xảy ra mà không cần quan tâm đến người kháng cáo là ai, cũng như không cần xem xét đến kháng nghị của Viện kiểm sát. Bởi lẽ, việc kháng cáo hay kháng nghị xuất phát từ yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, nay yêu cầu này không còn tồn tại thì sự việc kháng cáo, kháng nghị cũng không còn. Thế nhưng có quan điểm khác lại cho rằng, để giải quyết triệt để vụ án thì cần phải hỏi ý kiến của những đương sự kháng cáo, Viện kiểm sát nếu họ không đồng ý rút kháng cáo, kháng nghị thì HĐXX phúc thẩm không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tác giả Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn khi phân tích xét xử trực tuyến cho rằng, Nghị quyết số 33/2021 chưa có hướng dẫn thế nào là “những vụ án có tính tiết, tính chất đơn giản, rõ ràng; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng (trừ các trường hợp theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2021) để quyết định mở phiên tòa trực tuyến. Ngoài ra, sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính, các Tòa án đã tạo nên địa bàn rộng, khoảng cách địa lý xa đòi hỏi việc tổ chức phiên tòa trực tuyến

phải được tổ chức nhiều hơn, thường xuyên hơn nên quy định như trên chỉ phù hợp với giai đoạn ban đầu khi thử nghiệm tổ chức phiên tòa trực tuyến nhưng lại gây ra hạn chế, giới hạn trong giai đoạn hiện nay nhất là vụ án có nhiều người dân ở vùng sâu, vùng xa... 309.

NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu những vướng mắc, bất cập trong các quy định về phiên tòa phúc thẩm VADS.

2.2.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm vụ án dân sự

Phán quyết của HĐXX phúc thẩm có mối liên hệ mật thiết đến hiệu lực của bản án, quyết định sơ thẩm. Vì vậy việc làm rõ thực trạng các quy định của pháp luật về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS là điều rất quan trọng.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng quy định về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm hiện nay còn tồn tại nhiều hạn chế. Cụ thể, về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở phúc thẩm: hiện nay pháp luật chỉ quy định nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở Tòa án cấp phúc thẩm thì cần phải hỏi ý kiến của bị đơn. Điều này được hiểu là nếu vụ án có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập thì phần bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu độc lập của họ cũng bị hủy. Quy định này đã vi phạm đến quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cũng như nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự. Về quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án: hiện nay pháp luật có quy định một trong những căn cứ hủy đó là có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng. Tuy nhiên pháp luật TTDS không có quy định cụ thể các trường hợp sai sót bị coi là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng dẫn đến việc đánh giá trường hợp nào là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng hoàn toàn dựa trên ý chí chủ quan của HĐXX. Về quyền

309 Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn (2025), *Một số vấn đề về xét xử trực tuyến trong giai đoạn hiện nay*, nguồn: <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-xet-xu-truc-tuyen-trong-giai-doan-hien-nay13923.html>, truy cập ngày 1/1/2026.

hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án: hiện nay pháp luật TTDS và các văn bản hướng dẫn không quy định về hậu quả pháp lý đối với bản án sơ thẩm trong trường hợp này.

Qua quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh thấy rằng có rất ít các công trình khoa học có nghiên cứu về quy định của pháp luật liên quan đến quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Trong luận án này, tác giả cần tập trung đánh giá, phân tích rõ về thực trạng pháp luật TTDS hiện hành về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

2.3. Đánh giá kết quả nghiên cứu các của những công trình khoa học liên quan đến yêu cầu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

2.3.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh nhận thấy có rất ít những công trình có đề cập đến yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS. Duy nhất có công trình “Phúc thẩm trong TTDS” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà có nghiên cứu liên quan đến nội dung này.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà đưa ra một số yêu cầu hoàn thiện pháp luật về phúc thẩm trong TTDS. Thứ nhất, tác giả cho rằng cần khắc phục những hạn chế, bất cập của các quy định pháp luật TTDS hiện hành về phúc thẩm, đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật TTDS. Thứ hai, đáp ứng được yêu cầu của việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và của quá trình hội nhập quốc tế. Thứ ba là thể chế hoá qua điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp. Thứ tư là đáp ứng được yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Thứ năm là đảm bảo kế thừa pháp luật truyền thống của Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc những quy định của pháp luật tổ tụng dân sự nước ngoài phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Pháp luật TTDS hiện hành về phúc thẩm vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định. Chính sự chưa hoàn thiện hoặc chưa rõ ràng, cụ thể, minh bạch trong các quy định cụ thể về phúc thẩm sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả điều chỉnh pháp luật cũng

như làm giảm lòng tin của người dân đối với hoạt động xét xử của Toà án. Điều này cho thấy, pháp luật càng rõ ràng bao nhiêu thì người dân càng thuận lợi trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và toà án cũng thuận lợi trong việc giải quyết VADS. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật TTDS về phúc thẩm phải khắc phục được những hạn chế, bất cập của các quy định pháp luật hiện hành với mục đích làm cho phúc thẩm chứng tỏ được vai trò quan trọng của nó trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, bảo vệ lợi ích công cộng và lợi ích Nhà nước³¹⁰.

Nghiên cứu sinh cho rằng, xét xử phúc thẩm VADS là một nội dung của phúc thẩm dân sự vì vậy đề tài có thể tham khảo một số phân tích của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, đồng thời có những phân tích mới để hoàn thiện các qui định về xét xử phúc thẩm VADS trong thời đại mới cho phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

2.3.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học liên quan đến kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Thứ nhất, kiến nghị các quy định liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật về phạm vi xét xử phúc thẩm

Về việc hoàn thiện quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, tác giả Phan Hữu Thư cho rằng: phạm vi xét xử phúc thẩm liên quan đến quyền tự định đoạt của đương sự. Nếu như ở cấp sơ thẩm Toà án chỉ xem xét những gì mà đương sự yêu cầu thì ở cấp phúc thẩm Toà án cũng chỉ giải quyết những vấn đề có đơn kháng cáo, kháng nghị. Không nên đặt vấn đề xem xét những vấn đề mà đương sự không đòi hỏi, điều đó không những vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự mà còn vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử³¹¹.

Nghiên cứu về xét xử phúc thẩm, tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng cần bổ sung quy định về quyền chống án của người có quyền và lợi ích liên quan không được triệu tập với tư cách là đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự ở Tòa án cấp sơ thẩm nếu bản án, quyết định sơ thẩm xâm phạm đến quyền lợi của họ.

³¹⁰ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.135.

³¹¹ Phan Hữu Thư (2004), *Tiến tới xây dựng BLTTDS của thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản tư pháp, tr.325, 326.

Việc hiện nay pháp luật TTDS hiện hành không cho phép người có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án mà không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng chống lại bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thì khi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đưa ra thi hành, việc sửa chữa, khắc phục sai lầm của Tòa án là rất khó khăn, nhiều khi không thể sửa chữa được và thiệt hại của họ là không thể khôi phục được. Tuy nhiên, để tránh tình trạng người thứ ba lạm dụng quyền chống án thì họ phải chứng minh được bản án, quyết định sơ thẩm đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của họ. Đồng thời Tòa án cấp phúc thẩm có trách nhiệm xem xét yêu cầu chống án của người thứ ba là có căn cứ hay không³¹².

Như vậy, với quan điểm cho phép người thứ ba có quyền lợi liên quan đến vụ án nhưng chưa được toà án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng có quyền chống án Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu chống án. Nếu yêu cầu chống án của người thứ ba rõ ràng là không có căn cứ thì Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định không chấp nhận yêu cầu chống án của người thứ ba và giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời buộc người người thứ ba chống án phải chịu khoản tiền phạt nhất định. Nếu HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chống án của người thứ ba thì vụ án sẽ được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm như đối với những vụ án mà đương sự (được ghi nhận trong bản án) có kháng cáo và Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành các thủ tục để Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm. Trong trường hợp vụ án có cả kháng cáo, kháng nghị và yêu cầu chống án của người thứ ba thì Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu chống án của người thứ ba trước khi mở phiên tòa phúc thẩm. Việc xem xét yêu cầu chống án trong trường hợp này vẫn được thực hiện như trong trường hợp vụ án chỉ có yêu cầu chống án. Bởi vì, xét đơn chống án trước khi mở phiên tòa là xem xét người không được triệu tập với tư cách là đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự ở Tòa án cấp sơ thẩm có phải là người có quyền và lợi ích liên quan đến VADS hay không. Còn mở phiên tòa phúc thẩm là để giải quyết về nội dung vụ án. Do đó, nếu yêu cầu chống án không được chấp nhận thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ giải quyết vụ án trên.

³¹² Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong giải quyết VADS tại Tòa án nhân dân*, Nhà xuất bản lao động, tr.267.

Thứ hai, kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến phiên tòa phúc thẩm VADS

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà khi nghiên cứu về phiên tòa phúc thẩm VADS cho rằng nên sửa đổi quy định về sự tham gia phiên tòa phúc thẩm của Viện kiểm sát. Hiện nay quy định về sự tham gia của viện kiểm sát trong phiên tòa phúc thẩm là chưa hợp lý. Bởi trong TTDS, quyền tự định đoạt của các đương sự được tôn trọng, trách nhiệm chứng minh của đương sự được đề cao cũng như để đảm bảo tính độc lập xét xử của Tòa án nên cần thiết phải hạn chế tối đa sự can thiệp của các cơ quan công quyền vào quá trình giải quyết VADS. Cần thiết phải quy định trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa phúc thẩm trong trường hợp các VADS liên quan đến lợi ích công cộng, lợi ích của người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, người bị Tòa án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự³¹³.

Bên cạnh đó, tác giả cho rằng cần sửa đổi các quy định về thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, cần xác định hai điều kiện để việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị được chấp nhận như sau: một là, người kháng cáo chỉ được thay đổi, bổ sung kháng cáo, viện kiểm sát chỉ được thay đổi, bổ sung kháng nghị về phần của bản án, quyết định sơ thẩm - không được thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị về những vấn đề mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết; hai là, việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phải đảm bảo đương sự có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phải có điều kiện để chuẩn bị việc phản bác lại yêu cầu kháng cáo, kháng nghị đã sửa đổi, bổ sung³¹⁴.

Tác giả Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang đưa ra ba kiến nghị để hoàn thiện các quy định về trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm³¹⁵.

³¹³ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 180.

³¹⁴ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 172.

³¹⁵ Châu Thanh Quyền và Nguyễn Thị Thu Trang (2020), *Một số trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015*, Tạp chí TAND, số 7, tr.21.

Kiến nghị thứ nhất là, đối với trường hợp vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trong trường hợp vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện cũng phải hỏi chủ thể này để việc giải quyết vụ án được triệt để. Tùy vào từng trường hợp mà xem xét như sau: (1) Nếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện; (2) Nếu bị đơn đồng ý nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không đồng ý thì sẽ không ban hành quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án mà HĐXX sẽ ban hành bản án. Trong bản án sẽ nhận định việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xem xét đến yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong cùng vụ án; (3) Trường hợp cả bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị thứ hai, đối với trường hợp không hỏi được ý kiến của bị đơn. Để bảo đảm cho việc xét xử phúc thẩm đúng thời hạn, nếu không hỏi được ý kiến của bị đơn (như bị đơn đã thay đổi nơi cư trú so với khi giải quyết tại cấp sơ thẩm không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ thì xem như cố tình giấu địa chỉ hoặc trường hợp bị đơn không hợp tác với Tòa án, cố tình không để Tòa án lấy ý kiến, đã được triệu tập hợp lệ...) thì cần quy định theo hướng Tòa án sẽ ra thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn có yêu cầu được rút đơn khởi kiện. Đồng thời, trong thông báo ấn định thời gian cụ thể cho bị đơn ý kiến có đồng ý hay không. Hết thời gian được nêu trong thông báo, nếu bị đơn không có ý kiến phản hồi thì xem như đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Giải pháp này sẽ góp phần cho việc giải quyết vụ án được kịp thời, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Kiến nghị thứ ba, về việc xem xét kháng cáo, kháng nghị khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Theo quy định tại Điều 186 BLTTDS 2015 thì “Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại

Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”, xuất phát từ việc khởi kiện, Tòa án sẽ tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, đồng thời sẽ xác định tư cách của các chủ thể để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án và đưa ra phán quyết sơ thẩm. Nếu không đồng ý với quyết định sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị. Điều này đồng nghĩa với việc giữa việc khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo, kháng nghị có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó việc khởi kiện là cái gốc, việc kháng cáo, kháng nghị sẽ phát sinh sau thời điểm khởi kiện. Tuy nhiên, trên thực tế vì nhiều lý do khác nhau, trong đó có lý do nguyên đơn đã bị xét xử sơ thẩm bất lợi nên muốn rút đơn khởi kiện và đặt trong bối cảnh các đương sự đều kháng cáo hoặc Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp cho rằng việc xét xử sơ thẩm là chưa đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự nên kháng nghị vụ án,... Tất cả những sự kiện đó, một khi nguyên đơn tự nguyện rút đơn khởi kiện và được bị đơn (bên đối lập quyền lợi trực tiếp với bên nguyên đơn) đồng ý thì việc kháng cáo, kháng nghị cần phải kết thúc theo cho dù các đương sự hay Viện kiểm sát có đồng ý rút kháng cáo, kháng nghị hay không bởi nguyên đơn đã thực hiện quyền tự định đoạt của mình.

Tác giả Phạm Thị Thuý kiến nghị cần có văn bản hướng dẫn về trường hợp bị đơn thay đổi ý kiến về việc cho phép nguyên đơn được rút đơn khởi kiện. ý kiến đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn không? Chẳng hạn, trước khi mở phiên tòa (sơ thẩm, phúc thẩm), bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Nhưng sau đó, tại phiên tòa, bị đơn đưa ra ý kiến đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Theo tác giả, văn bản hướng dẫn nên quy định theo hướng: Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi ý kiến đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn (trước phiên tòa, bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn) thì trường hợp này, HĐXX phải hỏi nguyên đơn còn muốn tiếp tục rút đơn khởi kiện hay không. Nếu nguyên đơn vẫn muốn rút đơn khởi kiện thì HĐXX giải quyết như đối với trường hợp bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn mà pháp luật TTDS đã quy định. Trường hợp, trước khi mở phiên tòa, bị đơn đã có văn bản đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, nhưng sau đó, bị đơn muốn thay đổi ý

kiến theo hướng không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì không chấp nhận việc thay đổi ý kiến này³¹⁶.

Lý do tác giả đưa ra các hướng xử lý khác nhau khi bị đơn thay đổi ý kiến về việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện như đã trình bày ở trên là vì: Một là, xuất phát từ hậu quả pháp lý của các trường hợp bị đơn đồng ý hay không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Trình tự thủ tục cụ thể tác giả đã trình bày ở trên nên không nhắc lại ở đây. Trường hợp bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Tòa án sẽ đình chỉ giải quyết vụ án, nếu bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường. Như vậy, nếu ngay từ đầu bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Tòa án phải thực hiện các thủ tục để đình chỉ giải quyết vụ án. Trong khi đó, nếu ban đầu bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì trên thực tế việc giải quyết vụ án không có gì thay đổi, không ảnh hưởng nhiều đến các đương sự khác cũng như cơ quan tiến hành tố tụng. Hai là, khuyến khích bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Quan hệ dân sự là quan hệ mang tính chất tư, người ta thường nói “việc dân sự cốt ở đôi bên”. Giải quyết VADS chính là giải quyết tranh chấp giữa các bên đương sự (mà chủ yếu là nguyên đơn và bị đơn) tại cơ quan tài phán Tòa án. Do đó, pháp luật TTDS luôn đề cao sự thỏa thuận, tự nguyện của các bên. Điều này không những giúp cho bản án, quyết định của Tòa án “thấu tình, đạt lý”, hạn chế vụ án bị xét xử lại nhiều lần mà còn giúp cho việc thi hành án trên thực tế đạt hiệu quả. Chính vì vậy, nếu như nguyên đơn rút đơn khởi kiện và bị đơn cũng đồng ý với việc rút đơn này thì pháp luật nên tạo điều kiện.

Tác giả Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn kiến nghị TANDTC cần có hướng dẫn cho phép mở rộng phạm vi các vụ án được xét xử trực tuyến cả đối với vụ án phức tạp nếu xét thấy việc xét xử trực tuyến vẫn đáp ứng được chất lượng cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của người dân khi tham gia tố tụng³¹⁷.

³¹⁶ Phạm Thị Thuý (2017), *Bàn về quyền của bị đơn đối với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn*, Tạp chí TAND, số 13, tr.45.

³¹⁷ Hà Viết Toàn, Nguyễn Tất Duẩn (2025), *Một số vấn đề về xét xử trực tuyến trong giai đoạn hiện nay*, nguồn: <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-xet-xu-truc-tuyen-trong-giai-doan-hien-nay13923.html>, truy cập ngày 1/1/2026.

Thứ ba, kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quyền hạn của HĐXX phúc thẩm

Nghiên cứu chuyên sâu về phúc thẩm trong TTDS, tác giả Nguyễn Thị Thu Hà cho rằng nên có những sửa đổi toàn diện liên quan đến các quy định về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS³¹⁸. Cụ thể, về quy định đình chỉ xét xử phúc thẩm tác giả kiến nghị việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trong trường hợp các chủ thể đã rút kháng cáo kháng nghị nếu phần kháng cáo kháng nghị đã rút không trùng với những phần đang bị kháng cáo kháng nghị khác và phần đã rút độc lập, không liên quan đến những phần đang bị kháng cáo kháng nghị khác; về quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm cần bổ sung quy định HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng giải quyết đúng các quy định của pháp luật; về quyền sửa bản án sơ thẩm nên bổ sung rõ các trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm đó là trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, và trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xác định được những tình tiết có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét và chứng cứ bổ sung; về quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án³¹⁹. Trường hợp có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng cần quy định rõ hai trường hợp như sau: trường hợp kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; và trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật TTDS dẫn đến việc Tòa án ra bản án sơ thẩm không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Như vậy, có thể thấy, các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm trong VADS trong các công trình nghiên cứu thời gian qua có giá trị khoa học, là những gợi mở đối với NCS trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

³¹⁸ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong TTDS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 173 – 176.

³¹⁹ Nguyễn Thị Thu Hà (2010), *Quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS theo quy định của Bộ luật TTDS*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9, tr. 50.

3. CÁC LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

- Lý thuyết, học thuyết về tiếp cận công lý

Công lý là khái niệm rất rộng được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong lĩnh vực luật học, công lý được hiểu là sự công bằng trong việc bảo vệ các quyền và trừng phạt các hành vi vi phạm. Với ý nghĩa là sự công bằng trong việc giải quyết xung đột, tranh chấp, vi phạm trong xã hội, công lý thường được tiếp cận dưới hai góc độ: nội dung và hình thức/thủ tục. Công lý, tiếp cận từ góc độ nội dung, được gọi là “substantive justice” hay “distribute justice”, có nghĩa là sự phân phối công bằng các lợi ích, giải quyết thỏa đáng quyền lợi của các bên có liên quan. Công lý, tiếp cận từ góc độ hình thức/thủ tục, được gọi là “procedural justice”, có nghĩa là một quy trình giải quyết công bằng³²⁰. Những năm gần đây, khái niệm công lý được tiếp cận theo hướng mở rộng hơn. Theo học giả người Anh Richard Susskind, công lý cần được tiếp cận một cách đầy đủ, toàn diện từ 7 góc độ: công lý nội dung (substantive justice); công lý thủ tục (procedural justice), công lý mở (open justice), công lý bình đẳng và có thể tiếp cận cho tất cả mọi người (distributive justice), công lý tương xứng (proportionate justice), công lý có thể thực thi (enforceable justice) và công lý bền vững (sustainable justice). *Thứ nhất*, công lý nội dung đòi hỏi kết quả giải quyết công bằng, khách quan, đúng pháp luật. *Thứ hai*, công lý thủ tục yêu cầu quá trình để đưa ra phán quyết cũng phải bảo đảm công bằng, các bên đương sự có quyền được trình bày các chứng cứ, lập luận và được lắng nghe bởi người phán xử hoàn toàn độc lập, khách quan, vô tư. *Thứ ba*, công lý mở không những đòi hỏi quá trình ra phán quyết phải công khai, minh bạch, các bên được thông báo đầy đủ về quá trình tố tụng, mà còn yêu cầu mọi hoạt động của Tòa án phải công khai, chịu sự giám sát của công chúng, các thông tin về quy trình, các bước tố tụng, về hoạt động của Tòa án như lịch xét xử, bản án, quyết định của Tòa án, dữ liệu thống kê... được đăng tải công khai để công chúng có thể tiếp cận. *Thứ tư*, công lý bình đẳng là bảo đảm cho mọi người tiếp cận pháp luật, tiếp cận Tòa án của mọi cá nhân, tổ chức, không phân biệt tình trạng kinh tế, địa vị xã hội, bảo đảm

³²⁰ Viện chính sách công và pháp luật (2018), *Kỷ yếu Hội thảo Công lý và quyền tiếp cận công lý: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn*, Hà Nội, tr. 125.

cho các nhóm người yếu thế, bị thiệt thòi, đương sự không có luật sư bảo vệ, hạn chế về hiểu biết pháp luật và trình độ công nghệ đều có thể tiếp cận công lý. *Thứ năm*, công lý tương xứng đòi hỏi chi phí, thời gian, mức độ phức tạp và cả mức độ tranh tụng đối kháng trong một vụ án phải tương xứng với tính chất, đặc điểm quy mô của vụ án đó. *Thứ sáu*, công lý có thể thực thi đòi hỏi phán quyết của Tòa án phải có hiệu lực pháp lý, bắt buộc phải được thi hành một cách nghiêm túc và kịp thời và có thể được cưỡng chế thi hành bởi quyền lực Nhà nước. *Thứ bảy*, công lý bền vững đòi hỏi hệ thống Tòa án phải ổn định, an toàn, đáng tin cậy, được trang bị nguồn lực đầy đủ, hiện đại và đáp ứng được yêu cầu của một xã hội biến đổi nhanh chóng theo tốc độ phát triển của công nghệ³²¹.

Học thuyết tiếp cận công lý là một sở pháp lý quan trọng hình thành nên các quy định về xét xử phúc thẩm dân sự. Theo đó, (i) nếu đương sự cho rằng bản án, quyết định sơ thẩm chưa hợp tình, hợp lý, chưa bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì họ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phán quyết đó trừ trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay; (ii) xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện bởi một Tòa án độc lập, khách quan, đảm bảo các bên đương sự được trình bày tất cả yêu cầu, chứng cứ, lập luận của mình; (iii) xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật, các bên đương sự phải được thông báo đầy đủ để tham gia phiên tòa xét xử VADS; (iv) các bên đương sự là những người yếu thế cần được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi họ không biết tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án; (v) HĐXX phúc thẩm đảm bảo thời gian tranh tụng hợp lý cho các bên đương sự để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án; (vi) bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án; (vii) thẩm phán xét xử phúc thẩm là người có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao và thành thạo kỹ năng xét xử phúc thẩm VADS.

³²¹ Richard Susskind (2019), *Online Courts and the the Future of Justice*, Oxford University Press, tr. 75 - 84, trích dẫn từ nguồn: Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên) (2022), *Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, tr. 40 – 43.

- Lý thuyết, học thuyết về xét xử công bằng

Quyền được xét xử công bằng là một trong các quyền cơ bản, cốt lõi của con người được ghi nhận trong văn bản pháp luật quốc tế. Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định: “Mọi người đều có quyền trình bày sự việc của mình một cách vô tư và công khai với sự bình đẳng hoàn toàn trước một Tòa án độc lập và không thiên vị để Tòa án này quyết định các quyền hay nghĩa vụ của họ...”(Điều 10)³²². Sau đó, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 tiếp tục khẳng định về quyền được xét xử công bằng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự dân sự, theo đó “tất cả mọi người đều bình đẳng trước Tòa án và cơ quan tài phán. Bất kỳ người nào đều có quyền đòi hỏi việc xét xử công bằng và công khai do một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp lý để... xác định về quyền và nghĩa vụ trong TTDS” (Điều 14)³²³.

Học giả Stefan Trechel khẳng định rằng, “*quyền xét xử công bằng bao hàm một thủ tục công bằng. Công bằng đi liền với sự độc lập của Tòa án*”⁽³²⁴⁾. Còn tác giả Richard Clayton thì cho rằng, “*quyền được xét xử công bằng bao gồm nhiều yếu tố tập trung chủ yếu vào những dấu hiệu: phiên tòa độc lập và công bằng, bản án phải là kết quả dựa trên sự xem xét công khai với những lý lẽ thuyết phục*”⁽³²⁵⁾. Hoặc theo các tác giả Leo Zwaak, Sim Utrecht, Hatice Senem Ozyavuz, Angelika Klewein, Catrin Pekari và Klaus Kapuy của Trường Đại học Graz, Áo thì “*quyền được xét xử công bằng liên quan đến thi hành công lý trong lĩnh vực dân sự và hình sự. Việc thi hành công lý phù hợp gồm hai khía cạnh: mang tính thể chế (chẳng hạn như sự độc lập và không thiên vị của Tòa án) và mang tính thủ tục (chẳng hạn như sự công bằng trong xét xử). Nguyên tắc xét xử công bằng duy trì một loạt các quyền cá nhân đảm bảo cho việc thi hành công lý thích hợp từ lúc nghi ngờ đến khi thực thi bản án*”⁽³²⁶⁾.

³²² Viện thông tin khoa học xã hội, *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội, 1998, tr. 148.

³²³ Viện thông tin khoa học xã hội, *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Hà Nội, 1998, tr. 256.

⁽³²⁴⁾. GS. TSKH Đào Trí Úc, “Bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự theo tinh thần đổi mới của Hiến Pháp năm 2013”, *Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến Pháp năm 2013*, Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội (PGS.TS Trịnh Quốc Toàn - PGS.TS Vũ Công Giao đồng chủ biên), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr. 147, 148, Trích từ nguồn: Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.

⁽³²⁵⁾. Trích từ nguồn: Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Quyền được xét xử công bằng trong TTDS*, Tạp chí Luật học số 1/2017.

⁽³²⁶⁾. Wolfgang Benedek (Chủ biên), *Tìm hiểu về quyền con người* (Tài liệu hướng dẫn về giáo dục quyền con người), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2008, tr. 178.

Các lý thuyết về xét xử công bằng đặt đã hình thành nên các quy định về xét xử phúc thẩm. Theo đó, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra phán quyết nhưng những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc giải quyết vụ án cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, không dựa trên các chứng cứ và quy định của pháp luật thì vụ án được xét xử lại ở Tòa án cấp cao hơn. Đồng thời, để việc xét xử phúc thẩm đảm bảo công bằng thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ án được xét xử ở Tòa án cấp phúc thẩm còn phải được đảm bảo những vấn đề sau: (i) bảo đảm quyền được thông báo hợp lý; (ii) đảm bảo quyền tham gia phiên tòa; (iii) đảm bảo quyền được xét xử bằng lời và công khai; (iv) đảm bảo quyền được lắng nghe và tranh tụng; (v) đảm bảo quyền được xét xử bởi một Tòa án vô tư, không thiên vị; (vi) bảo đảm quyền được xét xử chỉ căn cứ trên hồ sơ, chứng cứ của vụ án; (vii) bảo đảm quyền được có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; (viii) bảo đảm quyền được xét xử trong một thời gian hợp lý; (ix) bảo đảm quyền không bị xem xét lại bản án chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Tất cả những quy định về vấn đề này là cơ sở quan trọng để việc xét xử phúc thẩm được công bằng, minh bạch.

- Học thuyết về tự do ý chí

Trong triết học của Hegel -Nhà triết học lớn nhất của Đức, ông là người phát triển phương pháp luận biện chứng là một trong những yếu tố quan trọng của triết học Marx-Lenin sau này đã cho rằng, tự do ý chí của cá thể không thể thoát ly khỏi tiến trình chung của sự phát triển xã hội (lịch sử toàn thế giới). Khái niệm ý chí tự do là khái niệm cơ bản trong toàn bộ triết học pháp quyền của Hegel và được ông coi là cơ sở, xuất phát điểm của pháp luật. Hegel đã viết: “Cơ sở của pháp luật là cái tinh thần nói chung, còn vị trí gần nhất và xuất phát điểm của nó là ý chí tự do, vì tự do tạo thành thực thể và tính quy định của ý chí, còn hệ thống pháp luật là vương quốc của tự do đã được thực hiện, là thế giới của tinh thần do bản thân tinh thần tạo ra như một thế giới tự nhiên thứ hai”³²⁷.

³²⁷ Phạm Thu Hằng (2022), *Nguyên tắc tự do ý chí trong Bộ luật dân sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.7.

Nội dung của thuyết này xuất phát từ quan điểm cho rằng, ý chí của con người là tối thượng và tự chủ. Chỉ các hành vi xuất phát từ ý chí tự chủ của một người mới có hiệu lực ràng buộc đối với người đó. Một người chỉ bị ràng buộc khi người đó muốn như vậy và ràng buộc theo cách mà người đó muốn³²⁸. Như vậy, về triết học, học thuyết tự do ý chí dựa trên nền tảng của sự tự do cá nhân, cá nhân không thể bị ai đó ép buộc phải làm hay không làm một việc gì đó trái với ý chí của mình. Học thuyết này cho rằng pháp luật thể hiện ý chí chung của các cá nhân trong xã hội, nên các quy định của pháp luật có giá trị thúc buộc chung mà các cá nhân đã gián tiếp ưng thuận. Tuy nhiên, không nên hiểu tự do ý chí theo hướng “muốn làm gì thì làm” mà nó phải được thực hiện trong những giới hạn nhất định. Tự do ý chí phải được đặt trong mối quan hệ hài hoà, cân bằng với lợi ích của chủ thể khác, của xã hội và của Nhà nước.

Trong hệ thống pháp luật dân sự, học thuyết về tự do ý được vận dụng trong việc xây dựng pháp luật nội dung và cả pháp luật về thủ tục. Với vị trí là luật hình thức, khi ban hành, luật TTDS cần xây dựng các quy phạm pháp luật phù hợp với bản chất cốt lõi của luật dân sự để đảm bảo sự hợp lý và tương thích trong toàn bộ hệ thống pháp luật dân sự. Để làm được điều đó thì những đặc trưng của lĩnh vực luật tư cần phải được kế thừa và chuyển hóa một cách phù hợp trong pháp luật TTDS³²⁹. Theo đó, pháp luật TTDS luôn tôn trọng ý chí của đương sự trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Thể hiện điều này, pháp luật đã trao cho đương sự quyền tự định đoạt để đương sự có thể bảo vệ các quyền lợi hợp pháp mà mình đã tham gia cam kết, thỏa thuận trong quan hệ dân sự. Như vậy, quyền tự định đoạt trong TTDS luôn gắn liền với quyền tự định đoạt trong pháp luật nội dung.

Quyền tự định đoạt của đương sự đã được ghi nhận thành một nguyên tắc đặc trưng trong pháp luật tố tụng của nhiều quốc gia trên thế giới. Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự chi phối đến việc xét xử phúc thẩm VADS. Theo đó, (i) Thứ nhất, đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực

³²⁸ Corinne Renault (2002), *Đại cương về pháp luật hợp đồng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.10.

³²⁹ Bùi Thị Huyền (chủ biên) (2016), *Sự tương thích và mâu thuẫn giữa pháp luật TTDS với pháp luật dân sự*, Đề tài khoa học cấp Trường – Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.7.

pháp luật, thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; thoả thuận với nhau; rút yêu cầu; (ii) Thứ hai, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại những phần của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và những phần có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. (iii) Thứ ba, quyền tự định đoạt của đương sự xuất phát từ ý chí tự nguyện và thiện chí, không vi phạm điều cấm luật và không trái đạo đức xã hội thì sẽ được Tòa án công nhận và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, quyền tự do ý chí của đương sự phải đặt trong mối quan hệ với việc kháng nghị, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của VKS. Việc VKS kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có mâu thuẫn với quyền tự định đoạt của đương sự không khi mà đương sự không kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm. Có thể thấy, trong một số trường hợp cần thiết phải hạn chế bớt tự do ý chí của đương sự. Bởi vì, “*lý do thứ nhất* là nhu cầu cân đối giữa lợi ích của cá nhân thông qua ý muốn của họ với lợi ích chung của cộng đồng, bởi (i) một mặt con người cần được tự do để phát triển đầy đủ và toàn diện, đúng với mục đích sống của mình; (2) mặt khác cộng đồng cần phải được duy trì và phát triển để trở thành cái nôi nuôi dưỡng thực sự cho các ước vọng chung của con người và mỗi cá nhân. *Lý do thứ hai* là nhu cầu bảo vệ những người yếu thế trong xã hội hay trong một giao dịch cụ thể. *Lý do thứ ba* là nhu cầu phát triển kinh tế có trật tự và định hướng theo sự lựa chọn chung...”³³⁰. Do đó, trong xét xử phúc thẩm VADS, mặc dù tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nhưng để bảo vệ lợi ích của những người yếu thế trong xã hội, bảo vệ trật tự công và lợi ích công thì VKS cần phải kháng nghị khi mà các đương sự trong VADS đó không kháng cáo. Bởi, “*việc ngăn chặn các vi phạm trật tự công cộng là cần thiết để bảo vệ các quyền hiến định*”³³¹.

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

Luận án có 6 câu hỏi nghiên cứu:

³³⁰ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 28,29.

³³¹ Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 29.

Câu hỏi nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm của xét xử phúc thẩm VADS? Ý nghĩa xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm của xét xử phúc thẩm chưa có nhiều công trình khoa học đề cập đến. Một số công trình khoa học đồng nhất giữa xét xử phúc thẩm VADS và phúc thẩm VADS. Chưa có công trình khoa học nào chỉ ra xét xử phúc thẩm VADS có đặc trưng riêng biệt nào? Xét xử phúc thẩm VADS có những đặc điểm khác biệt gì so với xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính cũng như khác biệt với xét xử sơ thẩm VADS, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 2: Hiện nay có một số công trình khoa học nghiên cứu cơ sở khoa học của xây dựng pháp luật về phúc thẩm VADS cũng như xét xử phúc thẩm VADS. Tuy nhiên, chưa có công trình nào phân tích, luận giải một cách hệ thống, tổng thể về cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 3: Hiện có công trình trong nước và nước ngoài nghiên cứu, luận giải những nội dung lý luận nền tảng của xét xử phúc thẩm VADS. Đây sẽ là lý luận căn bản được NCS tiếp thu, kế thừa để luận giải những nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

Câu hỏi nghiên cứu 4: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 4: Quy định pháp luật Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS còn nhiều hạn chế, bất cập và vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn thực hiện quy định này.

Câu hỏi nghiên cứu 5: Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 5: Pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình; vẫn còn những hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành và chưa đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong thực tiễn thực hiện cũng như chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu hỏi nghiên cứu 6: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS?

Giả thuyết nghiên cứu 6: Quy định pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS phải được hoàn thiện đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo phán quyết của HĐXX phúc thẩm đúng pháp luật, có căn cứ và hợp pháp.